

ROBERTO ASSAGIOLI

**Sự phát triển
SIÊU CÁ NHÂN**

**Le développement
transpersonnel**

(SÁCH THAM KHẢO)



**NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI-1997**

ROBERTO ASSAGIOLI

SỰ PHÁT TRIỂN SIÊU CÁ NHÂN

**Dịch từ tiếng Pháp
LE DÉVELOPPEMENT TRANSPERSONNEL**

Người dịch : **HUYỀN GIANG**
Chủ nhiệm chương trình : **NGUYỄN KHẮC VIỆN**
Trung tâm nghiên cứu tâm lý trẻ em

SÁCH THAM KHẢO

**NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI - 1997**

LỜI GIỚI THIỆU SƠ LƯỢC
của ROBERTO ASSAGIOLI (Italia)

Một cuốn sách hợp thời, khi ở rất nhiều nơi - nếu không nói là khắp nơi - trên trái đất này, con người đang lâm vào một tình trạng khủng hoảng nghiêm trọng về "thân phận con người". Từ khi các khoa học tự nhiên và kỹ thuật giúp cho con người chiếm lĩnh ngày càng mạnh mẽ và ngày càng có hiệu quả thế giới bên ngoài, thiết lập lên một nền văn minh vật chất phong phú và hùng hậu chưa từng thấy, con người hướng mọi hoạt động của mình chủ yếu - hay gần hết - ra bên ngoài. Những gì thuộc đời sống tinh thần bên trong cũng được huy động vào mục đích đó. Và trong tiến trình không thể cưỡng lại được ấy, đời sống tâm linh - với những khái niệm Cái thiêng liêng, Cái cao cả, Cái siêu việt... - cũng dần dần mất đi. Điều oái oăm là càng "chinh phục" thế giới bên ngoài có hiệu quả bao nhiêu thì con người lại càng "tự đánh mất mình" bấy nhiêu. Roberto Assagioli, cũng như nhiều nhà tư tưởng khác, tuy không hề giảm

nhẹ ý nghĩa của những hoạt động "bên ngoài" của con người, nhưng ông coi sự giảm sút và mất đi của những hoạt động "bên trong", nội tâm, nhất là những hoạt động của đời sống tâm linh, là điều tai hại nhất đối với sự tồn tại của con người. Vấn đề là phải lập lại sự cân bằng của hai loại hoạt động này, của hai "đời sống" ấy.

Assagioli là người gần như đương thời với Freud, Jung, những nhà tâm lý học và phân tâm học "đầu bảng" của thế kỷ XX. Nếu Freud khám phá ra cái vô thức chi phối tâm hồn con người từ chiều sâu nhất của nó, nếu Jung nhìn thấy từ trong những bóng tối của quá khứ hé ra những tia sáng về số phận con người, với khái niệm "vô thức tập thể" của mình, thì Assagioli cũng đi theo chiều hướng ấy, nhưng đẩy những tìm kiếm của mình xa hơn nhiều. Bằng những nghiên cứu sâu sắc, dựa vào vô số những dữ kiện về đời sống tinh thần và tâm linh có từ hàng nghìn năm nay, kể cả của các tôn giáo lớn nhất của thế giới, ông khẳng định cái "siêu thức" (supraconscient), cũng là Ngã tâm linh (Soi spirituel) của con người, điểm tựa và nguồn gốc của đời sống tâm linh ở con người, mà sự suy yếu hay mất đi của nó cũng đồng nghĩa với sự hủy diệt của con người từ nội tâm. Nhưng, đời sống tâm linh, theo ông, tuyệt nhiên không phải cái gì thần bí (tuy tính thần bí đôi khi cũng là một cái vỏ của nó, khi con người chưa hiểu được thực chất của nó), mà là một cái gì luôn luôn tồn tại trong con người, có thể hiểu được, có thể khám phá được từ những

cách nhìn tâm lý học. Đó chính là nét đặc sắc nhất của ông. Ông kiên quyết chống lại việc khai trừ cái tâm linh ra khỏi phạm vi nghiên cứu khoa học và đề xướng một phương pháp phát triển tâm linh của con người bằng chính những thể nghiệm, những thực nghiệm về nó. Với ông, khoa học và tôn giáo không còn là hai cái gì loại bỏ nhau như nước và lửa nữa, mà có thể gần gũi nhau, thúc đẩy nhau, làm phong phú lẫn nhau, với mục tiêu cuối cùng : vì chính bản thân con người với sự phát triển hài hòa của nó về tất cả các mặt chủ yếu của hiện thực con người đã được ông xác định như thực thể *sinh học - tâm lý - tâm linh* (bio-psycho-spirituelle).

R. Assagioli sinh năm 1888 và mất năm 1974. Ông vốn là thầy thuốc nổi tiếng, nhất là về tâm - bệnh lý. Ông đề xướng ra phương pháp Tổng hợp tâm lý (Psychosynthèse) được nhiều người noi theo. Cuốn sách này tập hợp những bài viết và bài giảng chính của ông trong nhiều thập kỷ (từ những năm 30 đến những năm 70), được xuất bản sau khi ông mất mười ba năm. Nó được xếp thành ba phần : I. Cái siêu thức ; II. Sự thức tỉnh tâm linh ; III. Tính tâm linh trong đời sống hằng ngày.

Như người chịu trách nhiệm công bố các tác phẩm của ông đã viết trong lời tựa : cuốn sách này "cần được suy ngẫm trong yên lặng. Nó chẳng chứa đựng cái gì thật mới mẻ cả ; nó không đề nghị những cuộc phiêu lưu tâm lý đầy hứng thú ; nó cũng không đưa ra những đơn thuốc dễ dãi để bước vào những thiên đường ảo

ảnh. Đó trước hết là một mùa gặt quý giá từ những kho tàng minh triết và những suy nghĩ tâm lý và tâm linh, có thể tạo ra một phương pháp vững chắc về sự phát triển cá nhân ở trong tay tất cả những ai tìm kiếm chân lý ngay trong những chiều sâu thực thể của mình".

LỜI TỰA

Cuốn sách này được công bố trước tiên ở Italia, mười ba năm sau khi tác giả mất. Nó gồm những văn kiện khác nhau được viết trong những hoàn cảnh khác nhau và vì những lý do khác nhau. Đây là những ghi chép, những tiểu luận, những bài thuyết trình và những bài giảng. Nhưng đó sẽ là một cuốn sách có ích cho tất cả những ai đang tìm kiếm những hướng dẫn thực tiễn có thể giúp cho họ trong nhiệm vụ khó khăn là nhận thức được bản thân mình và sự phát triển cá nhân mình.

Nhan đề, *Sự phát triển siêu cá nhân*,⁽¹⁾ chắc chắn là thích hợp với định hướng khoa học mà Roberto Assagioli nêu ra cho con đường mà ông gọi là *Tổng hợp tâm lý* (Psychosynthèse) của ông. Ông coi sự tìm kiếm nội tâm và sự thực hiện bản ngã như một cách làm chân chính và độc đáo để thực hiện một chiều ngầm ẩn (dimesion latente) ở mọi con người, khi đã đạt tới độ chín muồi tâm lý. Từ "siêu cá nhân" (transpersonnel) nói lên một cách chính xác những gì "ở bên kia" sự thể nghiệm chung về những vẻ bên ngoài. Nó không dựa vào một tư chất đặc biệt, dành cho một vài người nào đó, mà là một thứ dự trữ những phẩm chất cao

1. Tiếng Pháp là : *Le développement transpersonnel*.

siêu. Những phẩm chất này lúc đầu bị che giấu, nhưng sẽ được hiện ra với những ai muốn nhờ đến chúng và mong muốn phát triển chúng. Để làm điều đó, chỉ cần khởi đầu một cách sáng suốt và sử dụng một cách có cân nhắc những năng lượng riêng của mình bằng những kỹ thuật thích hợp và một sự luyện tập thích đáng.

Đối với Tổng hợp tâm lý, niềm tin chắc đầu tiên và cuối cùng về "hiện tượng con người" là sự tồn tại của Ngã, cái trọng tâm mà người ta không thể tách khỏi nó và sẽ gặp nguy hiểm nếu rời bỏ nó. Tất nhiên, điều đó không có nghĩa là lẩn tránh những vấn đề của con người hay những vấn đề của thế giới, mà chỉ có nghĩa là phân biệt cái tương đối với cái thường hằng trong sự cấu tạo "nguyên tử" của con người, một sự cấu tạo đồng nhất về mặt "cấu trúc" với tổng năng lượng xuyên cả Vũ trụ. Theo cách nhìn này, Tổng hợp tâm lý xây dựng lý thuyết của nó bằng cách sử dụng tất cả các khả năng của con người, mà con người thì được coi như một "hành tinh", như một vũ trụ vi mô vĩnh viễn sinh thành, được giao cho ý thức chịu trách nhiệm làm cho nó có hồn.

Roberto Assagioli là một nhà khoa học chân chính, một người nghiên cứu khoa học về tinh thần, đã dành cả cuộc đời để khám phá tính hiện thực của những hiện tượng nằm đằng sau những sự kiện được xác định hiển nhiên. Tu tưởng của ông có thể bị từ bỏ từ một tiên nghiệm (*a priori*) duy vật giáo điều ; nó có thể được coi như một thú chủ nghĩa hiện sinh tâm lý (psychoexistentialisme) mơ hồ theo một cách nhìn hời hợt hoặc sai lệch do những thành kiến văn

hóa. Nhưng, quan niệm về con người của ông tỏ ra không thể bị bỏ qua được, và cách tiếp cận tổng hợp tâm lý của ông về sự sống có tầm rộng lớn vô hạn nếu người ta muốn xem xét những điều đó một cách thật bình tâm. Đó là một "hệ thống mở" nằm trong sự tiến hóa thường hằng và vô hạn. Nó cho phép đi tới một cách tiếp cận thực nghiệm dựa trên những giả thuyết tỏ ra không thể phản bác được và những kỹ thuật tâm - động (psychodynamiques) được áp dụng trong tất cả các trường hoạt động của con người.

Công việc của Roberto Assagioli, một thầy thuốc và một bác sĩ tâm bệnh, còn có một ý nghĩa lớn hơn nữa, khi người ta đặt công việc đó vào bối cảnh lịch sử mà ông đã từng sống qua và đã thực hiện cũng như công bố những sự tìm kiếm của mình.

Những trước tác đầu tiên của ông có từ năm 1906, ngay cả trước khi ông nhận bằng tốt nghiệp y học vào tuổi 22, và trước khi ông đi Zurich để chuyên nghiên cứu khoa tâm thần học ở đó. Gần như cùng thời với Freud và Jung, ông bỗng nhiên có trực giác về sự tương tác giữa cấu trúc sinh học và chất nền tình cảm và tinh thần của con người, khi xác lập những mối tương quan của chúng và phát biểu một vài qui luật về động thái tâm lý, và ông làm điều đó vào một thời đại mà văn hóa y học còn cách xa với cách tiếp cận tâm - động.

Là một nhà nhân văn chủ nghĩa đặc biệt, Assagioli không bằng lòng với những kết quả đầu tiên ấy, mà đã mở rộng những chân trời của tâm lý học tới những miền xa lạ

của tính tâm linh. Trong khi Freud thăm dò những tầng sâu của tâm hồn và Jung hé nhìn thấy từ trong bóng tối của quá khứ lóe ra những tia sáng về số phận con người, thì ông tự chuẩn bị chinh phục "nguyên tử thường hằng" của con người, mô tả những hình dáng của nó và chỉ ra những phương tiện để đạt tới những điều đó, và như vậy đã mở ra một con đường mới để tìm kiếm cái thần thánh trong nội tâm. Trên thực tế, Tổng hợp tâm lý hiện ra như một con đường mới của sự phát triển cá nhân, gắn bó với những giả thuyết và những phương pháp của khoa học mới và dựa vào hành động cũng như trách nhiệm trực tiếp : cuộc sống nằm trong tay chúng ta và mỗi người phải kiểm soát được nó, chấp nhận cái hiện tại là hậu quả không tránh khỏi của quá khứ, và hiểu rõ rằng lúc nào mình cũng chuẩn bị cho tương lai của chính mình.

Phần thứ nhất của tác phẩm này, có tính chất mô tả, sử dụng khái niệm "siêu thức" (supraconscient) như mặt ngầm ẩn của tinh thần con người, chứa đựng những phẩm chất cao siêu của nó. Trong phần này, người ta thấy rõ ý định của tác giả nhằm giải thoát cái tâm linh ra khỏi những rào chắn lịch sử mà nó bị dồn vào trong đó : các tôn giáo, các triết học và các hệ tư tưởng huyền bí khác nhau.

Tự đặt mình bên cạnh những nhà nghiên cứu như các nhà tâm lý học W. James, Bucke, Hall, Jung, Frankl, Maslow và những giáo sư đại học thời đó, Assagioli chủ trương chống lại sự khai trừ cái tâm linh khỏi trường nghiên cứu khoa học và, nhân danh một thứ khoa học nhân văn

chủ nghĩa chân chính, ông đề xướng một phương pháp điều tra thực nghiệm không giới hạn vào những mặt số lượng, mà bổ sung thêm giá trị chất lượng của sự thí nghiệm.

Phương pháp này đưa ra những công cụ và kỹ thuật thích hợp với một kiểu nghiên cứu chuyển trường quan sát từ thế giới bên ngoài vào thế giới nội tâm, trong khi vẫn tôn trọng tính khách quan cần thiết phải có và tính hiện thực như nó biểu hiện ra.

Rõ ràng trên con đường này, khó khăn là ở chỗ phải làm cho con người trở thành người quan sát trung tính đối với chính bản thân mình, và làm cho người phân tích tách khỏi những phản ứng nội tâm của chính mình. Nhưng, như Assagioli nhấn mạnh, ở đây, điều quan trọng là phải "lập luận đúng" và phải để làm lại thí nghiệm mà không có những ý tưởng định trước và những thành kiến, trong khi tiếp nhận bằng chứng trực tiếp của quá trình tiến hóa. Tiến hóa là qui luật căn bản của Vũ trụ ; nó buộc mọi cái đang tồn tại phải thường xuyên biến đổi, hoặc bằng sự lựa chọn tự nhiên, hoặc bằng việc tự chịu trách nhiệm một cách có cân nhắc về bản thân mình.

Phần thứ hai của cuốn sách này dành cho những vấn đề và những khó khăn mà người ta có thể gặp phải trên con đường phát triển tâm linh và đề nghị một thái độ thích hợp nhất để đương đầu và vượt lên những khó khăn đó. Tất cả sự cân bằng và sự dẫn thân cá nhân của con người Assagioli được hiện ra ở đây. Chắc chắn ông đã đi theo một hành trình nào đó và đã thấy được tất cả mọi trở ngại. Thật vậy, ông

có công lao là đã biết hợp nhất ba chiều căn bản về sự thể nghiệm hiện sinh của mình lại. Một chiều văn hóa : sự uyên bác bao la của ông cho phép ông thu thập những thành tựu quan trọng nhất của nhận thức con người, từ những truyền thống cổ đại cho đến thời ông. Một chiều khoa học : kinh nghiệm cá nhân của ông với tư cách một thầy thuốc tâm thần và tâm lý liệu pháp đã đem lại cho ông khả năng đi sâu vào hệ vấn đề con người bằng sự tiếp xúc với những con người thật. Cuối cùng, một chiều cá nhân : thiên hướng thật sự của ông về sự phát triển cá nhân đã cho phép ông vượt qua một cách dũng cảm và thanh thản những trở ngại mà cuộc sống đã dựng lên trên con đường của ông.

Sự tổng hợp ấy ở chính trong con người của Assagioli thật hiển nhiên và được biểu hiện ở một sự đại giác nội tâm và một tình yêu nhân loại thấm đẫm sự nghiệp của ông. Điều đáng kinh ngạc nhất là bao giờ ông cũng có thể tự đặt mình về phía con người : ngay cả khi ông tố giác những mặt tiêu cực của nó, ông cũng làm cân bằng những mặt đó bằng một lòng tin không bờ bến vào tương lai.

Phần thứ ba đưa tới sự tìm kiếm trên mảnh đất hàng ngày, chỉ ra những giá trị của tinh thần và những mục đích tồn tại căn bản của chúng ta. Ở đây cũng thế, những lời lẽ của Assagioli có giá trị bằng chứng. Tất cả những ai đã từng biết ông sẽ không bao giờ quên được sự tỏa sáng của con người ông, con người thể hiện vẻ đẹp, tình thương yêu, niềm vui, ý chí và sự thanh bình trong cùng một lúc.

Sau khi đọc những trang này, người ta sẽ tin chắc rằng sau buổi chập choạng của những nỗi đau khổ to lớn hiện

nay, sẽ xuất hiện từ những chiều sâu của con người một bình minh rạng rỡ và thần thánh, và trong cảnh huy hoàng đó, những đau khổ, những định kiến và những đam mê sẽ tiêu tan giống như bởi một sự hóa giải, và những điều đó sẽ được làm biến đổi bằng một quá trình phục sinh đầy hứng khởi. Chúng ta đang sống trong sự thanh lọc, báo hiệu sự ra đời của một Loài người mới mà Assagioli đã nhìn thấy và đã sống trong ý thức của mình.

Những trước tác của ông không cần tới một lời tựa dài : những sự trình bày sáng sủa của ông, ngôn ngữ trôi chảy và gần bó của ông, những ví dụ được ông dùng thường xuyên để cắt nghĩa các khái niệm của mình, không hề thấy có một chút "bí hiểm" nào, và sự tôn trọng tuyệt đối của ông đối với ý nghĩa của các từ ngữ, tất cả những điều đó làm cho ông trở thành một tác giả đặc biệt, luôn luôn tìm cách làm cho tư tưởng của mình thật sáng rõ : đó là sự hướng dẫn lý tưởng cho những ai muốn tiếp bước ông trong những cuộc chinh phục nội tâm của mình.

Theo tôi hiểu, đây là một cuốn sách cần được suy ngẫm trong yên lặng. Nó chẳng chứa đựng một cái gì thật mới mẻ cả ; nó không đề nghị những cuộc phiêu lưu tâm lý đầy hứng khởi ; nó cũng không đưa ra những đơn thuốc để dãi để bước vào những thiên đường ảo ảnh. Đó trước hết là một mùa gặt quý giá từ những kho tàng minh triết và những suy nghĩ tâm lý và tâm linh, có thể tạo ra một phương pháp vững chắc về sự phát triển cá nhân ở trong tay của tất cả những ai đang tìm kiếm chân lý ngay trong những chiều sâu thực thể của mình.

LỜI NÓI ĐẦU CỦA NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN BẢN TIẾNG PHÁP

Roberto Assagioli, sinh ở Venise, ngày 27 tháng Hai 1888, mất ở Capolona, tỉnh Arezzo, ngày 23 tháng Tám 1974. Ông chỉ cho công bố ba cuốn sách : *Tổng hợp tâm lý, Để có cuộc sống hài hòa* (Psychosynthèse, Pour l'harmonie de la vie, Mediterranée, Rome, 1965) ; *Tổng hợp tâm lý, Những nguyên lý và kỹ thuật* (Psychosynthèse, Principes et Techniques, Rome, 1973 ; Épi, Paris, 1993) và *Hành vi ý chí* (L'acte de volonté, Astrolabio, Rome, 1977). Nhưng ông đã để lại rất nhiều văn kiện được viết qua các năm, thường là không ghi ngày tháng và phần lớn chưa công bố. Trong đó ông trình bày hệ thống do ông nghĩ ra và phát triển với tất cả sự phong phú của nó, dưới tên gọi *Tổng hợp tâm lý*. Khai thác kho tàng giàu có ấy là nhằm mục đích của Viện Tổng hợp tâm lý khi công bố tập thứ nhất này, nhân kỷ niệm một trăm năm ngày sinh của người sáng lập Viện.

Người chịu trách nhiệm công bố đã gặp phải những khó khăn đầu tiên có thể thấy trước : thiếu một danh mục đầy đủ của các văn bản, tính chất không thuần nhất của các tài liệu và những ngày tháng rất hiếm được ghi. Nhưng đi sâu vào bầu trời Assagioli là giả định rằng người ta phải nắm được tu tưởng của ông không chỉ ở sự rộng lớn và phong phú của nó, mà cả trong sự gắn bó và thống nhất của nó :

có một sợi chỉ xuyên suốt các trước tác thuộc những thời kỳ khác nhau và thống nhất chúng lại một cách sâu sắc. Điều đó đã làm cho việc tổ chức và phân chia các tài liệu được dễ dàng.

Nếu hiểu được sâu sự nghiệp của Assagioli, thì có thể thấy rõ rằng hiện thực sinh học - tâm lý - tâm linh của con người hiện ra ngay với ông trong tính toàn bộ của nó, và tư tưởng của ông đã phát triển lên để đưa lại hình thù cho trực giác ban đầu của ông. Từ năm 1909, khi công bố trong *Tạp chí Tâm lý học ứng dụng Italia* (Revue italienne de Psychologie Appliquée) bài viết của mình "Tâm lý học về những hiện tượng tâm lý hai mặt và khoa su phạm tâm lý", ông đã đề xướng một quan niệm về con người và một bộ môn tâm lý chứa đựng mầm mống những điểm then chốt của tổng hợp tâm lý, như chính ông nhắc lại năm 1971.⁽¹⁾ Năm tháng và kinh nghiệm đã xác nhận trực giác đầu tiên của ông, do đó ông phải phát triển hệ thống tự tưởng của mình, làm cho nó trở nên chuẩn xác hơn, linh hoạt hơn và diễn đạt nó với tất cả chiều sâu và vẻ đẹp.

Sắp xếp những trước tác khác nhau theo một khuôn khổ niên đại là một công việc khó khăn và hầu như thừa ; đó là một công việc vì hiếu kỳ hơn là vì cần thiết. Tư tưởng của Assagioli diễn ra trong sáng và nhất quán qua năm tháng, nó tự tổ chức lấy, bất chấp tình trạng không thuần nhất của các tài liệu.

1. Xem R. Assagioli, "Tâm lý học về sự tồn tại của con người", Viện Tổng hợp tâm lý, Florence, 1971.

Vì bản chất tự nó tạo ra hình thức, nên người chịu trách nhiệm công bố chỉ cần nói rõ cách sắp xếp ngầm ẩn ấy mà thôi. Ở đây, chúng tôi giới thiệu tập thứ nhất, *Sự phát triển siêu cá nhân*, trong đó có những trước tác lẽ ra có thể là một phần của cuốn sách cuối cùng mà Assagioli định công bố. Ông đã có ý định, trong tập sách ấy, "theo đuổi một cách nhất quán và có hệ thống hơn sự nghiên cứu và khám phá" những thể nghiệm siêu thức mà ông lấy làm thích thú từ "hàng chục năm nay" và môn tâm lý học tâm linh cũng lấy đó làm tiêu điểm.

Những bản viết ấy cũng phải được tập hợp lại, vì chính ông đã ghi lên những tờ giấy cũ ấy bằng những chữ viết màu xanh rất đẹp theo kiểu thế kỷ XIX : "Tập Các tiểu luận tâm linh".

Theo nghĩa rộng, tất cả các trước tác của Assagioli đều là về tâm linh, nhưng từ ngữ này được áp dụng riêng cho những trước tác nào bàn tới cuộc "phiêu lưu lâu dài và gay go ấy", tới "cuộc du hành sang xứ sở xa lạ" ấy, tức là sự phát triển tâm linh của con người (xem Chương X).

Đó chính là chủ đề của tập này, một chủ đề rất thú vị trên các bình diện con người và khoa học, và có thể được nhìn từ nhiều góc độ. Con đường của Assagioli, thầy thuốc tâm thần và tâm lý liệu pháp, là con đường tâm lý học có cân nhắc kỹ. Để làm rõ điều đó, ông đã chọn tính từ *siêu cá nhân* (transpersonnel), "đã được Maslow và trường phái của ông dùng để chỉ cái mà người ta quen gọi là tâm linh. Về mặt khoa học, Assagioli nói tiếp, đó là một thuật ngữ

thích hợp hơn, vì nó chỉ những gì nằm ở bên kia hay ở bên trên nhân cách thông thường. Ngoài ra, nó tránh được sự lẫn lộn với nhiều cái được gọi là có tính tâm linh, nhưng trên thực tế, đó là giả tâm linh hoặc ngoại tâm lý". Tuy vậy, trong cuốn sách này, để tôn trọng văn bản của tác giả, chúng tôi đã giữ lại từ "tâm linh" được ông dùng "theo nghĩa rộng nhất của nó, bao gồm không chỉ những thể nghiệm tôn giáo đặc thù, mà còn bao gồm tất cả các trạng thái ý thức, tất cả các chức năng và hoạt động có quan hệ với những giá trị cao hơn những chuẩn mực đã được chấp nhận, dù đó là những giá trị đạo đức, mỹ học, anh hùng, nhân đạo hay vị tha".

Theo chính lời của Assagioli, cách nói "sự phát triển tâm linh" bao trùm lên "tất cả những thể nghiệm gắn liền với sự nhận thức về những nội dung của cái siêu thức, dù nó có bao gồm những thể nghiệm về Ngã hay không".⁽¹⁾

Cuốn sách gồm có ba phần. Phần thứ nhất, đứng trên bình diện nhận thức, đưa người đọc vào hiện thực của thế giới siêu thức ; phần thứ hai theo sát các giai đoạn của quá trình phát triển tâm linh và những vấn đề người ta gặp thấy ở đó ; phần thứ ba bàn về những hiệu ứng của nó trong cuộc sống hàng ngày với những giá trị tinh thần của con người.

Thật vậy, mọi quá trình tâm lý đều mang hai mặt hay hai yếu tố, không thể tách khỏi nhau nhưng lại khác nhau,

1. Xem R. Assagioli, *Psychosynthèse, Principes et techniques*, Épi, Paris, 1991.

một mặt là về nhận thức và hiểu biết, mặt kia là về sự thực hiện.⁽¹⁾ "Quan niệm tâm linh về cuộc sống và những biểu hiện của nó, không những không mang tính chất lý luận thuần túy, tính chất tu biện, mà ngược lại, rõ ràng là mang tính chất cách mạng, năng động và sáng tạo".⁽²⁾

MARIA LUISA GIRELLI

1. R. Assagioli, "Giá trị thực tiễn và con người của sự phát triển tâm lý", Istituto di cultura et Terapia psichica, Rome, 1929.

2. Xem chương 21 : Tiến và đời sống tâm linh.

I. CÁI SIÊU THỨC

1. SỰ THỨC TỈNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA Ý THỨC TÂM LINH

Cách dùng hơi hợt và mơ hồ thường thấy đối với từ "tâm linh" đã gây ra nhiều lẫn lộn và hiểu sai. Một cách có cân nhắc kỹ, chúng tôi muốn tránh đưa ra một định nghĩa và muốn chọn một cách tiếp cận khoa học hơn, xuất phát từ những sự kiện và từ kinh nghiệm, sau đó mới lý giải những gì được quan sát và khám phá. Theo lối đó, ý nghĩa chính xác của từ tâm linh ở đây sẽ trở nên rõ ràng hơn theo việc chúng ta đọc sâu hơn chương này.

Sự kiện căn bản mà chúng ta bàn tới ở đây là *sự thể nghiệm và ý thức tâm linh*. Có thể nói rõ điều đó như thế này : từ những thời xa xưa nhất, người ta từng khẳng định là đã có sự thể nghiệm về những trạng thái ý thức rất khác nhau - về chất lượng, cường độ và hiệu ứng của chúng - của những người phóng chiếu hình ảnh tối và sáng của mình lên màn ảnh nhận thức của con người.

Sự khẳng định của họ còn đi xa hơn : họ cho rằng những trạng thái ý thức ấy là kết quả của việc liên hệ một cách có suy nghĩ hay một sự tiếp xúc bắt buộc với một lĩnh vực của Hiện thực, "khác" với những gì thông thường được nhìn như "cái hiện thực", hoặc "ở bên trên" cái hiện thực đó.

Hiện thực ấy thường được coi là "siêu việt", nhưng khi dùng từ này, chúng tôi không muốn nói tới một cái gì trừu tượng hoặc xa xôi. Những ai đã từng có một sự cảm nhận nhỏ nhất về điều đó đều xác nhận rằng nó được cảm nhận như hiện thực hơn, lâu bền hơn, thực chất hơn thế giới hàng ngày chúng ta đang sống, rằng nó giống như cội rễ thật sự, thực chất, của sự tồn tại và giống như "một cuộc sống đời dào hơn".

Tầm rộng lớn của những bằng chứng về sự tiếp xúc với một Hiện thực cao siêu, cao hơn và toàn vẹn hơn, đã khiến người ta kinh ngạc. Chúng ta thấy có những người đã trải qua những thể nghiệm ấy ở mọi thời đại, ở mọi nước ; và trong số đó, có cả những gương mặt cao cả nhất của loài người.

Vì thế, mọi ý định phủ nhận những thể nghiệm ấy, coi đó chỉ như những ảo giác, hay nhiều lắm cũng chỉ giống như những sự thăng hoa của bản năng tính dục, đều hết sức độc đoán, và chỉ chứng minh tình trạng không có một thái độ khoa học thật sự ở những kẻ nào có thái độ tiêu cực ấy. William James, mà tác phẩm của ông *Tính đa dạng của những thể nghiệm tôn giáo* là một mẫu mực nghiên cứu khoa học vô tư về vấn đề này, đã chứng minh xuất sắc tính hiện thực và giá trị của vũ trụ siêu việt. Đặc biệt ông chỉ rõ :

Tôi thấy rằng những giới hạn cực độ của thực thể chúng ta lọt vào một chiều tồn tại hoàn toàn khác với thế giới cảm giác của chúng ta và với sự hiểu biết tự nhiên của chúng ta, như chúng ta vẫn

thường cảm nhận ; có thể nói đó là một khu vực thần bí hoặc siêu nhiên.

Chính vì những thôi thúc lý tưởng của chúng ta bắt nguồn từ khu vực này (đó là trường hợp xảy ra đối với nhiều sự thôi thúc ấy, vì chúng ta thấy rằng chúng chiếm lĩnh chúng ta đến mức không thể diễn đạt được bằng lời), nên chúng ta thuộc về khu vực ấy một cách thân thiết hơn nhiều so với thế giới hữu hình, vì từ chiều sâu của mình, chúng ta cảm thấy gắn bó với nơi cư ngụ của những lý tưởng nhiều hơn. Tuy nhiên, khu vực mà chúng ta nói tới không phải là một sự lý tưởng hóa đơn thuần, vì nó đẻ ra những hiệu ứng ở thế giới này. Khi chúng ta thâm nhập nó, thì một hoạt động hiện thực được thực hiện ở trình độ nhân cách toàn vẹn của chúng ta, bởi vì chúng ta đã trở thành những con người mới hẳn. Điều đó có nghĩa là chúng ta có một lối ứng xử mới trong thế giới tự nhiên, phù hợp với sự biến đổi làm cho chúng ta phục sinh lại. Mà cái gì có thể tạo ra những hiệu ứng trong một hiện thực khác thì chính nó cũng phải được coi như một hiện thực, vì theo tôi, không có một sự biện minh triết học nào có thể coi thế giới vô hình hay thần bí là phi hiện thực cả.

Tầm quan trọng của vũ trụ hiện thực và thể nghiệm cao siêu ấy không thể bị đánh giá quá mức, và khả năng tồn tại duy nhất của nó lẽ ra phải khuyến khích các nhà khoa học dành nghị lực, thời gian và nhiệt tình cho sự khám phá ra nó, tương xứng với giá trị của nó đối với con người.

Lời tuyên bố ấy của James được nêu ra nhằm để được mọi người có tinh thần tự do chấp nhận và để được coi như một điểm xuất phát đáng tin cậy trên con đường nghiên cứu. Nếu quan niệm như vậy, thì thái độ của chúng ta đối với vũ trụ cao siêu ấy phải thế nào ? Chính là bằng lương tri mà chúng ta phải coi trọng vũ trụ cao siêu ấy, với sự quan tâm ngang với việc nghe một nhóm thăm dò kể lại sự khám phá của họ ở một nơi xa lạ đầy dầu mỏ và kim loại quý, chẳng hạn. Không biết tới một sự khẳng định như vậy sẽ là điên rồ, vì chúng ta sẽ tự tước bỏ cơ hội đi tới một nguồn của cải mới vô tận. Nhưng trong một chuyến thăm dò vô tổ chức ở một miền đất mới, không có thiết bị, vũ khí và công cụ thích hợp, chắc chắn chúng ta sẽ rơi vào những bất ngờ về điều kiện khí hậu và thậm chí có thể gặp những con thú tàn bạo. Nhiều lắm, với hành động liều lĩnh ấy, chúng ta chỉ có thể thành công sau khi phải vượt qua những khó khăn to lớn, và chúng ta chỉ được đền bù bằng một phần nhỏ nhoi những kho báu đang chờ đợi những người thăm dò khôn khéo nhất, chín chắn nhất và được chuẩn bị tốt nhất.

Tất nhiên, lý trí và kinh nghiệm sẽ gợi ra một cách tiếp cận duy lý đối với vấn đề này, theo hai giai đoạn : thứ nhất, nghiên cứu đầy đủ tất cả các thông tin đã có về mảnh đất này ; thứ hai, tổ chức một chuyến thăm dò thích hợp và được trang bị tốt nhất.

Đó là phương pháp mà chúng ta sẽ dùng bây giờ, khi xem xét và so sánh những gì mà những người thăm dò "mảnh đất" chưa biết rõ ấy kể lại cho chúng ta nghe.

Ngay từ đầu, chúng ta sẽ gặp phải những khó khăn quan trọng. Trước tiên, điểm chính mà chúng ta đều nghe nói tới là những lời kể lại ấy chứa quá nhiều những từ ngữ mô tả khác nhau theo sự quan sát của những người quan sát khác nhau ; mỗi người trong số đó khoác lên lời kể lại của mình những từ ngữ rất khác nhau ; ở mỗi người, sự thể nghiệm đem lại những phản ứng xúc cảm riêng khi họ lý giải, và những lý giải này cũng khác nhau và đôi khi lại trái ngược nhau. Để nhắc lại lời lẽ thích hợp của James, mỗi người đã áp đặt cho sự thể nghiệm ban đầu của mình cả một chuỗi cấu trúc cá nhân không chính xác, những cấu trúc mà họ thường khu khu bám lấy về mặt tinh thần cũng như về mặt xúc cảm.

Chính sự khác nhau ấy gây ra sự lẩn lộn, những quan niệm sai lạc và những mối hoài nghi vây quanh vấn đề này.

Thế nhưng, sự khác nhau ấy không có gì đáng ngạc nhiên, và tính hiện thực của những thể nghiệm ấy tuyệt đối không thể bị nghi ngờ chỉ vì có những sự bất đồng trong cách chúng được kể lại. Những bất đồng ấy, thật vậy, là hoàn toàn tự nhiên và, ở một mức độ nào đó, là không thể tránh khỏi vì hai lý do quan trọng. Thứ nhất là không một lĩnh vực nào của hiện thực là thuần nhất và đơn giản cả ; nói cho đúng hơn, đó là một "thế giới" hiện thực, đa dạng, đầy sức sống. Do đó, không có gì phải ngạc nhiên khi nhiều mặt khác nhau của Hiện thực ấy đề ra nhiều quan niệm khác nhau về những gì đã nhìn thấy. Lý do thứ hai có thể được qui vào những sự khác nhau lớn giữa những người

quan sát về cấu tạo tâm lý - vật chất của họ, cũng như về sự phát triển tinh thần hay sự chuẩn bị lịch sử và văn hóa của họ cho những gì họ thể nghiệm. Cùng một mặt của Hiện thực nào đó có thể được cảm nhận, lý giải và trình bày một cách khác nhau bởi những người khác nhau đã từng trải qua nó.

Kết luận đầu tiên phải rút ra từ những gì được nói tới cho đến đây là ý thức tâm linh tuyệt đối không thể bị giới hạn bằng một kiểu thể nghiệm hay một hệ thống tín ngưỡng tôn giáo hay thần bí nào, và nó không thể bị đồng nhất với kiểu thể nghiệm và hệ thống tín ngưỡng ấy. Tầm quan trọng của sự phân biệt này được chứng minh gián tiếp bằng tình trạng là nếu không coi trọng ý thức tâm linh sẽ dẽ ra sự lẫn lộn và rối loạn, cũng như dẽ ra những sự không hiểu và rất nhiều xung đột. Hiện nay, ngày càng có nhiều người cần tới một cách tuyệt vọng một cái gì thỏa mãn hơn, *hiện thực* hơn cuộc sống hàng ngày bình thường của mình, và họ đang lao vào tìm kiếm điều đó với một nỗi lo âu, dù có ý thức hay không. Nhiều người trong số họ, sẵn có một trí thông minh sắc sảo và một cách nhìn thực tế về các sự vật, đã không tìm thấy được những gì họ tìm kiếm trong tôn giáo truyền thống. Một số người rõ ràng chống lại điều đó, những người khác thì hoàn toàn dửng dưng. Đối với họ, các tín điều, thần học, các thánh ca, các nghi lễ, những sự cầu viện tới cá nhân Thượng đế hay tới các Giáo hội, tất cả đều thuộc về một quá khứ đã qua hẳn, thậm chí thuộc về một thế giới khác.

Dù điều đó là đáng phàn nàn như thế nào đi nữa, thì đó cũng là một thực tế không thể phủ nhận được, và nó biểu hiện rõ hơn ở thái độ của các thế hệ trẻ tuổi hơn. Những thế hệ này muốn tự mình khám phá các sự vật, muốn có một kinh nghiệm trực tiếp về tất cả các mặt của cuộc sống, và chỉ muốn chấp nhận những gì hiện ra với họ một cách khách quan, được xác định vững chắc và dễ hiểu, nói cách khác, một cách khoa học, hiểu theo nghĩa đúng nhất của từ này.

2. CÁI SIÊU THỨC

Trong sự nghiên cứu của chúng ta về cấu trúc tâm lý của con người, đã đến lúc phải xem xét phần trên cùng của cái vô thức : cái siêu thức hay Ngã tâm linh (Soi spirituel). Trước hết, phải khẳng định *tính hiện thực* của cái siêu thức vì, nói chung, nó vẫn chưa được thừa nhận, và đó vẫn là một miền bí ẩn, nhất là trong trường khoa học, trong tâm lý học. Dưới đây chúng ta sẽ thấy tại sao. Nhưng tính hiện thực của cái siêu thức không cần được chứng minh, vì đây là một *thể nghiệm*, và khi chúng ta làm sự thể nghiệm đó, nó là một trong những "sự kiện của ý thức", nói theo cách nói rất đúng của Bergson, mà những sự kiện này tự chúng có tính hiển nhiên của chúng, có bằng chứng của chúng. Đó là một sự thể nghiệm trực tiếp như sự thể nghiệm về một màu sắc, một âm thanh, một tình cảm. Không thể và cũng không cần "chứng minh" cảm giác về màu đỏ hay màu lục, về niềm vui hay nỗi đau : đối với những ai có sự thể nghiệm này, đó là một hiện thực tâm lý.

Về điểm này, cần tránh một sự hiểu lầm có thể có và cần loại bỏ sự nghi ngờ. Làm thế nào chúng ta lại có thể nói tới sự thể nghiệm hay ý thức về những sự vật nằm bên ngoài hay bên trên ý thức của chúng ta được ? Câu trả lời

thật dễ dàng : nó cũng giống như câu trả lời được đưa ra đối với mọi khía cạnh hay trình độ khác của cái vô thức. Chúng có thể có sự thể nghiệm có ý thức về các hiện tượng, các hoạt động, các nội dung tâm lý *thường* nằm bên ngoài trường ý thức của chúng ta, khi chúng đi vào trường này ở một số thời điểm nào đó, trong một số hoàn cảnh nào đó.

Có một sự trao đổi liên tục, giống như một sự "thấm thấu", giữa cái hữu thức và cái vô thức. Ở một thời điểm nhất định, cái siêu thức trở thành cái hữu thức trong một thời gian nào đó, rồi lại trở thành cái siêu thức. Về mặt này, tôi xin nhấn mạnh rằng "cái siêu thức", "cái hữu thức" và "cái vô thức" là những *tính từ* và, do đó, chúng chỉ những điều kiện nhất thời của một sự kiện tâm lý.

Việc cái siêu thức đi vào trường ý thức có thể xảy ra theo hai cách : cách thứ nhất, thông thường nhất, có thể nói là "đi xuống" ; đó là sự đột nhập của những yếu tố siêu thức vào trường ý thức, như trong trực giác, trong sự đại giác đột nhiên và sự ngẫu hứng. Thường sự đột nhập ấy xảy ra tự phát, bất ngờ, nhưng có khi nó có thể đáp ứng với một sự cầu viện, một sự mong chờ, có ý thức hay không. Cách thứ hai, có thể nói là "đi lên". Đó là khi trung tâm ý thức chúng ta, khi cái tôi có ý thức về chính bản thân nó, được nâng lên một trình độ cao hơn, cho tới lĩnh vực của cái siêu thức.

Những bằng chứng thể nghiệm về cái siêu thức là nhiều vô kể, ở mọi lúc và mọi nơi, thời cổ đại cũng như thời hiện đại, ở phương Tây cũng như ở phương Đông. Những thể

những thể nghiệm ấy có nhiều kiểu khác nhau. Trước hết là những thể nghiệm thuộc về trường tôn giáo, nhất là những thể nghiệm thần bí ; nhưng cần phải ghi nhớ rằng đó không phải là những thể nghiệm duy nhất, còn có những thể nghiệm siêu thức có những đặc trưng khác, không có tính chất tôn giáo. Nếu những thể nghiệm siêu thức là những sự kiện, thì rõ ràng chúng phải thích hợp với một cuộc điều tra khoa học, giống như mọi loại sự kiện khác. Một sự tìm kiếm theo hướng này đã được bắt đầu, nhưng chưa được phát triển mấy về mặt giá trị và tầm quan trọng trong con người và tâm linh của cái siêu thức. Trong khi hàng nghìn nhà tâm lý học trên thế giới đang nghiên cứu những mặt khác của bản chất con người (mà chủ yếu là những mặt thông thường nhất !), thì rất ít người nghiên cứu về cái siêu thức.

Tại sao lại có tình hình lạ lùng ấy ? Trước hết, đó là do chủ nghĩa duy vật căn bản về con người, và nhất là chủ nghĩa duy vật lý thuyết và thực tiễn về con người phương Tây. Con người phương Tây bị quyến rũ bởi những cảm giác do thế giới bên ngoài và do chính thân thể mình tạo ra. Nó hướng ra bên ngoài về căn bản và có xu hướng tác động vào cái bên ngoài. Thế giới nội tâm, với tất cả các mặt của nó, đã làm cho con người phương Tây cảm thấy sợ và khó chịu. Do đó, nó cố trốn chạy khỏi thế giới đó, khỏi tất cả những gì hướng nó vào nội tâm, tất cả những gì làm cho nó đối đầu với chính nó. Một lý do khác là sợ trở thành không bình thường hoặc bị coi như vậy. Kể nào đã từng có những thể nghiệm siêu thức thì đâm ra sợ "mất tình táo". Nhất là khi đó là những cơn đột phá bất ngờ, rất khác với tính bình

thường chật hẹp hàng ngày, thì anh ta sợ chúng mang tính bệnh hoạn, không bình thường, trong khi chúng lại là *siêu bình thường* (*supra - normales*). Cuối cùng, trong trường khoa học, trở ngại chủ yếu là định kiến dai dẳng không coi những thể nghiệm như vậy là đối tượng của khoa học. Tâm lý học, khoa học trẻ nhất trong các khoa học, dựa vào phương pháp của các khoa học tự nhiên hoặc có liên quan với phương pháp đó ; thế nhưng, phương pháp đó hoàn toàn không thích hợp với nó ; đối với nó, phương pháp đó là một "cái giường Procuste". Thật ra, tâm lý học có quyền và có nghĩa vụ sử dụng những phương pháp *cũng nghiêm chỉnh và khoa học* như vậy, nhưng thích hợp với bản chất của nó hơn cả.

Tuy vậy một nhóm tiên phong dũng cảm đã dám phiêu lưu vào trường của cái siêu thức và đã tìm cách nghiên cứu nó một cách khoa học. Người tiên phong đầu tiên là nhà tâm lý học lớn, người Mỹ, William James. Trong một loạt bài giảng - sau đó được tập hợp vào cuốn sách nhan đề *Tính đa dạng của những thể nghiệm tôn giáo* -, ông đã chăm chú xem xét những thể nghiệm này với sự đồng cảm và tôn trọng, nhưng cũng theo lối khách quan và vô tư. Ông đã làm được công việc càng quý giá hơn ấy khi ông thừa nhận rằng chính bản thân ông không có những thể nghiệm đó và ông đã phải nỗ lực lớn về mặt khoa học để tiến hành cuộc nghiên cứu trên những thể nghiệm của người khác.

James đã trình bày những bài giảng của mình vào cuối thế kỷ trước. Ít lâu sau, bác sĩ Bucke, một thầy thuốc Mỹ,

ngay sau một sự thể nghiệm đại giác tâm linh bất thần và bất ngờ gây hiệu ứng sâu sắc đối với ông, đã bắt đầu nghiên cứu những bằng chứng về những điều mà ông gọi bằng một từ ngữ có thể bàn cãi là "ý thức vũ trụ". Ông đã tập hợp nhiều bằng chứng, đã bình giải chúng và đưa ra sự lý giải của mình trong cuốn "Ý THỨC VŨ TRỤ" công bố năm 1901.

Một thầy thuốc khác, Winslow Hall, đã thu thập những bằng chứng đại giác, mà giá trị của chúng chính là ở chỗ, đó là của những *người ngoài đường*, tức là của "bất kỳ ai", những người không hề có một đặc trưng cao siêu nào, nhưng lại có những thể nghiệm siêu thức nổi bật.

Trong số những nhà tâm lý học hiện đại, người ta thấy có Jung. Theo Jung, trong cái được ông gọi là "cái vô thức tập thể", có những yếu tố mang một tính chất cao siêu, siêu cá nhân. Nhà xã hội học Sorokin đã dành cho cái siêu thức một chương trong cuốn sách của ông *Các quyền năng và các con đường yêu thương vị tha*. Nhà thần kinh học ở Viên, Frankl, đã thừa nhận rõ ràng sự tồn tại của những thể nghiệm siêu thức. Nhà tâm thần học Urban ở Innsbruck đã nói tới "tâm lý học về những chiều cao" (psychologie des hauteurs). Cuối cùng, một cuộc điều tra rộng lớn đã được nhà tâm lý học A. Maslow, giáo sư Trường đại học Brandeis, tiến hành. Ông dùng thuật ngữ "tồn tại" cho tất cả những kiểu thể nghiệm mà chúng ta coi là siêu thức, vì một trong những đặc trưng của chúng là đem lại một cảm giác "sung mãn vì tồn tại" (plénitude d'être), cảm giác tồn tại và sống mãnh liệt. Maslow đã thu thập một loạt dữ kiện quan trọng

rút ra từ những cuộc trò chuyện và những cuộc điều tra bằng phiếu hỏi.

Điều đó dẫn chúng ta tới chỗ nói tới những phương pháp điều tra về cái siêu thức. Trước hết, phải tập hợp tất cả các văn kiện hiện có về vấn đề này : các tiểu sử, các tự truyện, thu từ, v.v... ở tất cả các thời đại ; rồi lại phải nắm được những dữ kiện khác bằng các cuộc trò chuyện và các cuộc điều tra bằng phiếu hỏi.

Khâu thứ hai của điều tra khoa học là xem xét, sắp xếp, lý giải và đánh giá những dữ kiện đã thu thập được. Cách tiếp cận thứ ba, thứ vị nhất, là *thực nghiệm* ; nó sử dụng những phương pháp tâm lý học, hoặc để làm cho các yếu tố siêu thức xuống trường ý thức một cách dễ dàng hơn, hoặc để đưa trung tâm ý thức lên vùng sáng cao nhất.

Những dữ kiện nào đã tập hợp cho tới nay trong sự nghiên cứu của chúng tôi về cái siêu thức, nói cách khác, những đặc trưng nào của các trình độ hay trạng thái cao siêu của ý thức đã nảy sinh ra khi cái siêu thức đi vào trường ý thức ? Tôi đã đếm và đã mô tả được mười ba thứ sau đây :

- Thứ nhất là một cảm giác về *chiều sâu*. Trong những bằng chứng khác nhau, người ta nói rằng mình đi tới cội rễ, tới cơ sở tồn tại của mình, từ bỏ ý thức hời hợt thông thường để đạt tới đáy sâu của chính bản thân họ.

- Một cảm giác khác là cảm tưởng *hướng nội*, tức là một vận động từ ngoài vào trong, từ ngoại vi vào trung tâm tồn tại của họ.

- Cảm giác thứ ba là cảm giác *đi lên, thăng tiến*, được nâng lên một trình độ cao hơn. Hình ảnh tượng trưng như leo núi, lên tới đỉnh núi thường thấy có trong các bằng chứng gắn liền với cảm giác tiếp theo.

- Cảm giác thứ tư là về *lối đi, con đường* phải đi.

- Đặc trưng thứ năm là sự *mở rộng* của ý thức, có khi đến chóng mặt : những giới hạn chật hẹp của cái tôi tách rời ra bị vượt qua, bị xóa bỏ một lúc, và người ta có cảm giác tham gia vào một ý thức rộng lớn hơn.

- Đặc trưng thứ sáu là sự *phát triển, sự hoạt bát*, cảm giác xóa bỏ tất cả những gì trở ngại, "làm rối" hay khép kín cá nhân mình, như thể mình có thể trôi lên, nảy nở ra.

- Đặc trưng thứ bảy là được trao cho năng lực, *được trao cho sức mạnh* ; người đó cảm thấy có một năng lượng lớn hơn tác động trong bản thân mình ; cảm thấy mạnh mẽ hơn, năng động hơn ; cảm thấy sự sung mãn và sự mãnh liệt của tồn tại như đã nói trên đây.

- Một cảm giác khác rất thường được thuật lại là sự *thức tỉnh*. Trong nhiều bằng chứng, thấy có những sự diễn đạt như : "Tôi được đánh thức để đi tới một hiện thực cao siêu", "tôi ra khỏi những bóng tối của các giác quan", "tôi rời bỏ cuộc sống bình thường, như rời bỏ một giấc mơ, để đi tới một trạng thái cao siêu". Người ta biết rằng tên riêng của Phật là Gautama, và "Phật", tên hiệu của ngài có nghĩa là "thức tỉnh" (ngộ giác), "hoàn toàn thức tỉnh" (đại giác, đại ngộ).

- Cũng rất thường thấy có một cảm giác *lóa sáng* bởi một luồng ánh sáng mới, không phải của trần thế, làm biến đổi bộ mặt của thế giới bên ngoài và cho thấy một vẻ đẹp mới ; nó chiếu sáng thế giới bên trong, "soi sáng" những vấn đề và những mối nghi ngờ, và xua tan chúng đi ; đó là ánh sáng trực giác của một ý thức cao siêu.

- Cảm giác nói trên nói chung được kèm theo một cảm giác về *niềm vui*, về sự *hoan hỉ* có thể đưa tới trạng thái *cực lạc*.

- Cùng với những cảm giác đó, hoặc độc lập với chúng, xuất hiện cảm giác về một sự *đổi mới*, một sự *tái sinh*, về sự "nảy sinh" một thực thể mới trong cá nhân mình.

- Rồi có cảm giác *phục sinh*, có ấn tượng như nảy sinh lại trong một trạng thái đã mất đi, đã bị quên lãng.

- Cuối cùng, đó là cảm giác về một sự *giải thoát nội tâm*.

Toàn bộ những đặc trưng này rất phù hợp với những gì toát lên từ những bằng chứng do Maslow tập hợp và nghiên cứu. Ông chỉ ra mười bốn trạng thái mà ông gọi là những "giá trị của ý thức tồn tại". Đó là : cảm giác về sự sung mãn, hòa nhập, về tính toàn bộ ; cảm giác về sự hoàn thiện trọn vẹn, về sức sống, về sự mãnh liệt của cuộc sống ; cảm giác về sự phong phú, nhưng đồng thời cả về sự giản dị ; cảm giác về vẻ đẹp, ý thức về điều thiện, không phải nỗ lực, cảm giác về một sự bật phát, một niềm vui, một sự "hài hước", một sự hướng tới chân lý, tới tính hiện thực của những gì

đã trải qua, nói cách khác, cảm giác cho thấy một cái gì *thật*, thật hơn những gì được ý thức thông thường biết tới. Cuối cùng, một cảm giác về sự độc lập, về sự giải thoát nội tâm, không cần dựa vào một cái gì khác, về một sự đầy đủ tự thân, được hiểu theo một nghĩa cao cả, tâm linh.

Maslow nói rất đúng rằng tất cả những biểu hiện ấy phụ thuộc lẫn nhau và gắn liền nhau : "Đó là những mặt của tồn tại hơn là những yếu tố của tồn tại".

Tất cả những cái đó phải tạo ra ở chúng ta một mong ước là chính bản thân chúng ta có được những thể nghiệm đẹp đẽ và quyến rũ như thế. Làm thế nào để có thể kích thích hoặc tạo ra những thể nghiệm ấy ? Trước khi nói tới điều này, tôi phải nói thêm một vài sắc thái đen tối hơn, là những thể nghiệm ấy có thể bao hàm những bất lợi và những nguy hiểm. Nhưng điều này có thể xảy ra hoặc do hiểu và đánh giá sai lạc về những thể nghiệm ấy, hoặc do tính mãnh liệt của chúng. Như tôi đã nói, đánh giá sai nghĩa là coi những thể nghiệm ấy là lạ lùng, không bình thường như những dấu hiệu mất cân bằng tinh thần. Nhưng, nếu bỏ sự lý giải sai lạc đó sang một bên, thì cũng cần thấy rằng, do tính đột ngột và nhất là do tính mãnh liệt của nó, sự nảy sinh các yếu tố siêu thức có thể làm rối loạn sự cân bằng đã có trước đó (ít nhiều là có thực) của một người bình thường và có thể tạo ra ở người đó những phản ứng như bị kích động quá mức hay bị lạc hướng. Ngay cả một người đang đi lên những trình độ cao hơn cũng có thể cảm thấy có những khó khăn và rối loạn. Tôi không thể dừng lại ở

đây, vì chúng ta sẽ còn nói tới điều đó sau này. Hơn nữa, tôi cũng đã bàn về vấn đề này trong một tiểu luận : "Sự phát triển và những rối loạn tâm thần - thần kinh".⁽¹⁾

Dù thế nào đi nữa, những thể nghiệm ấy ẩn giấu những cái lợi và một giá trị quan trọng hơn nhiều so với những rối loạn mà chúng ta có thể cảm thấy trong thời gian đầu. Thật vậy, những thể nghiệm ấy giúp đỡ chúng ta một cách có hiệu quả để giải quyết tất cả các vấn đề của con người, cá nhân hoặc tập thể, hoặc để góp phần giải quyết chúng. Những thể nghiệm ấy có hiệu quả như vậy vì đã cho phép chủ thể đặt lại những vấn đề của mình trong khuôn khổ một hiện thực rộng lớn hơn, đưa chúng vào những cân đối đúng, đánh giá chúng một cách khác đi và đúng hơn. Bằng cách đó, các vấn đề sẽ không làm cho người đó bận tâm nữa, hoặc sẽ được soi sáng bằng một ánh sáng cao siêu, trong đó các giải pháp hiện ra rõ ràng.

Tôi xin đưa ra vài ví dụ. Một trong những nguyên nhân lớn nhất của đau khổ và ứng xử sai lầm là sợ hãi : sự lo lắng của cá nhân và những nỗi sợ của tập thể có thể đưa tới chiến tranh. Thế nhưng, sự thể nghiệm về hiện thực siêu thức sẽ xóa bỏ đi nỗi sợ : cảm giác sợ hãi không thể đi đôi với việc có ý thức về sự sung mãn và về sự thường hằng của sự sống. Một nguyên nhân khác của những sai lầm và đau khổ là xung lực gây hấn, dựa trên các cảm giác về sự cô lập, sự thù địch, sự oán thù. Trong không khí thanh thản

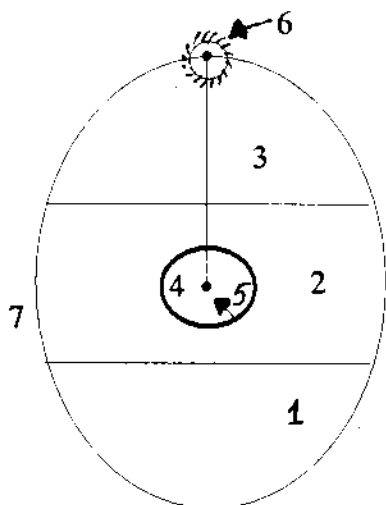
1. Tiểu luận ấy là chương 10 của cuốn sách này.

của cái siêu thức, nhưng xung lực và cảm giác ấy sẽ không thể tồn tại được nữa. Những ai có một ý thức rộng lớn hơn, một ý thức chia sẻ và thống nhất với tất cả mọi người sẽ không thể đánh nhau được nữa : họ thấy điều đó là vô lý : đó chính là đánh vào bản thân mình ! Như vậy, những vấn đề nghiêm trọng nhất, đáng lo ngại nhất sẽ được giải quyết, sẽ bị loại bỏ bằng sự mở rộng, sự đi lên của ý thức tới trình độ một Hiện thực cao siêu.

Trước khi kết thúc sự xem xét ngắn gọn này về cái siêu thức, cần nhấn mạnh sự khác nhau giữa nó và Ngã tâm linh, như đã được vẽ trong sơ đồ của chúng tôi về cấu trúc tâm lý của con người. Thông thường, người ta không phân biệt hai cái đó, vì những nội dung của cái siêu thức, nhất là ở những trình độ cao của nó, rất gần với Ngã và, ở một mức độ nào đó, cũng có những đặc trưng giống nhau. Nhưng giữa hai cái đó có một sự khác nhau căn bản : trong cái siêu thức có những yếu tố, những "nội dung" thuộc các loại khác nhau mang tính tích cực, năng động, biến đổi, tham gia vào toàn bộ đời sống tâm lý. Ngược lại, Ngã là bất động, tĩnh, không biến đổi ; vì thế, nó khác với cái siêu thức.

Điều quan trọng là phải nhớ rõ sự phân biệt ấy còn do ý thức về sự thường hằng, về tính ổn định được chuyển từ Ngã tâm linh sang cái phản ánh nó, cái tôi hữu thức của cá nhân, dù bị giảm bớt đi và bị che đậy. Chính Ngã tâm linh đem lại ý thức về sự thường hằng, về căn tính cá nhân, thông qua tất cả những biến đổi và xen kẽ của các trạng thái tâm hồn chúng ta, không có liên quan với những nội dung

thường biến đổi và thay thế nhau của ý thức. Tuy chúng ta men tục đồng nhất bản thân mình với những vai trò khác nhau của mình, với những tiểu nhân cách (Sous - personnalités) khác nhau của mình và với những ý thức khác nhau thường chiếm giữ trường ý thức của mình, nhưng mỗi người từ trong sâu thẳm của mình đều biết rằng mình bao giờ cũng là thế cả. Nếu đôi khi có ai đó, nhân có một biến đổi quan trọng xảy ra trong đời họ, có thể nói rằng : "Tôi không còn tự nhận ra mình được nữa", thì trên thực tế, điều đó có nghĩa là : "Cái mà tôi tự đồng nhất với nó trước đây đã biến mất, và bây giờ tôi tự đồng nhất với một cái khác". Nhưng, dù nói rằng : "Tôi không còn tự nhận ra mình được nữa", thì điều đó cũng bao hàm, một cách nghịch lý, một cảm giác khó hiểu, che giấu về tính kế tục nằm bên dưới



1. Ý thức thấp
2. Ý thức trung bình
3. Ý thức cao hay
cái siêu thức
4. Trường ý thức
5. Cái Tôi hữu thức
6. Cái Tôi cao hay Ngã
7. Cái vô thức tập thể

đó. Nếu không phải như thế, thì cảm giác không tự nhận ra được mình nữa cũng không thể tồn tại, theo nghĩa là cảm giác đó dựa trên một sự so sánh, một sự đối chiếu giữa trạng thái ý thức hiện thời và trạng thái trước đây. Như vậy, đặc trưng chủ yếu của ý thức về ngã là tính liên tục, tính thường hằng ; nhưng tính thường hằng này của cái tôi hữu thức chỉ là một sự phản ánh mờ nhạt thực chất vĩnh cửu và bất tử của cái Tôi tâm linh, của Ngã mà thôi.

Trong biểu đồ trên đây, Ngã được đặt ở đỉnh cao nhất của ngoại vi nhân cách, một phần nằm trong đó, có quan hệ kế tục với cái siêu thức, và một phần nằm bên ngoài. Điều đó nói lên bản chất hai mặt, vừa cá nhân vừa phổ biến, của nó. Điều đó có vẻ nghịch lý, khó hiểu đối với tinh thần, đối với ý thức cá nhân thật, nhưng đó là một trạng thái ý thức có thể và, trên thực tế, đã được thể nghiệm, đã được *trải qua*, vào một số thời điểm đi lên và "ra khỏi" những giới hạn của ý thức thông thường. Vào những thời điểm này, người ta có cảm giác mở rộng ra không giới hạn, bị xâm chiếm bởi một niềm vui mãnh liệt, một cảm giác hạnh phúc. Đó là một thể nghiệm về căn bản không thể tả được thành lời.

Ở đây, người ta đi vào sự tiếp xúc với cái Huyền bí, với Hiện thực tối cao. Người không thể nói được gì hết. Người ta đang ở bên kia bờ cõi của khoa học, của tâm lý học. Tuy nhiên, sự tổng hợp tâm lý có thể giúp tôi gần điều đó, đến ngưỡng của nó, và như vậy là đã quá nhiều rồi.

3. SỰ ĐI LÊN NỘI TÂM

Chúng tôi đã nói rằng có hai cách thức khác nhau và theo hướng ngược nhau để thâm dò cái siêu thức. Cách thức thường thấy nhất có thể gọi là *đi xuống* : giống như một cơn trào, một sự đột nhập của những yếu tố cao siêu vào trường ý thức. Có thể coi đó là một kiểu cảm ứng từ xa (télépathie, thường được gọi là "thần giao cách cảm" - N.D.) theo chiều dọc ; cảm ứng - từ xa vì giữa cái tôi hữu thức và Ngã có một khoảng cách lớn. Sự đột nhập ấy biểu hiện dưới hình thức những trực giác, những ngẫu hứng, tài năng sáng tạo, những xung lực có tác động nhân đạo hay anh hùng. Đó cũng có thể là những hiện tượng ngoại tâm lý (parapsychologiques) đặc thù, mà một số có thể đưa chúng ta tới chỗ chấp nhận rằng, thông qua cái vô thức và ba trình độ của nó, những ảnh hưởng và những xung lực có nguồn gốc bên ngoài cá nhân đã đến với ý thức.

Một cách thức quan hệ và tiếp xúc khác mà chúng ta có thể xác lập cùng với cái siêu thức là cách *đi lên*. Cách thức này là nâng cái tôi hữu thức và, cùng với nó, cả khu vực hữu thức lên những trình độ cao hơn, cho đến khi bước vào một khu vực mà thường chúng ta không hay biết, vì nó ở bên trên trình độ thông thường của ý thức chúng ta. Điều

đó được chứng minh rõ hơn trong sơ đồ của chúng tôi (xem chương trước).

Khu trung tâm ở đó là trình độ thông thường của ý thức, khu vực bình thường của nó, với cái tôi hữu thức nằm ở chính giữa. Khi có sự nâng cao nội tâm, nó di chuyển và lên tới trình độ siêu thức và, lúc đó, khu vực hữu thức đến để thu nạp nội dung của cái siêu thức và ngày càng tiến gần tới Ngã tâm linh.

Sau đây chúng tôi sẽ bàn tới cách đi xuống, còn bây giờ, trong chương này, chúng ta hãy thăm dò cách đi lên có liên hệ với cái siêu thức.

Tôi đã gọi sự đi lên này là sự đi lên nội tâm (*ascension intérieure*). Thậm chí tôi có thể nói đó là "trò leo núi" tâm lý. Cách gọi này không phải chỉ là một sự so sánh có tính gợi ý nào đó. Nó phản ánh một sự giống nhau hiện thực, một quan hệ tượng trưng chặt chẽ. Để làm sáng tỏ điều đó, tôi sẽ trích vài câu của giáo sư Ettore Carrucio, nhà toán học ưu tú và là một nhà leo núi không kém phần xuất sắc.

Hình thức giống nhau đầu tiên có liên quan với những động cơ khác nhau có thể thúc đẩy chúng ta trèo lên, về mặt thể chất cũng như về mặt nội tâm. Carrucio nói rất đúng :

Thỉnh thoảng, niềm say mê leo núi có những kích thích thuộc về ý chí của siêu nhân, nói theo kiểu Nietzsche, khi khẳng định quá mức sức mạnh của cá nhân, khi vượt qua những khó khăn tột độ, khi đụng phải những nguy hiểm nghiêm trọng.

Giống như vậy, xung lực thúc đẩy vượt qua những trình độ bình thường của đời sống tâm lý có thể là để tìm kiếm hay khẳng định một sự vượt trội, mong muốn phát triển những năng lực cho phép chi phối những kẻ khác, một "ý chí uy quyền" (*volonté de puissance*) theo cách nói của Nietzsche, một khát vọng giành được những quyền năng siêu bình thường, "thần diệu". Đó là một sự vận động về căn bản là vị kỷ, dù đôi khi nó nấp đằng sau những lối nói tâm linh giả.

Một động cơ chung khác của hai kiểu đi lên ấy là tìm kiếm sự trốn thoát đời sống thông thường, trốn thoát hiện thực chung bị coi và được cảm nhận như tầm thường, chán ngán hay nặng nề, nói cách khác, không thỏa mãn về mặt này hay mặt khác. Đó là một phản ứng thường thấy đối với những bó buộc của một đời sống hiện đại nhạt nhẽo, nhất là ở các thành phố lớn.

Động cơ thứ ba là sự quyến rũ của cái bí ẩn, cái khác thường, cái huyền bí, bao giờ cũng kêu gọi người ta chinh phục, khám phá, phát hiện ra cái mới ở bên kia cuộc đời này, và thể nghiệm những gì bất thường. Xung lực mãnh liệt này được Homère nhân cách hóa trong nhân vật Ulysse và cả cuốn *Odyssée* đều thấm đượm chủ đề này. Biểu hiện hiện đại của nó là sự tìm kiếm những thể nghiệm khác thường để chiếm lĩnh chúng bằng tất cả mọi phương tiện, kể cả việc dùng các chất ma túy khác nhau. Cần phải chú ý tới động cơ này để hiểu ra nhiều sự kiện hiện thời.

Động cơ thứ tư là ở sự lôi cuốn, quyến rũ tự thân của phiêu lưu, khó khăn và nguy hiểm, không kể tới những kết quả và những phần thưởng có thể chờ đợi là thế nào. Có thể lấy ví dụ bằng những nhà hàng hải cô đơn đi lại trên các đại dương trên một chiếc tàu nhỏ bé. Đó cũng chính là trường hợp của lối leo núi phiêu lưu, muốn lên tới các đỉnh núi một cách ít nguy hiểm hơn, theo những hành trình mới, khó hơn.

Đôi khi động cơ này kết hợp với động cơ thứ ba, và điều đó giải thích tại sao nhiều người trẻ tuổi không thêm chú ý tới những cảnh cáo hay những nguy hiểm mà họ đang lâm vào, và lại càng không đếm xỉa tới những ngăn cấm hay những bó buộc bên ngoài. Cần phải thừa nhận sự kiện này đối với vấn đề ma túy : trong việc đề phòng hay trị liệu, cần phải dựa vào những sức mạnh tâm lý. Đừng có ảo tưởng là chỉ cần nói cho mọi người biết những rủi ro và nguy hiểm là đủ để họ tránh được ma túy. Nhưng đây không phải là chỗ để nhấn mạnh điểm này.

Động cơ thứ năm, thường rất mạnh và không được lẫn lộn nó với các động cơ trên đây, dù người ta thường thấy nó liên kết ở những mức độ nào đó với những động cơ ấy : đó là sự hấp dẫn, sự quyến rũ của những gì thật sự là cao siêu, có một giá trị lớn và mang bản chất tâm linh đích thực. Theo cách nhìn này, như Giáo sư Carrucio viết, môn leo núi "hiện ra như một nhánh của lối sống khổ hạnh, gắn liền với cảm giác tôn giáo dưới những hình thức khác nhau của nó, từ thời cổ đại đến ngày nay". Còn Guido

Rey thì dùng hình ảnh thơ mộng của những người leo núi trong một ngôi đền :

Những đỉnh xung quanh là những bàn thờ, nơi thực hành những nghi lễ huyền bí, có khi kinh khủng, cách xa con mắt của những người khác ; và đôi khi đó cũng là nơi thực hành nghi lễ kinh khủng hơn và thần thánh hơn.

Hình ảnh ấy rất có ý nghĩa. Nó cất nghĩa tại sao những ngọn núi luôn luôn gây ra sự hấp dẫn và quyến rũ vô tận, và tại sao tất cả các dân tộc đều coi núi là có tính chất thiêng liêng, cũng như tại sao những người leo núi cảm thấy trạng thái hưng thú, dâng cao về nội tâm.

Đây là một đoạn trích dẫn giúp làm sáng tỏ điều đó, rút từ sự nghiên cứu tuyệt vời của E. Monot-Herzen về chủ đề này, nhan đề *Ad summum per quadratum* (trong hình học tượng trưng, quadratum hay hình vuông chỉ đáy của một hình tháp), được công bố trong Tạp chí *Action et Pensée* (*Hành động và Tư duy*) tháng Chạp năm 1956 :

Khi đi vào nơi ẩn cao siêu của Cervin, người dẫn đường, Joseph Pession, nói với tôi : "Vào đến đây là chúng ta vứt bỏ tất cả những nỗi khổ trần thế rồi... Bây giờ chúng ta lọt vào một thế giới hoàn toàn mới mẻ". Khi leo lên được một đỉnh cao, một người mang vác thốt lên rằng anh ta nghe thấy giọng nói của các thiên thần và từ nay anh ta sẽ có thể chết sung sướng.

Họa sĩ Albert Groos, theo lời con trai ông là Carlo kể lại, trong bảy mươi năm trời đã áp ủ tình yêu say mê đối với Cervin, tình yêu này đã biến thành một cảm giác huyền bí. Monot-Herzen nói về điều đó như thế này :

Cảm giác này cũng giống như cảm giác của Groos và Guido Rey, hai người đã cùng nhau viết một cuốn sách về Cervin, và cũng hoàn toàn giống như cảm giác của tôi. Trong năm mươi năm trời, tôi đã leo ngọn núi này tới mười chín lần, mỗi lần lại trở về với một phát hiện mới và một nỗi vui mừng mới.

Người ta biết rằng người Ấn Độ coi những đỉnh cao Himalaya như nơi ngụ của các thần thánh, và đối với người Hy Lạp, thì thần thánh ngụ trên núi Olype. Họa sĩ lớn nhất của Nhật Bản Hokusai đã vẽ hơn một trăm lần tên gọi ngọn núi thiêng liêng Fuji (Phú Sĩ), ngọn núi được coi như ngôi đền của một vị thánh gọi là "Công chúa Hoa Nở", ví với một đoá hoa hồng và dáng nở của nó. Trong một bức tranh của Hokusai, người ta thấy đỉnh Fuji Yama lấp lóa ánh mặt trời, còn ở những sườn núi của nó thì một cơn dông tố nổ ra. Những bằng chứng khác cho biết có những ngôi đền được xây trên núi, Moise cũng nhận được thiên khải trên núi Sinai, và Christ thì hóa mình trên Núi Tabot và truyền giảng trên núi đó.

Hãy xem xét kỹ hơn và chính xác hơn sự giống nhau giữa các giai đoạn đi lên về tinh thần và leo núi. Trong cả hai trường hợp, sự đi lên đòi hỏi một sự chuẩn bị cẩn thận.

Người miền núi phải có một sự phát triển cơ bắp bằng cách tập thể dục và bằng những cách khác để leo núi. Trước khi chạm trán với núi, phải đủ khỏe mạnh ở đồng bằng rồi. Lao mình vào một cuộc leo núi sẽ là điều ngu xuẩn nếu không đủ sức mạnh để đi hay để tập thể dục. Đó là điều hiển nhiên, nhưng lại không được thừa nhận và chú trọng khi thực hiện những sự đi lên về tâm linh, đôi khi còn không chuẩn bị gì cả.

Trong Tổng hợp tâm lý, bao giờ chúng tôi cũng nhấn mạnh tới sự cần thiết phải làm một sự tổng hợp thật tốt về tâm lý cá nhân, phải nắm vững việc sử dụng các năng lượng và các chức năng thông thường của con người, trước khi lao mình vào sự phát triển những năng lượng và chức năng cao hơn, trước khi lao mình vào sự khám phá cái siêu thức. Nếu không làm như thế, người ta sẽ lâm vào những sự mất cân bằng tâm lý, có thể rất nghiêm trọng.

Nhưng chỉ chuẩn bị về thể chất hay tâm lý cũng không đủ, cần phải có một hiểu biết, ít nhất trên lý thuyết, về cái vùng mà chúng ta sắp mạo hiểm bước vào. Đối với những ngọn núi đã được thăm dò ít nhiều, đã có các bản đồ, các chỉ dẫn, các mô tả do những người từng mạo hiểm trèo lên đó cung cấp cho. Trong lĩnh vực tâm lý, những điều đó cũng tương ứng với những hiểu biết đã đạt được về cái siêu thức nằm trong những văn bản của những ai đã từng thể nghiệm về các trình độ cao siêu ấy. Càng có ít hơn nữa là những mối liên hệ cá nhân có thể kết nối với những người đã thăm dò chiều cao ấy : những người hướng dẫn tâm linh đích thực

- tôi nhấn mạnh "đích thực", vì nhiều người tự coi là nhu thể nhưng thật ra không phải.

Với hai sự chuẩn bị này, người ta có thể đương đầu với sự đi lên. Đây đúng là đi lên, chứ không phải bay lên ; nó gồm có nhiều giai đoạn. Có hai sự mô tả, cả hai đều bổ ích và giúp hiểu rõ, về một sự đi lên như vậy : đầu tiên là sự đi lên của Dante trên núi Chuộc tội, đó là đối tượng của Khúc ca thứ hai trong *Hài kịch thần thánh*. Xét theo quan điểm của Tổng hợp tâm lý và ý nghĩa tâm linh, tác phẩm này có thể đem lại cho chúng ta nhiều chỉ dẫn có ích, bao giờ cũng hợp thời, vì những khó khăn và trở ngại phải vượt qua phần lớn đều giống thế.

Thứ hai là sự đi lên núi Carmen, do thánh Jean de la Croix mô tả trong một tập sách dày. Nó đặc biệt mang tính chất khổ hạnh, nhưng lại chứa đựng nhiều kho tàng chân thực về hiểu biết tâm lý và giảng dạy, mà nếu dịch sang ngôn ngữ hiện đại và tách khỏi khung cảnh lịch sử, thì có thể rất có ích. Xin lấy một ví dụ : Jean de la Croix mô tả tỉ mỉ các trạng thái khô cằn, lạnh giá của "đêm tối" sau những thể nghiệm vui vẻ đầu tiên, ấm áp và giàu cảm giác. Các trạng thái ấy phù hợp với cảnh lạnh giá và sương mù mà một người leo núi phải đi qua khi trèo lên, trước khi lên tới đỉnh cao rực rỡ ánh nắng.

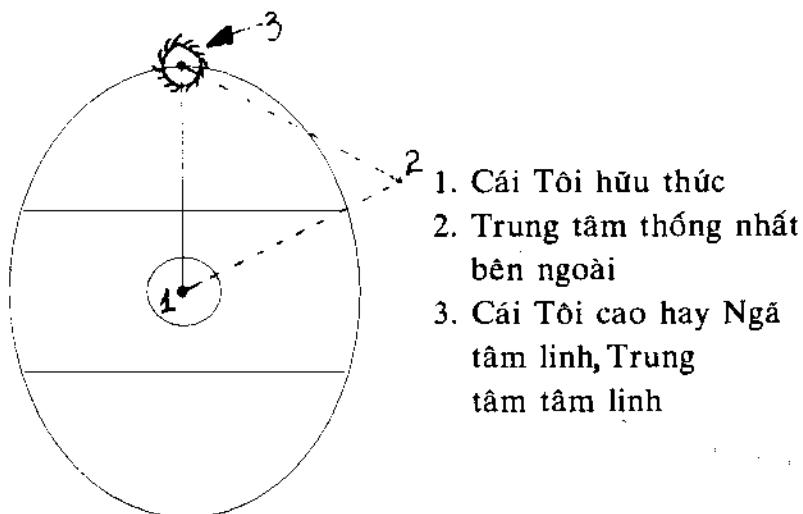
Hình ảnh tượng trưng của núi và sự trèo lên ấy được dùng trong nhiều phương pháp trị liệu tâm lý khác nhau. Một giáo sư y học lâm sàng ở Darmstadt, bác sĩ Carl Happich, nhà trị liệu tâm lý có nhiều bệnh nhân, đã sử dụng

ba tình huống tượng trưng để suy ngẫm : đứng trên một bãi cỏ, trèo lên một ngọn núi và đứng trên một tháp chuông.

Phương pháp đi lên nội tâm bằng cách hình dung sự trèo lên một ngọn núi ấy cũng được Desoille dùng trong kỹ thuật "thức tỉnh giấc mơ", rồi được bác sĩ Virel phát triển và sửa đổi dưới tên gọi "Hình ảnh tinh thần" hay "trị liệu bằng giấc mơ" (Onithérapie).

Trong phương pháp vẽ tự phát, không hiếm cảnh tượng tượng ra một ngọn núi đã được chinh phục hay đang phải trèo lên.

Tầm quan trọng của những tượng trưng, như tấm gương phản chiếu hay vật trung gian của một hiện thực tâm linh, được mô tả trong sơ đồ sau đây:



Trong biểu đồ này, có một trung tâm bên ngoài có thể được dùng làm tấm gương phản chiếu Ngã tâm linh.

Đôi khi, người ta cảm thấy dễ dàng hơn một sự phản ánh của Ngã tâm linh : thay vì trực tiếp thấy được nó, người ta nhìn thấy hình ảnh phản hồi do trung tâm bên ngoài đưa lại. Trung tâm này có thể là chính người thầy thuốc trị liệu, mẫu mực lý tưởng, nhưng cũng có thể là một tượng trưng như ngọn núi. Có thể sử dụng nhiều loại tượng trưng và những hình ảnh tượng trưng giống với hình ảnh đi lên ấy.

Trong Tổng hợp tâm lý, chúng tôi dùng những bài tập thuộc loại này, đầu tiên là bài tập leo núi Chuộc tội đã nhắc tới trên đây. *Hài kịch thần thánh* có thể được coi như bản trường ca về Tổng hợp tâm lý, vì nó mô tả ba giai đoạn lớn : đầu tiên là đi xuống địa ngục, đó là giai đoạn phân tâm học, đi xuống những chốn sâu của cái vô thức thấp ; rồi đi lên núi Chuộc tội, một sự đi lên nội tâm ; và cuối cùng, Thiên đường tượng trưng cho những giai đoạn đạt tới ý thức tâm linh cao hơn.

Một nhóm tượng trưng khác được dùng khi tập theo truyền thuyết Thánh Graal, bài tập này được mô tả trong cuốn sách của tôi : *Tổng hợp tâm lý, Các nguyên lý và các kỹ thuật* (Épi, Paris, 1993).

Những tượng trưng này không phải chỉ có hiệu quả trị liệu ; chúng ít ra cũng có hiệu quả, nếu không phải là nhiều hơn thế, trong việc chinh phục những chiều cao rực rỡ của cái siêu thức, để khám ra ở đó tất cả những điều kỳ lạ, và sử dụng tất cả những kho báu ở đó.

Giống như việc trèo lên một ngọn núi, có thể đi theo nhiều lộ trình khác nhau, cũng có những "con đường nội tâm" khác nhau, thích hợp với những tính khí khác nhau, những kiểu tính cách khác nhau, để đạt tới những đỉnh cao siêu thức và tiếp xúc với Ngã tâm linh. Có con đường thần bí, có con đường tình yêu, có con đường mỹ học được Platon diễn đạt thành cái thang nổi tiếng của vẻ đẹp, có con đường suy ngẫm, v.v...

Ở đây tôi chỉ xin nói tới con đường suy ngẫm, vì nó đi vào trường tổng hợp tâm lý trực tiếp hơn.

Giai đoạn thứ nhất, có thể coi như tương ứng với sự chuẩn bị đã nói trên đây, là giai đoạn tĩnh tâm, tập trung, chuyển từ ngoại vi vào trung tâm, tự tách ra, nói cách khác, giải thoát trường ý thức khỏi những nội dung thông thường của nó. Ý thức chúng ta nói chung bị phân tán ra nhiều đối tượng khác nhau nằm trong trường của nó ; ngoài ra, nó thường xuyên nhận được những thông điệp, những "thông tin" - nói theo ngôn ngữ điều khiển học - từ thế giới bên ngoài, cũng như từ nhiều trình độ khác nhau của cái vô thức. Do đó, trước khi dùng bất cứ phương pháp nào khác, cần phải "trở về với chính mình", tức là tập trung ý thức vào cái tôi hữu thức, nằm chính giữa khu vực hữu thức, ở trình độ bình thường của nó.

Cần phải giữ im lặng, không những ở bên ngoài mà cả trong nội tâm. Về điểm này, tôi xin dẫn ra câu trả lời xác đáng của một bậc thầy. Khi có một môn đồ nói với ông : "Con đã nhắm mắt lại và không còn nhìn thấy thế giới nữa,

con đã bịt tai lại, không nghe thấy mọi lời nói hay tiếng động bên ngoài nữa, thế nhưng con chẳng có ý thức về cái gì cả", ông đáp : "Hãy cố ngậm miệng lại, giữ im lặng, không phải chỉ ở bên ngoài mà cả ở bên trong bản thân con". Thật vậy, nếu chúng ta tự quan sát bản thân mình, chúng ta thấy có một cái gì đó liên tục nói ở trong bản thân mình, bao giờ cũng có những tiếng nói đến từ những tiểu nhân cách và từ cái vô thức của chúng ta, những tiếng la hét bên trong liên tục. Chính vì thế, sự im lặng bên ngoài là không đủ. Thậm chí cũng không cần thiết : người ta có thể tỉnh tâm cả ở giữa những tiếng ồn ào.

Giai đoạn thứ hai là giai đoạn suy ngẫm đích thực, và trước hết là suy ngẫm về một chủ đề xác định bằng một câu hay bằng một từ. Chặng thứ nhất là sự *suy nghĩ trí tuệ*, nó phải được tiếp theo bằng một cái gì sâu hơn, sinh động hơn. Đây là sự cảm nhận phẩm chất, ý nghĩa, chức năng, giá trị của cái được suy ngẫm, có ý thức rõ về nó và, có thể nói, cảm thấy nó đang sống và đang hành động trong bản thân chúng ta. Thay cho những lời lẽ, chúng ta sử dụng những hình ảnh, những tượng trưng được mắt ta nhìn thấy và được hình dung ở bên trong chúng ta.

Thật khó khăn, nếu không phải là không thể, khi diễn đạt bằng lời lẽ những gì có trong chặng cao nhất của sự suy ngẫm. Người ta chỉ có thể nhắc tới nó như một trạng thái tự đồng nhất sâu kín với đối tượng được suy ngẫm, đến mức người ta không thấy tách mình ra khỏi nó (mất đi tính đối ngẫu với nó). Sau đó, khi không sử dụng một đối tượng nào

nữa, sự suy ngẫm trở thành một trạng thái yên tĩnh hoàn toàn, trạng thái im lặng nội tâm, chỉ cảm thấy mình "tồn tại" trong ý thức tồn tại thuần túy.

Lúc đó, với ý thức trọn vẹn, người ta tới được khu vực, lĩnh vực thường được coi là siêu thức. Ở chặng này, người ta có thể thể nghiệm về những phẩm chất và hoạt động tâm lý - tâm linh khác nhau trong cái siêu thức. Đây không phải là một cái gì trừu tượng, mơ hồ, tan dần, như những người chưa hề có những thể nghiệm này tưởng. Đây là một cái gì sống động, mãnh liệt, lăm vè, năng động, được cảm nhận như có tính hiện thực hơn kinh nghiệm thông thường, dù là ở trong nội tâm hay ở bên ngoài. Những đặc trưng chủ yếu của sự thể nghiệm này là :

1. Một sự cảm nhận ánh sáng, mang lại một sự chiếu sáng chung, hoặc một sự soi sáng những vấn đề và những tình huống mà ý nghĩa của chúng bây giờ mới được phát hiện.
2. Một cảm giác thanh bình, thái bình, bất kể hoàn cảnh bên ngoài hay trạng thái nội tâm là thế nào.
3. Một cảm giác về sự hài hòa và vẻ đẹp.
4. Một cảm giác vui mừng hoan hỉ, như Dante đã mô tả rõ.
5. Một cảm giác về sức mạnh, sức mạnh của tinh thần.
6. Một cảm giác về sự rộng lớn, về tính phổ biến, về tính vĩnh hằng.

Tất cả những đặc trưng ấy không tách khỏi nhau, mà thâm nhập nhau. Đó là một cái gì mà Dante đã diễn tả một cách tuyệt diệu.

Những thể nghiệm về suy ngẫm cao như vậy, tất nhiên, không thể là thường hằng, nhưng cả khi chúng kết thúc, chúng cũng tiếp tục đề ra những hiệu ứng thường làm thay đổi nhân cách con người ở chiều sâu. Ngoài ra, chúng còn làm ổn định dần dần trung tâm ý thức cá nhân và khu vực ý thức bình thường ở những trình độ ngày càng cao hơn. Khu vực này có thể đạt tới đường phân chia ranh giới (không phải là chia cắt, mà là phân biệt) giữa cái vô thức trung bình và cái siêu thức, khiến cho ý thức thức tỉnh bao giờ cũng được chiếu sáng ở một mức nào đó.

Điều đó có thể làm cho sự đi xuống của những trực giác hay ngẫu hứng được dễ dàng hơn và thường xuyên hơn. Đỉnh cao nhất trong việc đạt tới nó một cách tượng trưng là sự hòa hợp của trung tâm ý thức cá nhân với Ngã tâm linh. Tôi muốn lưu ý rằng, trong các biểu đồ trên đây, ngôi sao chỉ Ngã tâm linh được vẽ bắc qua mặt bên trong và mặt bên ngoài của hình bầu dục (như cuôi ngựa bỏ hai chân sang hai bên). Điều đó nói lên rằng Ngã vừa mang tính cá nhân, vừa mang tính phổ biến, tiếp xúc với Hiện thực siêu việt.

Một hiệu ứng khác của những thể nghiệm ấy là *hành động* ngẫu hứng, xung lực mạnh mẽ thúc đẩy tới chỗ hành động và trước hết tới chỗ thể hiện, lan tỏa, chia sẻ các kho báu đã được phát hiện và được chinh phục với những người

khác, rồi tới chỗ hợp tác với tất cả mọi người có thiện chí, với tất cả những ai cũng có những thể nghiệm tương tự, nhằm xua tan những bóng tối ngu. dốt làm mù quáng loài người, xóa bỏ những xung đột xấu xí nó, chuẩn bị cho một nền văn minh mới, trong đó mọi người sẽ thực hiện những tiềm năng đáng ngạc nhiên vốn có của mình, trong niềm vui và trong sự hòa hợp.

4. SỰ BÀNH TRƯỚNG CỦA Ý THỨC : THĂM DÒ VÀ CHINH PHỤC NHỮNG THẾ GIỚI NỘI TÂM

Hiện nay, loài người đang ở trong trạng thái khủng hoảng nghiêm trọng về mặt cá nhân cũng như tập thể : một cảm giác không thoả mãn, bất mãn đối với đời sống thông thường đang lan rộng ; người ta đi tìm một "cái gì đó" khác hơn. Không cần phải nhấn mạnh điều đó, vì nó là một hiện thực rất quen thuộc và thường xuyên bộc lộ trước mắt ta. Sự tìm kiếm một cái gì đó khác hơn, sự nổi loạn chống lại đời sống thông thường ấy biểu hiện bằng hai cách, mà cả hai đều viển vông tới sự bành trướng của ý thức.

Cách thứ nhất đưa tới sự phát triển nhận thức của chúng ta về thế giới bên ngoài, nhất là đưa tới sự khám phá, chinh phục và thống trị không gian bằng những chuyến bay trên trời và trong vũ trụ. Song song với điều đó, nhiều hoạt động được triển khai nhằm chế ngự và sử dụng tất cả các lực của tự nhiên, cho tới cả năng lượng hạt nhân.

Con đường thứ hai của sự bành trướng ý thức nằm ở sự nhận thức thế giới nội tâm, hoặc nói đúng hơn, các thế giới nội tâm. Do đó mà người ta ngày càng quan tâm hơn tới tâm lý học (nhất là để thăm dò cái vô thức), những sự tìm

kiến về bản chất của năng lượng tâm lý, về những quy luật chi phối nó và việc sử dụng nó cũng như lạm dụng nó (quá thường thấy !).

Vì thế, tôi thấy cần thiết phải làm rõ một số vấn đề, xác định tình huống hiện thời, trình bày những phương hướng và những sự phát triển hiện nay và chỉ ra những con đường có thể được dùng và những kỹ thuật phải dùng. Bây giờ tôi sẽ vạch ra những đường hướng lớn của những chủ đề khác nhau sẽ được bàn chi tiết trong những chương sau đây.

Sự mở rộng ý thức có thể được thực hiện theo ba hướng :
1. *đi xuống* ; 2. *đi ngang* ; 3. *đi lên*.

1. *Đi xuống*, người ta có thể thăm dò cái vô thức thấp hoặc để cho nó lộ ra trong trường ý thức. Đó là lĩnh vực của "tâm lý học về các chiều sâu" (psychologie des profondeurs) và đặc biệt của phân tâm học. Người ta đi vào lĩnh vực này vì những lý do thực tiễn, trị liệu hay giáo dục ; điều đó có thể là bổ ích. Nhưng có những lý do khiến cho người ta rối nhiễu : đó có thể là sự lôi cuốn của những vùng thấp, sự quyến rũ của những mặt nguyên sơ và bản năng của bản chất con người. Sự quyến rũ ấy biểu hiện rõ ở chỗ thích thú với những cuốn sách, những bộ phim hay những vở diễn được phổ biến rộng rãi nhằm kích thích bạo lực và những trạng thái bệnh hoạn. Khốn thay, một vòng luẩn quẩn đã hình thành : sự thích thú đối với những thứ bẩn thỉu lại được nuôi dưỡng, được cường điệu bởi những kẻ chằm vun chúng và cung cấp những cuốn sách hay những vở diễn ngày càng tẻ nhạt, vì những lý do kinh tế, vì ham mê. Những cảnh khủng khiếp cũng được biểu hiện ở những bức tranh của

các họa sĩ hiện đại. Sức lôi cuốn của cái ác ấy đã được Erich Fromm mô tả tinh vi trong cuốn sách của ông *Trái tim con người*. Rollo May cũng nói tới sự quyến rũ của "quỷ dữ" trong *Tình yêu và ý chí*, nhưng không phân biệt rõ những trình độ khác nhau.

2. Hướng thứ hai trong đó ý thức muốn mở rộng ra, có thể nói là *theo chiều ngang*, là tham gia với những người khác, thậm chí tự đồng nhất với họ, vào tự nhiên, vào các sự vật. Đó là xu hướng trốn tránh ý thức về cá nhân mình và tự vùi sâu vào ý thức tập thể. Cần phải nhắc lại rằng ý thức tập thể có trước ý thức về cái tôi cá nhân; chúng ta thấy có nó ở những người nguyên thủy, ở trẻ em và, ở một mức độ nhỏ hơn, ở các nhóm người khác nhau: các phe phái xã hội, quân sự hay nghề nghiệp mà cá nhân tự đồng nhất với chúng.

Nhưng mặt tốt nhất của sự mở rộng của ý thức theo chiều ngang ấy là sự tự đồng nhất với tự nhiên dưới những mặt khác nhau của nó, cũng như với sự sống vũ trụ nói chung, và cảm giác tham gia vào sự sống và sự sinh thành phổ biến.

3. Hướng thứ ba, *đi lên*, được hướng tới những trình độ của cái siêu thức, những trình độ siêu cá nhân. Sự mở rộng của ý thức có thể được thực hiện ở đây theo hai cách khác nhau: cách thứ nhất là đi lên tới trung tâm của ý thức, cái tôi, tới những trình độ ấy, còn cách thứ hai là mở ra cho năng lượng đến từ những trình độ cao tràn ngập vào.

Như vậy, diễn ra một sự tương tác ngày càng tăng giữa cái tôi hữu thức và những trình độ của cái vô thức. Mặt cao

nhất của nó là tiếp xúc với Ngã siêu cá nhân. Hãy nhớ rằng cái tôi hữu thức là một "phản ánh" của Ngã, do đó về căn bản nó cũng có cùng bản chất, tuy bị làm suy giảm, bị "nhuộm màu" bởi những nội dung thuộc trình độ trung bình của nhân cách. Khi, với một số bài tập (chủ yếu là bài tập giải sự tự đồng nhất), người ta đạt tới chỗ loại bỏ được những nội dung ấy, thì cái tôi hữu thức có xu hướng đi ngược lên tới nguồn gốc của nó.

Những mô thức và những hiệu ứng khác nhau của sự siêu việt ấy, nhất là theo hướng đi lên, đã được Maslow trình bày đầy đủ trong bài viết của ông "Những ý nghĩa khác nhau của sự siêu việt", công bố trên *Tạp chí tâm lý học siêu cá nhân* (mùa Xuân 1969). Trong đó, ông phân biệt ba mươi lăm hình thức hay diện mạo.

Thông thường, sự khác nhau giữa ba hướng bành trướng ý thức nói trên không được thừa nhận, và về vấn đề này đang có một sự lẫn lộn lớn, do đó cần phải nhấn mạnh sự khác nhau ấy. Nhưng, từ bây giờ, tôi sẽ chủ yếu bàn tới hướng đi lên, tới mối quan hệ với những trình độ siêu cá nhân, với cái siêu thức, và đặc biệt bàn tới cách tiếp thu, nghĩa là sự đi xuống - mà đôi khi đó là một sự xâm nhập thật sự - của những nội dung siêu thức tới trình độ thường thấy của cái tôi hữu thức⁽¹⁾.

1. Nhà văn Pháp Jean Wahl, trong nghiên cứu của ông về chủ nghĩa hiện sinh, đã dùng một trò chơi chữ rất hay để nói tới hai kiểu siêu việt : *trans-ascendance* (siêu lên) và *trans-descendance* (siêu xuống).

Một sự đi xuống như vậy có thể xảy tới một cách tự phát hoặc được gây ra. Kiểu được biết tới nhiều nhất của sự đi xuống là *ngẫu hứng* (inspiration). Những nội dung của cái siêu thức có thể đi vào ý thức dưới những hình thức khác nhau : chúng có thể không có hình dạng, ở trạng thái thô hoặc nửa chế biến ; hoặc trong những trường hợp khác, chúng có thể được cấu trúc chặt chẽ, dưới một hình thức dứt khoát hay gần như thế. Điều đó chủ yếu thường xảy tới trong ngẫu hứng âm nhạc. Một ví dụ tiêu biểu là Mozart, với những bố cục hoàn chỉnh hiện lên trong ý thức mà ông không cần làm một chỉnh lý nào cả. Trái lại, khi chất liệu đến trong trạng thái thô, nó thường hiện lên dưới một hình thức ngôn từ, theo một phong cách kỳ lạ, không tuân theo các quy tắc ngữ pháp. Một ví dụ tiêu biểu của điều đó là văn học siêu thực. Nhưng thú văn học này cũng đến từ những trình độ khác nhau của cái vô thức, kể cả những hình thức thấp.

Kiểu đi xuống đơn giản nhất của những nội dung siêu thức là *trực giác*. Có thể so sánh nó với một ngọn đèn chiếu sáng hay làm sáng lóe lên ý thức được thức tỉnh trong một thời gian tương đối lâu. Trực giác có thể biểu hiện trong tất cả các lĩnh vực, kể cả các lĩnh vực triết học và khoa học. Tôi xin dẫn ra đây một câu nói đẹp đẽ của Einstein về trực giác :

Vật lý quy nạp đặt ra những vấn đề mà vật lý diễn dịch chưa thể trả lời được. Chỉ có trực giác, tương tự với mối liên hệ gắn bó hai người yêu nhau, mới có thể cho phép nhận thức đi quá những giá trị lôgic.

Nói chung, các nghệ sĩ lớn, các nhà văn và nhà thơ lớn đều phải trau dồi lại một cách có ý thức vật liệu đã nổi lên hay đi xuống cái hữu thức của họ. Một ví dụ tiêu biểu là Dante. Trong *Hài kịch thần thánh*, ông đã trả lời cho Bonagiunta về ngẫu hứng của mình như sau :

Và tôi trả lời : tôi là một kẻ ghi nhận khi tình yêu mang lại ngẫu hứng, và là kẻ để lộ ra ngoài những gì nghe thấy bên trong.

Trong tác phẩm này, những sự cầu viện Nàng thơ của ông trên thực tế là những sự cầu viện cái siêu thức, cầu viện Ngã tâm linh. Tuy nhiên, sau đó ông đã xây dựng một cách có ý thức thứ vật liệu ngẫu hứng ấy và đem lại cho nó một hình thức chặt chẽ : những khổ thơ ba câu có vần điệu của *Hài kịch thần thánh* và một số Khúc ca cổ định trong mỗi phần của ba phần Thánh ca. Ông nói rõ điều đó ở đoạn cuối của *Nơi chuộc tội* :

Nhưng, vì tôi đã dự tính dành hết những trang giấy này
Cho phần Thánh ca thứ hai,
Các quy tắc nghệ thuật không cho phép tôi làm khác đi.

Có nhiều phương pháp khác nhau để gây ra hoặc thúc đẩy mạnh mẽ sự đi xuống tới ý thức được thức tỉnh của những yếu tố siêu cá nhân.

Một trong những phương pháp giản dị nhất, nhưng cũng có hiệu quả nhất, là vẽ tự do. Cái vô thức chủ yếu được thể

hiện bằng các tượng trưng, và vẽ là một hình thức thích hợp để trực tiếp diễn đạt những tượng trưng ấy. Hãy nhớ rằng chữ đầu tiên là chữ tượng hình ; nó sử dụng những hình ảnh cụ thể. Ngày nay người ta còn nhìn thấy như vậy ở các chữ tượng hình Trung Quốc. Văn chữ cái có thể được coi như một cách ghi tốc ký, một cách giản lược những chữ tượng hình.

Vẽ tự do thường tạo ra những kết quả đáng kinh ngạc, những "thông điệp" đích thực của cái siêu thức. Một bằng chứng về nguồn gốc của chúng là, trong ý thức được thức tỉnh, người vẽ thường khi tự mình không hiểu được ý nghĩa của hình vẽ. Phải có một chuyên gia về các quá trình tinh thần mới nói lên được ý nghĩa đó cho anh ta và, nói chung, anh ta phải thừa nhận là đúng ; anh ta thừa nhận rằng đó đúng là điều anh ta muốn nói, nhưng tự bản thân anh ra thì không phát hiện ra được.

Một phương pháp khác là viết. Duồng như viết là một chuyện đơn giản, không có những vấn đề gì lớn, nhưng thật ra đó là một quá trình tinh thần đa dạng và phức hợp. Thông thường, người ta bắt đầu viết ra một điều gì mình đã suy nghĩ, và sau đó, dần dần nảy sinh ra những ý tưởng mới. Dòng tư duy đi theo một hướng thật bất ngờ và điều được diễn đạt còn làm cho chính người viết ra lấy làm ngạc nhiên. Trong một số trường hợp, có thể nói rằng cái vô thức "cầm tay" người viết và thậm chí chính nó viết ra nữa. Một nhà văn rất thông thạo các vấn đề này và là

một nhà tâm lý học giỏi, Hermann Keyserling, đã mô tả điều này như sau :

Nói chung, tôi không viết ra vì tôi biết, mà là vì mục đích để biết, bằng cách làm cho hiểu biết tiềm thức của tôi đi lên tới trường nhìn có ý thức của tôi.

Nhưng, ở đây, cần có những sự thận trọng, phải nhận được những sự xác nhận. Trong kiểu cộng tác có nhiều mức độ này giữa cái hữu thức và cái vô thức, thật vậy, người ta có thể chuyển sang giai đoạn "tự động", trong đó cái tôi hữu thức chỉ tham dự ít nhất, hay chẳng tham dự gì cả, mà rơi vào trạng thái nhập đồng, thôi miên, trong khi tay cứ viết ra. Thế nhưng, kiểu viết này có nhiều bất lợi và thậm chí mang theo những mối nguy hiểm thật sự : người ta mở cửa ra và chẳng biết ai có thể đi vào. Có rất nhiều bản viết bằng lối viết tự động ấy, nhưng giá trị của chúng là rất khác nhau. Một số có giá trị văn học như những tiểu thuyết dài. Đôi khi đó là những kiến thức rất có giá trị mang tính chất tâm linh, hay những cảnh cáo có ích. Nhưng trong phần lớn các trường hợp, chất lượng của những bản viết tự động ấy rất thấp ; rõ ràng đó là do cái vô thức thấp đã "cầm tay" người viết.

Ở đây, một vấn đề đặt ra. Nguồn gốc của những biểu hiện ấy phải chăng cũng là có tính chất ngoài cá nhân (extrapersonnelles), nghĩa là đến từ những nguồn, những trung tâm khác với nhân cách của người viết ? Đó là một lĩnh vực rất khó hiểu và phức tạp. Tôi chỉ muốn nói rằng

người ta không thể loại trừ những nguồn nằm bên ngoài cái vô thức cá nhân, vì nó luôn luôn tác động qua lại (tôi có thể nói là trong sự "thấm thấu tâm lý"), ở tất cả các trình độ, với cái vô thức tập thể. Vì lẽ đó, rất khó nói rằng đây là chuyện hoàn toàn cá nhân hay, ngược lại, có một số luôn đến từ cái vô thức tập thể, từ cái thấp nhất đến cái cao nhất. Do đó, cần phải hết sức thận trọng. Trong mọi trường hợp, các thông điệp từ đâu đến chẳng có liên quan gì với giá trị nội tại của chúng.

Một kiểu siêu việt cao khác là sự thâm dò tích cực những trình độ siêu thức, nói cách khác, đó là sự đi lên tự nguyện của cái tôi hữu thức tới những trình độ ngày càng cao hơn. Có nhiều phương pháp để kích thích hay để gây ra sự đi lên ấy của ý thức : Cầu nguyện, thiền định và những lối tập đặc biệt khác. Ở đây tôi chỉ nói ám chỉ mà thôi, bởi vì dưới đây tôi sẽ nói những cách hướng tới cái siêu thức và Ngã tâm linh. Tôi chỉ nói rằng trong mọi lộ trình và ở tất cả các giai đoạn đi lên của ý thức, cần phải dùng tới ý chí. Ý chí là cần thiết để loại bỏ các trở ngại, để duy trì trạng thái tiếp nhận. Nó cần thiết như một cái máy đẩy để đi lên ngày càng cao hơn, để cho ý thức được giữ ổn định ở những trình độ cao và để hướng dẫn cũng như sử dụng các năng lượng đã được giải thoát.

Trong những cách tập luyện đặc biệt, có những bài tập Raja Yoga. Sự đi lên gặp thuận lợi hơn bằng cách sử dụng các tượng trưng thần bí, chẳng hạn tượng trưng leo núi nội tâm như đã nói trên kia. "Sự hình dung có hướng dẫn" là

một phương pháp dễ dàng và rất có hiệu quả, cho phép những vật liệu tượng trưng phong phú dồn tới. Nếu được người hướng dẫn tập luyện giải thích, nó sẽ cho phép mở rộng được ý thức đáng kể.

Hãy chuyển sang việc loại bỏ các trở ngại. Các trở ngại có thể được so sánh với những "gánh nặng", với một "vật cản" gây khó khăn cho sự đi lên của ý thức, hoặc với một "dây thừng", tượng trưng những sự bám chặt vào các nội dung của nhân cách thông thường cản trở sự đi lên. Những trở ngại ấy có thể đến từ thân thể, từ các xúc cảm, từ sự hình dung, từ tinh thần, từ ý chí và từ môi trường xung quanh.

Đặc biệt quan trọng là những trở ngại có bản chất tự nguyện. Thường cái tôi hữu thức không ham muốn đi lên. Nó cường chống lại, nó sợ cái bí ẩn, sợ những độ cao thấp thoáng. Sự cường chống này được Bác sĩ Franck Haronian gọi rất đúng đó là "sự từ chối cái cao quý", ông đã mô tả nó trong một bài viết dưới nhan đề ấy. Không hiếm khi sự cường chống này gắn với dự cảm là một số trường hợp có ý thức tâm linh sẽ đòi hỏi người ta nhiều hơn và sẽ đề ra những trách nhiệm mà cái tôi vị kỷ hay cái tôi trung tâm từ chối. Một cuộc đấu tranh thật sự lúc đó diễn ra giữa cái tôi hữu thức và Ngã tâm linh, cuộc đấu tranh đã được những nhà thần bí khác nhau mô tả một cách xác đáng, nhất là Thánh Paul và Thánh Augustin đã nhấn mạnh nó.

Rất thường khi những trở ngại quan trọng được môi trường xung quanh dựng lên, từ môi trường trực tiếp của

gia đình hay từ môi trường xã hội. Chúng ta đắm chìm trong bầu không khí tâm lý nặng nề và ngột ngạt, đầy sóng gió, đè nén mà chúng ta có thể gọi đó là một thứ sương khói (smog) tâm lý. Nhưng chúng ta không thể nào thoát khỏi được. Nhiều người có xu hướng cho rằng không thể có sự thức tỉnh tâm linh, và đó là tối lỗi của các cấu trúc xã hội, của lối sống duy vật chất hiện thời. Nhưng điều đó không đúng. Người ta có thể vượt qua những trở ngại đó. ở đây, thấy rõ vai trò không thể thay thế được ý chí. Không được trách móc những ảnh hưởng bên ngoài mà phải cưỡng chống lại chúng, thậm chí đấu tranh với chúng, phải tự bảo vệ và đi lên.

Những cách mở rộng ý thức lên cao hơn là rất khác nhau, chúng phụ thuộc vào các kiểu tâm lý, các tính khí cá nhân. Có thể chỉ ra bảy con đường chính. Cần phải nói ngay rằng những con đường này không tách rời nhau, mà trên thực tế, thường trùm lên nhau từng phần ; chính vì thế có người đi theo được nhiều con đường cùng một lúc. Chúng cũng khác nhau và trong thời gian đầu, để được sáng rõ, cần phải mô tả nhận biết từng con đường một, trước khi đạt tới sự phối hợp chúng.

Đó là :

1. Con đường khoa học.
2. Con đường soi sáng.
3. Con đường đạo đức - tái tạo.
4. Con đường mỹ học.

5. Con đường thần bí.
6. Con đường anh hùng.
7. Con đường nghi thức.

Bây giờ chúng ta hãy xem xét những hiệu ứng do sự mở rộng của ý thức tạo ra nhân cách. Cần nhớ rằng những hiệu ứng ấy có thể gây tổn hại, điều đó cũng đúng cả với sự mở rộng ý thức lên cao. Trên thực tế, những sự đột nhập, đôi khi bất ngờ và thậm chí mãnh liệt của những nội dung vô thức vào một ý thức chưa được chuẩn bị hay chưa thống nhất sẽ có thể tạo ra những mất cân bằng. Chúng có thể thoát tiên gây ra những húng khởi : cá nhân tràn ngập những sức mạnh mới và hiểu được những tiềm năng cao, vốn có ở cái siêu thức và ở Ngã tâm linh. Sự phát hiện ra Ngã, mà về bản chất cũng giống như Hiện thực tối cao, cùng mang bản chất thần thánh, có thể đem lại một cảm giác húng khởi cho cá nhân : người ta hình dung mình ở một trình độ cao và đã ở đó rồi, trước khi diễn ra một quá trình biến hoá, tái sinh lâu dài và cần thiết. Điều được cảm nhận như vậy là điều người ta đã trải qua lúc đại giác. Biểu hiện cao nhất của sự húng khởi này là lời khẳng định : "Ta là Thượng đế". Ảo tưởng ấy là một sai lầm căn bản, có thể được coi như một sự lẫn lộn giữa cái có thể xảy đến về tiềm năng và cái đang có thực. Cũng giống như một quả sồi, khi hiểu được nó có thể trở thành một cây sồi lớn, đã nói : "Ta là một cây sồi". Về tiềm năng, nó có trong bản thân nó tất cả những gì cần có để trở thành cây sồi, nhưng hiện thời nó chưa có ; nó phải trải qua một quá trình dài để nảy

mầm, để lớn lên, để đồng hoá các chất từ đất, từ nước, từ không khí và từ ánh nắng. Con người cũng như thế. Sau khi phát hiện ra mình có thể trở thành cái gì những gì có tiềm tàng trong bản thân mình, thì con người phải hiểu được con đường rèn luyện lâu dài, phức tạp và thậm chí nhọc nhằn nữa, cần thiết để thực hiện tiềm năng đó - và muốn vậy, con người nhất thiết phải trở về với trình độ ý thức thông thường.

Trong những hiệu ứng khác, có thể có một sự căng thẳng thần kinh và tâm lý quá mức, được tạo ra bởi sự đột nhập của các năng lượng và bởi những xung đột nảy sinh ra giữa các nội dung trung bình và thấp, hữu thức và vô thức, và những năng lượng mới ấy.

Nhưng những hiệu ứng quan trọng nhất của sự bành trướng ý thức theo hướng cao hơn là có tính tích cực. Chúng hoặc có tính chất nhất thời, hoặc tương đối lâu bền.

Nói chung, những hiệu ứng nhất thời được gọi là những "trạng thái xuất thần" ; những loé sáng mạnh mẽ, sự giao hoà với Hiện thực rộng lớn hơn, sự suy ngẫm về những gì tồn tại ở các thế giới cao siêu, những sự bành trướng theo chiều ngang theo nghĩa vũ trụ của từ ngữ này. Chúng đi đôi với niềm vui, với cảm giác sức mạnh, yêu thương, dung nạp, thông cảm tăng lên. Chúng gây ra những nhiệt tình hiến dâng mình cho Hiện thực, Thực thể tối cao đã được tiếp xúc. Về mặt ý chí, có một sự hoà trộn, một sự thống nhất của ý chí cá nhân với ý chí siêu cá nhân.

Nhưng đó là những thể nghiệm nhất thời, rất thường khi được nối tiếp không những bằng một sự xuống lại tới trình

độ ý thức thông thường, mà còn bằng những trạng thái tâm hồn tiêu cực. Những trạng thái này rất nặng nề và gây ra một nỗi nhớ tiếc mạnh mẽ về những trạng thái trước đó, thật vui và thật đẹp. Điều đó dẫn tới chỗ tìm kiếm sự lặp lại những thể nghiệm đó, mà Maslow gọi một cách thích hợp là những "thể nghiệm về các đỉnh cao". Nhưng những thể nghiệm này giống như bay cao bằng máy bay trên những đỉnh núi ; máy bay rồi phải hạ cánh xuống đồng bằng. Tuy nhiên, những chuyến bay lặp đi lặp lại ấy, sự mở rộng dần dần của ý thức được thức tỉnh, sẽ dần dần đưa trình độ chung của cá nhân lên cao hơn. Cá nhân sẽ lưu lại trên những đỉnh cao ấy trong những thời kỳ ngày càng lâu dài. Một người Ấn Độ hiện đại, Bác sĩ Astani, người từng trải qua những thể nghiệm ấy, gọi chúng là những "cao nguyên", cách gọi này lấy lại và phát triển hình ảnh của Maslow.

Sau đó, sẽ có những hiệu ứng mà chúng ta có thể gọi là chủ động hay hướng ngoại, những hiệu ứng có thể gọi tắt bằng từ "tính sáng tạo". Nó có thể là tính sáng tạo nghệ thuật, thơ ca, văn học hoặc khoa học và triết học, tùy theo những phương tiện thể hiện của con người.

Bây giờ hãy xem những nhiệm vụ của Tổng hợp tâm lý, nghĩa là những gì cá nhân, cái tôi hữu thức, có thể và phải làm sau khi mở rộng hay bành trướng ý thức. Có thể tóm tắt những nhiệm vụ ấy bằng cách chỉ ra những cái gì phải làm :

1. Hiểu và lý giải đúng, theo đúng giá trị của chúng, những gì đã xảy tới, tránh những hững hờ, những "lạm

phát" của cái tôi. Để làm như vậy, phải có sự giúp sức lớn của sự hiểu biết những thể nghiệm của người khác, bằng cách nghiên cứu cuộc sống và những trước tác của đội quân "những nhân chứng" đã trải qua sự mở rộng ý thức.

2. Đồng hoá, nghĩa là hợp nhất vào nhân cách hữu thức những nội dung mới vừa làm cho nó phong phú thêm, lại vừa làm cho nó phức tạp hơn. Sự đồng hoá này phải đưa tới một cân bằng giữa tất cả các yếu tố thuộc mọi bản chất và thuộc mọi trình độ : đó là sự tổng hợp tâm lý cá nhân.

Để đi tới một sự hợp nhất như vậy, tới một sự tổng hợp như vậy, cũng như để sử dụng đúng những năng lượng đã tràn tới - mà tôi sẽ nói vắn tắt dưới đây - cần phải :

- Phân giải những tổ hợp, những hình thái trước đó.
- Chuyển đổi, biến đổi các năng lượng thấp : tái sinh toàn bộ nhân cách.

3. Nói chung, phải đi vào một quá trình có thể gọi là "chết và phục sinh", đó là một nhiệm vụ riêng biệt của một trong những con đường nói trên, con đường "Đạo đức - Tái sinh".

Sau tất cả những điều đó, và trên thực tế là trong toàn bộ quá trình đồng hoá và tái sinh, cần phải sử dụng những năng lượng và những năng lực mới, đạt được bằng cách mở rộng và nâng cao ý thức.

Có hai cách sử dụng, tác động nội tâm và tác động bên ngoài.

Tác động nội tâm chủ yếu là toả chiếu. Từ nhân cách phát ra, toả ra các năng lượng ; giống như một vòi ánh sáng phun ra những tia sáng lan toả ra xung quanh. Sự toả chiếu này xảy ra một cách tự phát, có thể nói là không thể tránh được. Nói giải thích tại sao chỉ riêng sự có mặt của những người đã trải qua những thể nghiệm siêu cá nhân lại có tác động đối với những người họ tiếp xúc. Tác động này đã nhiều lần được ghi nhận và mô tả, và có thể gọi là "xúc tác tâm lý - tâm linh" (catalyse psycho-spirituelle).

Nhưng sự toả chiếu ấy cũng có thể là tự nguyện. Tác động của việc truyền các năng lượng, các sóng tốt lành có thể được suy tính. Người ta có thể nói tới một hình thức giao cảm từ xa (thần giao cách cảm), không chỉ nhằm truyền đi những nội dung riêng biệt mà còn tác động tới người khác bằng một ý muốn tốt lành và ban phúc chung. Từ ban phúc lành đã và vẫn còn được dùng trong lĩnh vực tôn giáo, nhưng cũng có thể dùng nó rộng rãi hơn, dù là với những tín niệm triết học hay tôn giáo. Những nghiên cứu mới đây về sự giao cảm từ xa và chuyển động từ xa (télékinésie) đã đem lại một cơ sở khoa học cho kiểu tác động này.

Một kiểu tác động khác là tác động bên ngoài. Những ai đã trải qua một sự nâng lên của ý thức theo hướng cao hơn đều cảm thấy một cách tự nhiên, có thể nói là không thể tránh khỏi, là họ phải làm sao cho những người khác chia sẻ sự phong phú nội tâm của chính mình. Đó là một hoạt động có thể gọi là "phục vụ". Nó có thể được thực hiện theo nhiều cách khác nhau, tùy theo những thái độ và thích

thú cá nhân. Cách trực tiếp nhất là giúp những người khác đạt tới sự nâng cao và mở rộng của ý thức và nó có thể được thực hành với riêng từng người hay với các nhóm.

Một hình thức tác động bên ngoài khác có tính chất xã hội. Nó được hướng tới làm thay đổi những điều kiện và những cấu trúc hiện có, trong đó có những cái không thích hợp và bó buộc, và nhất là tới sự sáng tạo những hình thức mới của đời sống xã hội, của giáo dục, nghệ thuật và văn hoá. Nó tìm cách đánh dấu từng chặng đường đi tới một nền văn minh mới, tốt hơn, trên qui mô toàn cầu.

5. CÁI SIÊU THỨC VÀ SỰ SÁNG TẠO NGHỆ THUẬT

Chúng ta đã thấy rằng có những biểu hiện khác nhau của cái siêu thức mang một giá trị cao hơn những biểu hiện của ý thức bình thường, mà ý thức này không thể tạo ra những biểu hiện ấy dù có muốn đi nữa. Những biểu hiện ấy đến từ một trình độ tâm lý cao hơn ý thức thông thường, và vì thế, trình độ này được gọi là siêu thức.

Ở các nhạc sĩ, chúng ta thấy có những trường hợp chín sớm đáng kinh ngạc : Mendelsohn bắt đầu soạn nhạc từ 5 tuổi, Haydn từ 4 tuổi và Mozart thì soạn nhạc thành thạo từ 3 tuổi. Ở tuổi này, nhân cách hữu thức chưa hình thành, do đó nó không thể tạo ra các tác phẩm. Ở người lớn, tính độc lập của năng lực sáng tạo được chứng minh bằng một thực tế là, nói chung, năng lực này được thể hiện một cách tự phát, bất ngờ, thôi thúc. Đó là sự ngẫu hứng, nó có thể được định nghĩa như sự chuyển những yếu tố tâm lý của cái siêu thức vào ý thức.

Goerges Sand đưa ra bằng chứng sau đây :

Ở Chopin, sáng tạo là tự phát, như có phép lạ ; ông tìm thấy nó mà không cần đi tìm nó, cũng

không cần tiên đoán nó ; nó đến thật hoàn hảo, thật bất ngờ và thật cao cả.

Nhà tự nhiên học vĩ đại Buffon mô tả kinh nghiệm của mình như thế này :

Bạn cảm thấy như có một chấn động điện nhỏ đánh vào đầu và dạ dày bạn, đồng thời chạm tới tim bạn. Đó là thời điểm của thiên tài.

Theo Musset, "người ta không làm gì cả, mà chỉ lắng nghe ; giống như một người bị ấn nào đó nói vào tai bạn". Còn Lamartine thì khẳng định : "Đó không phải là tôi nghĩ, đó là những ý tưởng đang nghĩ trong tôi".

Hiện tượng này cũng có những tính chất giống như thế trong lĩnh vực khoa học và kỹ thuật. Chính là khi đang đi dạo với người vợ, William Hamilton đã thấy hiện lên khái niệm phức hợp về các quaternion. Một người phát minh, từ lâu đã tìm kiếm một cách vô vọng cách xây dựng một lăng kính đặc biệt, liền thấy được mình phải làm điều đó như thế nào khi đang đọc một cuốn tiểu thuyết. Nhà hoá học Kekule kể lại rằng ông đã nhìn thấy những nguyên tử nhảy múa trong không trung, và ông đã có thể nêu ra lý thuyết của mình về các nhóm nguyên tử khi đang ngồi ở tầng trên xe buýt của Luân Đôn.

Tuy không phải là những nghệ sĩ lớn hay những nhà khoa học, nhiều người trong chúng ta đã thấy rằng, khi đang viết, bỗng nảy ra những ý tưởng mới làm cho công việc mình đổi sang một hướng hoàn toàn bất ngờ. Nhưng còn hơn thế

nữa : đôi khi ngẫu hứng đến trong giấc ngủ và đánh thức người đang ngủ dậy.

Bây giờ hãy tìm cách hiểu xem năng lực ấy hoạt động như thế nào và nó có những quan hệ gì với cái tôi hữu thức cũng như với phần còn lại của tâm lý. Trước hết, không được lẫn lộn ngẫu hứng với sáng tạo. Một sự loại suy sẽ giúp chúng ta phân biệt những giai đoạn khác nhau của sự sáng tạo nghệ thuật và trí tuệ và đi sâu vào cơ chế, hay nói đúng hơn, vào quá trình sâu kín của sự sáng tạo.

Đúng là có một sự song hành mật thiết giữa sự sáng tạo tinh thần và sự sinh đẻ sinh học. Trong cả hai trường hợp, đầu tiên là sự hoài thai, sự thụ thai. Trong sự sáng tạo tinh thần, yếu tố làm "thụ thai" đôi khi được tạo nên từ một kích thích bên ngoài, nó đột nhiên đập vào và gây ra những xúc cảm sâu sắc, những cảm giác mạnh mẽ và làm cho cái siêu thức hoạt động.

Một ví dụ được biết rõ - ví dụ này càng đáng chú ý hơn, vì đó là của một nhà văn thường viết chậm chạp, tỉ mỉ, đến mức cẩn thận cao nhất - là "Cinque Maggio" (ngày 5 tháng Năm) của Alessandro Manzoni.

Việc loan tin bất ngờ về cái chết của Napoléon đã làm ông xúc động sâu sắc và gợi hứng cho ông viết liền một mạch bài tụng ca này. Nhà thơ mô tả rõ điểm khởi đầu của nó, tức là niềm xúc động sâu sắc đã buộc vị thần của mình (có thể nói đó là siêu thức của ông) phải viết ra.

Ngài, ngời xuống sáng chói trên ngai vàng,

Nhìn thấy vị thần của tôi và thỉnh lặng.
Ngài ngã xuống, đứng lên nhiều lần, và nằm đó,
Hàng nghìn giọng nói vang lên,
Không có giọng ngài.
Thoái khỏi sự nịnh hót đê tiện
và sự lãnh nhục đáng sợ,
Ngài liền đứng dậy,
Xúc động vì ánh sáng đột ngột biến đi
Thế rồi một khúc ca phát ra trước chiếc bình
đựng di hài,
Khúc ca ấy có lẽ không bao giờ chết.

Đến khi, đó là những kích thích bên ngoài rất khác nhau, kém mạnh mẽ hơn, mà hiệu ứng của chúng đối với cái siêu thức thậm chí không được ý thức của nghệ sĩ cảm thấy. Trái lại, trong nhiều trường hợp khác, những kích thích quyết định không phải từ bên ngoài mà là từ bên trong ; nó gồm nhiều xu hướng, nhiều xung lực, nhiều cảm giác, nhiều vấn đề hoạt động trong tâm hồn người nghệ sĩ và, vì không tìm được lối thoát vừa ý hay giải pháp trong cuộc sống, những thứ đó được biểu hiện trong một sự sáng tạo tưởng tượng và truyền động lực của chúng vào nó. Đó là sự biến đổi và sự thăng hoa nghệ thuật của những cảm giác cá nhân. Heine đã diễn đạt điều đó rất hay và rất giản dị : "Từ nỗi đau lớn của mình, tôi lấy ra những khúc ca nhỏ". Nhiều ví dụ về sự phân tích nguồn ngẫu hứng ấy cũng thấy có trong những tác

phẩm tâm lý học, nhưng cần phải xem xét những tác phẩm này với một sự dè dặt nào đó vì nhiều nhà tâm lý học có xu hướng cường điệu. Những phân tích phải chăng nhất là ở trong cuốn sách *Phân tâm học về Nghệ thuật* của Charke Beaudoin.

Hài kịch thần thánh cũng có thể được coi như biểu hiện đổi dạng của tình yêu mà Dante dành cho Béatrice, một mối tình không biết tới sự trọn vẹn trần thế. Đó cũng là trường hợp *Tristan và Iseult*, mà chính Wagner đã tuyên bố : "Đó là một tượng đài tình yêu không thể đi tới trọn vẹn của tôi".

Sự kích thích cũng có thể mang bản chất cao hơn, từ một trực giác mạnh mẽ về Hiện thực cao siêu, một luồng sáng nội tâm. Điều đó thường xảy ra đến trong những thời đại tâm linh, khi nghệ thuật mang một tính chất tôn giáo, khi nhà thơ là một nhà tiên tri hay một nhà bói toán. Chẳng hạn, trong *Thiên đường*, Dante đã diễn đạt những trực giác và những sự loé sáng thần bí của mình với một nghệ thuật đáng khâm phục.

Trong những trường hợp thuộc loại này, sự kích thích khởi xướng ra hoạt động của cái siêu thức là nằm ở bên trong, và người ta có thể nói đó là "tự thụ thai" (autofécondation), tức là một quan hệ sáng tạo giữa các bộ phận hay các yếu tố khác nhau của cùng một tâm thần.

Nhưng có một khả năng khác, khả năng sự kích thích đến từ những ảnh hưởng tâm lý tác động theo lối giao cảm từ xa đến những tâm hồn nhạy cảm và dễ tiếp nhận. Giả thuyết này có thể có giá trị trong những trường hợp không hiếm thấy của những phát minh hiện đại hay những biểu

hiện đồng thời khi không có sự giao tiếp bên ngoài. Có thể coi đó là những biểu hiện của cái vô thức tập thể, nhưng đó là một cách nói không giải thích được gì cả.

Sau đó là đến thời kỳ "thai nghén", xây dựng bên trong, mà giống như sự thai nghén sinh học, nó có thể diễn ra dễ dàng, không gây ra những rối loạn, nhưng rất thường gây mệt mỏi, khó nhọc, nặng nề. Thời hạn thai nghén rất khác nhau. Có khi rất nhanh, gần như ngay lập tức, nhưng có những trường hợp, trái lại, rất dài. Đôi khi nghệ sĩ có cảm giác khó chịu, lo âu đặc biệt với những lúc để lộ sự thai nghén ra ; trong những trường hợp khác, anh ta chịu đựng một cách khó khăn, với một cảm giác khô cằn, uế oải, bất lực. Nghệ sĩ thường lý giải trạng thái đó một cách sai lầm như một sự tê liệt về những năng lực sáng tạo của mình ; anh ta tự dẫn vật và tìm cách cưỡng ép ngẫu hứng bằng những chất kích thích khác nhau, như rượu, nhưng những chất đó tỏ ra vô ích và có hại. Khi những sự thai nghén hiện rõ ra những biểu hiện đó có thể đem lại cho nghệ sĩ cơ hội cộng tác thành thoi giữa cái hữu thức và cái vô thức của anh ta ; một sự cộng tác diễn ra theo những lối khác nhau, tùy theo kiểu tâm lý và cấu trúc nhân cách của anh ta.

Cuối cùng là đến thời điểm sinh đẻ, thời điểm đột nhập vào ý thức ; đó là ngẫu hứng đích thực và là sự sản xuất ra tác phẩm. Giai đoạn này, giống hệt như sự sinh đẻ, cũng có thể dễ dàng và tự phát, nhưng cũng có thể khó khăn và đau đớn, đòi hỏi những sự giúp đỡ nhân tạo ; và có khi sản

phẩm không thể sống được. Trong một số trường hợp, tác giả cảm thấy hứng khởi, vui mừng (người ta nhớ lại *euréke* của Archimède) ; trái lại, có những tác giả khác, như Alfred de Musset, lại trải qua một thời gian đau khổ mà họ cố thoát ra bằng những điều thái quá khác nhau.

Sự ra đời của tác phẩm nghệ thuật có thể xảy tới vào những giai đoạn phát triển khác nhau của nó, giống hệt như trong lĩnh vực sinh học, những con vật nhỏ vừa ra đời đã có thể sống độc lập, trong khi đứa trẻ sơ sinh lại cần có những chăm sóc, cần được nuôi dưỡng và phát triển. Cũng vậy, tác phẩm nghệ thuật có thể vừa mới được tạo ra đã hoàn hảo ngay lần đầu rồi, chỉ cần một sự sửa sang hay hoàn thiện nữa là xong, trong khi ngược lại, chỉ mới nảy sinh ra một phác thảo, một cái sườn phải được phát triển với nhiều công phu.

Những tỷ lệ tương ứng và những tương quan giữa sự sáng tạo tự phát và hoạt động có ý thức có thể là khác nhau và thật phức tạp.

Có khi có một sự phân đôi có ý thức, gần như ảo giác. Dickens nhắc lại, trong những bức thư của mình, nhân cách có thể nói là độc lập của những nhân vật của ông. Nếu người ta đối chiếu những chỉ dẫn ấy với những sự kiện đã biết, thì phải thừa nhận đó là những điều đích thực. Ông Camp, sự sáng tạo lớn nhất của nhà văn này, như chính ông khẳng định, đã nói với ông trong một nhà thờ như có một giọng nói bên trong nhắc nhở ông.

Nhà soạn kịch Pháp Francois de Curel, đã phân tích một cách tinh tế phương pháp của ông, hay nói đúng hơn, những kinh nghiệm làm việc của ông. Ông thường bắt đầu xử lý chủ đề theo lối thông thường, có thể là với nhiều khó khăn và lo sợ hơn các tác giả khác, rồi sau đó, ông cảm thấy có một số nhân vật nào đó nảy ra trong ông và nói với ông giống như Ông Camp đã nói với Dickens. Những nhân vật này đúng là không thể nhìn thấy, nhưng lại di chuyển như trên một sân khấu, dù đó là trong một ngôi nhà hay một khu vườn ; ông nhìn thấy chúng mờ mờ, như trong một giấc mơ. Những lúc đó, ông không viết nữa, không sáng tác nữa, ông chỉ làm một sự sửa sang đơn giản về văn chương mà thôi : các nhân vật tự chúng nói năng, hành động và ngay cả khi tác giả dừng lại hay ngủ thiếp đi, vở kịch vẫn tiếp tục phát triển một cách tự phát trong đầu ông. Thế nếu ông đang trí hay nghĩ tới điều gì khác thì sao ? Thì những yếu tố đối thoại trong các cảnh mà ông chưa viết tới đó, vẫn cứ đến với đầu óc ông. Điều đó có nghĩa là việc dựng vở kịch theo lối thăng hoa, từ tiềm thức ấy vẫn được tiếp tục, vượt quá cả cái điểm dừng lại của công việc có ý thức của ông. Tác giả này coi như sự phân đôi nhân cách nhỏ ấy như một loại mầm, một cục bướu của nhân cách ban đầu, và sau khi kết thúc vở kịch nó mới dần dần tiêu đi, không phải là không có đấu tranh khó khăn.

Đây là biểu hiện đặc thù của những tiểu nhân cách mà trong mỗi chúng ta đều có.

Luigi Pirandello, chuyên gia phân tích tài giỏi và rất chi tiết về những sự phân giải và những phức hợp tâm lý, đã

nói những điều tương tự, và đã đưa lên sân khấu *Sáu nhân vật được tác giả đi tìm* trong vở hài kịch đầu tiên của mình.

Sự phát sinh của những sáng tạo nghệ thuật và những phát minh mà chúng tôi đã vạch lại, cũng như sự tồn tại của nhiều trình độ tâm lý khác nhau có tính chất nửa độc lập, đã giải thích những sự kiện thú vị và nghịch lý về những mối quan hệ của tác giả với tác phẩm của mình. Đôi khi trạng thái tinh thần hữu thức của tác giả khác một cách rõ rệt với những gì anh ta diễn đạt ra khi sáng tác ; thậm chí anh ta ở trong trạng thái hoàn toàn ngược lại.

Rossini đã soạn một số phần vui vẻ nhất trong *Chàng thợ cạo ở Séville* như vậy, khi ông đang ở trong trạng thái bực bội. Ông rất biếng nhác và không bao giờ nộp những vở kịch của mình đúng kỳ hạn mong muốn. Đối với *Chàng thợ cạo ở Séville*, ngày trình diễn đã được báo trước, ngày đó đã gần đến mà trên thực tế ông chưa viết được gì cả. Lúc đó, nhà sản xuất sân khấu, vì biết ông lười biếng nhưng lại tham ăn, nên đã nhốt ông lại trong buồng và ra lệnh chỉ mang các bữa ăn tối cho ông khi ông đã soạn xong một số trang. Thế là Rossini, tuy rất bực mình, đã phải viết trên giường (ông có thói quen viết ở đó), ném từng trang một qua cửa sổ của chiếc sân nhỏ, ở đó những người chép lại đã đứng chực sẵn để đón lấy.

Tác giả cũng thường tỏ ra thờ ơ một cách kỳ lạ, thậm chí gần như dửng dưng với những gì mình tạo ra. Khi đọc lại sau đó một thời gian, anh ta đôi khi cảm thấy một cái gì mới mẻ và đáng ngạc nhiên về những gì tuôn ra từ ngòi bút

của mình. Hơn thế nữa : anh ta có thể không hiểu thật đúng những tác phẩm của chính mình, không nhận ra những ý nghĩa sâu sắc của chúng, trong khi một người khác, một nhà phê bình lịch lãm chẳng hạn, lại có thể nhìn thấy và giải thích những điều đó. Trong nhiều năm liền, tôi đã trải qua một kinh nghiệm thuộc loại này. Một thầy thuốc giàu linh cảm và phát triển về mặt tâm linh, trước mặt tác giả, đã đọc công khai một số bài thơ mới nhất của tác giả và đã bình giải một cách tinh tế, đánh giá cao những tượng trưng và những ý nghĩa sâu sắc trong đó. Cuối buổi họp ấy, nhà thơ tuyên bố : "Tôi chẳng bao giờ hình dung rằng anh sẽ tìm ra tất cả những ý nghĩa ấy trong các bài thơ của tôi, nhưng bây giờ, tôi phải chấp nhận chúng !" Cần nói thêm rằng nhà thơ ấy đã sống một cuộc sống tầm thường. Nói đúng hơn, đó là một kẻ ăn chơi chẳng có một khát vọng tâm linh nào.

Tôi sẽ minh hoạ tất cả những điều đó bằng một vài ví dụ mới, rất khác nhau, có thể giúp hiểu rõ đến mức có thể về quá trình ngẫu hứng và sáng tạo đáng kinh ngạc. Hãy bắt đầu bằng một bằng chứng rõ ràng và có thể nói là ngây thơ mà nhà văn lớn Hermann Keyserling đưa ra trong cuốn sách của ông *Những mối quan hệ của tôi với cái siêu nhạy cảm*.

Mặc dầu lúc đầu tôi không hề có thiên hướng viết, tôi vẫn trở thành nhà văn, chỉ vì để kiếm sống. Cần nhắc những sự am hiểu và không am hiểu của tôi, tôi không nhìn thấy có một con

đường nào dành cho tôi ngoài con đường diễn đạt bằng viết. Khi tôi viết, tôi không cảm thấy mình khác với một người lên đồng đang viết. Tôi không biết trước mình sắp nói gì, chỉ cảm thấy như bị thúc đẩy phải nói những điều hợp với một chủ đề nhất định vào lúc đó. Tôi viết lần đầu rất nhanh mà mỗi lần như thế, tôi lại kinh ngạc với mình, một nỗi kinh ngạc thật vui sướng khi nhận ra những gì lúc đầu tôi chỉ mới cảm thấy lơ mơ.

Ở Darmstadt, khi tôi phải tham gia một hoạt động bên ngoài (thành lập và lãnh đạo "Trường Đạo lý") mà tôi chưa bao giờ nghĩ tới và cũng không thích hợp với tôi, tôi thật kinh ngạc vì tác phẩm của tôi được thực hiện một cách trùng hợp giữa đầu đề một cuộc nói chuyện và kỳ hạn đã định. Lúc đó tôi không cần nghĩ tới những gì tôi sắp viết. Khi kỳ hạn đến, những gì tôi dự cảm dường như tự chúng được viết ra.

Ví dụ thứ hai là của một nhà điêu khắc, Ernesto Masuelli. Trong chiến tranh, ông bị mù trong một trận đánh vào tuổi mười chín. Chưa bao giờ ông làm một thứ nghệ thuật nào và ông cũng chưa bắt tay vào làm nghệ thuật ngay sau khi bị mù. Nhưng sau một thời gian, như thể tình cờ và như một trò chơi, ông bắt tay vào nặn thạch cao. Kết quả thật thú vị đến nỗi ông bắt đầu nặn tượng. Ông đã phát triển một tài năng như vậy, với những tính chất của sự tự phát hoàn toàn, đó là điều hoàn toàn đáng kinh ngạc với

tật mù của ông. Khi tôi hỏi ông về cách sáng tác của ông, Masuelli trả lời nguyên văn như thế này :

Tôi không theo dõi bàn tay mình khi nó làm việc, tôi chỉ cảm thấy những gì tôi đang làm. Lúc đó, tôi là chủ đề được tôi hình dung ra và tôi cứ để cho hai bàn tay tôi tự làm việc lấy. Tôi nặn bức tượng Fante (một trong những tác phẩm đẹp nhất của ông) trong bốn mươi lăm phút, như trong một giấc mơ, gần như vô thức. Tôi làm việc trong sự thanh thản và niềm vui.

Sự quy chiếu vào quá trình tự đồng nhất, nhân cách hoá ở đây thật thú vị.

Ví dụ thứ ba còn có ý nghĩa hơn về nhiều mặt khác nhau. Đó là về nữ thi sĩ và nữ họa sĩ Maria Gallotti. Tôi muốn nói kỹ hơn trường hợp này vì tôi đã trực tiếp thu thập được những thông tin về cuộc đời của bà. Ở đây, tôi lấy lại một phần diễn văn khai mạc của tôi tại cuộc triển lãm ký họa được tổ chức vào tháng Tư 1935 ở Câu lạc bộ Báo chí Rome.

Từ lúc còn rất trẻ, Maria Gallotti đã rất khác với những đứa trẻ khác, sau đó cũng rất khác với những cô gái khác. Bà có xu hướng xa lánh môi trường bên ngoài của mình và muốn sống trong một thế giới hoàn toàn của riêng mình, đây những ước mơ đẹp đẽ, một thế giới từ thiện và hoàn thiện. Sự hướng nội mạnh mẽ và sự phân giải tâm lý do nó gây ra ấy càng trở nên nặng nề hơn vì một ảnh hưởng có hại và nặng nề như bà đã mô tả :

Tôi trải qua tuổi thơ và tuổi trẻ của mình trong một cơn ác mộng mà tôi không bao giờ có thể thoát ra được. Thật bất hạnh cho tôi - một nỗi bất hạnh, tiếc thay, đã giáng vào nhiều người trẻ tuổi và là một nỗi bất hạnh rất tai hại - là tôi có một giáo sư mà, xin Thượng đế tha thứ cho ông, đáng lẽ kích thích sự ham thích học tập của tôi để ngày càng hiểu biết nhiều hơn, thì ông lại làm cho tôi tin chắc - ngày nào ông cũng nhấn mạnh như vậy - rằng tôi kém năng lực, không thể mong muốn và càng không thể thực hiện được một điều gì tốt lành, và chắc chắn tôi bị thất bại trong học tập. Việc gợi ý hàng ngày như vậy có lẽ cũng phù hợp với một sự yếu đuối về ý chí trong tôi, vì tôi không những không thể phản ứng lại và nổi loạn, mà còn làm cho tôi rút cuộc tự coi mình như kẻ khốn khổ, không thể đoán thấy những gì mà người khác hiểu được và cũng không thể vạch ra một con đường riêng của mình trong cuộc sống.

Sự gợi ý tai hại ấy đã buộc cái phần tốt nhất và thật nhất của Maria Gallotti ở trong tình trạng như bị tê liệt đi nhiều năm liền, và đó là những năm mà bà trải qua như ở trong một trạng thái mộng du. Sau đó, bà đã thức tỉnh được, nhưng với một nhân cách bị suy yếu, kém lành mạnh, kém sống động về nội tâm. Những gợi ý làm suy sút tinh thần và gây tâm lý thất bại của những người khác trên thực tế có thể phá hủy một cách tàn bạo những mầm mống quý báu

của đời sống tâm linh, tạo ra những mất cân bằng, thậm chí những bệnh có thật về thần kinh và tinh thần. Đó là những sự cất xẻo tinh thần còn nghiêm trọng hơn những sự cất xẻo chỉ làm thân thể tổn thương. Những kẻ làm như vậy phải gánh một trách nhiệm nặng nề. Điều duy nhất có thể tha thứ cho họ là họ không biết tới điều xấu xa do họ gây ra, nhưng bây giờ, đã đến lúc phải chấm dứt những tội ác tâm lý ấy và mỗi người phải biết rằng sự phê bình, sự coi thường, thái độ bi quan và những dự đoán về thất bại là những thứ thuốc độc thật sự. Và trái lại, sự thông cảm yêu thương, sự coi trọng, sự khuyến khích, thái độ lạc quan lành mạnh đem lại sức sống mạnh hơn, kích thích những năng lượng đang ngủ quên và có thể tạo ra những sự nở hoa kết quả bên trong đáng kinh ngạc và những tác phẩm quý giá. Thường khi các bà mẹ không hiểu như vậy, họ yêu thương và nói rằng họ yêu thương con cái mình theo kiểu của họ, nhưng thật ra là hủy hoại chúng với những hình ảnh tiêu cực và những lời phê bình thường xuyên theo kiểu đó.

Maria Gallotti đã sống một cách xứng đáng trong nhiều năm với cuộc đời làm vợ và làm mẹ của mình, nhưng bao giờ bà cũng bị đau khổ một cách thầm kín và không thể dập tắt được, bao giờ bà cũng mang khát vọng buồn tiếc một cuộc sống tâm linh mà bà cho rằng nó ở ngoài tầm với của mình. Bà bị những năng lượng bên trong đè nén, những năng lượng này không thể được giải thoát vào một thể hiện sáng tạo. Nhưng một đêm, một cái gì đáng kinh ngạc và bất ngờ đến với bà. Bà cảm thấy có một kích thích bên trong

mạnh mẽ để viết ra những bài thơ đến với ý thức của bà một cách tự phát. Tuy ngạc nhiên và do dự, bà vẫn tuân theo xung lực của mình và thế là những câu thơ cứ tuôn ra dưới ngòi bút của bà, nhanh chóng, dễ dàng và không cần tới một nỗ lực nào cả. Từ ngày đó, ngẫu hứng thơ ca ấy tiếp tục phun trào mạnh mẽ và tươi mát như một con suối trên núi. Đó là một thứ thơ hài hòa, không một chút hoa mỹ, không "làm văn chương" vô ích, thể hiện một cách giản dị những tình cảm, những phản ứng và khát vọng của một tâm hồn tinh tế, nhạy cảm nhưng cũng nhiệt thành, mãnh liệt.

Vài tháng sau, một sự kiện khác xảy đến, còn đáng kinh ngạc hơn sự kiện trước đó : Maria bắt đầu vẽ một cách tự phát, tuy chưa bao giờ làm việc đó và cũng chưa bao giờ đi học một lớp vẽ nào. Đó không phải là việc học vẽ dần dần, cũng không phải là sự phát triển đều đặn của một tài năng nghệ thuật. Bà bắt đầu vẽ ngay lập tức một hình ảnh vào loại khó nhất về mặt kỹ thuật biểu hiện : một khuôn mặt, của Christ. Xung lực thúc đẩy bà với một sự táo bạo vô thức, khiến cho bà dám có một khát vọng nồng nhiệt là có một hình ảnh của Chúa, phù hợp với cái nhìn nội tâm của bà, một hình ảnh mà bà có thể cầu nguyện trước nó. Đó là một thành công.

Sau đó bà vẽ nhiều ký họa, hoàn toàn tự phát, với một sự dễ dàng đáng kinh ngạc, một sự thực hiện nhanh chóng đáng kinh ngạc. Một loạt bức vẽ biểu hiện Christ trên thánh

giá, nói những lời cuối cùng của ngài, thật đáng chú ý đặc biệt và có một giá trị lớn.

Ngoài những đề tài bà ưa thích nhất ra, Maria Gallotti đã vẽ nhiều đề tài khác, trong đó có Thánh Francois, nữ thánh Catherine và nữ thánh Claire. Bà còn vẽ một loạt những bức tranh lý giải tình tế, hay nói đúng hơn, "soạn lại" âm nhạc của những nhà soạn nhạc lớn : Bach, Beethoven, Haydn, Schubert ; những bức tranh khác thì biểu hiện theo lối tượng trưng các trạng thái tâm hồn : ân hận, chua xót, suy ngẫm, hạnh phúc, thanh thản. Bà cũng vẽ nhiều chân dung.

Tất cả những gì tôi đã nói về quá khứ ngẫu hứng và sáng tạo đều được thấy rõ trong trường hợp Maria Gallotti : những kích thích bên ngoài, nhưng chủ yếu là những kích thích nội tâm và tâm linh, được tạo ra trong một cái siêu thức rất nhạy cảm và mạnh mẽ ; một sự nảy sinh tự phát của tác phẩm nghệ thuật đã được bố cục trong mọi chi tiết ; một sự tham gia nhỏ nhoi thậm chí không có của nhân cách hữu thức, tất cả được chuẩn bị và tạo nên ở trong một vùng cao hơn và đến từ đó.

Còn lại vấn đề tài năng kỹ thuật đặc biệt của bà. Ở đây tôi chỉ xin nêu giả thuyết rằng, hình ảnh, cái nhìn nội tâm ở óc vẽ, là khá sinh động và chính xác trong mọi chi tiết để có thể tạo ra ở bà sự phối hợp thần kinh - cơ bắp cần thiết khiến bà có thể vẽ những đường nét bằng bút chì lên giấy và biến hình ảnh nội tâm thành tác phẩm khách quan.

Sức mạnh khẩn bức của cái siêu thức ở Maria Gallotti đã được biểu hiện dưới những hình thức khác nữa : nhiều lần bà có những trực giác báo hiệu chính xác về các sự kiện sẽ xảy tới sau đó. Bà có những xung lực mạnh mẽ để hành động theo những lối khác nhau, mà sau đó tỏ ra là đúng. Cuối cùng, bà cảm thấy mình như được hướng dẫn và giúp đỡ bởi một Sức mạnh tâm linh cao siêu.

Ở đây, chúng ta đứng ở ngưỡng của một sự bí ẩn mà tôi chưa thể nói ngay. Tôi xin kết thúc bằng cách dẫn ra một lời được Shekespeare đặt vào miệng một nhân vật của ông : "Còn nhiều điều nữa ở giữa trời và đất mà tinh thần con người nói chung không chấp nhận".

6. NGẪU HỨNG SIÊU CÁ NHÂN

Nếu người ta quan sát những "dấu hiệu của thời đại", tức là trạng thái hiện nay của loài người, các trọng tâm chú ý và những ứng xử của nó, thì dễ dàng nhận thấy một sự phân cực ngày càng tăng thành hai xu hướng đối lập nhau. Người ta có thể nhận thấy, một bên, là ham muốn cuồng nhiệt và tìm kiếm dứt hơi để có những sự chiếm hữu vật chất, những khoái lạc nhục cảm, sự thống trị đối với tự nhiên và những người khác, với tất cả những hậu quả từ đó sinh ra : tình trạng phóng đảng và tự khẳng định trong tất cả các lĩnh vực, tình gây hấn và bạo lực cá nhân cũng như tập thể. Một bên khác, tương đối rõ ràng, là một sự bất mãn đối với tất cả những điều đó và thậm chí một sự nổi loạn công khai, nhất là ở lớp trẻ, cũng như một sự tìm kiếm - có ý thức hay không - những giá trị và những sự thỏa mãn khác nhau, cao hơn, một ước muốn có những gì nói chung được gọi là tâm linh hay tôn giáo.

Nhưng trong lĩnh vực này, cũng có vô số những bấp bênh, những lẫn lộn, những hiểu sai. Đó là một nghịch lý kỳ lạ : trong khi có rất nhiều những bằng chứng của nhiều người, nam và nữ, ở mọi thời gian và mọi địa điểm đã từng trải qua thể nghiệm trong lĩnh vực cao siêu này, thì lại rất

hiếm thấy những nghiên cứu khoa học và những tìm tòi thực nghiệm về vấn đề ấy. Có nhiều lý do khác nhau. Trước hết, đang có một quan niệm sai lầm về phương pháp khoa học, giới hạn vào việc sử dụng những kỹ thuật số lượng và tính, thích hợp với các khoa học tự nhiên. Lý do thứ hai là tính thần con người (hiện nay) khó chấp nhận sự tồn tại của những giá trị và những hiện thực phi lý tính. Có một sự lẫn lộn giữa cái siêu lý tính (supra-rationnel) và cái phi lý tính (irrationnel) hay phản lý tính (anti-rationnel). Lý do thứ ba là ở chỗ : những thể nghiệm ấy được mô tả với một lối diễn đạt nói chung có liên quan với những học thuyết tôn giáo, với những hình ảnh, những tượng trưng và những hình thức không còn được nhiều người chấp nhận hay thừa nhận là có giá trị nữa. Như Keyserling nói thẳng tuột ra, "những thể nghiệm ấy đã được biểu hiện trong khuôn khổ những định kiến của chúng".

Một khó khăn khác nằm ở chỗ không có ngôn ngữ và cách nói thích hợp để truyền đạt bản chất thật của những thể nghiệm siêu cá nhân. Tất cả những ai muốn diễn đạt chúng đều nói rằng, trên thực tế, chúng không thể nói ra được.⁽¹⁾

Cuối cùng, là nỗi sợ phải mạo hiểm vào một thế giới khác với thế giới quen thuộc của chúng ta, một thế giới chưa

1. Đó là một trong những đặc trưng được W. James gán cho thể nghiệm thần bí, trong cuốn sách của ông *Những thể nghiệm tôn giáo khác nhau*.

được biết tới và làm người ta bối rối. Nỗi sợ ấy càng tăng lên do sự chinh phục thế giới kia thường được trình bày dưới một hình thức về căn bản có tính tiêu cực của sự từ bỏ tất cả những gì mà nói chung con người từng gắn bó, nhưng lại không làm rõ một cách đầy đủ những mặt tích cực và vui vẻ của nó.

Tất cả những điều đó đẻ ra những chống cự và những kìm hãm và nhiều khi cả cái được gọi là "sự từ chối cái cao cả" nữa. Bất chấp tất cả những điều đó, tâm trạng không thỏa mãn nói trên, sự tìm kiếm "một cái gì khác" và sự quyến rũ của việc thăm dò và chinh phục những thế giới bên trong mà nhiều người dự cảm, đã tạo ra những tia sáng, thậm chí những luồng ánh sáng, đến mức người tự coi mình như những sứ giả và những kẻ dẫn đường trong lĩnh vực này đang thu hút nhiều người và tập hợp xung quanh họ nhiều người tham gia và nhiều môn đồ nhiệt thành, thường là cuồng tín nữa.

Nhưng sự am tường của những người hướng dẫn, những "vị thầy" ấy, cũng như giá trị những thông điệp của họ là rất khác nhau. Bên cạnh những thuyết giảng cao siêu và chân chính, có nhiều cái đáng ngờ, xen lẫn sự thật và ảo ảnh ở những mức độ khác nhau. Bên cạnh một vài người hướng dẫn thật sự là hiền triết, lại có nhiều "bậc tiên tri giả" sử dụng và thuyết giảng những phương pháp không có giá trị và thậm chí còn nguy hiểm nữa ! Như vậy, cần phải cấp bách nghiên cứu và thực nghiệm khoa học trong lĩnh

vực này, độc lập với mọi học thuyết, mọi hệ thống, mọi uy quyền cá nhân.

Một sự nghiên cứu như vậy đã được khởi đầu và đang phát triển nhanh chóng, tự lập thành một nhánh mới của tâm lý học, gọi là tâm lý học siêu cá nhân, và cũng có thể gọi là "tâm lý học về những tầm cao". Nhưng chúng ta chỉ mới ở trong sự khởi đầu nghiên cứu ấy.

Còn tôi thì đã nghiên cứu nó từ nhiều thập kỷ và dự định sẽ làm điều đó một cách có phối hợp và có hệ thống hơn (theo đúng nghĩa của những từ này).

Một trong những đề tài của tâm lý học về các tầm cao này là mối quan hệ giữa các hoạt động siêu thức, siêu cá nhân và đời sống hữu thức hoặc, nói chính xác hơn, những mô thức và những giai đoạn chuyển những nội dung và năng lượng siêu thức vào trường ý thức bình thường được thức tỉnh. Những mô thức ấy là khác nhau và có thể liệt kê như sau : 1. Trục giác. 2. Tưởng tượng. 3. Lóe sáng. 4. Phát hiện. 5. Ngẫu hứng. 6. Sáng tạo. 7. Hiểu và lý giải.

Những mô thức này phát triển không tách rời nhau, nhưng thường ít nhiều đồng thời và thống nhất với nhau ở những mức độ khác nhau. Chính vì thế thường có những lẫn lộn giữa các mô thức ấy. Nhưng sự nghiên cứu chúng về mặt khoa học đòi hỏi phải làm rõ những sự phân biệt và khác biệt của chúng. Chỉ sau đó người ta mới có thể nhận ra và hiểu được đúng những quan hệ và những tương tác của chúng.

Bản thân công việc này cũng có những giai đoạn khác nhau cần được phân biệt. Cần thu thập và nghiên cứu :

1. Trước tiên là những thể nghiệm tự phát, những sự kiện được quan sát, như đã được mô tả và kể lại bởi nhiều người thuộc tất cả các thời đại và ở bốn phương của thế giới. Đó là phương pháp hiện tượng học.

2. Các mô thức của những quá trình chuyển cái siêu thức vào cái ý thức.

3. Các kỹ thuật đã và đang được sử dụng để tạo ra hay làm thuận lợi cho sự chuyển ấy ; điều này bao hàm những thủ tục khác nhau, bên ngoài và nội tâm, của các tôn giáo khác nhau, cũng như những bài tập khác nhau với những tên gọi khác nhau, nhưng chúng ta có thể chỉ chúng dưới cái tên xếp loại là Yoga.

4. Những kết quả trực tiếp và những hiệu ứng kế tiếp sau đó.

5. Những phương pháp ngăn ngừa những nguy hiểm và cứu chữa những tổn thất có thể gây ra bởi sự "đi xuống", sự đột nhập của những năng lượng siêu cá nhân.

6. Những cách sử dụng tốt nhất và có ích nhất đối với những sự lóe sáng (đại giác) và những năng lượng ấy.

1. *Trực giác* (intuition)

Ở đây, cần phải phân biệt giữa trực giác như là chức năng của tinh thần với những kết quả hoạt động của nó, tức là những trực giác có các đặc trưng khác nhau. Định nghĩa được chấp nhận chung của từ này, về mặt từ nguyên,

bắt nguồn từ nghĩa của động từ latin *in-tueri* : "nhìn thấy trực tiếp". Đó là sự nhìn thấy, sự cảm nhận trực tiếp một đối tượng hiện hữu trong tính hiện thực riêng biệt của nó. Trực giác, với tư cách chức năng nhận thức độc lập, nói chung được thừa nhận. Nó đã được thừa nhận trong quá khứ, ở phương Đông cũng như ở phương Tây.

Tuy nhiên, tâm lý học tự coi là khoa học lại không thừa nhận trực giác như một phương tiện nhận thức có giá trị, do quan niệm riêng có tính hạn chế và phiến diện của nó về trường và về các phương pháp của khoa học, hoặc đồng nhất trực giác với tri giác cảm tính trực tiếp về những kích thích bên ngoài. Nhưng quan niệm loại trừ trực giác một cách không đúng ấy đã bị phản ứng lại. Hai tác giả quan trọng đã khẳng định giá trị và hiệu lực của trực giác là Bergson và Keyserling. Họ được coi và được xếp loại như những nhà triết học, nhưng cả hai đều có một sự cảm nhận sắc bén về tâm lý học, dựa đúng vào trực giác và, riêng đối với Keyserling, còn dựa vào một khả năng lớn về đồng cảm (*empathie*)⁽¹⁾ và đồng nhất. Cả hai đều có cống hiến quý báu vào sự nhận thức tâm hồn con người, mà tâm lý học khoa học mới phải biết ơn họ.

Trong trường tâm lý học chặt chẽ hơn, Jung đã có công lao khẳng định lại sự tồn tại và hiệu lực của trực giác như là chức năng tâm lý riêng biệt và độc lập. Đây là lời của ông :

1. *Empathie* : Năng lực tự đồng nhất với một người nào, cảm nhận điều người đó cảm nhận (theo Từ điển Robert. N.D.)

Theo quan điểm của tôi, trực giác là một chức năng tâm lý căn bản ; nó không phải là cảm giác, không phải là tình cảm, cũng không phải chỉ là một sự diễn dịch trí tuệ... Bằng trực giác, mỗi nội dung riêng biệt hiện ra như một tổng thể tự thân (tout complet en soi), mà chúng ta không thể nào cắt nghĩa hay phát hiện được nó xuất hiện bằng cách nào... Nhận thức trực giác, như vậy, có một tính chất nội tại của sự tin chắc, điều đó đã đưa Spinoza tới chỗ chủ trương rằng "khoa học trực giác là hình thức cao nhất của nhận thức".

Jung coi trực giác là "cái phi lý tính", nhưng điều đó dễ gây ra những sự hiểu sai, vì có thể làm cho người ta hiểu rằng nó đi ngược lại với lý trí, nhưng trên thực tế nó chỉ khác với lý trí mà không đối lập lại. Nói đúng hơn, nó phải được coi là ngoại lý tính (para-rationnelle) hay, đúng hơn, siêu lý tính (trans-rationnelle).

Có nhiều kiểu trực giác khác nhau. Trước tiên, người ta thấy có những trực giác cảm tính, tức là tri giác hữu thức về những ấn tượng nhìn, nghe, sờ, v.v... do những kích thích đến từ bên ngoài tạo ra. Tôi không dừng lại ở mặt này, vì nó diễn ra ở trình độ tâm lý bình thường và không có liên quan với cái siêu thức.

Rồi đến trực giác về các ý tưởng, theo nghĩa được Platon dùng. Nó đến từ một vùng cao hơn vùng hoạt động thông thường của tinh thần. Do đó, có thể coi nó là siêu cá nhân.

Cũng có thể nói như vậy về những kiểu trực giác cao, tức là : những trực giác mỹ học, tôn giáo, thần bí và cả khoa học nữa (chẳng hạn, trực giác về toán cao cấp). Trên thực tế, nhiều người được coi như bình thường lại không có những kiểu trực giác này. Điều đó chứng tỏ sự khác nhau giữa đời sống tâm lý bình thường và đời sống mang tính siêu cá nhân.

Các trực giác hiện ra với ý thức được nhận biết theo hai lối. Một lối gần hơn với ý nghĩa từ nguyên của nó, có thể được mô tả như con mắt "nội tâm" mở ra, cho phép nhìn thấy, cảm thấy những hiện thực mà cái nhìn tinh thần bình thường không nhận thấy được. Lối kia có thể được so sánh với một tia sáng, một luồng sáng, một ánh chớp đi vào trường ý thức và được cái tôi nhận biết, nằm ở trung tâm ý thức và ở trình độ hay nơi ngu bình thường. Một tính chất riêng biệt và giống nhau của các trực giác là tính đích thực của chúng. Chúng đem lại tri giác về toàn bộ đối tượng trong tính tổng thể của nó như một tổng thể hữu cơ. Do đó, chúng khác với nhận thức lý tính và nhận thức phân tích.

Keyserling nói rõ điều đó :

... Rốt cuộc, con người giống như mọi động vật khác, gắn liền với toàn bộ tập hợp các sinh vật và sự vật, và do không có bản năng hoặc do bản năng bị teo hần đi, con người không thể dựa vào những xung lực sơ đẳng của nó ; lúc đó ở con người phải nảy sinh cái tương đương với bản năng

để có thể tự do định hướng trong thế giới. Theo nghĩa đó, chỉ có những người có trực giác mới là tự do. Vì lẽ đó, từ trong số người này mới nảy sinh ra những người phát giác lớn, những thủ lĩnh và những nhà cách tân...

Đó là một tính chất đặc thù khác nữa của trực giác, tức là sự định hướng của nó tới sự sinh thành, tới tương lai. Keyserling nói tiếp :

... Trực giác chọc thủng tấm màn che dầy tương lai và do đó, thâm nhập được cái có thể. Nhưng hiện thực bao giờ cũng nằm trong biến đổi, nên chỉ kẻ nào trực tiếp nắm được những gì dần dần có thể có được mới nhìn thấy được sự biến đổi một cách chính xác. Và nhìn thấy bằng hai cách : trước hết, người đó nhìn thấy sự tồn tại của những "cái có thể" nằm bên trên các sự kiện, sau đó, người đó trực tiếp nhìn thấy trong những "cái có thể" ấy những gì có thể được thực hiện với những điều kiện nhất định. Hai cách tri giác ấy chỉ có thể đến từ sự thể nghiệm nội tâm chủ yếu về tính tổng thể...

Cuối cùng, trực giác gắn chặt với tình yêu.

Vì tất cả những lý do ấy, trực giác nắm được thực chất, tức là cái vốn có, nằm bên ngoài phẩm chất của đối tượng. Vì vậy, đó là một trong những trường nghiên cứu của tâm lý học về thực thể mà Maslow là người tiên phong.

2. Sự tưởng tượng

Sự tưởng tượng có quan hệ mật thiết với trực giác, vì thường các trực giác không hiện ra với ý thức theo một lối trừu tượng, đơn giản, mà dưới những hình ảnh. Do đó, nhiệm vụ đầu tiên là phải phân biệt nội dung, thực chất, ý tưởng tạo thành một trực giác với hình thức, với lớp áo của nó. Hình thức này mang một tính chất tượng trưng, và điều này đặt ra vấn đề thật quan trọng và phức tạp về thuyết tượng trưng. Chúng tôi sẽ bàn tới vấn đề đó sau đây.⁽¹⁾

Còn bây giờ, tôi chỉ nhấn mạnh rằng cái tượng trưng có một bản chất và một chức năng mang tính hai mặt và, ở một ý nghĩa nào đó, đối lập nhau, khiến nó có thể vừa che đậy vừa bộc lộ ra. Khi nó chiếm vị trí của hiện thực được nó thể hiện, nó che đậy hiện thực đó và, vì thế, nó là nguồn gốc của những ảo ảnh. Ngược lại, khi nó được thừa nhận như một phương tiện biểu hiện, thì đó là một con đường có ích và đôi khi cần thiết để đón nhận và sau đó truyền đi một hiện thực siêu việt.

Độc lập với chức năng nhận thức của nó, như một con đường, một cỗ xe tải của trực giác, sự tưởng tượng có những mặt khác nhau.

Trước hết, đó là sự tưởng tượng tái hiện đơn giản (simple imagination reproductive), tức là tái hiện những gì đã được ghi nhận, những cảm giác và ấn tượng người ta đã có (những hình ảnh ký ức hay thuộc ký ức). Những hình ảnh

1. Xem chương 8 : Các tượng trưng của những thể nghiệm siêu cá nhân.

thường thấy nhất là những hình ảnh thị giác (ký ức thị giác), nhưng còn có cả những "hình ảnh" ghi lại những ấn tượng nhận được qua kênh các giác quan khác, trước hết là thính giác. Những hình ảnh ấy có tính tiềm tàng, được cất giữ trong cái mà người ta có thể gọi là "những lưu trữ của cái vô thức". Chúng có thể nảy nở tự phát trong ý thức hay có thể được gọi ra theo ý muốn. Khả năng cất giữ và gọi lại ấy là vô tận, có thể nói là không có giới hạn. Trong một số điều kiện đặc biệt (chẳng hạn, khi thôi miên hay trong những trạng thái sốt), những ký ức cụ thể về tuổi thơ có thể trở về. Sau đó là tài nhớ đáng kinh ngạc của những nhạc trưởng lớn, như Toscanini, có thể nhớ những tác phẩm âm nhạc, những bản giao hưởng trọn vẹn, khiến cho họ có thể chỉ huy dàn nhạc mà không cần đặt bản bè nhạc trước mặt mình. Cũng thật đáng ngạc nhiên về năng lực của một số người chơi cờ nhìn thấy cùng một lúc các quân cờ và những nước đi của chúng sau đó trên bàn cờ, đến mức họ có thể chơi một lúc mười lăm ván cờ hoặc hơn nữa.

Rồi đến sự tưởng tượng sáng tạo (imagination créative) mà tầm quan trọng vô cùng lớn của nó vẫn chưa được thừa nhận đầy đủ và cũng chưa được sử dụng đầy đủ, chẳng hạn trong giáo dục. Hoạt động của nó thường được biểu hiện trong các giấc mơ, mà các giấc mơ lại là sản phẩm hỗn hợp của hai cách sản xuất hình ảnh : tưởng tượng tái hiện và tưởng tượng sáng tạo mà tôi sẽ trở lại dưới đây.

3. *Sự lóe sáng* (illumination)

Một trong những cách biểu hiện thường thấy nhất của cái siêu thức trong ý thức là sự lóe sáng tiếp theo sau

"con mắt nội tâm" mở ra. Có nhiều cái gần gũi nhau giữa trực giác và sự lóe sáng, nhưng cũng có những điểm khác nhau đáng kể.

Theo một ý nghĩa chung, có thể nói rằng trực giác là một tia chớp dọi sáng một mặt, một biểu hiện riêng biệt của Hiện thực. Nhưng sự lóe sáng là một cái gì rộng lớn hơn và bền vững hơn. Đó là một sự nhìn thấy bản chất cốt tử và sự thống nhất tổng hợp của Hiện thực hay những diện mạo lớn của nó. Đó là sự nhận ra một luồng sáng phát ra từ chính Hiện thực, khác với ánh sáng vật chất.

Kiểu chiếu sáng ấy có thể được coi như sự phát hiện tính nội tại thần thánh, tính thống nhất của Đời sống toàn vũ trụ, được biểu hiện thành vô số hình thức. *Bhagavad Gita* mô tả rõ nhất điều đó ; trong tác phẩm này nó được gọi là "Khải thị Hình thức phổ biến".

Nhiều nhà thơ đã trải qua thể nghiệm lóe sáng này và muốn thể hiện nó. Nhà thơ lớn nhất trong số đó là Dante ; *Thiên đường* của ông đầy những sự thể hiện ánh sáng. Ở đoạn đầu của khúc Thánh ca này, ông khẳng định rõ ràng là đã có một thể nghiệm không thể tả thành lời được về Ánh sáng cao nhất, ánh sáng chói lọi trên "bầu trời" cao nhất, gần nhất với Hiện thực cao nhất là Thượng đế.

Vinh quang của người đang tác động lên tất cả

Thấm đầy vũ trụ và làm chói sáng

Mặt này ít hơn, mặt kia nhiều hơn.

Trên bầu trời có nhiều ánh sáng hơn của Người

Tôi đã đi ở đó, nhưng kẻ nào từ nơi đó xuống
đều không thể nói được tôi đã
nhìn thấy ở đó những gì
Vi khi tôi gần cái được yêu thích,
Trí tuệ của ta phong phú đến mức
ký ức ta không thể nào theo kịp.

Trong ý thức của những ai nhận ra nó, ánh sáng biểu hiện thành nhiều bộ mặt khác nhau, hay nói đúng hơn, những bộ mặt khác nhau nổi hẳn lên trong ánh sáng ấy tùy từng cá nhân khác nhau, vì những bộ mặt này không tách rời nhau mà giao nhau và hòa vào nhau ở những mức độ khác nhau. Có khi nổi bật lên sự nhận ra vẻ đẹp, như ở Tagore. Ở những người khác, thì mặt nhận thức là quan trọng nhất, như ở trường hợp Plotin hay Thầy Eckhart.

Trong số những nhà thần bí Kitô giáo, ngay cả ở phương Đông, thì đó là mặt gắn với tình thương yêu, với sự sùng kính. Ở những người khác nữa, sự lóa sáng gây ra trước nhất một niềm vui có thể đi tới niềm hạnh phúc ngây ngất. Nhưng, tôi xin nhắc lại, đó là sự nổi trội của mặt này hay mặt khác của nó : nói chung, tất cả các mặt đều hiện hữu ở một mức độ nào đó. Còn Dante thì đã thể hiện một cách tuyệt diệu sự hòa trộn những mặt ấy.

4. Sự phát hiện (Khải thị)

Một kiểu thể nghiệm lóa sáng khác với những kiểu đã được mô tả cho tới đây, là "hiểu ra", nhận ra - thường là

bất ngờ - con người là cái gì, tức là sự phát hiện ra những gì một con người đang có.

Sự phát hiện này có hai mặt và hai loại hiệu ứng, khác nhau và thậm chí đối lập nhau. Hình thức phát hiện thứ nhất mang một tính chất rất tích cực : đó là sự nhìn thấy những tiềm năng ngấm ẩn hay tích cực đáng kinh ngạc của những trình độ siêu thức. Điều đó có thể tạo ra một nguồn sáng phát hiện về Ngã tâm linh. Cộng thêm vào đó là một sự hiểu biết mới : hiểu đúng về mình và về những người khác. Ý thức cảm thấy một sự mở rộng, bành trướng ; nó bị xâm lấn bởi những cảm giác về niềm vui, về lòng từ thiện, về tình yêu thương và lòng biết ơn.

Nhưng sự phát hiện ấy, nếu nó là bất ngờ, đáng kinh ngạc hay quá mãnh liệt, cũng có thể gây ra những phản ứng không đáng mong muốn, thậm chí có hại. Nó có thể gây ra một sự kích thích, một sự kích động. Nếu không hiểu được sự khác nhau giữa Ngã tâm linh và cái tôi cá nhân, thì có thể tự gán cho mình những phẩm chất và những khả năng của Ngã, thậm chí có thể đi tới chứng vĩ cuồng.

Trái lại, một hình thức phát hiện khác lại làm nổi lên những mặt thấp kém, đen tối, của nhân cách mà cho đến lúc đó vẫn chưa biết tới, chưa được nhận ra, thậm chí bị phủ nhận và đẩy lùi vào cái vô thức ở những mức độ khác nhau, và tạo ra cái mà Jung gọi là "bóng tối" (ombre). Sự phát hiện ấy, một khi nảy ra, có thể làm người ta ngao ngán và gây ra những trạng thái trầm cảm, sợ hãi và thậm chí tuyệt vọng. Để ngăn ngừa và giảm bớt những mặt ấy, cần

phải tự chuẩn bị về mặt tâm lý trước bằng cách tìm hiểu "tâm lý học về các chiều sâu". Việc hiểu về tâm lý học này loại bỏ được cú sốc kinh ngạc và giúp chấp nhận sự phát hiện ấy, vì nó cho thấy rằng mặt tối tâm kia cũng là một phần của thân phận con người.

Có những phản ứng ít cực đoan hơn, nhưng vẫn có hại, có thể sinh ra ở trình độ thân thể nếu như hệ thần kinh không chịu được cường độ, điện áp cao, của những năng lượng tâm lý - tâm linh này sinh ra. Trong trường hợp này cũng vậy, một sự hiểu biết đề phòng, giống như sự hiểu biết về những trình độ khác nhau của bản chất con người do "tâm lý học ba chiều" (psychologie tridimensionnelle) đem lại, có thể làm nhẹ bớt những phản ứng ấy, giúp người ta chịu được chúng và chỉ ra những phương tiện loại bỏ chúng.

5 và 6. Ngẫu hứng và sáng tạo

Ngẫu hứng và sáng tạo tâm lý - tâm linh là những kiểu quan hệ và tương tác khác giữa cái siêu thức và cái hữu thức. Nó có ích để hiểu rõ sự khác nhau giữa lóe sáng, ngẫu hứng và sáng tạo và để nhớ kỹ sự khác nhau ấy, vì những điều đó thường bị lẫn lộn. Sự lóe sáng có thể đưa tới những ngẫu hứng, nhưng không phải bao giờ cũng như vậy. Ở một số nhà thần bí, sự lóe sáng mang tính chủ quan. Nó có thể gây ra một trạng thái suy tưởng ; nó thường gây ra những cơn yêu thương và một khát vọng hòa nhập với Thượng đế, tự tiêu tan mình trong Hiện thực cao nhất. Nhưng nó không gây ra những biểu hiện bên ngoài, cũng không thúc đẩy tới hành động.

Hơn nữa, có thể có ngẫu hứng mà không có sự lóe sáng, không có sự nâng cao hay bành trướng của ý thức, như ngẫu hứng âm nhạc của trẻ vài tuổi cho thấy, chẳng hạn Mozart.

Cũng có một sự khác nhau rõ rệt giữa ngẫu hứng và sáng tạo. Nói cho thật đúng, ngẫu hứng là quá trình chuyển tiếp, đi xuống của những nội dung tương đối hoàn hảo, từ những trình độ siêu cá nhân xuống trường ý thức. Còn sự sáng tạo thì được tạo ra bởi, hay chủ yếu bởi, các quá trình hình thành những nội dung ấy trước khi chúng đi xuống hay xuất hiện có ý thức. Sáng tạo giống với sự thụ thai và mang thai một cơ thể mới trong bụng mẹ, trong khi ngẫu hứng thì giống với sự sinh đẻ, sự ra đời của cái đã được tạo ra.

Trong chương trước, tôi đã nói rõ sự giống nhau ấy và đã chỉ ra những dạng thức khác nhau của hai quá trình này. Tôi đã nói rằng sự "sinh đẻ" có thể diễn ra theo nhiều giai đoạn tạo dựng khác nhau. Đôi khi, sản phẩm đến với ý thức một cách thật thích hợp và đầy đủ, có thể sống một đời sống độc lập, như trong trường hợp ở nhiều động vật, về mặt sinh học. Trái lại, trong những trường hợp khác, nó hiện ra ở trạng thái thô, không đầy đủ, và để có một hình thức thích hợp, nó đòi hỏi phải có hoạt động của cái tôi hữu thức sau đó, đôi khi rất lớn. Tôi cũng đã chỉ ra rằng, giống như những gì xảy ra về mặt sinh học, sự sinh đẻ có thể là tự phát, nhanh chóng, kèm theo một cảm giác vui mừng. Trái lại, có những lúc sự sinh đẻ phải khó khăn, kéo dài và đau đớn.

7. *Hiểu và lý giải*

Theo một ý nghĩa nào đó, đây là giai đoạn quan trọng hơn cả. Các trực giác, lóe sáng và phát hiện đã có phải được hiểu đúng để tránh những lý giải sai lạc, những sự ứng dụng, những hành động không thích hợp, thậm chí có hại. Những sai lầm như vậy có rất nhiều, và tôi có thể dẫn ra nhiều trường hợp. Đây là một ví dụ về hai kiểu khác nhau : một kiểu là lý giải sai một "mệnh lệnh" nhận được ở bên trong, một xung lực thúc đẩy hành động : kiểu thứ hai là do không hiểu được một chân lý xuất hiện trong trường ý thức.

Một tình tiết quen thuộc trong cuộc đời của thánh Francois d'Assise là ví dụ thứ nhất. Ít lâu sau khi cải đạo, lúc ngài đang tĩnh tâm và cầu nguyện, một tiếng nói bên trong nói với ngài : "Hãy dựng nhà thờ cho ta". Cách đó không xa một nhà thờ bị bỏ phế, nên ngài đã lý giải thông điệp ấy như một mệnh lệnh thần thánh là phải sửa sang nó và ngài đã chuẩn bị để làm công việc này. Chỉ sau đó ngài mới hiểu ra rằng thông điệp kia có một ý nghĩa hoàn toàn khác và rộng lớn hơn : đó là sự phát hiện ra sứ mệnh của ngài trong việc "phục hưng" Giáo hội Gia tô giáo, mà vào thời đó, Giáo hội này đã bị sa đọa. Và người ta đã biết rõ ngài thực hiện sứ mệnh của mình một cách đáng ngạc nhiên như thế nào.

Ví dụ kia là thuộc một bản chất hoàn toàn khác về một người rất khác. Đó là sự phát hiện chớp nhoáng của Nietzsche về những chu kỳ lớn diễn ra trong sự hình thành vĩnh hằng của vũ trụ. Ông lý giải và thể hiện sự phát hiện

ấy trong lý thuyết của mình về "sự trở về vĩnh hằng" (l'éternel retour). Theo ông, do thời gian không có giới hạn, trong những nguyên tử của vật chất hiện có, dù hết sức lớn, lại là hữu hạn, nên những sự kết hợp của chúng phải là bằng con số hữu hạn và do đó, sớm hay muộn, những sự kết hợp ấy phải tái diễn, và bao giờ cũng trở về một cách đồng nhất *ad eternum* (vĩnh hằng). Tất nhiên, lý thuyết gây đau buồn ấy dựa vào một tiền đề sai, tức là số lượng các nguyên tử là hữu hạn và bất biến, trong khi - nếu gạt sang một bên sự vô lý vốn có của giả thuyết ấy - vật lý hiện đại đã chứng minh rằng nguyên tử thường xuyên phân giải và tạo thành những nguyên tử mới có những thuộc tính khác. Điều mà Nietzsche linh cảm thấy, đó là bản chất chu kỳ của sự biểu hiện vũ trụ, của quá trình tiến hóa. Đó là quan niệm của phương Đông về các chu kỳ lớn xuất hiện và biến mất của các thế giới, về biểu hiện có tính đều kỳ của vật chất và sự tiến hóa của nó thành vô số hình thức khác nhau, liên tục được thể hiện vào tinh thần, vào cái không biểu hiện. Những phát hiện gần đây của thiên văn học về sự hình thành và phân giải của các thiên thể và các thiên hà đã xác nhận đầy đủ quan niệm này. Theo người phương Đông, quan niệm này cũng được biểu hiện ở con người, trong biểu hiện chu kỳ của linh hồn và trong sự tiếp nối của thân thể. Đó là học thuyết về luân hồi. Nhưng quan niệm ấy không bao hàm một sự trở về với cái đồng nhất, mà nói đúng hơn, nó bao hàm một sự tái hiện dưới những hình thức ngày càng cao hơn. Đó là một sự tiến hóa theo hình xoáy tròn ốc đi

lên. Ở đây, Nietzsche cho chúng ta một ví dụ rõ ràng về sự lý giải sai một trục giác đúng.

Trong lĩnh vực tâm lý học, vấn đề lý giải các tượng trưng luôn luôn nảy sinh. Có thể thấy rõ những sai lầm và lẫn lộn thường có và thậm chí liên tục trong sự lý giải, chẳng hạn, về tính tượng trưng của các giấc mơ. Sai lầm và lẫn lộn cũng xảy ra cả trong sự lý giải các huyền thoại và tính tượng trưng của tác phẩm nghệ thuật hay văn học. Sai lầm thường xảy đến từ những ý tưởng định sẵn hay từ những lý thuyết riêng biệt của những người lý giải ; nhưng khó khăn còn là ở chỗ các tượng trưng có thể có những ý nghĩa khác nhau và có những trình độ hiện thực khác nhau, tuy không bác bỏ và loại trừ nhau.

Bây giờ hãy lấy một trường hợp ngẫu hứng tự phát gần giống với trường hợp của Maria Gallotti như đã trình bày trong chương trước, nhưng lại khác với trường hợp này về nhiều mặt khác nhau và làm sáng rõ một số tính chất đặc biệt của hoạt động diễn ra ở những trình độ siêu thức, cũng như những quan hệ của những trình độ này với ý thức.

Đây là một phụ nữ trẻ tuổi mà tôi đã chữa bệnh trong nhiều năm, tuy không thường xuyên, vì tôi thường vắng mặt ở thành phố nơi người đó ở, nhưng vẫn thu từ với nhau khi tôi ở xa, chỉ trừ những năm chiến tranh từ 1941 đến 1945. Ở đây tôi gọi người phụ nữ đó là Lucia. Xét về mặt lâm sàng, Lucia chẳng có gì là khác thường cả, những triệu chứng của cô nằm trong khuôn khổ chứng suy nhược thần kinh - tâm lý : suy yếu thể chất, trầm cảm, khó tập trung

tinh thần, và những chứng sợ khác nhau, trong đó rõ nhất là chứng hoảng hốt khi ra khỏi nhà. Môi trường gia đình thật ngột ngạt : ông bố độc đoán, bà mẹ hiền lành nhưng tinh thần hẹp hòi. Cô bị cấm theo đuổi học tập như mình mong muốn và cảm thấy cô đơn. Cô chưa có một sự thỏa mãn nào về mặt tinh cảm. Nhờ được chữa bằng những kỹ thuật tổng hợp tâm lý khác nhau, tình trạng của cô dần dần khá lên đến mức cô đã khắc phục được chứng sợ các khoảng rộng (agoraphobie) và một mình du lịch vài ngày bằng xe lửa.

Tôi xin nhắc lại rằng trong tất cả những điều nói trên, chẳng có gì là đặc biệt cả. Trái lại, những biểu hiện riêng biệt, thú vị về các mặt khác nhau thường nảy sinh do sử dụng kỹ thuật vẽ tự do. Lúc đầu, các hình vẽ gồm có những đường, những hình hình học nói lên các trạng thái tự nhiên một cách sơ lược (mặt trời, biển, núi) và những mục tiêu đơn giản. Nhưng rồi trong những hình vẽ ấy nhanh chóng hiện ra những chữ và câu dựa theo những cái được vẽ ra và giải thích chúng. Sự phát triển này diễn ra tự phát, không có chỉ dẫn hay khuyến khích của tôi. Các câu viết diễn đạt những trạng thái tâm hồn khác nhau, rồi những khát vọng, những mong muốn ngày càng rõ về giải thoát và nâng cao, những tia chớp trực giác có tính chất phổ biến, vũ trụ. Đây là hai trong số những câu do cô viết từ 1932 đến 1935 :

Bộ mặt Thượng đế bị che đậy. Những làn sóng bí ẩn xuyên qua bầu trời. Trên những vùng thượng giới, ngọn gió vũ trụ thổi qua. Ý thức không muốn thừa nhận nó.

Trên những chiều cao của không gian, cái nhìn mở rộng ra. Xuyên qua cuộc đời la chu kỳ lịch sử của nó. Cái toàn thể vĩ đại vẫn im lìm.

Rồi, việc vẽ các bức hình giảm dần, cho tới khi cô thôi vẽ hoặc gần như thế vào năm 1940, trước khi lại hăng hái vẽ lại : các bức vẽ dần dần được thay thế bằng những bài viết mang một hình thức thơ rất đặc biệt. Những bài viết này ngày càng mang tính chất những thông điệp đến từ những trình độ siêu thức.

Sự phân biệt rành mạch, thậm chí có khi là sự đối lập giữa ý thức tỉnh bình thường và nguồn ngẫu hứng của cô, đã được Lucia nhận rõ và được cô thể hiện.

Phong cách các thông điệp thường thay đổi, mang những cách thể hiện lạ lùng, có khi kỳ cục, nhưng thật sống động và diễn cảm. Ở một vài mặt, nó gần giống với phong cách của các nhà thơ siêu thực. Những nhà thơ này đôi khi bị nghi ngờ là đã diễn đạt theo lối cố tình, hết sức có dụng ý, thậm chí với một ý định không tốt. Nhưng sự nghi ngờ này trong nhiều trường hợp là không đúng ; trong trường hợp của Lucia, điều đó hoàn toàn bị loại trừ vì chính cô là người đầu tiên lấy làm kinh ngạc với những gì do bàn tay mình viết ra.

Những gì xảy ra trong những trường hợp đó là sự đột nhập của những yếu tố và những hoạt động của cái vô thức, dưới một hình thức thô thiển, chưa trau dồi và cũng chưa có sự cấu trúc bình thường để đi tới một lối diễn đạt bằng lời lẽ có phối hợp và dễ truyền đạt.

Nhưng điều quan trọng nhất là bản chất, nội dung của các thông điệp. Chúng có thể đến từ tất cả các trình độ của cái vô thức, từ thấp nhất đến cao nhất. Trong trường hợp của Lucia, các thông điệp nói chung mang một giọng và những nội dung cao, thuộc về lĩnh vực siêu cá nhân.

Những đề tài được nhấn mạnh hơn cả là sự nhìn thấy một tương lai rạng rỡ ; một sự đổi mới cấp bách của loài người ; những điềm báo và những chỉ dẫn về một Kỷ nguyên mới ; sự xuất hiện của những Thực thể cao cấp như những người tiên phong và những người sáng tạo.

Thái độ của Lucia đối với nguồn ngẫu hứng của mình là cân bằng và, nói cho đúng, cô không biết tới nó. Cô không coi nguồn này như một thực thể bên ngoài, mà để cho những cách gọi nguồn đó (Thượng đế, Người chỉ huy, v. v...) mang tính chất tượng trưng của một sự "nhân cách hóa tâm lý".

Cần nhớ rằng khi viết, Lucia không bao giờ để mình mất ý thức đi. Điều đó làm cho cô khác với tất cả những ai đã viết - đôi khi cả những bộ tiểu thuyết dài - trong một trạng thái thôi miên hay lên đồng mà không biết mình đang làm gì. Lỗi viết tự động ấy không nên khuyến khích, vì nó có xu hướng tạo ra hoặc tăng thêm một sự phân ly tâm lý và có thể mở cửa cho những ảnh hưởng không đáng mong muốn. Hơn nữa, trường hợp Lucia và những trường hợp tương tự khác cho thấy rằng sự duy trì ý thức tỉnh táo không phải là trở ngại đối với ngẫu hứng đến từ những trình độ siêu cá nhân.

Chúng ta có thể rút ra những kết luận gì từ những bức vẽ và bài viết được sản xuất theo lối tự phát của Maria Gallotti và Lucia nhắc tới trên đây, cũng như từ những trường hợp khác có cùng nguồn gốc được Myers kể lại trong cuốn sách của ông *Nhân cách con người*, và được những chuyên gia khác nhau mô tả về những hiện tượng ấy ? Ở đó, người ta thấy một sự xác nhận hiển nhiên về những điều đã được tâm lý học nhân văn chủ nghĩa và tâm lý học siêu cá nhân (Sức mạnh thứ Ba và thứ Tư trong tâm lý học) chứng minh : trong tâm hồn con người, có nhiều năng lực và năng lượng nói chung chưa được biết tới, những khả năng sáng tạo và biểu hiện đáng ngạc nhiên tồn tại trong trạng thái tiềm ẩn, sẵn sàng được bộc lộ một khi người ta mang lại cho chúng những điều kiện mong muốn !

Những chứng minh hiển nhiên nhất, một mặt, được cung cấp bằng những biểu hiện tự phát mà chúng ta vừa nói tới, mặt khác, bằng việc có nhiều trẻ em hay thanh niên tài năng khác thường cũng như nhiều nhân vật xuất chúng : các giáo sĩ, nghệ sĩ và các nhà khoa học thiên tài, các nhà giáo dục vĩ đại và những ân nhân lớn của loài người.

Những người có tài năng khác thường, với những phẩm chất đặc biệt có khi nảy nở từ những năm đầu tiên của họ, đã bắt đầu được thừa nhận và quý trọng, nhưng vẫn còn theo một lối hạn chế và không thích hợp. Không những có những sự hiểu sai, mà còn có những sự chống đối, thậm chí đối địch với họ nữa, vì những lý do khác nhau mà tôi không muốn dừng lại ở đây. Thế nhưng, có hai lý do buộc chúng ta phải quan tâm tới những người có tài năng khác thường.

Thứ nhất, họ là nguyên tố con người quý giá nhất, có thể so sánh với uranium có những phóng xạ mạnh.

Lý do thứ hai là không hiếm khi người ta thấy những người có tài năng khác thường có những năng lượng quá phong phú ở tất cả các trình độ của họ. Khi sự biểu hiện của nó bị ngăn cản hay bị gò bó, có thể nảy sinh những hiệu quả phá hoại, những biểu hiện chống xã hội và thậm chí những tội ác nữa.

Người ta đã xác nhận rằng trong số những đứa trẻ và thiếu niên bị giữ ở những nơi được gọi một cách mỉa mai đáng buồn là "Nhà Chỉnh đốn" (Maisons de Correction), có một tỉ lệ đáng kể những em có tài năng đặc biệt. Đôi khi, trong số đó có những em đã từng trải qua một sự thức tỉnh tâm linh tự phát. Nếu điều đó không được thừa nhận và nếu chúng vẫn bị giữ trong một chế độ đàn áp, thì chúng ngày càng trở thành những kẻ chống xã hội, và khi được trả lại tự do chúng có thể trở thành hung dữ, thậm chí trở thành những tên tội phạm nguy hiểm. Vì lợi ích cấp bách của xã hội, phải làm tất cả những gì có thể làm được để ngăn ngừa nguy cơ ấy và để hướng những năng lượng dồi dào ấy vào những hoạt động xây dựng và sáng tạo.

Có thể làm được nhiều việc theo hướng này ; đã có nhiều giải pháp mang bản chất khác nhau, từ những ứng xử cao hơn như sự thông cảm, thiện cảm, tình yêu thương cho đến những kỹ thuật trị liệu tâm lý và giáo dục khác nhau ngày càng được biết tới và trong số đó, cần phải chú ý tới những kỹ thuật đơn giản nhất và dễ thực hiện nhất : vẽ và viết.

Tất cả chúng ta đều phải coi nghĩa vụ của mình là phổ biến kiến thức, khuyến khích các thầy thuốc và các nhà giáo dục sử dụng và giúp cho các bậc bố mẹ sử dụng những kiến thức đó. Chính là bằng cách ấy mà người ta sẽ có thể ngăn ngừa những điều ác đang đe dọa trạng thái hòa bình dân sự và chuẩn bị cho sự xuất hiện một Kỷ nguyên mới. Lúc đó, sẽ có thể thực hiện được một sự tổng hợp tâm lý toàn hành tinh, không có chiến tranh, cũng không có những cuộc đấu tranh xã hội dữ dội, và trong đó những tiềm năng con người cao nhất sẽ được sử dụng một cách rộng lớn nhất.

7. SỰ GIAO CẢM TỪ XA THEO CHIỀU DỌC

Bây giờ tôi sẽ bàn tới những quan hệ giữa cái hữu thức và những gì nó có thể nhận được hay nắm bắt được từ cái siêu thức. Năng lực đón nhận những yếu tố từ trên cao của cái hữu thức có thể được gọi là sự giao cảm từ xa theo chiều dọc (télépathie verticale), để phân biệt nó với sự giao cảm từ xa theo chiều ngang (télépathie horizontale), trong đó những yếu tố bên ngoài tư duy cá nhân hay tập thể đến với chủ thể, từ bên ngoài, theo chiều ngang. Người ta cũng có thể gọi nó là "Sự giao cảm từ xa bên trong" vì nó diễn ra ở chính bên trong cá nhân. Nhưng ở đây, cần phải cảnh báo : rất khó phân biệt những gì đến từ cái siêu thức cá nhân với những gì đến từ những lĩnh vực còn cao hơn nữa, từ những trình độ siêu thức bên ngoài cá nhân. Càng lên cao, những giới hạn của cá nhân càng bị xóa nhòa. Càng lên cao, con người càng thống nhất với toàn thể. Vì thế, mọi sự mô tả, mọi thuật ngữ chỉ có tính chất chỉ dẫn, tương đối. Lời nói bao giờ cũng mang tính tượng trưng, ám chỉ, nhất là trong trường tâm lý - tâm linh.

Từ "giao cảm từ xa" có nghĩa là ảnh hưởng từ xa, mà ở đây, đó là nói tới một khoảng cách tâm lý, một khoảng cách giữa cái tôi hữu thức và cái siêu thức. Cũng như trong trường

hợp giao cảm từ xa theo chiều ngang, người ta có thể phân biệt thành hai cách : cách tự phát và cách được gây ra hay thực nghiệm.

Giao cảm từ xa tự phát là đón nhận, dù không muốn, những ấn tượng đến từ xa mà sau đó người ta thấy phù hợp với hiện thực. Trong giao cảm từ xa thực nghiệm, một người phóng đi một ý nghĩ, một hình ảnh, và một người khác tìm cách đón nhận những thứ đó. Trong giao cảm từ xa theo chiều dọc cũng như vậy. Có một sự giao cảm từ xa theo chiều dọc tự phát. Thuộc vào lĩnh vực này là tất cả những hiện tượng ngẫu hứng, nghệ thuật, văn học, âm nhạc ; những trực giác, những hình thức linh tính mang tính chất cao ; những xung lực nhằm thực hiện những hành vi anh hùng, cũng như sự lóe sáng huyền bí. Những nội dung siêu thức này sinh ra, đi xuống ý thức thức tỉnh một cách tự phát và được cái tôi hữu thức nhận biết. Nhưng, ngay cả trong trường hợp này, các quá trình đó có thể được thúc đẩy hay được cố ý gây ra bằng những bài tập tâm linh, qua đó người ta có thể thu hút, tạo điều kiện dễ dàng cho sự đi xuống của các thông điệp và của các luồng siêu thức vào ý thức.

Giao cảm từ xa theo chiều dọc có tầm quan trọng rất lớn về khoa học và con người. Về mặt khoa học, nó xác nhận sự tồn tại của khu vực cao nhất này của thực thể chúng ta ; về mặt con người, đó là phần tốt nhất của chính chúng ta, khi có được thu hút, được ý thức, rồi được sử dụng một cách sáng tạo vào những mục đích có ích. Nhưng tầm quan

trọng này vẫn còn xa mới được thừa nhận, nếu không chúng ta đã sống theo một lối khác hẳn !

Một sự giống nhau có thể giúp chúng ta hiểu được điều đó. Nếu chúng ta biết rằng có một Hiền nhân vĩ đại đang tồn tại với những quyền năng tâm linh lớn, một Hiền nhân vô tư và đầy thương yêu đối với chúng ta, chắc chắn chúng ta sẽ hết sức mong muốn nói chuyện với ngài, xin ngài khuyên bảo và giúp đỡ. Nếu ngài sống ẩn náu trên một ngọn núi, chắc hẳn chúng ta sẽ sẵn lòng chuẩn bị trèo lên đó để gặp ngài. Chắc hẳn chúng ta sẽ tuân theo kỷ luật chuẩn bị tâm lý - tâm linh đặc biệt, để có được sự thuyết giảng quý báu của ngài và để được cổ vũ bởi năng lượng và tình thương yêu từ ngài tỏa ra. Chúng ta sẽ thấy rõ rằng sự giúp đỡ của ngài có thể làm cho chúng ta tránh được những sai lầm, những đau khổ và những nỗi gian lao, và làm biến đổi cuộc đời của chúng ta một cách thật sự.

Thế mà, một Hiền nhân như vậy, một Thầy như vậy đang tồn tại ; ngài đang ở gần chúng ta, thậm chí hiện hữu trong mỗi chúng ta. Đó là cái Tôi cao nhất, là Ngã tâm linh. Để đến với nó, chúng ta phải làm một cuộc hành trình thật, nhưng là ở trong các thế giới bên trong chúng ta. Để đi tới nơi cư ngụ của nó, cần phải leo lên tới những độ cao của cái siêu thức. Và chúng ta phải có một sự chuẩn bị thích hợp về mặt tâm lý - tâm linh để có thể chịu được luồng năng lượng của nó dồn tới, để đón nhận những thông tin tinh tế của nó bằng cách phân biệt những thông điệp ấy với tất cả những tiếng nói nội tâm khác, để hiểu và lý giải được

những tượng trưng của nó. Cuối cùng, chúng ta phải sẵn sàng thực hiện những khuyến bảo của nó với một ý chí vững chắc và trọn vẹn.

Sự chuẩn bị ấy không dễ dàng. Ngã và cái tôi cá nhân xem xét các sự vật, các sự kiện, các thực thể theo lối rất khác nhau. Ngã và ý thức thông thường, tự phát của chúng ta, với "cái nhìn ngắn", của nó như Dante nói, có một cách phân xét các sự vật và nhìn nhận tương lai của chúng rất khác nhau. Những chỉ dẫn của Ngã phù hợp với cái thiện đích thực, nhưng cũng có thể trái với những ham muốn và ưa thích cá nhân của chúng ta. Ngã không đòi hỏi những hy sinh theo nghĩa thông thường và sai lạc như những sự từ bỏ bị bắt buộc và khó khăn. Nhưng để dành thời gian của chúng ta vào những gì có giá trị hơn như một điều cần thiết, nó kêu gọi loại bỏ dần nhiều cái, nhiều thói quen và hoạt động có hại và vô ích, hoặc chỉ là không quan trọng mấy.

Ngoài ra, với sự sáng suốt và tình yêu thương đầy thương cảm của nó, Ngã không đòi hỏi chúng ta phải đến đó ngay lập tức và hoàn hảo. Nó nhẫn nại và có thể chờ đợi, vì biết rằng chúng ta rồi sẽ đạt tới mục đích đã định, chậm chạp nhưng chắc chắn, mục đích đã được nhìn thấy từ lúc khởi đầu cuộc hành hương trong sự tiến hóa của chúng ta. Nói cách khác, Ngã hướng theo cái vĩnh hằng hay nói đúng hơn, nó sống trong cái vĩnh hằng, nhưng trong cái vĩnh hằng "hiện tại" mà không phải là trong cái vĩnh hằng thuần túy siêu việt bị cắt khỏi quá trình phát triển của chúng ta.

"Cái vĩnh hằng hiện tại" là một từ ngữ nghịch lý phải được nhận biết bằng bản năng và cho phép hiểu được một chân lý căn bản, chân lý về các quan hệ giữa cái siêu việt và cái nội tại, giữa thực thể và sinh thành. Cuộc sống trong tính tổng thể của nó chính là sự tổng hợp của thực thể và sinh thành. Trong chúng ta, cả hai đều - và phải - hiện hữu, đều được ý thức và đều hoạt động. Chúng ta phải sống chăm chú và có ý thức về thời điểm đang đi qua, nhưng trên nền của tính vĩnh hằng. Thế nhưng sự tổng hợp cái tức thời và cái vĩnh hằng là chu kỳ. Cuộc sống diễn ra thành các chu kỳ, tức là những thời điểm gắn với nhau một cách hữu cơ bằng một cái gì làm cho chúng trở thành siêu việt : Cái Vĩnh hằng. Một cách diễn đạt tổng hợp được chứa đựng trong cách diễn đạt "*cái hiện hữu vĩnh quang và vĩnh hằng*".

Để thiết lập mối quan hệ có ý thức với Ngã, cần phải đồng cảm, hòa hợp với nó. Ví dụ về chiếc máy thu thanh có thể giúp chúng ta hiểu điều này. Thoạt đầu, người ta tìm cách xây dựng những bộ thu rất mạnh bằng cách tăng số đèn lên gấp nhiều lần, nhưng người ta nhanh chóng nhận ra rằng việc tăng công suất ấy có hại cho tính thuần khiết và khả năng chọn lọc của âm thanh. Thế là dần dần người ta coi khả năng chọn lọc, độ sáng rõ của sự thu nhận là quan trọng hơn và chỉ cần có công suất vừa đủ để bắt được sóng truyền đi.

Đối với chúng ta cũng vậy. Vấn đề không phải là ở sự "thu nhận" (theo nghĩa nhận được quá nhiều thông điệp từ mọi phía). Đây là sự phát triển khả năng chọn lọc ngày càng

tinh tế hơn, nhạy bén hơn. Để có sự chuẩn bị cần thiết ấy, cần phải vượt qua những do dự, những sự rối loạn của tính vị kỷ và lưỡi biếng tinh thần của chúng ta - tất cả chúng ta đều lưỡi biếng về tinh thần, dù có che đậy điều đó bằng một tính tích cực bên ngoài, mà nhiều khi đó chỉ là một sự trốn thoát, một tính thụ động được che đậy bằng sự hoạt động. Nhưng chúng ta có thể thành công nếu thường xuyên hiểu rõ và nhớ rằng *làm như vậy cũng không bỏ công*. Vị Thầy nội tâm, Ngã tâm linh hiểu hết mọi cái, nhìn thấy tương lai, có những quyền năng đáng kinh ngạc mà chúng ta không thể định được giới hạn. Sự hướng dẫn, gợi ý và những sự giúp đỡ khác nhau của nó có thể đem lại cho chúng ta ánh sáng, sự yên ổn và vững tâm, có thể gây ra niềm vui và tình thương yêu ở chúng ta, và có thể biến chúng ta thành những công cụ hữu hiệu cho điều tốt lành của những người khác.

Những tượng trưng của Ngã rất khác nhau, và mỗi cái chỉ ra, gợi ý cho chúng ta một mặt của nó. Trong số những tượng trưng thường thấy nhất, người ta thấy có : ngôi sao ; vùng lửa tủa chiếu ; một nhân vật thiên thần mà người phương Đông gọi là "Thiên thần mặt trời" ; vị Thầy nội tâm ; bậc Hiền nhân già nua ; vị anh hùng ; chiến binh nội tâm.

Nhưng chính chúng ta phải cầu viện tới nó (Ngã) ; chính chúng ta phải đi bước đầu tiên, mở cửa, tạo ra kênh đón nó. Chỉ có như vậy, Ngã mới có thể đến với chúng ta, vì nó không bó buộc cũng không áp đặt. Chúng ta được trao cho

một ý chí tự do và, dù thường khi chúng ta không biết sử dụng nó, thì đó vẫn là vật tặng quý giá nhất mà chúng ta đã nhận được, vì qua những kinh nghiệm, những sai lầm và những đau khổ của chúng ta, ý chí đó dẫn chúng ta tới sự *thức tỉnh*. Ngã không bó buộc gì hết, nhưng nếu chúng ta cầu viện tới nó, nó sẽ đáp lại.

Người ta không ngừng cảm thấy nghịch lý của tính lưỡng phân và tính thống nhất của thiên tính. Từ ngôi sao, từ cái Tôi tâm linh toát ra cái tôi cá nhân, như cái phản ánh của nó. Ở đây người ta khám phá ra một trong những ý nghĩa của chuyện ngụ ngôn về đứa con hư trở về nhà. Cái tôi cá nhân là đứa con hư đi xuống thế giới vật chất và quên mất nguồn gốc của nó, cho tới khi đã tha hồ làm đủ mọi sự ngu xuẩn rồi, đã phạm tất cả mọi lầm lạc rồi (theo hai nghĩa : sai lầm và lạc đường), nó mới lại cảm thấy buồn nhớ ngôi nhà bố mẹ, đi tìm lại ngôi nhà đó và cuối cùng tìm được.

Nhưng chỉ chấp nhận, thừa nhận về mặt tri tuệ tính lưỡng phân trong tính thống nhất, cũng chưa đủ. Cần phải làm điều đó, nhưng đó chỉ mới là bước thứ nhất. Còn phải thực hiện nó, trải nghiệm nó. Và trước khi đi tới chỗ thống nhất lại, cần phải có cả một thời kỳ "đối thoại nội tâm" đầy nhọc nhằn, đầy những cầu xin, những yêu cầu và những đáp ứng, rồi dần dần hai cực xích lại gần nhau với những tia lửa ngày càng nhiều hơn và sáng hơn và, đến một lúc nào đó, "đụng nhau", rồi lại tách khỏi nhau, cho đến lúc đại thanh bình, khi hai cực đó trở thành Một.

8. CÁC TƯỢNG TRUNG CỦA NHỮNG THỂ NGHIỆM SIÊU CÁ NHÂN

Để hiểu cái siêu thực là gì, cần phải làm sáng rõ cái được người ta hiểu là "bình thường". Nói chung, người ta coi một người trung bình, tuân theo tất cả các chuẩn mực của môi trường xã hội của mình là "bình thường", hay nói cách khác là "theo khuôn phép". Nhưng tính bình thường hiểu theo cách đó là một khái niệm ít làm cho người ta thỏa mãn ; nó có tính chất tĩnh và riêng biệt. Tính bình thường ấy là một "tĩnh tâm thường" không chấp nhận, thậm chí lên án tất cả những gì nằm ngoài các chuẩn mực và, do đó, coi những điều đó là "không bình thường", mà không thấy rằng có nhiều ứng xử gọi là "không bình thường" thật ra là những sự khởi đầu hay những ý định vượt qua tính tâm thường.

Nhưng người ta đã bắt đầu phản ứng lại với sự sùng bái "tĩnh bình thường" tâm thường ấy. Nhiều nhà tư tưởng và nhà khoa học trong thời đại chúng ta đã kiên quyết chống lại nó. Trong những người đáng chú ý nhất, có thể kể tới Jung, người đã không ngần ngại nói trong *Con người trong sự khám phá tâm hồn của mình* rằng :

Con người bình thường là thước đo lý tưởng đối với những ai gặp thất bại trong cuộc đời, đối với

những ai còn nằm dưới trình độ thích nghi chung : nhưng đối với những ai có những khả năng cao hơn người trung bình nhiều, thì chỉ riêng ý nghĩ tự hạn chế mình để chỉ trở thành bình thường thôi cũng đã là một sự tra tấn, giống như sự tra tấn ở chiếc giường Procuste.⁽¹⁾ một nỗi buồn không thể chịu được, một địa ngục tuyệt vọng.

Một giáo sư đại học khác, Gategno ở Trường Đại học London, còn đi xa hơn. Ông nói thêm rằng ông coi con người trung bình thông thường là một thực thể trước người (être préhumain), và danh thuật ngữ "Người" với chữ viết hoa cho những ai đã vượt qua trình độ chung và, về mặt này, đó là những người siêu bình thường (supranormaux).

Trong quá khứ, sự sùng bái những người xuất chúng là chuyện thông thường : những thiên tài, những hiền triết, những vị thánh, những anh hùng, những người có bí quyết đều được coi như đội tiên phong của loài người, như một sự hứa hẹn lớn về những gì mà mỗi người có thể đạt tới. Ý tưởng này thấy có trong những mệnh lệnh lớn của Christ :

Hãy hoàn hảo như Cha các người hoàn hảo trên Trời ! Các người có thể làm được những điều còn lớn hơn cả những gì ta đã làm !

1. Procuste là một tướng cướp xứ Attique. Hắn trấn lột những người du hành, rồi bắt họ nằm lên một chiếc giường sắt và chặt chân họ nếu chân dài quá, hoặc kéo chân họ nếu chân quá ngắn. (N.D.)

Những con người xuất chúng ấy không khinh thường loài người chung, nhưng đã tìm cách gây ra ở loài người một xung lực, một khát vọng vượt qua "tính bình thường" và tính tầm thường của nó và phát triển những khả năng tiềm ẩn ở mọi con người.

Nói tới cái siêu thức là gặp phải một khó khăn nghiêm trọng, đó là những lời lẽ không thích hợp của con người. Lời lẽ con người là cụ thể, nhất là ở thời hiện đại, một thời đại duy lý và khách quan. Tất cả những từ ngữ chỉ các điều kiện và các hiện thực tâm lý hay tâm linh đều bắt nguồn từ những ẩn dụ hay những tượng trưng rút ra từ những hiện thực cụ thể. Chẳng hạn từ "hồn" - *animus* trong tiếng latin - xuất xứ từ tiếng Hy Lạp *anemos*, có nghĩa là gió ; "tinh thần" (*esprit*) xuất xứ từ *spirare*, nghĩa là thở ; suy nghĩ từ *pensare*, cân đo, v.v... Nhưng, khó khăn ấy không phải là không thể vượt qua được nếu chúng ta thừa nhận và nhớ rõ bản chất tượng trưng của mỗi từ ngữ dù bằng lời lẽ hay có một bản chất khác. Những tượng trưng được thừa nhận và được hiểu như vậy có một giá trị lớn ; chúng là những từ ngữ gợi ý và gây ra một cách hiểu trực giác có tính trực tiếp. Hơn nữa, việc các từ chỉ những hiện thực cao nhất đều bắt rễ từ trong kinh nghiệm của các giác quan đã làm sáng rõ những sự tương ứng căn bản giống như vậy giữa hai thế giới bên ngoài và bên trong, giữa thế giới vĩ mô và thế giới vi mô.

Tuy nhiên, các tượng trưng cũng có những nguy hiểm : người nào hiểu chúng theo nghĩa đen, không đi tới hiện thực được chỉ định nằm đằng sau cái tượng trưng, mà lại tự

khép mình vào đó, thì không thể đạt tới chân lý được. Ngoài ra, các tượng trưng có một giới hạn do tính phiến diện của chúng : thật ra, mỗi tượng trưng chỉ thể hiện được một mặt, một dạng thức, một quan niệm cục bộ về một hiện thực nào đó. Nhưng người ta có thể khắc phục điều đó bằng cách sử dụng những tượng trưng khác nhau để chỉ cùng một chân lý. Tổng số, sự hội tụ, sự tổng hợp của tất cả các quan điểm ấy sẽ có thể đem lại một sự hiểu biết đúng hơn, đầy đủ hơn về hiện thực được tượng trưng hóa.

Chính vì thế, để gọi ra những thể nghiệm và những sự chiếm lĩnh ở cấp cao được mở ra cho con người, chúng tôi sẽ dùng mười lăm loại hay nhóm tượng trưng : 1. Hướng nội (nhập tâm). 2. Đi sâu, đi xuống. 3. Nâng cao, đi lên. 4. Mở rộng, bành trướng. 5. Phát hiện. 6. Ánh sáng, lóe sáng. 7. Lửa. 8. Phát triển. 9. Tạo thành tiềm năng, năng lực. 10. Thương yêu. 11. Con đường, hành hương. 12. Đột biến, thăng hoa. 13. Tái sinh. 14. Giải thoát. 15. Phục sinh, trở về.

Những tượng trưng ấy không chỉ có tính gợi ý và soi sáng. Chúng có thể được dùng như những chủ đề suy tưởng, như những bài tập tâm lý - tâm linh thật sự. Hơn nữa, những bài tập này được thực hiện theo một mục đích giải huyền bí hoặc tâm lý trị liệu, và những suy tưởng cũng như những bài tập ấy tỏ ra rất có hiệu quả, đôi khi tạo nên những biến đổi đáng kinh ngạc. Bài tập Hoa hồng ở cuối chương này là một ví dụ về sử dụng tượng trưng như vậy.

1. Nhóm thứ nhất gồm có những tượng trưng hướng ngã, *hướng nội*.

Hướng ngã là một sự cần thiết cấp bách đối với con người hiện đại. Nền văn minh hiện thời của chúng ta hướng ngoại quá mức, khiến cho con người bị nhốt vào một vòng tròn hoạt động cuồng nhiệt, mà những hoạt động này trở thành mục đích tự thân. Người ta có thể nói rằng con người "bình thường" hiện nay sống "ở bên ngoài bản thân mình" về mặt tâm lý và tâm linh. Cách nói "sống ở bên ngoài bản thân mình" trước kia được dùng cho những con bệnh tinh thần, thì ngày nay lại thích hợp với con người hiện đại ! Từ nay, con người hiện đại sống khắp mọi nơi, chỉ trừ ở bên trong bản thân mình. Trên thực tế, nó là "ly tâm", tức là sống ở bên ngoài trung tâm bên trong của chính nó. Một từ tiếng Pháp hoàn toàn thích hợp là "désaxé", bật ra khỏi trục. Vì thế, cần phải có một đời sống bên trong thích đáng để đối trọng với đời sống bên ngoài. Chúng ta phải "trở về lại với chính mình". Con người phải từ bỏ nhiều sự trốn thoát liên tục của mình và quay sang khám phá cái mà mới gần đây còn được gọi là "không gian nội tâm". Cần phải thừa nhận rằng, thế giới bên ngoài không phải là thế giới duy nhất tồn tại, mà còn có những thế giới bên trong khác nữa, và người ta có thể, người ta phải hiểu chúng, thăm dò và chiếm lĩnh chúng. Đó là một sự cần thiết cho sự cân bằng và sức khỏe của chúng ta.

Con người hiện đại đang chế ngự tự nhiên và đang khai thác các nguồn năng lượng của nó không hiểu rằng, trên thực tế, tất cả những gì nó làm ở bên ngoài bắt nguồn từ trong bản thân mình, trong tâm lý của mình, đều là một

hiệu ứng của những ham muốn, những bản năng, những xung lực, những chương trình và những kế hoạch của nó. Tất cả những hoạt động ấy đều mang tính tình thần, nói cách khác, đều có tính bên trong. Mỗi hành động bên ngoài là kết quả của những động cơ bên trong. Chính vì thế, phải hiểu, phải xem xét, phải kiểm soát những động cơ của mình. Goethe một người xuất sắc biết đóng vai con người bình thường rất giỏi khi ông muốn, đã nói : "Khi chúng ta làm được công việc bên trong của mình, thì kết quả bên ngoài sẽ tự động đến với chúng ta".

Hơn nữa, sự hướng nội có thể đem lại cho chúng ta một sự cân bằng lớn hơn nhiều và một sức khỏe thần kinh và tâm lý tốt hơn. Sự hướng nội có thể có những hiệu ứng có thể gọi là siêu bình thường. Khi trở về bản thân mình, chúng ta sẽ khám phá ra Trung tâm của mình, thực thể đích thực của mình, phần thầm kín nhất của bản thân chúng ta. Đó là cái Christ nhắc tới khi ngài nói về "viên ngọc cao giá" và nói : "Kẻ nào tìm được nó sẽ quý giá trị của nó và sẽ đem bán tất cả mọi thứ để giành được nó".

2. Nhóm thứ hai của các tượng trưng gồm có những tượng trưng về sự *đi sâu*, đi xuống tận "đáy" thực thể chúng ta.

Sự thăm dò cái vô thức được coi một cách tượng trưng như sự đi xuống tận những vực thẳm của con người, như sự thăm dò những "đáy sâu tâm lý". Nhóm tượng trưng này được đặc biệt sử dụng từ khi phân tâm học phát triển, nhưng không phải do nó khám phá. Nguồn gốc của nhóm này cổ

xưa hơn và ngay trong thời cổ đại đã mang một ý nghĩa sâu hơn. Chỉ cần nhắc tới việc Énée đi xuống địa ngục trong *Enéide* của Virgile và việc Dante mô tả Địa ngục là đủ. Những nhà thần bí khác nhau cũng từng nói tới những "vực thẳm của tâm hồn". Góc phân tâm học theo nghĩa chặt chẽ của nó sang một bên, trong tâm lý học có một trào lưu gọi là "tâm lý học về các chiều sâu" do Jung đại diện. Nguyên lý căn bản của nó là con người phải dũng cảm hiểu rõ tất cả các mặt thấp kém, tăm tối của chính mình, mà Jung gọi là "bóng tối" và sau đó sáp nhập chúng vào nhân cách hữu thức của mình. Sự thừa nhận và sáp nhập ấy là những hành vi vừa thấp hèn vừa mạnh mẽ cùng một lúc. Ai hiểu được những mặt thấp kém nhất của nhân cách mình mà không bị chìm ngấm vào đó sẽ thực hiện được một sự chiếm lĩnh tâm linh thật sự. Nhưng sự đi xuống ấy có nhiều nguy hiểm : truyện ngụ ngôn về "kẻ tập làm phù thủy" đã cảnh cáo chúng ta về điều đó. Làm cho "nước bản" trào lên thì tương đối dễ dàng, nhưng chặn nó lại và ra lệnh cho nó rút đi thì khó khăn hơn nhiều !

Về điểm này, thật thú vị khi nhắc lại cách thực hành của nhà tâm lý trị liệu tài ba, Robert Desoille, người sáng tạo ra phương pháp "giấc mơ được đánh thức". Ông dùng sự đi xuống, chỉ rõ rằng cần phải thực hành nó một cách thận trọng, "từng phần một", tức là bắt đầu từ việc tìm cách thể nghiệm những hiện thực cao, rồi sau đó, khi chủ thể dần dần mạnh lên, mới thăm dò thận trọng khu vực vô thức. Mục đích của ông là loại trừ sự tách rời giữa cái hữu thức và cái vô thức thấp kém. Sự tách rời này được gây ra bởi

cái hữu thức, vì cái hữu thức thường đẩy lùi, lên án và không chịu chấp nhận mặt đó của nhân cách chúng ta, vì định kiến hay vì sợ hãi. Đẩy lùi phần đó ra khỏi chúng ta chẳng để làm gì cả, điều đó không xóa bỏ được nó, thậm chí còn làm cho nó tăng lên, trong khi nhiệm vụ chúng ta là cứu lấy phần thấp kém ấy của mình. "Thừa nhận" phần này, tất nhiên, không có nghĩa là để cho nó dắt mũi mình, mà là chuẩn bị để cải biến nó. Sự đi xuống của Christ tận địa ngục để cứu chuộc những kẻ lưu trú tại đó có ý nghĩa sâu sắc như vậy.

3. Nhóm thứ ba, gồm có những tượng trưng rất rộng, là nhóm *nâng cao*, đi lên, chiếm lĩnh "không gian nội tâm", hiểu theo nghĩa đi lên.

Có cả một loạt những thế giới bên trong, mỗi thế giới có những tính chất riêng biệt và bao gồm cả những trình độ thấp lẫn những trình độ cao. Như vậy, trong thế giới đầu tiên của các thế giới thấp, thế giới của những tình cảm và say mê, giữa những đam mê thấp kém và những tình cảm cao cả có một khoảng cách lớn, một sự "sai biệt trình độ" thật lớn. Tiếp đó là thế giới của trí tuệ, của tinh thần, ở đó người ta cũng thấy có những trình độ khác nhau : từ tinh thần thực tiễn, phân tích cho đến lý trí cao cấp, triết học (cái "*chúng ta*"). Rồi đến thế giới của cái tưởng tượng thuộc kiểu thấp và thuộc kiểu cao ; thế giới của trực giác, thế giới của ý chí và "cao hơn" nữa là những thế giới không thể mô tả được, chỉ có thể được coi như "những thế giới của sự siêu việt".

Tượng trưng lên cao đã được dùng ở tất cả mọi thời đại. Trong tất cả các tôn giáo, có những ngôi đền được dựng trên những "vùng đất cao", trên các đỉnh núi, và vào thời cổ, nhiều ngọn núi đã từng được coi là thiêng liêng. Ngoài ra còn có những truyền thuyết như truyền thuyết về Titurel, người trèo lên đỉnh một ngọn núi để xây dựng ở đó Lâu đài Thánh Graal. Tượng trưng trời, như nơi cư ngụ của các thần thánh và như mục đích của những khát vọng con người, cũng thấy có ở khắp nơi.

Về mặt này, thật bổ ích khi xem xét các từ "đi lên" (ascension) và "khổ hạnh" (ascèse) về mặt chữ nghĩa. Hai từ này là những hình thức gần gũi nhưng lại có gốc rễ khác nhau : ascèse (khổ hạnh) bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp *aikesis*, có nghĩa là tập luyện, kỷ luật, còn ascension thì có gốc latin *ad scandere*, trèo lên từ từ. Nhưng sự gần gũi của hai từ này không phải chỉ là về hình thức, chúng có một quan hệ mật thiết về tâm linh, vì ascension là kết quả và phần thưởng của ascétisme (lối tu luyện khổ hạnh), mà theo nghĩa gốc của nó là "kỷ luật tâm lý - tâm linh" về mặt hướng dẫn tâm lý (psychagogique).

4. Nhóm tượng trưng thứ tư gồm những tượng trưng về sự *bành trướng*, *mở rộng* của ý thức.

Cần chú ý rằng các tượng trưng khác nhau có thể xuất hiện mâu thuẫn nhau, trong khi trên thực tế không phải như vậy, thậm chí chúng còn thâm nhập lẫn nhau. Giống như sự đi xuống địa ngục không loại trừ việc đi lên lại - và như chúng tôi đã nói, cũng thật tốt khi đi lên trước để rồi

có thể đi xuống mà không nguy hiểm -, thì để có thể mở rộng ý thức mà không bị lạc đi trong sự rộng lớn của nó. trước hết cần phải giữ một vị thế vững chắc trong con người chúng ta. Có thể nói rằng khả năng mở rộng của ý thức trực tiếp phụ thuộc vào việc biến trung tâm ấy thành tiềm năng, thành năng lực.

Nhà tâm bệnh học Urban nói tới "phổ ý thức" (spectre di la sonsienu) và cho rằng chúng ta chỉ mới biết được một khu vực hạn chế - giống hệt như con mắt chúng ta chỉ nhìn thấy những bức xạ từ đỏ đến tím - trong khi thật ra còn có những khu vực tâm lý - tâm linh giống với tia hồng ngoại và tia tử ngoại nữa. Ý thức của chúng ta có thể mở rộng ra để bao trùm một trường ngày càng rộng lớn hơn của những ấn tượng và những nội dung tâm lý - tâm linh. Sự mở rộng ấy có thể được hiểu theo lối "tùng lĩnh vực", theo tất cả các hướng chiều dọc và chiều ngang, từ cá nhân đến nhóm, rồi đến xã hội và toàn thể loài người. Nhưng đây là sự nhận ra bản thân mình trong tính tổng thể mà không phải là bị mất hút đi trong đó. Leopardi và Carducci đã tượng trưng hóa hai khả năng đó : trong *Infinito*, Leopardi nói tới việc "tự phân tán vào cái toàn thể", còn trong *Canto dell'amorre*, Carducci nói : "Ta ôm trùm lấy các bầu trời, hay chính vũ trụ từ bên trong nuốt mất ta vào đó ?"

Một loạt tượng trưng khác về độ lớn, về sự mở rộng, là dựa vào gốc sanscrit *mah*, nghĩa là lớn. Các từ "thầy", "đạo sĩ", *mahatma*, bắt nguồn từ đó. Nói chung, chúng ta thường

nói tới các "vĩ nhân" để đối lập với những con người "bình thường" là những người... bé nhỏ !

Sự bành trướng, sự sát nhập những người khác vào bản thân mình, gắn liền với tượng trưng về tình yêu thương sẽ được nói kỹ sau.

Một hướng bành trướng khác là về thời gian. Con người bình thường nói chung sống trong hiện tại, nó bị những lợi ích chốc lát chiếm đoạt. Nhưng nó có thể mở rộng ý thức của mình ra để bao gồm những chu kỳ ngày càng rộng lớn, trong một *continuum* (chuỗi) thời gian có những kích thước khác nhau. Vì thế, người ta có thể đi tới chỗ hiểu rằng ý nghĩa và giá trị của một đời người không nằm ở một thời điểm tách riêng nào của nó cả, mà là trong một quá trình diễn ra ít nhất là từ khi đẻ tới khi chết về thể chất. Sự bành trướng trong thời gian ấy, sự bao gồm những chu kỳ ngày càng rộng lớn ấy, chuẩn bị cho chúng ta chuyển sang thời gian của cái vĩnh cửu, thậm chí có thể nói là "nhảy" sang đó, được hiểu không phải như một thời gian vô tận, mà như một kích thước ngoài thời gian, siêu việt, trong đó trung tâm tâm linh của chúng ta tồn tại và cư ngụ ở bên trên dòng thời gian đang trôi qua.

5. Chúng ta đi tới nhóm tượng trưng thứ năm, những tượng trưng có sức gợi ý nhiều nhất và có hiệu quả nhất : các tượng trưng của sự *thức tỉnh*.

Trạng thái ý thức của con người bình thường có thể được coi như trạng thái "giấc mơ" trong một thế giới đầy ảo giác :

ảo giác về thế giới bên ngoài như các giác quan chúng ta nhận biết ; ảo giác được tạo ra bởi những tưởng tượng, những xúc cảm, những khuôn mẫu tinh thần. Về thế giới bên ngoài, hóa học và vật lý hiện đại đã chứng minh rằng những gì mà giác quan của chúng ta nhận biết là cụ thể, vững bền, trở ỳ thật ra là một cơn lốc chóng mặt của những yếu tố cực nhỏ, những tích dồn năng lượng có sức năng động mạnh mẽ.

Sau đó là những ảo giác xúc cảm và tinh thần có liên quan gần gũi nhất với chúng ta và qui định cuộc sống chúng ta, tạo ra những sai lầm thường xuyên về đánh giá và ứng xử và đủ mọi loại đau khổ. Trong lĩnh vực này, tâm lý học khoa học cũng đi tới những kết luận giống với minh triết cổ đại, tức là con người là mồi của những "ảo ảnh" nội tâm, những định hình, những mặc cảm. Con người sống với sự nhìn thấy mọi vật, mọi thực thể qua một bộ lọc dày đặc những màu sắc và những biến dạng bắt nguồn từ những phản ứng xúc cảm, những hiệu ứng của các cơn sóc tâm lý đã qua, những ảnh hưởng bên ngoài, những môi trường tâm lý tập thể, v.v... Điều đó gây ra sự biến dạng tinh thần của nó. Khi nó tưởng mình suy nghĩ một cách khách quan, thì trái lại, nó đang chịu ảnh hưởng của cái mà Bacon gọi là những "thần tượng" : những ý tưởng định kiến và những ảnh hưởng.

Tất cả những điều đó tạo ra một trạng thái nằm mơ thật sự, mà con người có thể và phải tự thức tỉnh. Để làm như vậy, trước hết phải có một hành vi dũng cảm để nhìn thẳng

vào hiện thực. Phải thừa nhận tính đa dạng về tâm lý ở trong chúng ta, những sự khác nhau của các tiểu nhân cách đang cùng tồn tại bên trong chúng ta và, có thể nói, làm cho mỗi chúng ta trở thành một nhân vật của Pirandello.⁽¹⁾ Bước đầu tiên là phải biết được tất cả những gì tồn tại trong chúng ta và hoạt động trong chúng ta. Bước thứ hai là phải khám phá ra mình thật ra là cái gì : Ngã, tức là cái tôi tâm linh, khán giả của tấn bi hài kịch của con người.

Học thuyết và cách thực hành về sự thức tỉnh có từ thời Cổ đại. Phật đã đặc biệt nhấn mạnh trong những thuyết giảng của mình tới điều đó, đến mức ngài được đặt tên hiệu là "Bậc Đại giác". Để tạo thuận lợi cho sự "thức tỉnh" tâm linh ấy, có thể thực hành một bài tập tâm linh có hiệu quả : buổi sáng, sau khi tỉnh dậy "bình thường", tức là sau khi chuyển từ trạng thái ngủ sang trạng thái thức, bài tập này nhằm chuyển sang một sự thức tỉnh thật sự đối với thế giới hiện thực tâm linh. Có thể diễn đạt điều này dưới hình thức một phương trình : ngủ trong trạng thái thức và thức trong trạng thái thức tỉnh tâm linh.

6. Nhóm tượng trưng thứ sáu là nhóm ánh sáng, *lóa sáng*.

Giống như sự thức tỉnh thông thường khi chuyển từ đêm tối sang ánh sáng ban ngày, sự thức tỉnh của ý thức tâm linh

1. Pirandello là nhà soạn kịch và nhà tiểu thuyết Italia (1867 - 1936). Những vở kịch của ông cho thấy con người bao giờ cũng bất lực khi chiếm lĩnh nhân cách của mình. Ông được giải Nobel năm 1934. (N.D.).

cũng là một sự "lóa sáng" (illumination) và được gọi bằng cái tên đó. Đó là sự chuyển từ những tối tăm của ảo giác sang ánh sáng của Hiện thực. Bước đầu tiên, giai đoạn đầu tiên của sự thức tỉnh thật đơn giản, nhưng không dễ dàng : phải nhìn rõ chính bản thân mình. Giai đoạn thứ hai, một hiệu ứng khác của sự lóa sáng, cho phép giải quyết những vấn đề tưởng chừng không thể giải quyết được bằng một công cụ đặc biệt của cái nhìn tâm linh : trực giác. Như người ta nói, từ intuition (trực giác) này bắt nguồn từ *in-tueri*, nhìn vào sâu, nhìn thấy tính hiện thực của sự vật. Nhận thức trực giác để như là để thay thế cho nhận thức cảm tính, trí tuệ, logic, duy lý, hoặc hợp nhất nhận thức này và sự siêu việt bằng một cách nào đó. Thật vậy, trực giác đem lại sự đồng nhất với những gì người ta nhìn thấy và suy ngẫm, đem lại sự nhận ra tính thống nhất nội tại giữa chủ thể và đối tượng.

Lóa sáng tâm linh còn là một cái gì hơn thế nữa. Đó là một "tia chớp", là nhận ra Ánh sáng cố hữu của tâm hồn con người và của toàn bộ sự sáng tạo. Có nhiều bằng chứng, như của Thánh Paul về con đường Damas. Trong đạo Phật và đặc biệt là Thiền, người ta nhắm tới chỗ tạo ra bằng một số môn học nào đó của sự "lóa sáng" bất thần ấy (đốn ngộ) như là sự phát hiện ra tính hiện thực siêu việt.

Thiên đường của Dante có thể được coi như bản trường ca về Ánh sáng. Một khổ thơ ba câu diễn đạt tuyệt vời mối quan hệ thâm kín giữa ánh sáng, tình yêu và trí tuệ (từ intelligence bắt nguồn từ *intelligere* nghĩa là hiểu theo lối tâm linh) :

Ánh sáng trí tuệ, ánh sáng tình yêu tràn ngập,
Tình yêu cái thiện đích thực, đầy niềm vui,
Niềm vui vượt qua mọi nỗi nhọc nhằn.

7. Nhóm thú bảy, gồm những tượng trưng về *lửa*, là một trong những nhóm phổ biến nhất và căn bản nhất.

Sự sùng kính hay thờ cúng lửa có ở tất cả các tôn giáo và các truyền thống bí truyền. Khắp nơi, trên các bàn thờ, những ngọn lửa thiêng cháy sáng bằng những ngọn đuốc, bằng những cái đèn. Ngay cả Thế vận hội cũng lấy một ngọn lửa để tượng trưng cho các cuộc tranh đua, trong đó các lực sĩ cố biểu hiện những năng lực thể chất đặc biệt của họ.

Sự thể nghiệm nội tâm về lửa đã được cảm nhận và mô tả bởi nhiều nhà thần bí ; chỉ xin nêu ra đây vị nữ thánh Catherine ở Sienne và Pascal. Thật vậy, lửa còn hơn cả mọi tượng trưng, nó là một hiện thực sống động và linh hoạt trong các thể giới vô hình. Chức năng của nó trước hết là thanh lọc và vì mục đích ấy, nó được dùng trong "thuật luyện tâm linh" (alchimie spirituelle).

8. Nhóm tượng trưng thú tám gồm những tượng trưng gần gũi nhất với kinh nghiệm của con người. Nó được nói tới bằng các từ *tiến hóa* và *phát triển*.

Theo một nghĩa nào đó, có thể nói những từ đó là đồng nghĩa. Phát triển, về mặt từ nguyên, có nghĩa là "ra khỏi những tấm màn che của mình" ; từ "phát triển" chỉ sự chuyển từ cái tiềm năng sang cái hiện hữu.

Hai tượng trưng chính của phát triển là hạt và hoa : hạt mang trong mình nó khả năng trở thành một cây ; còn hoa thì nở ra từ những nụ khép lại của nó và sẽ kết thành quả.

Chán chường vì quá quen thuộc, chúng ta đã không còn ngạc nhiên trước "phép lạ" khi thấy quả sồi mọc thành cây sồi hay khi thấy đứa trẻ trở thành người lớn. Nhưng thật ra, trong hạt, cây nằm ở đâu ? Cây sồi nằm ở đâu trong quả sồi ? Aristote nói tới "sự hoàn thiện" (entéléchie), những người khác nói tới "hình mẫu", tới "cổ mẫu". Người ta phải chấp nhận một hiện thực có trước, một trí tuệ nội tại điều khiển những giai đoạn phát triển khác nhau từ hạt tới cây, từ tế bào hay từ các tế bào mầm tới cơ thể hoàn chỉnh.

Một tượng trưng khác rất thường được dùng từ những thời xa xưa nhất là hoa, đặc biệt là hoa sen ở Ấn độ và hoa hồng ở Ba Tư và châu Âu. Tượng trưng hoa sen là thích hợp nhất để gọi ra những gì nảy sinh ở con người. Thật vậy, hoa sen đâm rễ vào đất, mọc thân trong nước, rồi nở hoa trong không khí dưới những tia nắng mặt trời. Người phương Đông coi nó như tượng trưng của con người, vì thân thể vật chất của con người có nền đất, có tâm lý phát triển trong một môi trường nước, môi trường của những tình cảm, và phát triển trong không khí, lĩnh vực của tinh thần. Theo cách so sánh này, sự thức tỉnh của ý thức tâm linh tương ứng với sự nở hoa dưới tác động kích thích của những tia nắng mặt trời, tượng trưng cho Tinh thần. Theo đuổi ẩn dụ này, người phương Đông so sánh tâm hồn con người với hoa sen có chín "cánh" hợp thành từng cụm ba. Mỗi cụm như vậy tương ứng với một chiều tâm linh, chiều thứ nhất là

nhận thức, thứ hai là tình yêu và thứ ba là sức mạnh. Ở giữa hoa, có "Liên Bảo" (vật báu của hoa sen) : tính chất thần thánh và nó chỉ bộc lộ ra khi con người phát triển đầy đủ về tâm linh. Một số phương pháp suy tưởng và phát triển của phương Đông dựa vào tượng trưng hoa sen ấy.

Có thể tương tự như vậy với hoa hồng. Việc dùng nó làm tượng trưng có từ các nhà thơ thần bí Ba Tu. Ở châu Âu có *Chuyện Hoa hồng*, "bông hồng thần bí" của Dante, và một số phong trào bí truyền như phong trào Hoa hồng - Thập tự. Tượng trưng hoa hồng được dùng trong một bài tập riêng, rất có hiệu quả để thúc đẩy và kích thích sự nảy nở và phát triển của ý thức tâm linh (xem cuối chương này).

Tượng trưng về sự phát triển có thể được dùng theo hai giai đoạn khác nhau : giai đoạn chuyển từ trẻ con sang người lớn thông thường và giai đoạn thức tỉnh tâm linh của con người "bình thường".

Maria Montessori, người dành cả cuộc đời cho việc giáo dục trẻ con bằng cách làm một cuộc cách mạng đối với các hệ thống giáo dục trước đó, đã nói rất đúng :

Trẻ con tích cực tham gia sự phát triển của người lớn trong bản thân chúng, và chúng thực hiện nhiệm vụ này một cách vui vẻ, nếu người lớn xung quanh không ngăn cản bằng cách áp đặt cho chúng những kho báu khôn ngoan của mình. Trẻ con giống như cái hạt của người lớn ; trẻ con là người lớn ở trạng thái mầm mống, giống hệt như quả sồi đối với cây sồi.

Tuy phương pháp của Maria Montessori có vẻ cách mạng nhưng ý tưởng ấy không mới. Hãy nhớ lại lời của Plutarque : "Con người không phải là một cái bình để rót nước đầy vào, mà là một ngọn lửa phải đốt cháy lên". Thật ra, giáo dục phải nhằm để phát triển trẻ con, theo nghĩa từ nguyên của từ *éducation* : *e-ducere*, rút từ bên trong ra bên ngoài.

Còn giai đoạn phát triển thứ hai của con người thì chúng ta có thể nói rằng nó thật sự là sự chuyển lên một giai đoạn siêu người trên thực tế ; nói theo lối tượng trưng, đó là bước vào Vương quốc Thượng đế, vào giới thú năm của tự nhiên khác với giới thú tư, cũng giống như giới thú tư khác với giới thú ba, giới động vật. Chúng ta không được khinh thường thân thể mình do nó thuộc giới thú ba, vì tuy mang thân thể động vật thật, nhưng chúng ta là những thực thể hữu thức tự chinh bản thân mình ; cũng giống như một người xuất chúng - thiên tài, thánh, hiền triết, anh hùng - vừa là thân thể động vật và nhân cách con người, lại vừa là một cái gì hơn thế : một thực thể tâm linh.

9. Nhóm tượng trưng thứ chín là nhóm có tính hiện đại trước nhất : đó là nhóm *tiềm năng hóa* (potetialisation), tăng cường (intensification).

Sự chiếm lĩnh tâm linh có thể được coi như sự tiềm năng hóa, tăng cường ý thức về cuộc sống, như sự hạ thấp "điện áp" tâm lý - tâm linh cao xuống mức của con người trung bình, bình thường. Herman Keyserling nói tới một "chiều cường độ" (dimension de l'intensité) ; gần hai tượng trưng

lại với nhau, tượng trưng về cường độ và tượng trưng về việc tiến vào một chiều khác mà ông gọi là "chiều dọc", đối lập với những chiều ngang. Khi nói tới "chiều dọc", ông không hiểu nó theo nghĩa thông thường, ông muốn nói tới một "tính chiều dọc" (verticalité) vươn lên bên trên thế giới của sự sinh thành, của những biến đổi, hướng tới thế giới của sự tồn tại, của sự siêu việt. Ông cũng áp dụng tượng trưng này vào tính thời gian (temporalité), tức là làm cho thời gian dọc lên cao và chuyển sang cái vĩnh hằng ngoài thời gian.

Sự tiềm năng hóa ấy cũng có hai mặt hay hai mức độ : thứ nhất là tiềm năng hóa tất cả các năng lượng và các chức năng tiềm ẩn, chưa phát triển hoặc phát triển sai trong con người. Trong tiểu luận của mình *Các năng lượng của con người*, William James đã minh họa một cách hùng hồn về rất nhiều khả năng năng lượng tồn tại trong con người, khi con người muốn khám phá chúng, đưa chúng vào hoạt động và sử dụng chúng.

Mức độ thứ hai của sự tiềm năng hóa cho phép chuyển giới người sang giới siêu người (règne suprahumain) vừa được nói tới. Ở đó, người ta thấy có sự biểu hiện của những khả năng siêu bình thường khác nhau. Ở tất cả mọi thời đại, những khả năng như vậy, cũng như những tư chất tinh thần và tâm linh cao, được trao cho những người đã giác ngộ, đã thức tỉnh, những người có bí quyết, những "đạo sĩ", từ Moïse đến Pythagore, từ Phật đến Christ và những vị thánh khác nhau. Một số người đã sử dụng chúng một cách có ý thức và có cân nhắc, những người khác thì sử dụng

theo lối tự phát, thậm chí ngược lại với ý muốn của mình (đó là trường hợp một số nhà thần bí và thánh). Có thể nói rằng những khả năng ấy là một hệ quả tự nhiên, giống như một "sản phẩm phụ" của sự thực hiện tâm linh.

10. Nhóm thứ mười là nhóm *tình yêu thương*.

Tự bản thân nó, tình yêu thương của con người về một mặt nào đó là một mong muốn và một ý định có ý thức nhằm thoát khỏi bản thân mình, vượt qua những giới hạn của sự tồn tại tách biệt của mình, đi vào sự đồng cảm và hòa lẫn với một người khác. Những người sùng đạo và những nhà thần bí ở mọi thời đại đều nói tới thể nghiệm của họ về sự hòa lẫn với Thượng đế và với Thực thể tối cao, bằng cách dùng tượng trưng về tình yêu thương của con người. Chỉ cần nhớ lại Thánh ca của các Thánh ca trong Kinh Thánh và những sự diễn đạt đôi khi táo bạo đến kinh ngạc của nữ thánh Catherine ở Sienne và thánh Jean de la Croix là đủ.

11. Nhóm tượng trưng thứ mười một gồm những tượng trưng về *con đường*, về *lối đi*, và sự *hành hương*.

Cả ở đó nữa, chúng ta thấy những tượng trưng ấy được dùng khắp nơi. Theo truyền thống bí truyền, người ta nói tới "con đường của môn đồ", con đường nhập môn, với những "cửa" khác nhau. Trong các tôn giáo, người ta dùng từ ngữ "con đường huyền bí".

Tượng trưng về "hành hương" đã và bao giờ cũng được dùng theo nghĩa vật chất bên ngoài, bằng cách hành hương tới những "Đất thánh". Chuyến du hành của Dante qua Địa

ngục, qua núi Chuộc tội và Thiên đường, được gọi là một cuộc hành hương. Người ta cũng nhớ tới *Pilgrim's Progress* nổi tiếng của Bunyan.

12. Hãy chuyển sang nhóm thứ mười hai : các tượng trưng về sự *biến đổi*.

Thân thể có thể được biến đổi bằng một quá trình biến đổi tâm lý - tâm linh tái sinh, trong đó những khả năng tâm lý - thể chất và ngoại tâm lý cũng phát triển lên. Tâm lý (psyché) hòa hợp với tinh thần và bao trùm cả thân thể, hợp nhất tất cả các mặt của con người lại thành một sự thống nhất hữu cơ hài hòa, bằng cách thực hiện một sự "tổng hợp sinh học - tâm lý" (bio-psychosynthese). Đó thật sự là một sự luyện tâm linh.

Khi nói tới thuật luyện kim, người ta thường nghĩ tới những ý đồ "chế tạo vàng" (điều đó có vẻ khó tin, nhưng hình như ít hoang tưởng hơn vì hiện nay con người đang dùng các nguyên tử để biến nguyên tố này thành nguyên tố khác). Nhưng trên thực tế, trong các sách nói về thuật luyện kim arap và trung cổ, đó thường là việc dùng một cách nói tượng trưng để nói tới thuật luyện tâm linh, tức là sự biến đổi của chính bản thân con người. Điều này đã được thừa nhận trong những nghiên cứu khác nhau hiện nay và trước hết của Jung, người đã dành những năm cuối đời mình để viết về tượng trưng của thuật luyện kim. Trong cuốn sách của mình *Tâm lý học và Tôn giáo*, ông nói rất nhiều về điều này, hơn nữa còn cho biết rằng ông đã thấy loại tượng trưng này trong các giấc mơ của các bệnh nhân được ông chữa,

cũng như trong các hình vẽ về những người khỏe mạnh hoặc đau ốm.

13. Nhóm thứ mười ba là nhóm *tái sinh, phục sinh*.

Nhóm này gắn với nhóm trên, vì một sự biến đổi đầy đủ sẽ chuẩn bị và mở ra con đường tái sinh. Theo một nghĩa sâu nhất và căn bản nhất, tái sinh là một sự "để lại" : để ra lại một con người mới, con người tâm linh ở bên trong nhân cách. Người Ấn Độ gọi các bà-la-môn (brahmanes) là những người được "để hai lần". Trong Kitô giáo, tượng trưng này được dùng nhiều, và những nhà thần bí khác nhau đã nói tới "sự để ra Christ trong trái tim".

14. Nhóm thứ mười bốn là nhóm *giải thoát*.

Nhóm này gắn liền với nhóm phát triển. Thật vậy, phát triển là loại bỏ những "tấm màn che", tức là một quá trình giải thoát khỏi những mặc cảm, những ảo giác, những sự đồng nhất với những "vai trò" khác nhau mà chúng ta thường phải đóng trong cuộc đời, với những "mặt nạ" mà chúng ta khoác vào ; hay cả những sự đồng nhất với những thần tượng của chúng ta, v.v... Đó là một sự "thoát khỏi nhà tù", một sự giải phóng những tiềm năng ngậm ứ của chúng ta và đưa chúng vào hoạt động.

Trong quá trình giải thoát này, giai đoạn đầu có tính nhị nguyên : thật vậy, lúc đầu phải tự tách ra khỏi thân thể mình, khỏi những cảm xúc của những cái "tôi" cá nhân nhỏ bé, tự phân biệt với chúng, để rồi sau đó có thể làm một sự hợp nhất, trải qua sự biến đổi.

Tượng trưng về sự giải thoát thấy có ở tất cả các tôn giáo trên thế giới. Ở Ấn Độ, Phật nói : "Giống như nước biển đều thấm đầy muối, học thuyết của ta cũng thấm đầy sự giải thoát". Trong Kitô giáo, thánh Paul đã khẳng định "sự tự do của các con Thượng đế". Dante để cho nhân vật Virgile nói về mình trong diễn từ ở Caton rằng :

Chàng đi tìm nàng tự do mà chàng xiết bao yêu thích,
Như thế chàng biết rõ nàng sẽ từ chối những ai.

Ngày nay, trong Chiến tranh thế giới thứ hai, Franklin Roosevelt tuyên bố Bốn Tự do Lớn với thế giới : tự do ngôn luận, tự do tôn giáo, giải thoát khỏi nhu cầu và giải thoát khỏi nỗi sợ.

Sự giải thoát cuối cùng, khỏi nỗi sợ, là sự giải thoát căn bản, vì chỉ khi nào được giải thoát khỏi nỗi sợ thì người ta mới thật sự tự do. Bài hát *Liberio* của Domenico Modugno thể hiện một cách cảm động sự mong muốn tự do ấy với những lời lẽ có lẽ đơn giản nhưng xác thực.

Thế nhưng, ở đây chúng ta đứng trước một nghịch lý : tuy mong muốn tự do như một điều gì tự phát thật, nhưng con người lại đồng thời cảm thấy sợ sự tự do ấy ! Điều đó là do tự do bao hàm một sự cam kết, một sự tự kiểm soát, sự dũng cảm và những phẩm chất tâm linh khác nữa. Như một người nào đó đã nói đúng : "Giá cả của tự do là một sự cảnh giác liên tục". Tự do phải được giành lại và bảo vệ từng ngày, từng lúc, nếu có thể nói như vậy. Được tự do vẫn chưa đủ, vì không thể có tự do một lần cho mãi mãi. Con

người, dù chưa hiểu rõ, cũng cảm thấy điều đó : nó sợ tự do và, vì thế, từ chối tự do. Trong tiểu thuyết của mình *Sợ sống*, Henri Bordeaux đã giải thích rõ điều mà phân tâm học coi như ý muốn ở lại giai đoạn trước trưởng thành, hoặc thậm chí quay về với tuổi thơ ấu và ẩn náu ở đó. Hơn nữa, xu hướng này thường thấy có, và chắc chắn rằng nếu chúng ta tự đi tìm mình thì ai biết được chúng ta sẽ tìm thấy bao nhiêu cái trẻ con và thoái hóa trong bản thân mình ! Những người buồn tiếc ở mọi thời đại thường quay nhìn lại phía sau và tiếc cho "thời hoàng kim" đã mất, đó là những ví dụ thường thấy của chúng "vẹo cổ tâm thần" (*torticolis psychique*) ấy. Nhưng xu hướng này quả là vô ích và nguy hiểm : vô ích vì mọi ý định chặn lại dòng chảy mãnh liệt và huy hoàng của cuộc sống của chúng ta và ở xung quanh chúng ta chỉ mang lại thất bại ; nguy hiểm vì nó không thể mang lại một kết quả tích cực nào, mà trái lại, còn đẻ ra những xung đột nghiêm trọng và những rối loạn thần kinh - tâm thần.

15. Chúng ta đi tới nhóm mười lăm và cuối cùng của các tượng trưng, nhóm *phục sinh* và *trở về*, được minh họa trong Phúc âm bằng truyện ngụ ngôn về đứa con hư trở về nhà bố mình. Đây là sự trở về một giai đoạn trước đó, trở về với Thực thể đầu tiên, gốc gác. Nó giả định có một học thuyết về sự xuất phát của linh hồn (*doctrine émanationniste de l'âme*), lúc đầu linh hồn đi xuống, chìm ngập vào vật chất, rồi trở về lại "Nhà" mình, trở về với quê hương trên trời, không phải như lúc ra đi mà đã giàu có thêm kinh nghiệm

- ý thức về bản thân, đã chín muồi nhờ luyện tập và trải qua những xung đột.

Còn có một sự "trở về" khác nữa, với hình thức cao hơn : trở về với thế giới các Thực thể. Bằng một hành vi yêu thương và thông cảm, các Thực thể đã lựa chọn để giúp cho những ai còn mù quáng, mê ngủ, bị cầm tù. Những Thực thể tâm linh tự do, thanh thoát, chẳng còn phải học, phải tìm kiếm và phải mong muốn cái gì nữa trên thế giới này, mà lại giảng xuống để cứu chuộc những người khác, trở thành những người cộng tác của Thượng đế, những "người giải thoát đã được giải thoát". Trong Phật giáo, phương pháp này được coi là sự từ khước Nirvana, và trong Kitô giáo - sự nghiệp cùng chuộc tội.

BÀI TẬP HOA HỒNG

Nhập đề

Nói chung, hoa được coi và được sử dụng như một tượng trưng của tâm hồn, của Ngã tâm linh, ở phương Đông cũng như ở phương Tây.

Ở Trung Quốc, một văn bản Đạo giáo cổ bản tới những ý nghĩa sâu xa của "Hoa Vàng".⁽¹⁾ Ở Ấn Độ, tượng trưng Hoa Sen (một loại hoa súng) đã và đang được sử dụng. Cây

1. C. G. Jung đã viết một bình giải đầy đủ về nó trong *Le Secret de la fleur d'or*.

sen cắm rễ vào đất, thân nó ngoi lên trong nước, và hoa nó nở trên mặt nước dưới những tia nắng mặt trời.

Ở Ba Tư và ở châu Âu, người ta thích dùng hoa hồng hơn. Chỉ cần nhắc tới *Câu chuyện Hoa hồng* của những người hát rong, "hoa hồng huyền bí" được Dante mô tả tuyệt vời trong Thiên đường (Khúc hát XXIII), hoa hồng nằm giữa một thánh giá, tượng trưng cho Dòng tu Hoa hồng - Thánh giá.

Nói chung, người dùng hình ảnh một bông hoa đã nở làm tượng trưng cho Tinh thần, và việc ngắm nhìn nó là rất gợi cảm. Nhưng còn có hiệu quả hơn để gây ra những năng lượng và những quá trình tâm lý - tâm linh, khi dùng tượng trưng này theo lối "động" để nhìn thấy nó từ một nụ khép kín nở thành một bông hoa nở tung ra.

Tượng trưng bông hoa nở tương ứng với một hiện thực sâu xa, với một qui luật căn bản của sự sống, biểu hiện các quá trình của tự nhiên cũng như của tâm hồn con người.

Thực thể tâm linh của chúng ta, Ngã, là phần cốt yếu và hiện thực nhất của chính bản thân chúng ta. Nó thường bị che đậy, khép kín, "bao bọc" ; trước hết là trong thân thể với nhiều cảm giác khác nhau, rồi trong nhiều xúc cảm và xung lực khác nhau (sợ hãi, ham muốn, hấp dẫn và đẩy ra, v.v...) và trong những hoạt động tinh thần đầy lo âu và rối ren. Phải lột bỏ hay "mở rộng" những tấm màn che ấy để cho Trung tâm tâm linh này lộ ra.

Điều đó xảy ra trong tự nhiên cũng như trong tâm hồn con người, dưới tác động đáng kinh ngạc và bí ẩn của sức

sống sinh học và tâm lý. Sức sống này, "từ bên trong", thúc đẩy và hoạt động không thể cưỡng lại được. Chính vì thế mà tượng trưng - hay chính nguyên lý - về phát triển, tăng trưởng và tiến hóa này đã và đang được sử dụng ngày càng nhiều trong tâm lý học và giáo dục, và chính nó làm chỗ dựa cho quan niệm và cách thực hành của sự tổng hợp tâm lý. Một trong những sự áp dụng nó là bài tập dưới đây.

Kỹ thuật tập

Bài tập này có thể được thực hành theo từng cá nhân hay từng nhóm. Trong trường hợp thứ nhất, cần học kỹ các giai đoạn khác nhau của nó để nhớ một cách dễ dàng. Trong trường hợp thứ hai, người điều khiển tập luyện trình bày các giai đoạn này một cách chậm rãi và dừng lại khi cần thiết, theo thứ tự sau đây :

Hãy tưởng tượng một nụ hoa hồng khép kín. Tưởng tượng ra cành, lá và ở đầu cành có một nụ hoa. Nó mang màu xanh vì cánh hoa còn khép lại. Trên đỉnh nụ, có một chấm hồng.

Hãy cố gắng hình dung thật rõ bằng cách giữ lại sự tưởng tượng ở trung tâm ý thức chúng ta... Khi quan sát nó, dần dần chúng ta nhìn thấy bắt đầu hiện ra một sự vận động ; các đài hoa bắt đầu tách ra, hướng đầu của chúng ra bên ngoài, để lộ ra những cánh hoa hồng còn khép lại. Các đài hoa cứ mở ra nữa... Bây giờ, chúng ta nhìn thấy búp hồng mang một màu hồng rất đẹp và tinh tế... Rồi búp hoa vẫn

từ từ mở ra... cho tới khi hoa hồng bộc lộ hết vẻ đẹp của nó. Chúng ta có thể ngắm nghía nó với niềm vui mừng.

Bây giờ, hãy cố cảm thấy và hít hương thơm đặc trưng và quen thuộc của nó... tinh tế, dịu lắng, dễ chịu... Chúng ta cảm thấy hương thơm ấy với niềm thích thú... Tượng trưng hương thơm ấy thường được dùng trong những lời lẽ tôn giáo và thần bí, ở đó người ta nói tới "mùi hương thánh thiện" và trong một vài nghi lễ, người ta dùng đến các hương thơm, các que nhang.

Rồi chúng ta hình dung ra cả cây hồng. Hãy hình dung sức sống của nó từ rễ dâng lên tới hoc, tạo ra sự phát triển ấy... Và hãy suy ngẫm với lòng thành kính phép lạ ấy của tự nhiên.

Bây giờ, chúng ta hãy tự đồng nhất với hoa hồng, hay nói đúng hơn, chúng ta đưa hoa hồng vào trong bản thân chúng ta. Theo lối tượng trưng, chúng ta là một bông hoa, một hoa hồng ; chính Sự Sống làm sống động cả vũ trụ ấy đã tạo ra phép lạ của hoa hồng ấy, và cũng sẽ tạo ra trong chúng ta một phép lạ như vậy, thậm chí một phép lạ còn lớn hơn : sự phát triển, sự mở ra, sự tỏa chiếu của thực thể tâm linh chúng ta... Và chúng ta có thể cộng tác một cách có ý thức với nỗ lực của thực thể bên trong chúng ta.

II. SỰ THỨC TỈNH TÂM LINH

9. CÁC GIAI ĐOẠN VÀ CÁC KHỦNG HOẢNG CỦA SỰ PHÁT TRIỂN TÂM LINH

Nếu chúng ta quan sát những người xung quanh mình, dù là hỏi hột đi nữa, chúng ta cũng nhanh chóng thấy rằng họ không phát triển ngang nhau về tâm lý và tâm linh. Chúng ta thấy một số người vẫn còn ở giai đoạn nguyên thủy, thậm chí hoang dã. Những người khác có phát triển hơn đôi chút ; những người khác nữa thì tiến xa hơn. Ít người đã vượt được giai đoạn loài người bình thường để đạt tới giai đoạn siêu người và tâm linh.

Chúng ta không dừng lại ở đây để xem xét những nguyên nhân có thể có của những sự khác nhau ấy. Đó là một vấn đề thú vị thật, nhưng đi ra ngoài đề của chúng ta.

Dù có những nguyên nhân nào, thì tính đa dạng của sự phát triển bên trong giữa người ta với nhau cũng có sự ích lợi của nó, thậm chí là cần thiết nữa. Nó cho thấy rất nhiều loại liên hệ khác nhau giữa họ : những quan hệ uy quyền và phục tùng, dạy và học, áp bức và nổi dậy. Những liên hệ ấy tạo nên những kinh nghiệm phong phú. Trong một loài người mà tất cả mọi người ở cùng một trình độ giống nhau, thì những tác động và phản ứng cốt yếu sẽ không có ; cuộc sống sẽ đơn giản hơn nhưng cũng đơn điệu hơn, ít thú vị

và ít kích thích hơn ; nó thật buồn và phần lớn là không có mục tiêu.

Đối với việc nghiên cứu những giai đoạn phát triển tâm linh khác nhau, phương pháp loại suy có thể giúp chúng ta. Nếu những người hiện nay coi thường nó, không biết tới nó, thì những người ngày xưa đã từng tôn vinh nó.

Đúng là nó dễ đem lại những lí giải bông lông và những quy nạp tùy tiện, nhưng nếu nó được sử dụng một cách có ý thức, nó có thể mang lại chìa khóa để mở nhiều bí mật của tự nhiên và của tâm hồn con người. Ở đây, việc sử dụng thú "chìa khóa" này thật dễ dàng và giúp soi sáng rất nhiều điều.

Sự loại suy giữa tâm lý của trẻ nhỏ và tâm lý của các cá nhân và các dân nguyên thủy là hiển nhiên và thường được nhấn mạnh. Trẻ nhỏ, giống như người nguyên thủy, đều đơn giản, bốc đồng, hiếu kỳ và dễ dàng trí ; họ chỉ sống trong hiện tại ; họ đều nhạy cảm và dễ xúc cảm, nhưng những tình cảm của họ, dù thật mạnh mẽ từng lúc, vẫn không sâu sắc và bền vững. Họ chưa có đạo lý, vì ý thức trách nhiệm chưa khắc sâu vào sự phát triển của họ và họ dễ rơi vào một sự tàn bạo vô ý thức. Họ có xu hướng nhân cách hóa các đối tượng và các sức mạnh tự nhiên. Khả năng hành động có trách nhiệm của họ còn thô sơ và họ không cảm nhận khả năng đó như một cái gì khác với thế giới xung quanh một cách rõ rệt.

Ở một giai đoạn tiến xa hơn một chút, chúng ta thấy một mặt, trẻ con lớn lên một chút và, mặt khác, có những

dứa trẻ có độ tuổi tinh thần tương ứng, theo lối điển hình nhất, với những bước khởi đầu của những nền văn minh lớn.

Chẳng hạn, ta hãy nhớ lại những người thời Vêda nguyên thủy ở Ấn Độ hay những người thời Homère Hy Lạp, với trạng thái tươi mát nên thơ, với tính đơn giản và ý thức giao hòa ngây thơ với tự nhiên của họ. Thần thánh của họ, có phần nào trẻ con, mà lúc đầu là sự nhân cách hóa những sức mạnh tự nhiên và những niềm say mê của con người, phải dần dần mới đạt tới một cương vị cao trước khi trở thành những tượng trưng cho những nguyên lý tâm linh cao cả.

Trước khi tiếp tục sự phân tích này, cần nhớ lại rằng ở mỗi độ tuổi thể chất và tinh thần, cũng như ở mỗi kiểu tâm lý hay ở mỗi biểu hiện con người, chúng ta phải phân biệt những mặt thấp kém và những mặt cao cả. Chẳng hạn, chúng ta thấy trong những tâm hồn nguyên thủy có những mặt thấp kém : thô thiển và tàn bạo ; một trạng thái dã man nào đó ; một trí tuệ theo kiểu nguyên thủy ; sự ranh mãnh và xu hướng đánh lừa ; một thói vị kỷ ngây thơ ; một sự nhạy cảm yếu đối với những đau khổ của người khác. Nhiều đặc trưng như vậy có thể lại thấy ở những nhân vật được Homère mô tả trong Iliade.

Những mặt cao cả của độ tuổi tinh thần ấy đã được các nhà thơ mô tả khi họ tôn sùng thời Hoàng Kim : trong trắng, ngây thơ, tự phát, ngoan ngoãn, tận tụy và tuân theo thần thánh hay tin cậy Thượng đế theo lối trẻ con. Trong nền văn minh của chúng ta, chúng ta không thấy có nhiều

người thuộc kiểu này ; phải đi tìm họ ở những kẻ tội lỗi trung thành, những kẻ theo phe đảng tận tụy và, nhiều hơn nữa, ở các dân cư nông thôn hay miền núi. Những con người này phát triển chủ yếu bằng hoạt động bên ngoài, bằng kinh nghiệm về cuộc sống do hoạt động bên ngoài đem lại. Họ phát triển tinh thần của mình và đạt tới những phẩm chất đạo đức như khôn khéo, kiên nhẫn, dũng cảm, hy sinh bản thân mình. Lý tưởng chủ yếu của họ, cách cư xử của họ là ở sự trung thành ấy, ở sự tuân phục thần thánh hay Thượng đế, tuân phục bề trên, tuân phục những châm ngôn đạo đức và tôn giáo, cũng như những luật pháp đã xác lập.

Nhưng người ta không thể và không được ở mãi trong giai đoạn trẻ con này. Người ta thấy ở tuổi thiếu niên, sự phát triển của họ được đánh dấu bằng một loạt những đối lập và xung đột. Về mặt trí tuệ, bắt đầu có một sự suy nghĩ phê phán làm nảy sinh các vấn đề và các sự nghi ngờ ; những nguyên tắc đã được nhồi nhét và những lý thuyết thống trị không còn được chấp nhận mà không bàn cãi ; tinh thần đòi hỏi những sự qui chiếu và những bằng chứng, cũng như đòi hỏi phải biết rõ nguồn gốc, nền tảng của những điều đó và sự phù hợp của chúng với các sự kiện.

Về mặt tình cảm, các tình cảm mạnh lên và trở thành phức tạp hơn ; nhiều đam mê mới nảy sinh.

Về mặt hành động, bắt đầu xuất hiện một ham muốn mãnh liệt được độc lập, và một sự nổi dậy kiêu hãnh chống lại "thần thánh" và chống lại mọi loại uy quyền cũng xuất hiện. Đó là giai đoạn muốn trở thành người khổng lồ và

thành Prométhée. Ý thức và sự khẳng định về bản thân tăng lên. Điều đó thường dẫn tới một sự xem xét bên trong có tính chủ quan, đặc trưng chủ yếu của thái độ lãng mạn.

Đó là một giai đoạn lộn xộn và hỗn loạn, nhọc nhằn và dễ gây mệt mỏi cho những ai trải qua nó, nhưng cũng thật khó chịu và khó khăn cả cho... những người khác nữa.

Những mặt thấp kém của độ tuổi tinh thần ấy là : sự khẳng định bản thân mình quá mức, những xung lực phá hoại, vô chính phủ, cuồng tín, kiêu căng, cố chấp, xu hướng đi tới những cái cực đoan, không khoan dung, thiếu sự tôn trọng và thông cảm với người khác.

Những mặt tích cực, đi đôi với những mặt thấp kém trên đây, là chủ nghĩa lý tưởng, tinh thần hy sinh cho một sự nghiệp, lòng hào hiệp, sự dũng cảm và táo bạo, sự quý trọng cái đẹp, ý thức về danh dự và, nói chung, tất cả những phẩm chất nằm trong ứng xử và thái độ hiệp sĩ.

Dharma của độ tuổi tinh thần này là phát triển tinh thần và những năng lực đạo đức độc lập, khẳng định ý thức về bản thân và sự độc lập tâm linh, nghiên cứu cuộc sống, đạt tới một kinh nghiệm rộng lớn hơn, hiến mình tích cực cho một sự nghiệp hay một lý tưởng như một cứu cánh không còn được chấp nhận từ bên ngoài nữa, mà được cảm nhận từ bên trong và được tham dự bằng một hành vi tự do của ý chí.

Nhiều người đã đạt tới giai đoạn này, và nhiều nét vừa nêu chính là đặc trưng của tâm thức ở số đông những người

đường thời với chúng ta. Chỉ cần nghĩ tới những truyền thống cũ và những hình thức xã hội cũ đã biến mất nhanh chóng như thế nào, cũng như nghĩ tới nỗi lo lắng, tới chủ nghĩa cá nhân có tính chất phê phán và tới ứng xử nổi loạn đang chiếm ưu thế hiện nay, là đủ thấy như vậy.

Bây giờ, ta hãy xem xét những nét của nhân cách người lớn. So sánh những người lớn đàn ông và đàn bà với những người trẻ tuổi, chúng ta nhận thấy có một sự giảm bớt dần sức sống dồi dào và cảm xúc sôi nổi và, song song với điều đó, một sự gia tăng những năng lực tinh thần và lý trí. Trạng thái hỗn loạn, những biến đổi đột ngột và những dao động giữa các mức cực đoan đã nhường cho một sự xếp đặt trật tự nào đó ; nhân cách đã hình thành và củng cố.

Nhưng, ngay độ tuổi này cũng có những mặt thấp kém và cao cả. Những mặt thấp kém chủ yếu là ở một sự tự hạn chế quá mức, ở trái tim cứng lại và khô cằn đi. Sự tiếp xúc với những "hiện thực" khắc nghiệt của cuộc sống, các cuộc đấu tranh, những sự vô vọng, những thất bại đã phá hủy những giấc mơ hào hiệp, làm nguội lạnh nhiệt tình và đặt sự trung thành của con người vào thử thách nghiệt ngã. Điều đó đôi khi tạo ra những phản ứng hoài nghi và bất mãn, có thể dẫn tới thái độ trơ tráo. Sự phát triển của trí tuệ, một công cụ vẫn còn cần thiết, mang theo những rủi ro, như một tinh thần phê phán quá mức hay một sự xơ cứng trí tuệ có thể làm trở ngại, thậm chí phá hoại ý thức về cái Hiện thực.

Tình trạng bị hút vào những nhiệm vụ cá nhân và theo đuổi những mục tiêu cụ thể dễ dàng đưa tới sự cô lập, tới

một sự khẳng định thiếu cơ sở của cái tôi cá nhân và thói vị kỷ.

Những mặt cao cả của độ tuổi tinh thần này có thể được tóm tắt bằng ba từ : hòa hợp, cân bằng, hiệu quả.

Ở giai đoạn này, con người có thể đạt tới sự cân bằng giữa tinh thần với câu chữ : nhân cách đã hoàn tất và đã được tạo ra để trở thành một công cụ biểu hiện của cái Tôi, vừa được xây dựng vững chắc lại vừa đủ linh hoạt. Lúc đó, nó sẵn sàng thực hiện ý chí của Tinh thần trong thế giới này.

Độ tuổi tinh thần ấy, tuy có vẻ ổn định và thoát khỏi những khủng hoảng xáo động, nhưng về mặt tâm linh vẫn là "tuổi nguy hiểm", là ngã tư đường, là thời điểm lựa chọn có tính quyết định đối với tương lai cá nhân. Nếu quá trình củng cố lại và kết tinh vẫn tiếp tục mà không kìm hãm được và nếu cấu trúc củng nhắc chiếm ưu thế đối với sức sống và tinh tâm linh, thì sẽ không tránh được một sự lão hóa với những mặt tiêu cực của nó như xơ cứng, suy yếu, lấy cái tôi làm trung tâm và dần dần rút lui khỏi cuộc sống xung quanh. Và nếu quá trình ấy không bị đình chỉ bởi một ảnh hưởng gây nên bằng cách nào đó, thì nó đưa tới chỗ mất gần hết khả năng phản ứng, tới một sự cô lập vị kỷ cực độ, đạt tới đỉnh cao nhất trong cái chết tâm linh, cũng giống như sự già yếu sẽ kết thúc trong cái chết thể chất. May thay, không hiếm có những nhân tố khác can thiệp vào để làm cho nhân cách ngừng trượt xuống, và đặt nó lại, một cách nhẹ nhàng hay dữ dội, lên con đường đi lên, giải thoát nó

khỏi những ảo tưởng và những sự cố định của cuộc đời "bình thường" và làm cho nó tiếp xúc với tinh thần của cuộc đời đó.

Khi điều này xảy tới, người ta có thể nhận thấy một hiện tượng lạ lùng, lạ lùng nếu xem xét theo cách nhìn thông thường. Một làn sóng sức mạnh, nhiệt tình, hiệu quả mới xâm chiếm lấy cá nhân. Đó giống như một sự trẻ hóa, một tuổi trẻ nội tâm mới mà những phẩm chất tốt nhất sẽ cộng thêm vào những phẩm chất của sự trưởng thành, nhưng không thay thế những phẩm chất này.

Hiện tượng ấy có thể được nhìn thấy về mặt thể chất : ở một số người khỏe mạnh đã hơn 80 tuổi, có thể thấy làn mọc răng thứ ba ; đó là một ý đồ, rất cục bộ nhưng đầy ý nghĩa, của tự nhiên nhằm thực hiện một sự trẻ hóa về thể chất. Trong những trường hợp này, đó chỉ là một sự khởi đầu, vì không thể có một sự trẻ hóa tâm lý tương ứng để làm chỗ dựa cho sự trẻ hóa thể chất.

Trong những trường hợp khác, thấy có một ý đồ trẻ hóa tình cảm. Trường hợp được biết tới nhiều nhất là của Goethe, lúc đã 74 tuổi ông còn yêu một cô gái Đức. Điều này xảy tới khi ông cô được đầy đủ những năng lực tinh thần, và sự kiện này không thể được xem xét như một dấu hiệu rơi vào tuổi nhỏ lại của ông, như người ta mới thoát nhìn. Đó là một tình cảm mang tính chất lý tưởng và trẻ trung thể hiện ở một chất thơ tuyệt diệu. Nhưng những ngọn lửa bốc lên từ một cái lò cũ ấy đã nhanh chóng tắt đi khi không được nuôi dưỡng bằng một cái gì vững chắc, lâu bền.

Ngược lại, trong trường hợp một sự trẻ hóa tâm linh, nó diễn ra như một cái gì sâu xa hơn và căn bản hơn, vì được tạo ra khi nhân cách có thể nói đã đạt tới tình thần thâm kín của nó, gây ra trào dâng mạnh mẽ của những năng lượng tâm linh, ánh sáng và tình yêu, khiến cho nó sống lại và biến đổi.

Từ việc lướt qua nhanh chóng về các giai đoạn phát triển nội tâm ấy, hãy nhớ rằng thật có ích khi xem xét một cách khá chăm chú hai cuộc khủng hoảng quan trọng nhất và quyết định nhất : một cuộc khủng hoảng, vừa được nói tới, xảy ra trước và quyết định sự trẻ hóa nội tâm, và một cuộc khủng hoảng khác, khó hiểu và bí ẩn, xảy ra sau đó và tương ứng với những điều mà các nhà thần bí gọi là "đêm tối tâm của tâm hồn"⁽¹⁾.

Ý nghĩa của những cuộc khủng hoảng ấy là gì ?

Những cuộc khủng hoảng ấy đến từ chỗ ý thức tâm linh, tức là ý thức về cái vĩnh hằng và cái siêu việt, trước khi bộc lộ ra dưới bộ mặt tích cực của sự lóe sáng và bành trướng, được cảm nhận trước hết theo một lối tiêu cực. Nói cách khác, nó làm cho người ta cảm nhận được mọi đối tượng riêng biệt, dù đó là đối tượng tốt, như một cái gì thoáng chốc và vô ích khi được hiểu và yêu thích vì bản thân nó và tách khỏi mọi thứ còn lại, mà đó là điều thường hay xảy ra. Nó làm cho người ta cảm thấy rằng không có gì trong những cái bị hạn chế ấy có giá trị riêng của nó. Và sự khẳng

(1) Xem chương 10.

định tách riêng và đối lập của cái tôi là sai lầm và sẽ bị thất bại, không phải vì sự khẳng định tách riêng ấy vi phạm những chuẩn mực hay những quy luật bên ngoài và độc đoán, mà là vì nó đối lập với chính bản chất của Hiện thực cao nhất. Than ôi, con người vì mù quáng và ngu dốt đã sợ phải tự từ bỏ mình, nên đã không rời khỏi những điểm tựa của nó, những ràng buộc với những người và những vật nó sợ mất đi và, do đó, đã chống lại đến mức có thể được với sự mời gọi và những mệnh lệnh của Tinh thần, cho tới khi đạt tới những giới hạn của sự chống lại ấy, nó mới buộc phải đầu hàng. Lúc đó, với niềm vui và ngạc nhiên, thay vì một sự tự tiêu hủy đáng ngại, nó mới phát hiện ra một cuộc sống mới, rộng hơn và cao hơn. Nó bị chìm ngập vào ánh sáng và niềm vui. Nó nhìn thấy thế giới như hiện lên dưới một bộ mặt khác, nó cảm thấy - dưới nhiều vẻ bên ngoài khác nhau - như trong những vật và những người có một nhịp độ mạnh mẽ của sự thống nhất cao nhất đang phập phồng.

Cuộc đấu tranh lạ lùng và nghịệt ngã ấy giữa nhân cách và Ngã đã được mô tả một cách tuyệt diệu bởi hai nhà thơ hiện đại : Francesco Chiesa trong trường ca *La voce* (Tiếng nói) được in trong sưu tập *I viali d'oro* (những con đường vàng) và Francis Thompson trong *The Hound of the Heaven* (con chó săn của trời).

Sự thức tỉnh của tâm hồn thường được tiếp nối bằng một thời kỳ hoan hỉ bên trong và bên ngoài thật vui vẻ, mang những hình thức và dáng vẻ khác nhau tùy từng trường

hợp. Có khi mặt thần bí hay tỏa sáng chiếm ưu thế ; những khi khác, thì chiếm ưu thế lại là những năng lượng mới thể hiện dưới hình thức hành động không vụ lợi và anh hùng, của sự truyền đạo hay của sự sáng tạo nghệ thuật. Thời kỳ này có thể kéo dài, thậm chí cả đời.

Ở những người khác, tình hình không diễn ra theo lối đơn giản và thuận lợi như vậy. Có khi, nhân cách không được chuẩn bị hay được tạo ra không đúng. Nó không chống lại luồng sức mạnh tâm linh và phản ứng một cách lạc điệu hay bệnh hoạn. Điều đó có thể tạo ra những hứng khởi, những sự mất cân bằng, những sự cuồng tín mà người ta có thể thấy ở những nhà thần bí giả hiệu khác nhau hay ở những người "đại giác" giả hiệu, khiến cho những người chân chính bị mất uy tín trước công chúng rộng lớn. Thật vậy, công chúng không biết, hoặc không muốn, phân biệt những nhà thần bí chân chính với những kẻ thật ra là sự biếm họa và giả mạo.

Trong những trường hợp khác, sau một thời kỳ sáng láng, vui vẻ, hoạt động có hiệu quả, cuộc đấu tranh mới bắt đầu. Con người bình thường đã bị, tuy chỉ là tạm thời, thống trị bởi ý thức tâm linh và không được biến đổi một cách vững bền. "Chàng Adam cũ" lại xuất hiện với những thói quen, những xu hướng, những đam mê của mình, và người đó hiểu rằng mình còn phải làm một công việc vất vả lâu dài, phức tạp nữa để thanh lọc và biến cải những yếu tố người của mình.

Trong một số trường hợp, công việc đó bị chính Tinh thần buộc phải làm một cách nghiêm khắc và khắc nghiệt.

Vì thế, tâm hồn bị buộc phải đi vào "đêm tối tâm" mà các vị thánh như Thérèse d'Avila hay Jean de la Croix, cũng như những nhà thần bí khác như bà Guyon đã trải qua và mô tả. Đây là một trạng thái đau khổ và thiếu thốn nội tâm tương tự như trạng thái có trước khi tâm hồn thức tỉnh, nhưng có thể nói là được đưa lên bậc cao hơn, sâu hơn, đầy đủ hơn và triệt để hơn.

Bản chất và ý nghĩa của sự thể nghiệm này được mô tả tuyệt vời trong truyền thống Kitô giáo. Đó là một giai đoạn và một thể nghiệm tương tự, nhưng được xem xét theo dạng tự nguyện và tích cực đã được các truyền thống bí hiểm, nhập môn và luyện đan mô tả bằng những từ ngữ như "thử lửa" và "thanh lọc bằng nước".

Việc hiểu được bản chất và chức năng của thử thách ấy có thể làm cho nó trở thành ít gay go hơn và ngắn hơn ; thay vì phải chịu đựng nó một cách bị bó buộc và cưỡng bức, người ta có thể cộng tác một cách tự nguyện và thông minh với tác động của nó, đón nhận mà không cố từ chối sự ban tặng khủng khiếp nhưng tuyệt vời được trao cho.

Sự cộng tác này có thể tóm tắt bằng hai từ : chấp nhận và yêu thương ; một sự chấp nhận hào hiệp và thông cảm đối với những đau khổ ấy, đối với sự tước bỏ và sự hủy diệt ấy, và hơn thế nữa, một sự yêu thích đối với thử thách ấy.

Đó là một hình thức của chủ nghĩa anh hùng ít rõ rệt hơn và ít nghiệt ngã hơn, nhưng cao hơn hình thức biểu hiện thành những hành động bên ngoài, được các đám đông

hiếu rõ và khâm phục. Thật vậy, nó dẫn tới những sự chinh phục qui giá hơn theo một lối khác.

Chính bằng cách đó mà người ta đạt tới cái gọi là "sự tự do thần thánh của những đứa con Thượng đế", tới "cuộc sống thống nhất trong Chúa". Thánh Jean de la Croix khẳng định rành mạch rằng những ai đạt tới điều đó "sẽ giống với chính Thượng đế và có những phẩm chất giống ngài".

Đó là trạng thái chiến thắng, giải thoát mà người phương Đông gọi là *Nirvana*. Trong trạng thái ấy, mọi khát vọng và ham muốn cá nhân bị triệt tiêu, mọi sự cố định bị phá vỡ, mọi nỗi lo sợ tiêu tan. Tinh thần được giải thoát ấy có được một sức mạnh ghê gớm nhưng tinh tế : nó có thể vô vi, hành động mà không hành động, không có gì chống lại được.

Trong sự phác thảo rất sơ lược này, tôi muốn dựng lên một toàn cảnh - nói theo lối thời thượng hiện nay - hoặc nói đúng hơn, vạch ra một cách nhìn về những giai đoạn và khủng hoảng khác nhau của sự phát triển tâm linh.

Thoạt nhìn, có vẻ như tôi đã đưa bạn vào một thế giới rất khác với thế giới tác động xung quanh bạn, rất xa với những tiếng ồn ào của xe cộ, với tiếng hú của những cái còi nhà máy, với những vũ hội, những buổi trình diễn và những vấn đề kinh tế đang dồn chúng ta. Nhưng khoảng cách ấy nhỏ hơn người ta tưởng nhiều. Những gì chúng ta thường thấy về cuộc sống hiện đại, thật ra, chỉ là ở bề mặt. Bên dưới đó, ẩn giấu cuộc sống của những người đang đau khổ; đằng sau tiếng ồn ào và những cuộc đấu tranh hữu hình kia

đang diễn ra những va chạm lạnh lẽ, những xung đột gay gắt giữa các sức mạnh thể chất và tâm linh hiện nay.

Dưới những chiếc mặt nạ sơn phết đang giãy giụa theo tiếng âm nhạc ngày nay, dưới những bộ cánh buổi tối của những kẻ nâng cốc chúc mừng nhau, dưới mối đam mê của những kẻ hay lui tới các sòng bạc và dưới sự lệ thuộc vào ma túy của những kẻ đang hủy hoại mình vì dùng các chất làm đề mê kia, ai có thể nói có bao nhiêu người đang cố thoát khỏi sự săn đuổi của "con chó săn của trời" ? Và trong các bệnh viện tâm thần, đằng sau những khuôn mặt cứng đờ ra vì rã rời, cảm lạnh vì tuyệt vọng hay thét lên man rợ vì nỗi khổ không thể chịu đựng được, ai có thể nói có bao nhiêu người không hiểu và ngu dốt đang trải qua những thử thách khủng khiếp của sự tan vỡ bên trong, của đêm tối tâm linh ?

Có bao nhiêu sai lầm bi thảm, bao nhiêu rắc rối và xung đột vô ích mà người ta có thể tránh được nếu những người đó được hiểu và có thể đi tới chỗ tự hiểu mình ? Chính vì thế, nói tới những khủng hoảng tâm linh hiện nay không phải là một chuyện giết thời gian, cũng không phải là một sự bận tâm về học thuật hay một sự hiếu kỳ vô bổ, mà trái lại, đáp ứng với một nhu cầu khẩn bức và là một nghĩa vụ cấp thiết đối với những ai đã có một thể nghiệm hay một hiểu biết về những điều đó, dù còn ít.

Cần phải công khai báo cho loài người đang lo lắng tìm kiếm hạnh phúc và sự thỏa mãn ở bên ngoài, đang khao khát khoái lạc và sức mạnh này rằng tất cả những sự chinh

phục tự nhiên, toàn bộ sự thống trị đối với vật chất, mọi cường độ và mọi sự nhanh chóng cơ học mà sự thống trị ấy đem lại, nhiều lắm, cũng chỉ là một giá trị công cụ, một ý nghĩa tượng trưng mà thôi. Cần nói rõ rằng chỉ bằng sự thức tỉnh tâm hồn sâu xa, chỉ bằng sự nhận ra và chấp nhận tính tối thượng của tâm linh, con người mới có thể có được sức mạnh chân chính, sự an bình vững chắc, sự tự do thần thánh, khát vọng cao nhất và vô thức ấy.

10. SỰ PHÁT TRIỂN TÂM LINH VÀ NHỮNG RỐI LOẠN THẦN KINH - TÂM THẦN

Sự phát triển tâm linh của con người là một cuộc phiêu lưu lâu dài và gay go, một chuyến du hành qua những miền xa lạ, đầy những kỳ lạ nhưng cũng đầy khó khăn và nguy hiểm. Nó bao hàm một sự thanh lọc triệt để, một sự biến đổi, thức tỉnh của một loạt năng lực không hoạt động trước đó, nâng ý thức lên những trình độ cho tới lúc đó chưa đạt tới và mở rộng nó theo một chiều nội tâm mới.

Do đó, không có gì ngạc nhiên khi thấy rằng một biến đổi quan trọng như vậy phải trải qua những giai đoạn gay go khác nhau, thường kèm theo những rối loạn thần kinh - tâm thần, thậm chí thể chất, tâm - động.

Tuy bằng cách quan sát lâm sàng thông thường, những rối loạn ấy có thể hiện ra giống với những rối loạn do những nguyên nhân khác gây ra, nhưng trên thực tế, chúng có một ý nghĩa và một giá trị hoàn toàn khác và phải được xử lý theo lối hoàn toàn khác.

Kiểu rối loạn này, do những nguyên nhân tâm linh gây ra, hiện đang xảy ra ngày càng nhiều, vì con số những người

vấp phải những đòi hỏi tâm linh, có ý thức hay không, đang ngày càng tăng lên.

Ngoài ra, do tính phức tạp hết sức lớn của con người hiện đại, và nhất là do những trở ngại được tạo nên bởi tinh thần phê phán của nó, sự phát triển tâm linh đã trở thành một quá trình nội tâm khó khăn hơn và phức tạp hơn.

Vì lý do ấy, cần phải lướt nhanh một vòng những rối loạn thần kinh và tâm thần có thể nảy sinh trong những giai đoạn phát triển tâm linh khác nhau và đưa ra một vài chỉ dẫn về những cách xử lý thích hợp nhất và có hiệu quả nhất.

Trong quá trình thực hiện tâm linh, các cuộc khủng hoảng có thể xảy ra ở năm giai đoạn gay go :

1. Các cuộc khủng hoảng trước sự thức tỉnh tâm linh ;
2. Các cuộc khủng hoảng do sự thức tỉnh tâm linh gây ra ;
3. Những phản ứng tiếp theo sự thức tỉnh tâm linh ;
4. Các cuộc khủng hoảng gắn liền với các giai đoạn của quá trình biến đổi ;
5. "Đêm tối của tâm hồn".

Dưới đây ta hãy lần lượt xem xét các cuộc khủng hoảng ấy trong bối cảnh của chúng.

1. Các cuộc khủng hoảng trước sự thức tỉnh tâm linh

Để hiểu rõ ý nghĩa của những thể nghiệm riêng thường có trước sự thức tỉnh tâm linh, cần nhắc lại một vài đặc trưng của con người bình thường.

Có thể nói con người này "tự để cho mình sống" hơn là sống. Anh ta cảm nhận cuộc sống như nó đến ; không đặt ra những câu hỏi về ý nghĩa, giá trị, cứu cánh của nó. Ở trình độ đầu tiên, đó là con người "tâm thường", chỉ quan tâm thỏa mãn những ham muốn cá nhân, đạt tới những khoái lạc xác thịt và sự giàu có, tới sự thực hiện những tham vọng của mình. Ở một trình độ cao hơn, anh ta đặt những thỏa mãn cá nhân xuống dưới việc thực hiện những bổn phận gia đình và công dân như đã được nhồi nhét, mà không quan tâm tới những bổn phận ấy được xây dựng trên cơ sở nào và theo thứ bậc như thế nào, v.v... Anh ta có thể tự khẳng định là mình "tin" vào Thượng đế, nhưng tôn giáo của anh ta chỉ có tính bên ngoài và ước lệ. Anh ta cảm thấy "yên vị" khi tuân theo những quy định hình thức của Giáo hội và tham dự những nghi thức của nó.

Tóm lại, con người thông thường ngấm tin vào tính hiện thực tuyệt đối của cuộc sống thông thường và bám chặt vào những của cải trần thế của mình mà anh ta coi đó là một giá trị tích cực. Trên thực tế, anh ta coi cuộc sống thông thường như một mục đích tự thân, và ngay cả khi anh ta tin vào một thiên đường tương lai, thì lòng tin của anh cũng là hoàn toàn lý thuyết, hình thức, như anh ta chứng tỏ bằng cách thường thú nhận với một sự ngây thơ khôi hài rằng anh ta muốn lên trời, nhưng... càng muốn càng tốt.

Nhưng, trong một số trường hợp, có thể - và trên thực tế đã như thế - "con người bình thường" kia bị kinh ngạc

và hoang mang bởi biến đổi bất ngờ xảy ra trong cuộc sống nội tâm của mình.

Đôi khi, đó là sau một loạt những nỗi thất vọng, và thường khi là sau một cơn sốc tinh thần lớn, như mất một người thân chẳng hạn. Nhưng cũng có khi chẳng có một nguyên nhân nào rõ rệt cả. Trong khi anh ta đang thụ hưởng hạnh phúc và số phận đang mỉm cười với anh ta, như trường hợp của Tolstoi, thì bỗng nảy ra một mối lo lắng mơ hồ, một cảm giác bất mãn, một cảm giác thiếu hụt. Đó không phải là thiếu một vật cụ thể mà là một cái gì mơ hồ, thoáng qua, mà anh ta không thể xác định được.

Dần dần, cộng vào đó là một cảm giác về tính phi hiện thực, tính hư ảo của cuộc sống thông thường. Tất cả những mối quan tâm chính là quen thuộc, từng choán lấy và lấp đầy cuộc sống của anh ta, bỗng trở thành nhạt nhẽo, mất đi tầm quan trọng và giá trị của chúng. Nhiều vấn đề mới xuất hiện : người đó bắt đầu đi tìm một "ý nghĩa cho cuộc sống", đi tìm lý do của nhiều điều mà cho đến nay anh ta đã chấp nhận một cách tự nhiên, lý do của những đau khổ của chính mình và của người khác, đi tìm sự biện minh cho những sự khác nhau lớn về số phận giữa những cuộc sống, nguồn gốc sự tồn tại của con người, mục đích của nó.

Thế là bắt đầu có những sự hiểu sai và những sai lầm ; nhiều người không hiểu được ý nghĩa của trạng thái tinh thần mới này ; họ thấy đó là những ảo ảnh không bình thường không có cơ sở. Họ đau khổ về những điều đó, vì trạng thái này rất nặng nề và họ phải chiến đấu chống lại

nó bằng mọi cách có thể được. Do sợ bị "mất trí", họ cố bám lấy hiện thực thông thường đang đe dọa trốn bỏ họ ; thậm chí có khi, do phản ứng, họ lao vào đó với nhiều hăng hái hơn, như điên loạn, tìm kiếm những bận rộn mới, những kích thích mới, những cảm giác mới. Qua tất cả những cái đó và bằng những phương tiện khác nữa, đôi khi họ thành công trong việc chặn lại nỗi lo lắng của mình nhưng không bao giờ đi tới chỗ làm cho nó hoàn toàn biến mất : nó vẫn tiếp tục ẩn ở sâu hơn, làm xói mòn những nền tảng tồn tại bình thường của mình và có thể, vài năm sau đó, lại xuất hiện còn mạnh mẽ hơn nữa. Trạng thái kích động trở nên ngày càng nặng nề, và sự trống rỗng nội tâm càng không thể dung thứ được. Cá nhân họ tự cảm thấy bị xóa bỏ. Tất cả những gì trước đây tạo nên cuộc đời họ trở thành một giấc mộng biến mất như một bóng đen, trong khi ánh sáng chưa hiện lên. Than ôi, nói chung cá nhân họ thậm chí cũng không đi tới được sự phám khá ra chính bản thân mình, và nếu đi tới được thì họ vẫn tưởng rằng mình không thể đạt tới ánh sáng ấy.

Thông thường, sự day dứt này nói chung còn cộng thêm một cuộc khủng hoảng đạo đức rõ nét hơn : ý thức đạo đức thức tỉnh và trở nên sắc bén hơn ; họ bị xâm chiếm bởi một cảm giác phạm tội, ân hận về những điều xấu mình đã phạm phải, tự phán xét một cách nghiêm khắc và rơi vào một sự chán chường sâu sắc.

Ở giai đoạn này, những ý nghĩ và mưu toan tự sát hầu như luôn luôn xuất hiện. Họ thấy dường như sự hủy diệt về thể chất và lối thoát logic duy nhất cho sự tan rã nội tâm.

Cần nhấn mạnh rằng, đây chỉ là sơ đồ diễn biến chung của những thể nghiệm thuộc kiểu đó. Trên thực tế, mỗi cá nhân có một sự khủng hoảng khác nhau : một số người không đạt tới giai đoạn gay go nhất ; những người khác thì đạt tới ngay, không có sự phát triển dần dần như chúng tôi vừa mô tả ; ở những người khác nữa, cuộc khủng hoảng đạo đức chiếm ưu thế.

Biểu hiện khủng hoảng tâm linh này giống với những triệu chứng của các bệnh gọi là suy nhược thần kinh và suy nhược tâm thần. Chúng này có hai đặc trưng cụ thể : "Mất chức năng nhìn nhận cái hiện thực", theo cách nói của Pierre Jane, và "mất nhân cách". Sự giống nhau ấy còn tăng lên vì sự rối loạn do khủng hoảng tâm linh ấy cũng thường gây ra những triệu chứng thân thể : kiệt sức, căng thẳng tinh thần, trầm cảm, mất ngủ và những rối loạn khác về tiêu hóa hay tuần hoàn, v.v...

2. Các cuộc khủng hoảng do sự thức tỉnh tâm linh gây ra

Việc mở ra sự giao tiếp giữa nhân cách và tâm hồn thường gây ra một sự giải thoát đáng ngạc nhiên, bằng những làn ánh sáng, niềm vui và năng lượng kèm theo. Những xung đột nội tâm, những đau đớn và rối loạn tinh thần cũng như thể chất thường biến mất với một sự nhanh chóng đáng kinh ngạc, điều đó xác nhận rằng những rối loạn ấy không phải do một nguyên nhân thể chất, mà là những hậu quả trực tiếp của sự rối loạn tâm lý - tâm linh. Trong những trường hợp này, sự thức tỉnh tâm linh đúng là cách chữa trị thích hợp.

Nhưng sự thức tỉnh này không phải bao giờ cũng diễn ra một cách đơn giản và hài hòa như vậy. Trái lại, nó có thể gây ra những biến chứng, những rối loạn và những mất cân bằng. Những điều này xảy ra ở những người mà tinh thần chưa thật vững vàng, hoặc ở những người có tình cảm quá mức hay khó chế ngự, hoặc cả ở những người có hệ thần kinh quá nhạy cảm hay quá tế nhị. Điều đó cũng có thể xảy ra khi dòng năng lượng tâm linh dồn tới làm chìm ngập chủ thể vì nó thật ngọt ngào và dữ dội.

Khi tinh thần quá yếu hay chưa được chuẩn bị đầy đủ để chịu đựng ánh sáng tâm linh, hay có khi xu hướng tự phụ và lấy cái tôi làm trung tâm, thì sự kiện nội tâm ấy có thể được lý giải sai lầm. Có thể nói đó là một "sự lẫn lộn các bình diện" : sự phân biệt giữa cái tuyệt đối và cái tương đối, giữa tinh thần và nhân cách không được nhận ra. Năng lượng tâm linh lúc đó có thể gây ra một sự hứng khởi, một sự "kênh kiệu" của cái tôi cá nhân.

Cách đây vài năm, tôi có dịp quan sát một trường hợp thuộc kiểu này tại bệnh viện tâm bệnh ở Ancone. Một bệnh nhân ở đó, một ông già dễ mến, khẳng định một cách bình thản nhưng cứ khẳng khẳng rằng ông là... Thượng đế. Xung quanh niềm tin chắc chắn này, cả một loạt những ý nghĩa hoang tưởng kỳ quái nhất được dựng lên : những người nhà trời dưới quyền ông, những hành động vĩ đại ông đã thực hiện, v.v... Gạt điều đó sang một bên, đó là một con người hết sức tốt, dễ thương nhất và tử tế nhất mà người ta có thể tưởng tượng, luôn luôn sẵn sàng giúp đỡ cho thầy thuốc

và các bệnh nhân khác. Ông thật sáng suốt, thật ân cần và thật tỉ mỉ trong ứng xử của mình mà ông đã chọn lựa như một người phụ tá dược sĩ. Người dược sĩ này giao cho ông chế các thứ thuốc và thậm chí giao cả chìa khóa phòng dược cho ông. Chẳng có chuyện gì xảy ra cả, dù là nhỏ nhất, ngoại trừ chuyện mất những miếng đường do ông lấy để làm vui lòng một số bệnh nhân.

Xét về mặt y học thông thường, bệnh nhân này có thể được coi như một trường hợp "vĩ cuồng" đơn giản, một hình thức của chứng hoang tưởng bộ phận "paranoïa). Thật ra, đó chỉ là những cái nhân chỉ mang tính chất mô tả, không thể phân loại lâm sàng được. Vì tâm bệnh học thông thường không thể nói được cái gì chắc chắn về bản chất thật và những nguyên nhân của những rối loạn này.

Vì thế, điều hợp lý hơn là tìm hiểu xem có một sự lý giải tâm lý nào sâu sắc hơn đối với những ý tưởng của một bệnh nhân như vậy. Người ta biết rằng sự cảm nhận nội tâm về tính hiện thực của Tinh thần và sự thâm nhập mật thiết của nó vào tâm hồn con người có thể đem lại cho con người cảm thấy độ lớn và chiều rộng nội tâm, tin chắc là mình đã tham dự bằng cách nào đó vào bản chất thần thánh.

Trong các truyền thống tôn giáo và các học thuyết tâm linh ở mọi thời đại, người ta thấy có nhiều chứng thực và xác nhận về điều đó, thường được diễn đạt dưới một hình thức rất táo bạo.

Trong Kinh Thánh, chúng ta chẳng phải đã thấy có câu nói rõ ràng và rành mạch rằng : "Người không biết rằng

người là Thượng đế đó sao" ? Và Thánh Augustin đã tự hỏi : "Khi tâm hồn yêu một cái gì, nó trở nên giống cái đó ; nếu nó yêu những sự vật trần thế, nó trở nên trần thế ; nhưng nếu nó yêu Thượng đế, nó có trở thành Thượng đế không ?"

Cách diễn đạt mạnh mẽ nhất về sự đồng nhất bản chất giữa tinh thần con người, trong thực chất thuần túy và hiện thực của nó, và Tinh thần Tối cao nằm trong sự thuyết giảng chủ chốt của triết học Vêda : *Tat tvam asi* (Mì là Thượng đế) e *Aham evam param Brahman* (Thật ra, ta là Brahman tối cao).

Nhưng, dù chúng ta có quan niệm như thế nào về mối quan hệ giữa tinh thần cá nhân và tinh thần phổ biến ấy - người ta coi mối quan hệ ấy như một sự đồng nhất hay một sự giống nhau, hay như một sự tham dự, hay cả như một sự kết hợp - thì cũng cần phải thừa nhận và nhớ rằng, về lý thuyết cũng như về thực tiễn, có sự khác nhau sâu sắc giữa tinh thần cá nhân trong bản chất phổ biến của nó - được gọi là "nền tảng" hay "trung tâm" hay "mũi nhọn" của tâm hồn, cái Tôi cao nhất, Ngã hiện thực - và nhân cách nhỏ bé bình thường, cái tôi nhỏ bé mà chúng ta thường có ý thức về nó.

Không thừa nhận sự phân biệt ấy sẽ dẫn tới những hậu quả phi lý và nguy hiểm. Điều đó cho chúng ta cái chìa khóa để hiểu được sự mất cân bằng tinh thần của một người bệnh như người bệnh được nhắc tới trên đây, cũng như những hình thức húng khởi và "kênh kiệu" ít cực đoan hơn

của cái tôi. Sai lầm thảm hại của những kẻ nào trở thành cái mồi cho những ảo ảnh ấy là gán cho cái tôi cá nhân chưa tái sinh những phẩm chất và những quyền năng của Tinh thần. Nói theo lối triết học, đó là sự lẫn lộn giữa hiện thực tương đối và Hiện thực Tuyệt đối, giữa bình diện cá nhân và bình diện siêu hình. Từ sự lý giải về một số ý tưởng tự đại ấy, chúng ta có thể rút ra những chỉ dẫn bổ ích để chữa trị chúng : tìm cách chứng minh cho người bệnh hiểu rằng anh ta đã sai lầm, rằng những ý nghĩa của anh là hoàn toàn phi lý, hoặc chế nhạo anh ta, không có kết quả gì cả ; cách làm đó thậm chí còn làm cho bệnh nghiêm trọng thêm. Trái lại, cần phải cùng với anh ta thừa nhận yếu tố sự thật được chứa đựng trong những lời khẳng định của anh ta, rồi kiên trì tìm cách làm cho anh ta hiểu được sự phân biệt mà chúng tôi vừa nói.

Trong một số trường hợp, sự lóe sáng nội tâm đột ngột do sự thức tỉnh của tâm hồn tạo ra có thể đưa tới một sự hứng khởi về tình cảm, thể hiện một cách ồn ào và lộn xộn, với những tiếng hét, tiếng khóc, những bài hát và những sự kích động đông cơ.

Những người thuộc kiểu tích cực, năng động, chiến đấu ấy có thể bị đẩy - bằng cách kích thích sự thức tỉnh - tới chỗ đóng vai những nhà tiên tri hay những nhà cải cách, lập ra những phong trào hay những giáo phái mang đặc trưng cuồng tín cực đoan và hăng hái thu nạp tín đồ mới.

Ở một số người, dưng cảm nhưng quá đà hoặc quá cứng nhắc, sự phát hiện ra yếu tố siêu việt và thần thánh của

tinh thần mình gây ra một đòi hỏi thích ứng hoàn toàn và ngay lập tức với sự hoàn thiện ấy. Nhưng, trên thực tế, sự thích ứng này chỉ có thể đạt được bằng một công việc lâu dài và từ từ để cải biến và tái sinh lại cá nhân ; do đó, sự đòi hỏi của họ chỉ có thể là vô ích và đưa họ tới những phản ứng suy sụp và tuyệt vọng có tác dụng tự hủy hoại.

Ở một số người đã được chuẩn bị cho điều đó, sự "thức tỉnh" thường đi đôi với những biểu hiện tâm lý nằm ngoài trạng thái bình thường thuộc những kiểu khác nhau. Những người đó có thể có những lối nhìn nói chung thuộc về thần thánh hay thiên thần, có thể nghe thấy những tiếng nói hay cảm thấy mình bị thúc đẩy phải viết ra một cách tự động. Giá trị của những thông điệp được thu nhận ấy là rất khác nhau từ trường hợp này sang trường hợp khác. Chính vì thế mà chúng phải luôn luôn được xem xét và đánh giá một cách khách quan, không định kiến và không để bị ảnh hưởng bởi cách những thông điệp ấy đến với họ, hay bởi uy quyền của người tự coi là tác giả của chúng. Cần phải dè chừng nhất đối với những thông điệp chứa đựng những mệnh lệnh cụ thể và đòi hỏi phải tuân theo một cách mù quáng, cũng như những thông điệp có xu hướng kích động cá nhân thu nhận chúng. Những thầy dạy tâm linh chân chính không bao giờ dùng những phương pháp như vậy cả.

Ngoài vấn đề về tính đích thực và giá trị nội tại của những thông điệp ấy, chúng còn mang một nguy cơ : chúng có thể dễ dàng làm rối loạn sự cân bằng tình cảm và tinh thần ở mức nghiêm trọng.

3. Những phản ứng tiếp theo sự thức tỉnh tâm linh

Những phản ứng này nói chung xảy ra sau một thời gian nào đó.

Như chúng tôi đã nói trên đây, một sự thức tỉnh tâm linh hài hòa gây ra một cảm giác vui mừng và một sự lóe sáng của tinh thần khiến cho người ta cảm nhận được ý nghĩa và mục đích cuộc sống, xua đi nhiều nghi ngờ, đem lại giải pháp cho nhiều vấn đề và một cảm giác an toàn nội tâm. Tất cả những điều đó được kèm theo một ý thức mãnh liệt về sự thống nhất, vẻ đẹp và tính thánh thiện của cuộc sống ; tâm hồn "thức tỉnh" bị xâm chiếm bởi một lòng yêu thương đối với người khác và tất cả mọi sinh linh.

Thật ra, không có gì yên tâm hơn việc tiếp xúc với một trong những người "thức tỉnh" ấy khi họ ở trong "trạng thái ân huệ" này. Nhân cách trước kia của họ, với những khía cạnh gai góc và khó chịu của nó, dường như đã biến mất và một cá nhân mới, đáng yêu và đầy thiện cảm sẽ tỏ ra thật dễ chịu đối với chúng ta cũng như đối với thế giới nội tâm, mong muốn làm cho mọi người vui thích và chia sẻ với người khác những sự giàu có tâm linh mới của mình, vì không thể giữ trong bản thân mình quá dồi dào những cái đó.

Giai đoạn vui vẻ ấy kéo dài ngắn hơn hoặc lâu hơn và sẽ phải biến mất. Nhân cách thông thường, với những mặt thấp kém của nó, chỉ bị chìm ngập và thiếp đi tạm thời nhưng chưa bị phá hủy hoặc biến đổi. Hơn nữa, luồng ánh sáng và yêu thương tâm linh cũng tuân theo những nhịp

điều, những chu kỳ giống như tất cả những gì đã xuất hiện trong vũ trụ và, sớm hay muộn, nó sẽ giảm đi và dừng lại. Tiếp theo cơn triều dâng lên và cơn triều rút xuống.

Sự thể nghiệm nội tâm về sự rút xuống ấy thật nặng nề và, trong một số trường hợp, tạo ra những phản ứng dữ dội và những rối loạn nghiêm trọng. Những xu hướng thấp kém tỉnh dậy lại và tự khẳng định lại với một sức mạnh mới ; tất cả những đá ngầm, những rác ruồi, những phế thải đã từng chìm đi lúc cơn triều dâng lên lại xuất hiện.

Con người có ý thức đạo đức tinh tế hơn và đòi hỏi hơn tiếp theo sự thức tỉnh, và có khát vọng tự hoàn thiện mạnh mẽ hơn, con người đó sẽ tự phán xét nghiêm khắc hơn, tự lên án nghiêm ngặt hơn và có thể tưởng lầm rằng mình rơi xuống thấp hơn trước đây. Ấn tượng này còn có thể bắt nguồn từ chỗ đôi khi một số xu hướng và xung lực nội tâm - vốn nằm trong trạng thái tiềm ẩn trong vô thức - lại được thức tỉnh và bị đẩy tới chỗ kịch liệt chống lại những khát vọng tâm linh mới mẻ và cao cả ấy, như một thách thức và một mối đe dọa đối với chúng.

Đôi khi phản ứng ấy đi rất xa khiến người đó phủ nhận giá trị, thậm chí tính hiện thực, của sự thể nghiệm nội tâm mới đây của mình. Những mối nghi ngờ và những sự phê phán nảy sinh trong tinh thần người đó và người đó có xu hướng coi mọi cái xảy đến với mình như một ảo ảnh, một huyền tưởng, một "sự bịa đặt" của tình cảm. Người đó trở nên cay đắng và hay châm chọc ; anh ta tự chế nhạo bản

thân mình và người khác, và muốn từ bỏ những khát vọng và những lý tưởng tâm linh của mình. Tuy nhiên, dù những điều đó có mạnh đến đâu đi nữa, thì người đó cũng *không thể* trở lại trạng thái trước đây : anh ta đã có một cái nhìn hàm chứa vẻ đẹp hấp dẫn mà anh ta không thể nào quên nó đi. Anh ta không còn có thể thích nghi với cuộc sống nhỏ nhen tầm thường nữa ; một nỗi tiếc nuối thiêng liêng xâm chiếm lấy anh ta và không để cho anh ta yên nghỉ chút nào. Đôi khi sự phản ứng này mang những tính chất bệnh hoạn rõ rệt : những cơn tuyệt vọng và những ý định tự sát xuất hiện.

Việc xử lý những phản ứng quá mức ấy chủ yếu là đem lại một sự hiểu biết rõ ràng về bản chất của chúng và chỉ ra cách duy nhất để vượt lên. Cần phải làm cho người đang chịu đựng điều đó hiểu rằng "trạng thái ân huệ" ấy không thể kéo dài vô tận, rằng sự phản ứng ấy là *tự nhiên* và *không thể tránh khỏi*. Người ta có thể dùng hình ảnh sau đây : anh ta bay lên một cách tuyệt vời, lượn là là trên những ngọn núi đầy ánh nắng và ngắm nhìn quang cảnh của những vùng rộng mênh mông đến tận chân trời ; nhưng mọi chuyến bay, sớm hay muộn, đều phải kết thúc. Cần phải trở về lại với đồng bằng và sau đó, từng bước một, leo lên theo những sườn núi hiểm trở để chiếm lĩnh các đỉnh cao một cách lâu bền. Việc thừa nhận sự đi xuống lại ấy, sự "rơi xuống" ấy là điều tự nhiên mà mọi người đều vấp phải, sẽ mang lại sự yên tâm và nhẹ nhõm cho kẻ hành hương và khuyến khích anh ta lại dũng cảm leo lên lại.

4. Các giai đoạn của quá trình biến đổi

Sự leo lên như chúng tôi vừa nói thật ra là một sự biến đổi, hay một sự tái sinh của cá nhân. Đó là một quá trình lâu dài và phức tạp, gồm có nhiều giai đoạn thanh lọc tích cực để gạt bỏ những trở ngại đối với sự dâng lên và sự tác động của những sức mạnh tâm linh, nhiều giai đoạn phát triển của các năng lực nội tâm trước đây ở trạng thái tiềm ẩn hoặc quá yếu, và những giai đoạn trong đó cá nhân phải giữ kiên định và phải ngoan ngoãn để cho tinh thần "làm việc" và chịu đựng những đau khổ không thể tránh khỏi một cách vững cảm và kiên nhẫn. Đó là một thời kỳ đầy những thay đổi, những sự luân phiên giữa ánh sáng và bóng tối, giữa niềm vui và nỗi đau.

Năng lượng và sự chú tâm của người nào đã trải qua điều đó thường bị hút vào cuộc đấu tranh ấy, khi người đó cảm thấy khó khăn vì phải đương đầu với những đòi hỏi của cuộc sống thường ngày.

Chính vì thế, trong con mắt của một người quan sát hơi hợt thường xét đoán các sự vật theo quan điểm của tính bình thường và hiệu quả thực tiễn, thì trạng thái của người đó có vẻ không đáng hài lòng như trước đó và giá trị của anh ta có vẻ như giảm đi. Như vậy, cộng thêm sự day dứt nội tâm thường còn có sự đau khổ do những người trong gia đình, bạn bè và thậm chí cả các thầy thuốc, không hiểu đúng và đưa ra những phán xét sai lạc. Người ta không tiếc những nhận xét gay gắt về những "kết quả tốt đẹp" của những khát vọng và lý tưởng tâm linh của anh ta, khiến cho

anh ta cảm thấy mình yếu ớt và vô hiệu trong đời sống thực tiễn. Những ai từng trở thành đối tượng của những phân xét thường là nặng nề ấy đôi khi có thể bị rối loạn và trở thành cái mồi cho những sự hoài nghi và chán nản.

Thế nhưng, đó là một trong những thử thách phải vượt qua. Nó dạy cho người ta chiến thắng tính dễ tự ái cá nhân, giành lấy sự độc lập về xét đoán và tính kiên định trong hành vi. Chính vì thế, thử thách này phải được đón nhận mà không bực bội và thậm chí với sự thanh thản. Trái lại những người gần gũi với người đang chịu thử thách, nếu hiểu rõ tình trạng của anh ta, có thể giúp đỡ nhiều cho anh ta và làm cho anh ta tránh được nhiều xung đột và đau khổ không cần thiết.

Trên thực tế, đây là một thời kỳ chuyển tiếp, ra khỏi giai đoạn trước nhưng chưa đạt tới giai đoạn sau. Đó là một tình cảnh giống như tình cảnh của con ấu trùng sẽ phải biến hóa để trở thành con bướm cánh. Phải đi qua trạng thái nhộng là trạng thái phân giải và bắt lực. Nhưng con người, nói chung, không có những may mắn của ấu trùng vì trong quá trình biến hóa không được tổ kén che chở.

Con người, nhất là hiện nay, vẫn cứ phải ở lại trong cuộc sống và phải tiếp tục làm những nhiệm vụ gia đình, nghề nghiệp và xã hội của mình như mình có thể làm được và như chẳng có chuyện gì xảy ra cả. Vấn đề khó khăn mà nó phải giải quyết cũng giống với vấn đề được đặt ra cho các kỹ sư Anh, khi họ phải cải tạo và mở rộng một nhà ga quan

trọng ở London mà không làm cho giao thông đình chỉ, dù chỉ một giờ.

Vì thế, chẳng có gì ngạc nhiên khi thấy một công việc phức tạp và đòi hỏi cao như vậy thường gây ra những rối loạn thần kinh và tâm thần : thần kinh kiệt quệ, mất ngủ, suy sụp, bức bối, lo lắng ; những rối loạn này đến lượt chúng lại có thể dễ dàng gây ra những triệu chứng thân thể khác nhau, do ảnh hưởng mạnh mẽ của tâm thần đối với thân thể.

Khi xử lý những trường hợp như vậy, phải hiểu được nguyên nhân thật sự của những rối loạn ấy, và giúp đỡ bệnh nhân một cách khôn khéo bằng một sự trị liệu tâm lý thật thích hợp, vì những sự chữa trị tâm thần hay được lý, nếu có thể làm nhẹ bớt các triệu chứng và các rối loạn thể chất, rõ ràng cũng không thể tác động tới những nguyên nhân tâm lý - tâm linh của vấn đề.

Đôi khi, các rối loạn sinh ra hoặc trở thành nghiêm trọng hơn do những nỗ lực cá nhân quá mức của người khao khát cuộc sống tâm linh nhằm cưỡng ép sự phát triển nội tâm của mình. Những nỗ lực này tạo ra một sự dồn nén những yếu tố thấp kém mà không phải là biến đổi chúng. Những nỗ lực này đưa tới chỗ làm cho cuộc đấu tranh tăng lên tới độ, và, do đó, tạo ra một sự căng thẳng thần kinh và tâm thần quá mức. Những người khao khát mãnh liệt ấy phải hiểu rằng phần cốt yếu của công việc tái sinh là do tinh thần và những năng lượng của nó thực hiện, và sau khi đã tìm cách loại bỏ tất cả những gì có thể ngăn cản tác

động của tinh thần, phải kiên nhẫn và tin tưởng chờ đợi tác động này diễn ra một cách tự phát trong tâm hồn mình.

Một khó khăn khác, theo hướng ngược lại, phải vượt được qua trong các thời kỳ mà những sức mạnh tâm linh dâng lên đầy đủ hơn và dồi dào hơn. Những năng lượng quý giá ấy có thể dễ dàng phân tán thành một sự sôi sục về xúc cảm và một hoạt động quá cuồng nhiệt. Trong những trường hợp khác, trái lại, những năng lượng ấy lại quá bị kìm tỏa và không được sử dụng đầy đủ cũng như không được thể hiện trong cuộc sống, khiến cho chúng tích dồn lại và, do quá căng thẳng, chúng có thể gây ra những rối loạn và những đứt đoạn nội tâm, giống hệt như một dòng điện quá mạnh có thể làm chảy cầu chì và gây ra chập mạch.

Vì thế, phải học cách điều tiết đúng đắn và khôn khéo dòng năng lượng tâm linh, tránh để cho chúng bị hao tổn, sử dụng chúng một cách tích cực vào những nhiệm vụ cao cả và có hiệu quả, bên trong cũng như bên ngoài.

5. *"Đêm tối của tâm hồn"*

Khi quá trình biến đổi tâm lý - tâm linh đạt tới giai đoạn cuối cùng và quyết định của nó, đôi khi nó gây ra một nỗi đau khổ mạnh mẽ và một sự tối tăm nội tâm, được các nhà thần bí Kitô giáo gọi là "đêm tối của tâm hồn". Nó rất giống - bằng những đặc trưng của nó - với chứng bệnh gọi là "loạn tâm thần trầm uất" hay "sầu muộn" : - trạng thái xúc cảm bị dồn nén cực độ, có thể đi tới chỗ tuyệt vọng ; - cảm giác gay gắt về tình nhục nhả của mình ; - xu hướng tự phê phán và tự lên án mạnh mẽ, mà trong một số trường

hợp, có thể đi tới chỗ mất niềm tin hay chán ghét ; - cảm giác nặng nề về sự bất lực đạo đức ; - ý chí và tính tự chủ suy yếu ; - chán ghét mọi cái ; cuối cùng, rất khó hành động.

Một số triệu chứng nói trên cũng có thể có dưới một hình thức kém gay gắt hơn trong những giai đoạn trước, nhưng khi đó, chưa phải là "đêm tối của tâm hồn" thật sự.

Thế nghiệm lạ lùng và khủng khiếp ấy *không phải là* một trạng thái bệnh lý, mặc dầu bề ngoài giống như thế ; nó có những nguyên nhân tâm linh và có một giá trị lớn về mặt này.⁽¹⁾

Cũng được gọi là "sự tử nạn huyền bí" hay "cái chết huyền bí", nó được tiếp nối bằng sự phục sinh tâm linh vinh quang, chấm dứt mọi đau khổ và mọi rối loạn, cũng như bù đắp quá mức đòi dòi cho tất cả những gì đã chịu đựng, vì sự phục sinh này là sự cứu rỗi tâm linh sung mãn.

Chủ đề của chương này buộc chúng tôi phải dùng lại một cách đặc biệt ở những mặt nặng nề nhất và không bình thường của sự phát triển nội tâm, nhưng chúng tôi không muốn gây ấn tượng rằng những ai đi theo con đường đi lên của tâm linh đều phải chịu những rối loạn thần kinh một cách dễ dàng hơn những người bình thường. Chính vì thế, cần làm sáng tỏ những điểm sau đây :

1. Trong nhiều trường hợp, sự phát triển tâm linh diễn ra từ từ hơn và hài hòa hơn bức tranh mà chúng tôi vừa

(1) Xem Thánh Joan de la Croix. *La Nuit obscure de l'âme*.

dựng lên : các khó khăn được khắc phục và các giai đoạn khác nhau được vượt qua mà không có những phản ứng thần kinh hoặc thân thể.

2. Những rối loạn thần kinh và tinh thần có những nguyên nhân tâm linh thường là nhẹ hơn cũng như dễ chịu đựng và chữa trị hơn những rối loạn của những người "bình thường", nam hay nữ. Thật vậy, các rối loạn của những người này nói chung là do những xung đột giữa các mối đam mê, hoặc giữa nhân cách có ý thức và những xung lực vô thức của nó, hoặc nữa là do sự rối loạn của cá nhân chống lại những điều kiện hay những người chống lại những ham muốn hay những yêu cầu vị kỷ của mình. Những bệnh nhân này thường khó chữa trị hơn : sự phát triển cao cả của họ là quá yếu và thật khó thấy ở một động cơ nào để có thể làm chỗ dựa cho họ chấp nhận những hy sinh cần thiết và đưa họ tới chỗ phục tùng kỷ luật cần thiết để khôi phục sự hài hòa, mà chỉ riêng điều này cũng có thể đem lại cho họ sức khỏe tinh thần.

3. Những đau khổ và hỗn loạn của những ai đi theo con đường tâm linh, dù từng lúc có thể là nghiêm trọng, thật ra chỉ là một phản ứng tạm thời ; có thể nói đó là những thú xỉ của một quá trình phát triển và tái sinh nội tâm có tính hữu cơ. Chính vì thế, nói chung, một khi cuộc khủng hoảng tạo ra chúng đã được giải quyết, thì chúng biến mất hoặc được một sự chữa trị thích hợp làm tiêu tan đi dễ hơn.

4. Những đau khổ do các sóng tâm linh dâng lên và rút xuống gây ra được bù đắp một cách đầy đủ trong các giai

đoạn nâng cao lòng tin vào ý đồ lớn lao và mục tiêu cao cả của sự phiêu lưu nội tâm.

Cách nhìn sáng láng ấy tạo nên một khát vọng mạnh mẽ, một niềm an ủi vững bền và một nguồn sức mạnh và dũng khí vô tận. Vì thế, chúng ta phải khôi phục lại cách nhìn ấy một cách mạnh hơn và càng nhiều càng tốt. Giúp cho những người khổ sở vì khủng hoảng và xung đột tâm linh làm như vậy là một trong những điều thiện lớn mà chúng ta có thể đem lại cho họ.

Hãy cố gắng tạo ra một hình ảnh rất sống động về hạnh phúc và vinh quang của tâm hồn chiến thắng và giải thoát, để tâm hồn ấy tham dự một cách có ý thức vào sự sáng suốt, sức mạnh và lòng yêu thương cuộc đời.

Khi xem xét vấn đề này theo quan niệm y học và tâm lý học chặt chẽ, cần phải chú trọng tới những điều chúng tôi đã khẳng định : nếu những rối loạn kèm theo những cuộc khủng hoảng khác nhau của sự phát triển tâm linh, mới thoát nhìn, có vẻ giống và đôi khi đồng nhất với những rối loạn của những bệnh nhân thông thường, thì trên thực tế, nguyên nhân và ý nghĩa của chúng lại rất khác nhau và, theo một nghĩa nào đó, thậm chí trái ngược nhau nữa. Vì thế những sự xử lý cũng phải khác nhau.

Những triệu chứng thần kinh - tâm thần của các bệnh nhân thông thường nói chung có tính chất *thoái hóa*. Những bệnh nhân này không thể thực hiện được những sự cấu trúc bên trong và bên ngoài cần thiết như một bộ phận của sự phát triển nhân cách bình thường. Chẳng hạn, họ không tự

giải thoát được khỏi những tình cảm cố định đối với bố mẹ mình và, do đó vẫn ở trong trạng thái phụ thuộc trẻ thơ đối với bố mẹ hay đối với những ai thay thế bố mẹ, dù chỉ có tính chất tượng trưng.

Đôi khi, trái lại, sự bất lực của họ hay sự thiếu ý chí của họ trong việc đương đầu với những yêu cầu và những khó khăn của đời sống gia đình và xã hội bình thường, đã khiến họ phải đi tìm nơi ẩn náu ở một căn bệnh có thể làm cho họ từ bỏ những nghĩa vụ ấy, mà không tự thấy rõ điều đó. Trong những trường hợp khác, họ đau khổ vì một nỗi thất vọng hay mất mát, hay cả vì một cơn sốc tình cảm mà họ không chấp nhận và họ phản ứng lại bằng một chứng bệnh.

Trong tất cả các trường hợp đó, đây là một xung đột giữa nhân cách có ý thức và những yếu tố thấp kém, những yếu tố này thường hoạt động trong vô thức và chiếm ưu thế, ít ra một phần nào.

Nguộc lại, những đau khổ do công phu phát triển tâm linh đẻ ra lại không mang tính chất thoái hóa mà mang tính chất *tiến bộ* rõ rệt. Chúng bắt nguồn từ nỗ lực tự phát triển, từ một sự thúc đẩy lên cao ; chúng là kết quả của những xung đột và những mất cân bằng tạm thời giữa nhân cách có ý thức và những năng lượng tâm linh từ trên cao tràn xuống.

Tất cả những điều đó chứng tỏ một cách hiển nhiên rằng sự xử lý đối với hai loại đau khổ này phải rất khác nhau.

Đối với loại thứ nhất, nhiệm vụ điều trị là giúp cho bệnh nhân đạt tới trình độ con người "bình thường", bằng cách

loại trừ những dồn nén và những cảm đoán, những nỗi sợ hãi và những sự cố định, bằng cách giúp họ chuyển từ thái độ lấy cái tôi làm trung tâm quá mức, từ những đánh giá sai lầm, từ những quan niệm sai lạc về hiện thực, sang một cách nhìn khách quan và hợp lý đối với cuộc sống, sang sự chấp nhận những bốn phận và nghĩa vụ và một sự đánh giá đúng về các quyền của người khác. Những yếu tố phát triển không đầu dý, thiếu phối hợp và xung đột lẫn nhau phải được hòa hợp lại và thống nhất vào một sự *tổng hợp tâm lý cá nhân*.

Đối với những bệnh nhân thuộc loại thứ hai, cách chữa trị và thực hiện một sự sắp xếp trật tự hài hòa, bằng cách khuyến khích sự đồng hóa và thống nhất những năng lượng tâm linh mới và những yếu tố bình thường có trước đó, tức là thực hiện một sự *tổng hợp tâm lý siêu cá nhân*.

Như vậy, rõ ràng sự chữa trị thích hợp với những bệnh nhân thuộc loại thứ nhất là không đủ đối với một bệnh nhân thuộc loại thứ hai, và thậm chí có thể nguy hiểm nữa. Đáng lẽ thấy giảm bớt những khó khăn đi, thì họ lại thấy chúng tăng lên, nếu ủy thác cho một thầy thuốc không hiểu được nỗi khó nhọc của mình, không biết hay phủ nhận những khả năng của sự phát triển tâm linh. Một thầy thuốc như vậy có thể đánh giá sai hoặc chế nhạo những khát vọng tâm linh của bệnh nhân này, coi chúng như những hoang tưởng vô ích hoặc lý giải chúng theo lối duy vật. Bằng cách đó, bệnh nhân ấy có thể được đưa tới chỗ tin rằng mình đã làm đúng khi củng cố cái vỏ nhân cách của mình mà từ chối

lắng nghe những lời kêu gọi khẩn khoản của tâm hồn mình. Nhưng làm như thế chỉ có thể làm nghiêm trọng thêm trạng thái của người đó, khiến cho cuộc đấu tranh càng căng thẳng hơn và phải trì hoãn sự giải quyết lại.

Nguộc lại, một thầy thuốc tự bản thân mình cũng đi theo con đường tâm linh, hoặc ít ra có một sự hiểu biết sáng rõ và một sự đánh giá đúng về tình hiện thực của những thành quả tâm linh, có thể đem lại một sự giúp đỡ lớn cho bệnh nhân ấy.

Như nhiều trường hợp cho thấy, nếu bệnh nhân chỉ mới ở trong giai đoạn không hài lòng, lo lắng và có những khát vọng vô thức, nếu anh ta đã mất hết mọi sự quan tâm đối với cuộc sống thông thường nhưng chưa sáng tỏ về Hiện thực Tối cao, nếu anh ta đi tìm một sự an ủi khi đi theo những hướng sai lạc hoặc đang lang thang trên những con đường không có lối thoát, thì lúc đó, sự phát hiện ra nguyên nhân đau khổ thật sự của anh ta và một sự giúp đỡ có hiệu quả để tìm ra giải pháp sẽ thật sự có thể làm thuận lợi hơn và thúc đẩy mạnh mẽ sự thức tỉnh của tâm hồn anh ta, mà bản thân điều đó chính là cái cốt yếu của việc chữa trị.

Khi một người ở trong giai đoạn thứ hai, khi anh ta thấy rất hạnh phúc trong ánh sáng của tinh thần và thực hiện vui vẻ những chuyến bay lên những độ cao của cái siêu thức, thì anh ta có thể rất có lợi thế để có những sự giải thích về bản chất thật và chức năng của những thể nghiệm của mình, về những sự báo trước thời hạn chắc chắn là tạm thời và những thăng trầm chờ đợi anh ta trong chuyến hành hương

ấy. Bằng cách đó, người đó sẽ được chuẩn bị trước về những phản - phản ứng (contre - réactions) có thể nảy sinh và sẽ tránh được một phần đáng kể những đau khổ do nỗi kinh ngạc trước sự "rơi xuống" gây ra, cũng như những hoài nghi và chần nản tiếp theo đó.

Khi không được báo trước như vậy và sự chữa trị lại được tiến hành trong tiến trình phản ứng suy sụp, thì bệnh nhân này có thể được giúp đỡ và an ủi đáng kể bằng việc người điều trị dựa vào nhiều ví dụ để bảo đảm rằng đó là một trạng thái tạm thời mà anh ta sẽ chắc chắn thoát khỏi.

Giai đoạn thứ tư, giai đoạn của những "rắc rối khi đi lên", là dài nhất và đa dạng nhất ; công việc của người điều trị lúc đó sẽ phức tạp hơn. Công việc này gồm có những nhiệm vụ sau đây :

1. Giúp cho người chịu đau khổ hiểu rõ ý nghĩa của những gì đang diễn ra trong bản thân anh ta và chỉ cho anh ta cách ứng xử đúng đắn cần noi theo ;

2. Dạy cho anh ta cách chế ngự những xu hướng nội tâm mà không đẩy chúng vào cái vô thức ;

3. Dạy cho anh ta chuyển hóa và thăng hoa những năng lượng tâm thần của mình và giúp anh ta trong việc này ;

4. Giúp anh ta giữ được luồng năng lượng tâm linh tràn vào ý thức của mình và sử dụng nó thật tốt.

5. Hướng dẫn và hợp tác của anh ta trong công việc cấu trúc lại nhân cách bằng sự tổng hợp tâm lý.

Trong giai đoạn "đêm tối của tâm hồn" này, giúp đỡ là một việc rất khó khăn, vì người nằm trong giai đoạn này bị bao phủ một làn mây dày đặc và chìm vào đau khổ đến mức ánh sáng tinh thần không lọt tới được ý thức của anh ta. Cách duy nhất để mang lại sức mạnh và sự ủng hộ là không ngừng bảo đảm với anh ta rằng, đây là một sự thể nghiệm chuyển tiếp mà không phải là một trạng thái thường xuyên, trái với những gì anh ta muốn tin, đó là nhân tố quan trọng nhất để tránh thất vọng. Hơn nữa, cũng cần bảo đảm mạnh mẽ rằng nỗi đau khổ khủng khiếp ấy của anh ta có một giá trị tâm linh để một ngày nào đó sẽ mang lại cho anh ta những điều tốt lành, và đến ngày đó, nó sẽ đến để ban phúc lành cho anh ta. Điều đó giúp anh ta chịu đựng và chấp nhận tình cảm của mình một cách bình tĩnh và kiên trì.

Tôi thấy cần phải nêu lên rằng những trị liệu tâm lý và tâm linh ấy không loại trừ việc dùng thêm những phương tiện thể chất có thể giảm nhẹ các triệu chứng và góp phần vào một kết cục thuận lợi. Những phương tiện ấy chủ yếu là những cách giúp cho sự chữa trị của tự nhiên, như ăn uống lành mạnh, các bài tập thư giãn, tiếp xúc với thiên nhiên, những hoạt động thể chất và tinh thần khác nhau theo một nhịp điệu thích hợp.

Trong một số trường hợp, sự chữa trị trở nên phức tạp hơn vì ở bệnh nhân có một sự pha trộn những triệu chứng tiến bộ và thoái hóa. Đó là trường hợp phát triển bên trong không đều và không hài hòa. Những người đó có thể đạt

tới những trình độ tâm linh cao với một phần nhân cách của mình và, mặt khác, bị nô lệ đối với những sự cố định trẻ con hoặc bị sự chi phối của những "mặc cảm" vô thức. Thậm chí có thể nói, với một sự phân tích cụ thể, rằng ở đa số những người đi theo con đường tâm linh - giống như ở tất cả những người được coi là "bình thường" - đều có những dấu vết quan trọng nhiều hơn hoặc ít hơn thuộc loại này.

Trong phần lớn các trường hợp, còn thấy có một ưu thế rõ rệt của những triệu chứng hoặc tiến bộ, hoặc thoái hóa.

Nhưng phải luôn luôn nhớ kỹ khả năng có cả hai loại triệu chứng này và mỗi rối loạn phải được nghiên cứu và lý giải cẩn thận, để bảo đảm thấy rõ nguyên nhân thật sự của nó và để tìm cách chữa trị thích hợp.

Từ tất cả những điều chúng tôi đã nói trên đây, kết luận rõ ràng là, để chữa trị một cách có hiệu quả và thỏa mãn những rối loạn thần kinh và tâm thần đi kèm sự phát triển tâm linh, phải có hai loại hiểu biết và thực hành : một loại của thầy thuốc chuyên về các bệnh thần kinh và về trị liệu tâm lý, và một loại khác của người hành hương trên những con đường của tinh thần, hoặc ít ra, của những ai nghiên cứu những con đường đó một cách nghiêm túc.

Hai loại thẩm quyền này hiện rất hiếm khi được kết hợp với nhau ; nhưng do sự gia tăng nhanh chóng của số người cần đến những sự chữa trị ấy, nên tất cả những ai có thể làm điều đó được đều phải quyết tâm tự chuẩn bị để thực hiện nhiệm vụ cao quý này. Hơn nữa, những sự chữa trị ấy

sẽ dễ dàng hơn nếu có được một đội ngũ nữ y tá và trợ tá được đào tạo thích hợp để có thể cộng tác với công việc của các thầy thuốc.

Cuối cùng, điều rất có ích là công luận phải được thông tin về những điều chủ yếu có liên quan với những liên hệ giữa những sự khủng hoảng thấp kém và những rối loạn thần kinh - tâm thần, để cho những người thân thích có thể giúp đỡ cho nhiệm vụ của bệnh nhân và của thầy thuốc, thay vì làm cho nhiệm vụ đó trở nên phức tạp hơn hay tạo ra trở ngại cho nó vì ngu dốt hay thành kiến, thậm chí công khai chống lại nó mà, than ôi, điều này lại rất thường hay xảy ra.

Khi nhiệm vụ đào tạo và thông tin ấy đối với thầy thuốc và nữ y tá cũng như đối với công luận được thực hiện, thì nhiều đau khổ không cần thiết sẽ bị loại trừ và nhiều người hành hương sẽ có thể, với công sức ít hơn và đỡ khó khăn hơn, sẽ có thể đạt tới mục đích cao cả mà họ đang theo đuổi : kết hợp với Tính hiện thực Thần thánh.

11. THẦN BÍ VÀ Y HỌC

Từ hai thế kỷ nay, nhiều nhà khoa học thực chứng (trong số đó, chỉ xin kể Murisier, Janet, Ribot, Binet-Sanglé, Portiglioti và vài đại biểu của trường phái phân tâm học) đã có tham vọng giải thích các hiện tượng thần bí bằng cách coi đó là những biểu hiện bệnh hoạn. Do nhiều nhà thần bí đã trải qua những rối loạn thần kinh không thể phủ nhận được, các nhà khoa học ấy suy diễn rằng mọi hoạt động thần bí của họ là hậu quả của một chứng bệnh.

Tôi không có ý định bác bỏ quan niệm thô thiển ấy, một quan niệm bộc lộ việc hoàn toàn không hiểu sự thể nghiệm thần bí là gì. Nhưng, do trong công luận nói chung và trong công luận của các thầy thuốc và các nhà phân tâm học nói riêng, sai lầm này vẫn còn lan rộng, nên tôi nghĩ rằng không phải là vô ích khi với tư cách thầy thuốc khẳng định lại rằng việc ghi nhận những triệu chứng của một chứng bệnh ở một người nào đó tuyệt nhiên không cho phép đánh giá thấp những thể nghiệm tâm linh của người đó.

Như tôi đã có dịp viết cách đây vài năm : giá trị trí tuệ và đạo đức của một người là hoàn toàn độc lập với những triệu chứng bệnh có thể làm cho người đó sầu não, những

triệu chứng mà anh ta có thể chia sẻ với những người thấp kém, thậm chí biến chất sâu sắc.

Đúng là nữ thánh Thérèse d'Avila và nữ thánh Catherine ở Sienne, cũng như nhiều nhân vật cao quý khác của lịch sử tôn giáo đã mắc chứng cuồng loạn (hystérie), nhưng điều đó không hề làm giảm bớt sự thần phục của chúng ta đối với những tư chất tâm linh của họ, mà trái lại, phải làm thay đổi ý kiến của chúng ta về bản chất của chứng hystérie. Như đã nói, nếu thánh François đã từng có những "dấu hiệu thân thể thoái hóa", thì chắc chắn điều đó cũng không làm giảm đi sự tôn kính của chúng ta đối với *poverello* Assise, mà trái lại, chúng tỏ rằng những dấu hiệu ấy không phải bao giờ cũng mang tính chất "thoái hóa" được gán cho chúng và có thể đưa tới chỗ xem xét lại quan niệm của chúng ta về "sự thoái hóa". Dù đúng là Jésus, lý tưởng cao cả ấy của loài người, đã là một kẻ điên đi nữa - như một thầy thuốc người Pháp nào đó đã cố chứng minh - thì điều đó chỉ có nghĩa là chúng điên đôi khi vô cùng cao hơn sự khôn ngoan của những người bình thường, kể cả các thầy thuốc tâm thần⁽¹⁾.

Hơn nữa, một trong những nhà thực chứng nổi tiếng nhất ở thế kỷ trước, Max Nordau, cũng đã hiểu rằng người ta mắc sai lầm thô thiển như thế nào khi muốn coi những biểu hiện cao cả của tinh thần như những hiện tượng bệnh hoạn. Bác bỏ lý thuyết của thầy mình là Lombroso, Nordau

(1). Tâm lý học và trị liệu tâm lý, *Psyché*, 3, 1913, n° 3, tr. 195.

nói rất hay rằng thật không đúng khi khẳng định "thiên tài là một kẻ nhiều tâm", cũng như cho rằng "điên kinh là một chứng bệnh tim", lấy có là nhiều lực sĩ điên kinh bị đau tim.

Ví dụ ấy cho thấy mối liên hệ thật sự giữa thần bí và bệnh tật. Các rối loạn thần kinh và tâm thần của những nhà thần bí, nếu đó không phải là kết quả của một sự trùng hợp ngẫu nhiên đơn giản, thì nhiều lắm cũng chỉ là một hậu quả hữu cơ của đời sống tâm linh căng thẳng của họ, giống hệt như những rối loạn tim của các lực sĩ điên kinh là một hậu quả của những nỗ lực cơ bắp căng thẳng của họ.

Đời sống thần bí, với những giai đoạn và những "điểm nguy kịch" của nó, với những yêu cầu khắc nghiệt và những thể nghiệm đặc biệt do đời sống ấy mà có, thật ra đã đặt sự bền vững thần kinh và tâm thần của cá nhân vào một thử thách nghiệt ngã. Như vậy, ngay cả trong trạng thái có thể gọi là tiền thần bí, trong thời kỳ đi trước sự thức tỉnh của tâm hồn ấy, thường có những rối loạn do những căng thẳng nội tâm mạnh mẽ gây ra, mà những căng thẳng này lại do cuộc đấu tranh giữa sự kêu gọi của tâm linh và những chống đối dai dẳng của cá nhân đem lại. Ở giai đoạn này, người ta thường có một sự thể nghiệm tâm linh tiêu cực đầu tiên, như hờn hĩnh, phi hiện thực, coi thế giới các hiện tượng và nhân cách kinh nghiệm của mình là không có giá trị gì, và sự thể nghiệm đó, xét về mặt bên ngoài thuần túy, có vẻ giống như trạng thái mất nhân cách, mất ý thức về hiện thực mà những người suy nhược tâm thần thường mắc phải. Nhưng ý nghĩa và giá trị của chúng rất khác nhau :

trong trường hợp thứ nhất, đó là một giai đoạn tạm thời để chuyển sang một cuộc sống đầy đủ hơn và phong phú hơn, còn trong trường hợp thứ hai thì đó là sự mất đi những năng lực bình thường mà không hề được bù đắp lại một cách tích cực.

Sự thức tỉnh và lóe sáng của tâm hồn, xét về mặt tâm lý học, có thể được coi như sự đột nhập và dâng lên của một luồng đời sống tâm linh mãnh liệt trong con người bình thường, dễ dàng gây ra những rối loạn thần kinh tạm thời. Thân thể có thể tỏ ra bất lực khi phải chống lại những năng lượng trào dâng ấy, vì tâm thần chưa sẵn sàng đồng hóa ý thức mới một cách hài hòa. Không hiếm khi thấy cần phải có một thời kỳ điều chỉnh phức tạp. Nhưng thời kỳ này chỉ làm bộc lộ ra chỗ yếu của "chàng Adam ngày xưa" và chắc chắn không thể qui cho "Christ mới".

Ngay cả trong giai đoạn thanh lọc tích cực - giai đoạn khổ hạnh của cuộc sống thần bí - có thể nảy sinh ra những triệu chứng bệnh hoạn, nếu sự thanh lọc được tiến hành quá mạnh mẽ và nếu lễ ra phải tìm mọi cách làm cho những năng lượng bản năng và tình cảm biến đổi và thăng hoa, thì nhà thần bí lại đi vào con đường sai lầm là dồn nén chúng vào vô thức.

Tiếp đó là giai đoạn huyền bí của "đêm tối của tâm hồn", "thanh lọc thụ động", trong đó ý thức của nhà thần bí trải qua một thể nghiệm tiêu cực mới và triệt để hơn, trong đó thực sự xảy đến cái chết của nhân cách trước đây của người đó, cái chết của "chàng Adam cũ", mà đó là điều

kiện để anh ta phục sinh cùng với Christ. Tôi cho rằng trong cái chết thần bí ấy, nỗi đau khổ của con người đạt tới những mức cao nhất : đó là một sự tra tấn không thể diễn tả được, một sự hấp hối thật sự có ý thức. Không nên ngạc nhiên khi thấy rằng, trong một sự thể nghiệm khủng khiếp có thể kéo dài như vậy, sức khỏe bị tổn thương và nảy sinh những triệu chứng giống với những triệu chứng mà người ta gặp thấy ở căn bệnh được các thầy thuốc tâm thần gọi là "chúng sâu não".

Nhưng ngay cả trong trường hợp này, sự trùng hợp với một bệnh lý tuyệt nhiên không đụng chạm tới tính hiện thực và giá trị của sự thể nghiệm tâm linh. Thậm chí tôi có thể nói là trái lại : tôi đã có dịp xem xét một số trường hợp gọi là "sâu não", trong đó các bệnh nhân tưởng mình mắc phải một bệnh trong khi thật ra là một sự đổi mới tâm linh sâu sắc đang diễn ra trong bản thân họ.

Việc thừa nhận những quan hệ khác nhau giữa thần bí và bệnh tật cho phép loại bỏ nhiều cách hiểu sai, nhiều cách lý giải sai và cả những sai lầm nghiêm trọng về mặt thực hành nữa, hoặc của thầy thuốc, hoặc của chính những nhà thần bí. Các thầy thuốc có thể học cách nhận biết và tôn trọng đời sống tâm linh của bệnh nhân, khuyến khích một sự phát triển hài hòa thay vì đánh giá thấp và gây trở ngại cho nó như người ta rất thường làm cho đến nay. Về phía mình, các nhà thần bí do biết trước bản chất và ý nghĩa của những rối loạn mà họ có thể trải qua, sẽ không bị rối loạn quá mức nữa, nhưng cũng không coi những rối loạn ấy

như những dấu hiệu ưu việt hay những nhân tố thần thánh như có khi xảy ra nữa. Họ sẽ nhận ra đó là những chỗ yếu của phần người chưa trở thành một công cụ ngoan ngoãn và tích cực của tâm linh; và họ phải tìm mọi cách loại bỏ chúng đi và mong muốn đạt tới một sức khỏe hoàn hảo.

Thái độ ấy đối với bệnh tật là một trong những điểm quan trọng nhất của sự phân biệt giữa cách tiếp cận cũ đối với thần bí (ít ra ở phương Tây Kitô giáo) và cách tiếp cận mới. Tinh thần khổ hạnh quá mức, sự mong muốn đau khổ, hy sinh và sống thấp hèn, thái độ thù địch với thân thể mình, sự phục tùng thụ động, những điều đó đã có ảnh hưởng mạnh đến mức nhiều nhà thần bí trước đây không những không tìm cách tự giải thoát khỏi những nỗi đau thể chất dồn vào họ, mà còn đón nhận chúng với niềm vui và gần như coi đó như những cái gì thân thiết, vì thấy đó là một phương tiện thanh lọc. Nếu chúng ta cần phải thán phục sức mạnh tâm hồn, lòng hào hiệp và yêu thương đã biến chỗ yếu của họ thành một sức mạnh, thì chúng ta cũng cần thừa nhận rằng thái độ của họ đã dựa vào một thành kiến và một sự hiểu biết hạn chế cũng như sai lầm.

Theo cách hiểu mới về thần bí, thân thể không phải là kẻ thù của tinh thần và nó phải trở thành công cụ quý báu, đầy tớ trung thành, ngôi đền của tinh thần. Khổ hạnh, đau khổ và hy sinh không phải là những cứu cánh tự thân ; chúng không có một giá trị tuyệt đối mà, đúng hơn, là những phương tiện và những giá trị tương đối. Bệnh tật tự nó không phải là một giá trị mà cũng là, và trước hết là, một

khiếm khuyết, nếu nó hoàn toàn không phải là hậu quả của một sai lầm của bản thân hay của người khác. Hơn nữa, ở điều đó cũng như ở những thái độ khác của nó, cách tiếp cận mới đối với thần bí không phải là cách mạng như mới thoát nhìn ; giống như mọi sự đổi mới, nó là sự quay trở về với những nguồn gốc đầu tiên và đích thực. Phải nói rằng cách tiếp cận này "có tính nguyên khai (originaire) hơn là tính "độc đáo" (originale). Thật vậy, chúng ta thấy rằng Jésus có một thái độ đối với sức khỏe gần với thái độ mà chúng ta coi là của nhiều nhà thần bí trong quá khứ hơn nhiều. Và Jésus - lẽ ra không cần thiết nói ra điều này ở đây, nhưng vì nhiều người đã phủ nhận nó, nên cần phải khẳng định lại nó - đã từng là một nhà thần bí đích thực, vĩ đại và hoàn hảo. Thế nhưng, chúng ta không thấy ở ngài một sự bùng phát bệnh tật hay khổ hạnh nào cả. Các truyền thuyết không mang lại một dấu vết khuyết tật thể chất hay bệnh tật nào ở ngài cả : những khủng hoảng sâu sắc mà ngài đã trải qua vào những cơ hội khác nhau - từ những sự cám dỗ trong sa mạc đến sự hấp hối ở Vườn Gethsémani, nếu đã có thể làm cho ngài bị chảy máu, thì cũng không thể nào gây ra một rối loạn kéo dài trong thân thể ngài hết. Thật ra, chúng ta thật khó hình dung ra một Jésus bệnh tật với một thái độ chấp nhận thụ động những rối loạn thể chất. Trái lại, Phúc âm mô tả cho chúng ta thấy ngài thật mạnh khỏe, có thể chịu đựng những nỗi mệt nhọc dài, nhưng cũng sẵn sàng nghỉ ngơi, tự tôi luyện trong cảnh cô đơn và sự nguyện cầu.

Phúc âm mô tả cho chúng ta thấy một J  sus không những *l  nh mạnh* mà còn là một *người chữa bệnh*. Người ta luôn luôn tìm kiếm sự giúp đỡ của những sức mạnh tâm linh, những quyền năng và những thực thể vô hình để tự giải thoát khỏi những bệnh thể chất. Trong những ngôi đền Ai Cập và Hy Lạp, trong S  rapeum ở Memphis, người ta đã dùng phương pháp "cầu mộng" (incubation) : người bệnh nằm ngủ trong đền, trong giấc ngủ thường thấy những giấc mơ tốt lành, thế là sẽ khỏi bệnh khi thức dậy. Trong tất cả các nền văn minh và tất cả các tôn giáo, những người nào đi theo con đường thần bí đều đạt tới khả năng chữa bệnh vào một giai đoạn phát triển tâm linh nào đó và đã sử dụng nó phục vụ cho loài người đau khổ. Đối với những người do Jean Baptiste phái đến để tìm hiểu xem Ngài có phải là Người họ đang mong đợi không, chẳng phải J  sus đã cho họ thấy quyền năng chữa bệnh của mình như bằng chứng chủ yếu cho thấy đó chính là Ngài đó sao ? J  sus nói :

"Hãy đi báo cho Jean biết những gì các người đã nhìn thấy và nghe thấy : người mù thì sáng mắt ra, người bị liệt thì đi lại được, người bị hủi thì lành lặn, người điếc thì nghe được, người chết thì sống lại và Tin Mừng đã được loan báo cho người nghèo".

J  sus trao quyền năng chữa bệnh và sứ mệnh chữa bệnh cho Mười hai Tông đồ :

Ngài gọi mười hai môn đồ đến cạnh mình, trao cho họ quyền năng xua đuổi những ma quỷ bẩn

thiêu và chữa tất cả các bệnh... Ngài nói với họ :
"Hãy trả lại sức khỏe cho người bệnh, làm sống
lại những người chết, chữa khỏi những người hủi,
xua đuổi quỷ sứ, hãy trao không lấy tiền những gì
các con đã nhận không mất tiền".

Thư của thánh Jacques xác nhận rằng Kitô giáo nguyên
thủy đã dùng lời cầu nguyện và việc xúc dầu vào mục đích
chữa bệnh. Lễ xúc dầu lúc đầu mang chúc năng chữa bệnh
như vậy.

Trong các người có một kẻ mắc bệnh ư ? Hãy
mời những người nhiều tuổi của Giáo hội tới để
cầu nguyện và làm lễ xúc dầu cho anh ta nhân
danh Chúa ; lời cầu nguyện tin tưởng sẽ cứu chữa
người bệnh và Chúa sẽ nâng anh ta đứng lên.

Sau đó, xu hướng khổ hạnh đã chiếm ưu thế và đưa tới
chỗ gần như mất đi truyền thống này, khiến cho chúc năng
giáo chúc và thần bí căn bản ấy đã bị coi nhẹ cho đến tận
gần đây. Nhưng vài thập kỷ trở lại đây, chúng ta lại thấy
nảy nở những nghi thức chữa bệnh theo lối tâm linh và thần
bí, nhất là ở Mỹ và Anh, trong những phong trào tự do hay
có tổ chức khác nhau. Tiêu biểu nhất và rộng lớn nhất là
phong trào *Christian Science* (Khoa học Kitô giáo) do Mary
B.Eddy thành lập. Một phong trào khác, cũng lan rất rộng
ở Mỹ, là *Unity* (Thống nhất) với trung tâm được đặt ở
Kansas City. Trong Giáo hội Anh, thấy xuất hiện một sự
khôi phục mạnh mẽ những tập quán chữa bệnh thời cổ :

đặt bàn tay ban phúc, xúc dầu, cầu nguyện, truyền giáo chữa bệnh, v.v...

Cách trị liệu tâm linh đặt ra nhiều câu hỏi quan trọng không dễ dàng trả lời :

- Khả năng chữa bệnh thật sự nằm ở đâu ?
- Làm thế nào để có khả năng đó ?
- Thái độ của bệnh nhân đóng vai trò như thế nào ?
- Nói chính xác, bản chất của *lòng tin* được người chữa bệnh và người được chữa bệnh đòi hỏi là thế nào ?
- Những sự khác nhau và những quan hệ giữa trị liệu tâm lý và trị liệu tâm linh là gì ?
- Những mối quan hệ giữa chữa trị thể chất và tái sinh nội tâm là như thế nào ?

Tôi không có ý định đề cập những vấn đề này. Tôi chỉ muốn liệt kê chúng ra để khuyến khích những ai nghiên cứu về thần bí đừng coi thường mặt quan trọng này và để kêu gọi các thầy thuốc - hiện vừa mới bắt đầu đón nhận cách trị liệu tâm lý với sự nghi ngờ và dè dặt - đừng để mình bị chậm trễ với sự thúc tỉnh tâm linh hiện nay và hãy thừa nhận giá trị cao cả nhất và quý giá nhất của các phương tiện chữa bệnh.

Tôi bày tỏ đầy tin tưởng niềm hy vọng và mong muốn rằng những quan hệ giữa thần bí và y học ngày càng trở nên chặt chẽ, thông cảm và hòa hợp. Từ sự hòa hợp ấy sẽ đẻ ra những lợi thế lớn nhất của các nhà thần bí, các thầy thuốc và, quan trọng hơn nữa, cho loài người đau khổ đáng thương.

12. SỰ THỨC TỈNH CỦA TÂM HỒN

Sự thức tỉnh của tâm hồn, luồng sáng chói chang đầu tiên của một ý thức tâm linh mới có trách nhiệm biến đổi và tái sinh toàn bộ thực tế, là một sự kiện có tầm quan trọng căn bản và một giá trị không thể sánh được đối với đời sống nội tâm của con người.

Toàn thể loài người chưa đạt tới giai đoạn tiến hóa này của nó ; nói chung, nó vẫn chưa biết tới hoặc hoàn toàn phủ nhận giai đoạn này. Nhưng có nhiều người ở mọi thời đại và mọi nước trên thế giới đã nhận được ánh sáng ấy và để lại cho chúng ta những bằng chứng vui vẻ và xúc động về sự kiện quan trọng đó. Vì thế, ta hãy phân tích những bằng chứng ấy với sự tôn trọng và chăm chú cần thiết và hãy tìm cách hiểu cho được ý nghĩa sâu sắc và giá trị thật sự của chúng. Cùng với những ai để lại những thông điệp ấy cho chúng ta, hãy đi theo những con đường lạ lùng, thường là khó khăn, khúc khuỷu và tăm tối dẫn tới sự thức tỉnh. Sự chia sẻ này sẽ làm cho chúng ta sáng suốt hơn và tốt hơn, thúc đẩy chúng ta làm việc cho sự phát triển tâm linh của chính mình và, ai biết được, có thể làm nảy sinh từ những chiều sâu thẳm của trái tim mình một tia nhỏ của luồng ánh sáng lớn lao.

Ai đã từng đọc loại tư liệu này và đã đụng với những bằng chứng của những "người thức tỉnh" trước hết đều thấy ở đó nhiều sự khác nhau về ngôn ngữ, giọng điệu và cách thức xem xét cũng lý giải những thể nghiệm đã trải qua ; nhưng một sự nghiên cứu tinh tế hơn và đi sâu hơn cho thấy rằng những sự khác nhau ấy là không quan trọng mấy, chúng gắn với những hoàn cảnh mà không phải với cái cốt yếu, do cấu trúc và tâm tính của người thức tỉnh, do nền giáo dục mà người đó nhận được, do những màu sắc và những giới hạn bất nguồn từ tộc người, từ nền văn minh và từ thời đại của mình mà có. Dưới những sự khác nhau ấy, người ta phát hiện thấy một sự đồng nhất căn bản, một sự đồng thuận đáng kinh ngạc để vạch ra những tính chất căn bản của sự thức tỉnh, Người ta thấy những cách diễn đạt giống nhau, những hình ảnh giống nhau và thậm chí những từ ngữ giống nhau trong những tài liệu rất cách xa nhau về thời gian và không gian. Một sự đồng thuận như vậy là rất có ý nghĩa và là một sự chứng minh rất vững chắc cho giá trị và tính phổ biến của sự thể nghiệm nội tâm ấy.

Trong sự xem xét lướt qua dưới đây, tôi sẽ cố gắng làm nổi bật lên những điểm đồng thuận chung mà bỏ qua những sự khác nhau về hình thức nhất là những sự khác nhau do tính đa dạng về những tín điều tôn giáo của "những người thức tỉnh". Chủ yếu tôi lưu ý tới những bằng chứng của những người đương thời với chúng ta ; những bằng chứng đó dễ hiểu hơn vì được diễn đạt bằng những từ ngữ gần gũi với những từ ngữ mà chúng ta đã được làm quen qua sự

giáo dục. Hơn nữa, tôi cho rằng sẽ có ích khi dừng lại ở những giai đoạn chuẩn bị cho sự thức tỉnh, vì việc hiểu đúng những giai đoạn này sẽ có ích cho những ai đi tìm ánh sáng.

Việc nghiên cứu những sự khác nhau giữa các trường hợp cá nhân sẽ rất thú vị và rất bổ ích, nhưng không thể làm được ở đây một cách thật thích hợp. Trái lại, để đưa ra một ý niệm cụ thể hơn và sinh động hơn về những thể nghiệm này, tôi thấy cần dẫn ra khá dài một trong những bằng chứng đáng chú ý nhất và có ý nghĩa nhất, bằng chứng của Tolstoi. Đây là những gì ông mô tả về sự thể nghiệm của mình trong *Những sự thú nhận* :

... Cách đây năm năm, tôi bắt đầu cảm thấy một cái gì thật lạ lùng : lúc đầu, tôi có những lúc sững sờ ; dường như cuộc sống ngừng lại, dường như tôi không biết sống, biết làm thế nào nữa ; tôi lo âu và buồn bã. Khi những lúc ấy qua đi, cuộc sống của tôi vẫn tiếp diễn như trước. Dần dần, những lúc bối rối ấy đến ngày càng thường xuyên hơn, nhưng bao giờ cũng hiện ra như vậy. Những lúc ngừng sống ấy bao giờ cũng thể hiện thành những câu hỏi : Tại sao ? Thế nào ? Rồi sao nữa ?

Thoạt tiên, tôi tưởng rằng đó là những câu hỏi vô ích, không đối tượng. Tôi có ấn tượng rằng đó là những gì mình đã biết rõ, và chỉ cần suy nghĩ một chút thì đến một ngày nào đó tôi sẽ dễ dàng tìm thấy những câu trả lời. Chẳng qua là tôi chưa

có thời gian, nhưng chỉ cần đặt cho mình những câu hỏi đó một cách thật sự là tôi sẽ tìm được sự trả lời ngay. Than ôi, những câu hỏi ấy cứ trở đi trở lại thường xuyên hơn. Giống như những quả bom bao giờ cũng giáng vào một chỗ và rốt cuộc làm cho chỗ đó bị bầm tím đi. Một chuỗi những giai đoạn ngày càng nghiêm trọng diễn ra, giống như với một người bị căn bệnh nguy kịch nào đó : thoạt tiên thấy hiện lên những triệu chứng nhỏ bé của bệnh không đáng được chú ý, rồi những triệu chứng này ngày càng trở nên thường xuyên hơn, cuối cùng thì cảm thấy một cơn đau liên tục ; cơn đau ấy ngày càng tăng lên, và trước khi có thời gian để nhìn trở lại, thì người ta hiểu rằng điều mà lúc đầu chỉ hiện ra như một chuyện bất ổn, từ nay sẽ mang một ý nghĩa tối hậu. ý nghĩa của cái chết.

Đây là những gì xảy đến với tôi lúc đó. Tôi hiểu ra rằng đây không phải chỉ là những chuyện bất ổn thoáng qua, mà là một cái gì rất nghiêm trọng và, nếu như những câu hỏi ấy cứ tiếp tục được nhắc đi nhắc lại không ngừng, thì phải trả lời. Tôi định làm như vậy, nhưng những câu hỏi ấy lại có vẻ vô lý, trẻ con và đơn giản làm sao ! Tôi bắt đầu nghiên cứu chuyện này và cố giải quyết nó, nhưng tôi nhanh chóng thấy rõ rằng, thú nhất, những câu hỏi ấy chẳng trẻ con, cũng chẳng ngớ

ngắn chút nào, mà chúng là những câu hỏi nghiêm chỉnh nhất và sâu sắc nhất về cuộc sống, và thứ hai, tôi phải rất cố gắng suy nghĩ vì không tìm được lời giải. Trước khi trông nom trang trại của tôi ở Samara, hoặc giáo dục con tôi, hoặc xuất bản một cuốn sách, trước tiên tôi phải biết rõ tại sao tôi phải làm như thế. Chừng nào chưa khám phá ra điều đó, chừng đó tôi chưa thể làm gì được, tôi không thể sống được. Giữa những lúc tôi suy nghĩ về việc quản lý những công việc thu hút nhiều tâm trí của mình, thì bỗng hiện lên câu hỏi này : "Đây, ta đang trông coi sáu nghìn déciatine (mẫu Nga) đất đai ở tỉnh Samara, làm ông chủ ba trăm con ngựa. Thế rồi sao nữa ?" Tôi hoàn toàn chung hứng và chẳng biết nghĩ gì thêm. Tôi bắt đầu nghĩ về cách giáo dục cho các con tôi ư ? Một câu hỏi ám ảnh liền đến với đầu óc tôi : "Tại sao ? " Tôi nghĩ tới niềm vinh quang của những tác phẩm của mình ư ? Tôi liền tự hỏi : "Cứ cho là ta nổi tiếng hơn cả Gogol, Pouchkine, Shakespeare, Molière và tất cả các nhà văn trên thế giới này đi, thế rồi sao nữa ? " Nhưng tôi không thể trả lời được.

Những câu hỏi ấy không cho phép tôi trì hoãn, phải trả lời ngay lập tức kia ; không trả lời được, tôi không thể sống được. Than ôi, tôi chẳng có câu trả lời nào cả. Tôi có cảm giác như đất dưới

chân tôi bị hẫng đi, tôi không biết bám vào đâu để bước nữa ; tôi có cảm giác như những gì làm thành cuộc đời tôi không tồn tại nữa, tôi chẳng còn gì hết.

Cuộc đời tôi đã ngừng lại. Tất nhiên, tôi vẫn thở được, ăn được, uống được, ngủ được, vì không thể không làm như thế. Nhưng đó không phải là một cuộc sống : tôi chẳng hề có một ham muốn nào để đạt tới một sự hài lòng thật vừa phải cả. Ngay cả khi tôi mong muốn một điều gì đó, tôi đã biết trước rằng mong muốn ấy, dù được thỏa mãn hay không, chẳng đi tới đâu cả. Có thể một bà tiên tốt lành nào đó đến với tôi, hứa cho tôi sẽ thỏa mãn mọi cái, thì tôi cũng không thấy mong muốn như thường khi, và khi tôi bình tâm trở lại, tôi thấy đó như một ảo ảnh, mà thật ra tôi chẳng thấy mình mong muốn gì hết.

Tôi đi tới chỗ cảm thấy mình không thể tiếp tục sống được nữa, dù tôi vẫn khỏe mạnh và hạnh phúc. Một sức mạnh không cưỡng được đưa tôi tới chỗ từ bỏ cuộc sống của mình một cách nào đó. Thế nhưng, tôi không thể nói rằng mình muốn chết : không, đó chỉ là vì cái sức mạnh kéo tôi sang phía khác của cuộc sống tỏ ra mạnh hơn, trọn vẹn hơn, phổ biến hơn mà thôi ; sức mạnh ấy giống với nỗi khát khao được sống trước kia, nhưng hướng của nó dường như đang đảo ngược.

Điều đó xảy ra vào một lúc mà, xét về mọi mặt, tôi có được tất cả những gì được coi là có thể tạo nên niềm hạnh phúc tuyệt vời. Tôi chưa tới năm mươi tuổi, tôi có một người vợ rất yêu tôi và tôi rất yêu, có những đứa con ngoan, có một tài sản lớn mà không cần tôi phải cố gắng gì cũng phồn thịnh lên và tăng thêm ; hơn bao giờ hết, tôi được gia đình và bạn bè tôn trọng ; người nước ngoài phủ lên tôi đầy những lời ca ngợi tôi và tôi có thể nghĩ rằng tên tuổi tôi đã trở thành nổi tiếng, không cần một chút khoe khoang nào. Hơn nữa, tôi cũng không bị đau yếu hay bị bệnh tinh thần, ngược lại, tôi có một sức mạnh tinh thần và thể chất hiếm thấy ở những người xung quanh. Về thể chất, tôi có thể làm những công việc nặng nhọc của một nông dân ; về trí tuệ, tôi có thể làm việc từ tám đến mười giờ liền mà không hề cảm thấy một chút mệt mỏi nào.

Như vậy, tôi đang ở trong trạng thái thuận lợi khi tôi nảy ra ý nghĩ là không thể sống được, và vì sợ chết nên tôi phải lý sự với chính mình để không tự sát.

Ý nghĩa của trạng thái nội tâm ấy là gì ? Phải chăng đó là những điều thuần túy bệnh hoạn, những sự mệt mỏi hay mất cân bằng của tâm thần hay của thân thể ? Những người bị mắc vào những trạng thái ấy có thể được giải thoát khỏi chúng và trở lại với trạng thái trước đó của mình không ?

Không, đó không phải chỉ là những rối loạn thần kinh ! Không, những người bị như vậy sẽ không bao giờ giống như trước được nữa ! Mà sớm hay muộn, một sự kiện nội tâm mới đáng kinh ngạc sẽ giải thoát họ ngay lập tức khỏi thân phận nặng nề của họ và biến đổi họ hoàn toàn.

Thật không dễ gì, và trên thực tế cũng không thể để cho những người chưa có sự thể nghiệm trực tiếp có thể hiểu được đầy đủ, một cách sống còn, ý nghĩa của sự kiện nội tâm lớn ấy là thế nào. Những ai muốn nói tới điều đó, tất cả đều nhấn mạnh tới tính chất không thích hợp của mọi sự mô tả, tới sự bất lực của những lời lẽ thông thường trong việc diễn đạt những sự kiện lớn lao và khác nhau đến như vậy của sự thể nghiệm chung. Thế nhưng, tất cả đều cảm thấy nhu cầu và bổn phận là phải nói ra bằng chứng ấy cho những người khác biết. Trên thực tế, họ được chứng minh bằng cuộc sống và bằng những công việc của họ tốt hơn bằng lời nói : sự biến đổi của toàn bộ con người, bộc lộ ra ở thái độ, ở ảnh hưởng đối với người khác và thậm chí ở vẻ bên ngoài của họ thật ra là hùng hồn hơn và quan trọng hơn mọi sự diễn đạt bằng lời lẽ. Chính vì thế, không một sự mô tả nào về thể nghiệm ấy có thể sánh ngang với một sự hiểu biết sâu sắc về cuộc sống của những ai đã trải qua nó và nhất là với một liên hệ cá nhân của họ. Thế nhưng, dù không có sự liên hệ này, chỉ cần đọc những bài viết của họ, chúng ta cũng có thể có một linh cảm nào đó về những gì họ đã cảm thấy, vì họ thường không biết đưa

những ý nghĩa cao cả mới, cũng như một cuộc sống mới, và những lời lẽ cũ quen thuộc.

Vì thế, ta thử đoán thấy những đặc trưng chủ yếu của sự kiện này, qua tấm màn mù ngủ và vượt lên tất cả những sự khác nhau giữa những bằng chứng khác nhau, do "điều tinh thần", tâm tính, môi trường xã hội, v.v... tạo ra.

Đặc trưng đầu tiên và thường thấy nhất là một sự cảm nhận ánh sáng chói lòa khác thường.

Chúng ta nhớ rằng sự cải đạo của thánh Paul, theo sự mô tả được kể lại trong "Những hành vi của các Tông đồ", đã bắt đầu với một "luồng sáng đến từ trên trời xuống, bao phủ lấy ngài".

Một nhà văn hiện đại, bác sĩ R.M. Bucke, kể lại sự thể nghiệm của mình bằng ngôi thứ ba, đã mô tả sự tình như sau :

Trong một khoảnh khắc, không hề được báo trước gì, anh ta thấy như mình bị một đám mây màu lửa bao phủ. Ngay lập tức, anh ta nghĩ tới một đám cháy, tới cuộc hỏa tai đột ngột của thành phố, nhưng sau đó một lúc, anh ta hiểu rằng ánh sáng ấy là ở trong con người của mình.

James cũng kể lại bằng chứng của một người ít học :

Trời như mở ra và chiếu những tia sáng và niềm vinh quang rộng khắp. Tôi cảm thấy những làn sóng ánh sáng và vinh quang ấy xuyên qua tâm hồn tôi, không phải chỉ trong một lúc ngắn ngủi

mà trong cả một ngày đêm, và tôi đã biến đổi ;
mọi cái đều trở thành mới mẻ.

Finney mô tả một thể nghiệm tương tự, với những lời sau đây :

Bỗng nhiên, vinh quang của Thượng đế sáng chói trên đầu tôi và trên mọi cái xung quanh một cách kỳ diệu... Một luồng ánh sáng không thể nào tả được làm sáng lóa tâm hồn tôi, mạnh đến mức tôi ngã xuống đất... Ánh sáng này giống như ánh mặt trời tỏa khắp mọi hướng. Nó làm lóa mắt tôi.

Nhà thơ Walt Whitman mô tả thể nghiệm ấy bằng một câu ngắn gọn nhưng rất diễn cảm : "Luồng ánh sáng hiếm hoi, không thể tả được làm cho nó tự lóa sáng".

Nhưng sự diễn đạt đơn giản nhất, nhưng cũng là mạnh mẽ nhất trong sự súc tích trần trụi của nó được tìm thấy ở trong "lá bùa" nổi tiếng của Pascal, một mẩu giấy da trên đó có viết vài chữ xung quanh một hình vẽ thánh giá tỏa sáng một các giản dị, bằng chứng trực tiếp về sự thức tỉnh của tâm hồn ông :

Năm ân huệ 1654, thứ Hai 23 tháng Mười Một,
lễ thánh Clément... từ mười giờ rưỡi tối đến mười
hai giờ rưỡi. Lửa.

Ngon lửa nội tâm của Pascal cũng là ánh sáng và sức nóng ; trong những lần thức tỉnh khác, trỗi hẳn lên cảm giác nóng và bùng. Richard Rolle, một nhà thần bí Anh ở thế kỷ XV đã kể lại với một sự giản dị thú vị như thế này :

Tôi rất ngạc nhiên và, thật ra, cũng không biết nói thế nào nữa, khi lần đầu tiên tôi cảm thấy trái tim mình nóng bỏng lên, không phải như tưởng tượng, mà như một ngọn lửa thật... Không biết gì hết, tôi ấn vào ngực nhiều lần để xem chỗ bỏng ấy có phải là do một nguyên nhân vật chất không. Nhưng khi nhận thấy ra rằng đó là ở bên trong và nó tấy lên chỉ do một nguyên nhân tâm linh... tôi mới hiểu ra rằng đó là một vật tặng của đáng Sáng thế.

Chúng ta có thể hiểu được dễ dàng hơn ý nghĩa của những cảm giác về ánh sáng và lửa ấy, nếu chúng ta so sánh những đặc trưng khác của sự thức tỉnh tâm linh như dưới đây.

Luồng ánh sáng mới làm biến đổi bộ mặt của thế giới hữu hình : mọi thực thể, mọi đối tượng đều có một vẻ đẹp mới, dường như được viền bằng một vầng hào quang vinh quang. Jonathan Edwards mô tả sự biến đổi của mình như thế này :

Những bề mặt của mọi cái đều thay đổi. Tôi thấy dường như mọi cái đều nhuốm vẻ thanh thần và dịu hiền và tỏa ra niềm vinh quang thần thánh. Thượng đế tuyệt vời, sự tinh khiết và lòng thương yêu của ngài dường như xuyên qua tất cả : ở mặt trời, mặt trăng và các vì sao, ở những đám mây và bầu trời xanh, ở cỏ, hoa, cây, nước và ở toàn thể thiên nhiên.

Đi đôi với sự biến đổi bộ mặt của thiên nhiên bên ngoài ấy, thường cũng trội hẳn lên một sự lóe sáng nội tâm. Trong ánh sáng của nó, tâm hồn khám phá ra những sự thật mới mẻ và tuyệt vời, và trong một tia chớp trực giác, nó giải quyết những vấn đề buốt nhói từng làm cho tâm hồn đau khổ. Nó nhìn thấy Vũ trụ như một Toàn thể sống và nhận ra rằng nó chỉ là một phần tử bất diệt, vô cùng nhỏ bé nhưng tất yếu, giống như một nốt nhạc gắn bó với những nốt nhạc khác để tạo ra sự hài hòa của vũ trụ.

Trong sự Thống nhất tối cao ấy, tâm hồn cảm thấy mọi sự trái ngược và lạc điệu hòa hợp với nhau và cũng nhìn thấy ý nghĩa huyền bí cũng như bản chất thật của đau khổ. Đau khổ đối với nó dường như là không có thực, không phải theo nghĩa là không tồn tại, mà là theo lối sau đây : tuy nỗi đau khổ thật nghiêm trọng và nặng nề đối với một con người hữu hạn, khi người đó cảm thấy nó và bị nó đè nén, nhưng nó là tạm thời, không có "tính bản chất", nó chỉ là sự thiếu vắng điều tốt, là sự mất hài hòa, mất cân bằng bộ phận mà những cái đó rồi sẽ phải mất đi. Trong con mắt của một người đã lóe sáng như vậy, mọi sự kiện đều như được liên kết với những sự kiện khác và được biện minh theo một lôgic cao cả ; người đó nhìn thấy vũ trụ được nâng lên và thấm nhuần một công lý hoàn hảo và một lòng tốt vô biên.

Trong nhiều trường hợp, thêm vào biểu hiện ấy của cái thần thánh mang tính chất phổ biến, còn có hay còn được thay thế bằng một biểu hiện rõ nét hơn và thâm kín hơn,

một cảm giác mạnh mẽ về sự có mặt của một kẻ nào đó, một Thực thể vĩ đại, vô hình nhưng rất hiện thực, thật hơn và chắc chắn hơn tất cả mọi cái hữu hình.

Tương ứng với ánh sáng nhận thức này là một sự dâng trào mãnh liệt, gây sững sờ của những tình cảm mới. Vũ trụ được biến đổi trong ánh sáng mới của tinh thần, hiện lên đẹp tuyệt vời, và khi ngấm nó, tâm hồn thoát tiên bị một cảm giác mê mê và thần phục xâm chiếm, ngay sau đó là một sự hớn hở vui mừng và đồng thời là một sự an bình khó tả.

Một khúc ca tạ ơn bay lên tới đấng Sáng thế, người tạo ra bao nhiêu điều tráng lệ, và trái tim cháy bỏng lên một tình yêu thương không thể tả được đối với Ngài và đối với tất cả mọi con người. Tất cả đều bị hút vào cái nhìn ấy và vào những tình cảm ấy, khiến con người tự quên lãng mình đi ; nó vượt qua mà không biết những giới hạn và những khốn khổ của mình, và khi tỉnh lại và nhìn lại bản thân mình, với một niềm vui đầy kinh ngạc, nó bỗng thấy rằng mọi cực nhọc, sợ hãi, thất vọng đè nặng lên nó trước kia đã biến mất một cách bí hiểm ; sức nặng đè lên tim nó trước đây, sự bất mãn của nó với chính mình, những cảm giác tội lỗi và thấp hèn cũng biến mất ; nó cảm thấy nhẹ nhõm và dường như giãn nở ra, như bị xâm chiếm bởi một cảm giác mới về an toàn và sức mạnh. Khi đó, cộng thêm vào nhận thức và tình cảm, vào cái nhìn về lòng yêu thương, còn có sự tham dự hoàn toàn của ý chí và một quyết tâm tự phát của cả con người nhằm tự biến đổi theo lý tưởng mới thoáng thấy, tự thanh lọc mình khỏi mọi thứ xỉ, tự tái

sinh hoàn toàn, và từ lúc này, thực hiện ý chí của Tinh thần mãi mãi và trong mọi cái.

Đó là những đặc trưng chính của sự thức tỉnh tâm hồn, được tóm tắt thành một sự tổng hợp sơ lược. Để hiểu rõ hơn những đặc trưng ấy, và đồng thời để thấy chúng liên kết với nhau như thế nào và chế ngự nhau như thế nào tùy từng trường hợp, ta hãy đọc thêm vài bằng chứng nữa của những người đã "lóa sáng".

Tôi nhớ hết sức rõ cái đêm và cả cái nơi gần như chính xác, khi đứng trên một ngọn đồi, tâm hồn tôi có thể nói là mở ra đến vô tận, ở đó hai thế giới, bên ngoài và bên trong, hòa lại thành một. Đường như độ sâu này kêu gọi độ sâu khác ; tôi độ sâu mà cuộc đấu tranh của tôi mở ra trong con người mình, đáp ứng với độ sâu vô tận của vũ trụ bên ngoài đang vượt xa khỏi các vì sao. Tôi thấy mình như đang đứng cùng với kẻ tạo ra tôi, tạo ra tình yêu, nỗi đau và cả sự căm ghét. Tôi không tìm kiếm kẻ đó, nhưng trong tinh thần tôi, tôi cảm thấy hoàn toàn hòa hợp với Người của mình. Sự cảm nhận thông thường về mọi vật xung quanh tôi bị giảm đi. Vào lúc đó, trong tôi chỉ còn có niềm vui và một sự nâng mình lên không thể tả được. Thật khó mô tả một cách thích hợp những gì tôi đã cảm thấy. Đường như đó là hiệu ứng của một dàn nhạc vĩ đại, khi tất cả những nốt nhạc của từng người hòa chung thành một

giai điệu hài hòa mỗi lúc một lớn hơn, khi mỗi người đang lắng nghe chỉ còn cảm thấy tâm hồn mình được đưa lên những độ cao và lên tới điểm tan biến mọi cái vì xúc cảm quá mức. Sự yên lặng tuyệt đối của đêm tối bị một sự thỉnh vắng còn trang trọng hơn xâm chiếm. Bóng tối chứa đựng một sự hiện hữu vừa dễ cảm nhận vừa vô hình. Tôi thấy rõ sự hiện hữu của nó giống như sự hiện hữu của tôi. Thật vậy, tôi cảm thấy rằng, nếu trong hai chúng tôi, cái nào kém hiện thực hơn, thì đó là tôi.

Niềm tin cao hơn của tôi vào Thượng đế và ý niệm thật sự của tôi về Ngài lúc đó đã nảy sinh ra trong tôi. Sau đó, nhiều lần khác nữa tôi lại leo lên núi ngắm nhìn ấy và cảm thấy cái Vĩnh hằng xung quanh tôi, nhưng không bao giờ tôi lại thấy một nỗi xúc động như thế trong tim mình. Chưa bao giờ như khi đó, tôi tin là mình đang nhìn thấy Thượng đế và được Tinh thần của ngài đổi mới. Lúc đó, không có một biến đổi nào xảy ra trong những ý nghĩ và những niềm tin của tôi cả, nhưng quan niệm thô sơ trước đây của tôi có thể nói là đã bùng nổ. Không có sự hủy bỏ những ý nghĩ cũ của tôi, mà chúng trải qua một sự phát triển nhanh chóng và kỳ diệu.

Sự thức tỉnh của Tolstoi diễn ra nặng nề hơn, phức tạp hơn và tuần tự hơn. Rất nhiều lần ông cảm thấy sự hiện

hữu mệnh mệnh của Thượng đế và niềm vui bất nguồn từ đó, nhưng ngay lập tức sau đó, dù thú nghi ngờ và chống cự về trí tuệ đã che mất cái nhìn của ông, làm rối loạn tâm hồn ông, và ông lại rơi vào thất vọng, cho đến một hôm ông trải qua một sự thể nghiệm có ý nghĩa quyết định. Đây là những lời ông mô tả về điều đó :

Tôi nhớ rằng đó là một ngày mùa xuân. Tôi đứng một mình trong rừng, lắng nghe vô số tiếng xì xào của nó. Tôi vểnh tai nghe nhưng, bao giờ cũng vậy, những ý nghĩ của tôi cứ hướng tới những gì tôi nghĩ liên miên từ ba năm nay : sự tìm kiếm Thượng đế... Ý niệm về Thượng đế không phải là Thượng đế, tôi tự nhủ ; một ý niệm là một cái gì đó nảy ra trong tôi. Ý niệm về Thượng đế là một cái gì tôi có thể gọi lên trong tôi, nhưng đó không phải là cái tôi tìm kiếm. Tôi đi tìm ý nghĩa cuộc sống là gì, mà không có nó thì không thể có cuộc sống. Và vì tôi nhìn thấy quanh tôi mọi cái đều chết đi, nên một lần nữa tôi lại muốn tự sát. Nhưng tôi hồi tỉnh lại và nhớ lại tất cả những cơn thất vọng và hy vọng đã từng xâm chiếm tôi hàng trăm lần. Tôi nhớ lại rằng tôi chỉ sống mỗi khi tôi tin vào Thượng đế. Bây giờ cũng như trước đây, khi tôi tin rằng mình biết được Thượng đế thì tôi sống, còn khi tôi quên mất Ngài và không tin vào Ngài nữa, thì tôi đã ngừng sống. Vậy, những húng khởi và những thất vọng ấy là gì ?

Tôi không sống khi tôi mất lòng tin vào sự tồn tại của Thượng đế : tôi đã tự sát từ lâu nếu như tôi đã không có một hy vọng mơ hồ là sẽ tìm thấy được Ngài. Trái lại, tôi sống, sống thật sự, khi tôi cảm thấy có Ngài, khi tôi đi tìm Ngài. Vậy thì, tôi còn đi tìm cái gì nữa ? - một tiếng nói hét lên trong tôi. Đó chính là Đấng mà không có ngài, tôi không thể sống được. Biết được Thượng đế và sống là như nhau. Thượng đế đang sống. Tôi sống bằng cách đi tìm Thượng đế, vậy thì không thể có cuộc sống nếu không có Thượng đế. Thế là, hơn bao giờ hết, mọi cái lóe sáng lên trong tôi, xung quanh tôi. Từ đó, ánh sáng ấy không rời khỏi tôi nữa.

Câu chuyện về sự thức tỉnh tâm linh của Rabindranath Tagore, nhà thơ lớn, nhà triết học và nhà thần bí Ấn Độ, là rất thú vị. Đó là tác giả của những trước tác kỳ diệu, đầy sáng suốt và vẻ đẹp mà cả thế giới đều biết tới.

Sự kiện quan trọng nhất trong trường hợp của Tagore là sự biểu hiện độc lập, ở những thời điểm khác nhau và dưới tác động của những kích thích khác nhau, của hai mặt "thức tỉnh" đã nêu trên đây, tức là, một mặt, sự biến đổi bộ mặt của thế giới bên ngoài và, mặt kia, là cảm giác về tự do và an bình tiếp theo sự thể nghiệm khủng khiếp về tính không thường hằng và tính hư ảo của cuộc sống cá nhân, tách khỏi sự sống phổ biến. Điều rất khôn gọi là việc Tagore nói về sự tương phản giữa cái tôi sâu xa và cái tôi hời hợt

và về sự sáng suốt mà chúng ta sẽ có được một khi chúng ta gạt được cá nhân nhỏ bé bình thường của mình với những giới hạn và những sự ti tiện của nó sang một bên, nhằm làm tắt ngấm đi những bất hòa và những bất bình khác nhau của nó.

Đây là sự mô tả cuộc khủng hoảng đầu tiên và giai đoạn thức tỉnh đầu tiên về thế giới bên ngoài như Tagore kể lại trong *Ký ức* của mình :

Khi cuộc sống bên ngoài của chúng ta không hòa hợp với cuộc sống nội tâm, thì con người sâu xa của chúng ta bị tổn thương và sự đau khổ của nó biểu hiện trong ý thức bên ngoài của chúng ta theo một lối khó tả, giống như một tiếng rên không rõ nét hơn là một lời nói gồm những từ có nghĩa xác định.

Nỗi buồn và nỗi đau mà tôi đã tìm cách diễn đạt trong loạt bài thơ nhan đề *Những khúc ca buổi chiều* đã bắt rễ từ trong con người sâu thẳm của tôi. Cũng giống như ý thức chúng ta, khi nó chìm vào giấc ngủ, chiến đấu để tỉnh dậy nhằm ra khỏi cơn ác mộng, thì cái tôi sâu xa chìm sâu trong chúng ta cũng đấu tranh để thoát ra khỏi những cái vỏ của nó, để trời lên và tiếp xúc với ánh sáng. Những khúc ca của tôi là câu chuyện về cuộc đấu tranh này.

Nhưng sự thức tỉnh và sự giải thoát là gần kề nhau, như ông kể lại sau đó :

Một hôm, vào buổi chiều, tôi đi đi lại lại trên thềm nhà. Ánh nắng chói lọi của mặt trời đang lặn kết hợp với bóng tối hoàng hôn đem lại cho tôi cảm giác là buổi chiều tôi đang đến có một vẻ hấp dẫn đặc biệt. Ngay cả những tường nhà gần đó cũng dường như mang hào quang của vẻ đẹp. Sự biến mất của bộ mặt tầm thường của sự vật thông thường, tôi tự hỏi là từ hiệu ứng thần diệu nào của ánh sáng chiều vậy ? Chắc chắn là không phải !

Tôi bỗng hiểu ra hiệu ứng của buổi chiều đang đến đối với tâm hồn tôi : những bóng tối của nó đã xóa đi cái "tôi" thông thường của tôi. Chừng nào cái tôi ấy còn nổi bật lên trong ánh sáng ban ngày, chừng đó nó vẫn còn làm cho mọi cái tôi cảm nhận trở nên mờ mịt và bị che khuất. Bây giờ, cái tôi ấy bị gạt sang một bên, tôi có thể nhìn thấy thế giới dưới bộ mặt thật sự của nó. Và, trong làn ánh sáng này, nó chẳng có gì là tầm thường cả ; trái lại, nó tràn đầy vẻ đẹp và niềm vui.

Từ sự thể nghiệm ấy trở đi, nhiều lần tôi cố ý xóa đi "cái tôi" ấy và xem xét thế giới như một khán giả bình thường, bao giờ tôi cũng được thưởng bằng một niềm hạnh phúc đặc biệt.

Ít lâu sau, tôi có được một khả năng nhìn tôi mà giữ lại được suốt đời...

Một buổi sáng, tôi ngồi ở hiên (nhà chúng tôi)... Mặt trời đã chiếu sáng và hiện ra qua những vòm lá trước mặt tôi. Bỗng nhiên khi tôi ngẩng nhìn quang cảnh ấy, tôi thấy dường như có một tấm màn rơi xuống khỏi mắt tôi và tôi thấy thế giới tràn đầy một sự tráng lệ kỳ diệu và những làn sóng của vẻ đẹp và niềm vui ánh lên từ mọi phía. Vẻ long lẫy ấy trong một lúc thấm sâu vào những đám mây buồn tẻ nặng lên trái tim tôi và làm cho nó ngập tràn ánh sáng toàn năng.

Ngày hôm ấy, bản trường ca "Dòng thác thức tỉnh" nảy sinh và chảy xiết trong tôi như một dòng thác. Bản trường ca chấm dứt nhưng tấm màn kia không còn trở lại che đậy bộ mặt vui vẻ của Vũ trụ nữa. Thế là từ đó, không một con người nào, không một thực thể nào trên thế giới hiện lên tầm thường và khó chịu đối với tôi nữa.

Bây giờ, hãy nhìn xem một thể nghiệm khác của Tagore sau đó, lúc ông hai mươi bốn tuổi, khi một người thân thiết của ông mất :

Trong dòng chảy của những niềm vui và những đau khổ của cuộc đời, có thể có một sự đứt đoạn, một sự trống rỗng nào đó - đó là điều tôi chưa bao giờ nghĩ đến cả. Tôi không thể hình dung ra một cuộc sống nào khác với cuộc sống này, và tôi đã chấp nhận cuộc sống này như toàn bộ hiện thực. Thế rồi bỗng nhiên cái chết xảy đến. Trong

một khoảnh khắc, hiện thực bề ngoài của cuộc sống bị xé toang ra. Tôi hoàn toàn bối rối và rất hoang mang. Mọi cái xung quanh, cây cối, đất, nước, mặt trời, mặt trăng và các vì sao vẫn im lìm bất biến như trước đây. Nhưng con người mà cho đến nay vẫn hiện hữu bằng muôn nghìn cách, vẫn tiếp xúc với cuộc đời tôi, với tinh thần và trái tim tôi, và đối với tôi, người đó hiện thực hơn tự nhiên nhiều, con người đó bỗng biến mất chỉ trong giây lát, như một giấc mộng. Điều đó đối với tôi có vẻ thật trái ngược khi tôi nhìn khắp xung quanh tôi ! Làm sao tôi có thể hòa giải những gì còn lại với những gì đã mất đi ? Bóng tối khủng khiếp hiện lên với tôi qua chỗ bị xé ra ấy vẫn tiếp tục thu hút tôi suốt cả ngày đêm. Tôi tìm cách lọt vào đó và tìm hiểu xem cái gì vẫn còn lại ở nơi những gì đã mất đi. Sự hư không là một điều mà con người không thể tin được ; cái gì không có là hão huyền, và cái gì hão huyền là không có. Thế nhưng chúng ta vẫn không ngừng cố gắng để tìm thấy một cái gì đó mà chúng ta không hề nhìn thấy.

Giống như một cây con ngập chìm trong bóng tối cố vươn lên tìm ánh sáng, khi cái chết bỗng ném bóng tối phủ định ra xung quanh tâm hồn, thì tâm hồn vẫn cố vươn lên ánh sáng khẳng định.

Có nỗi đau nào có thể sánh được với trạng thái này, khi bóng tối ngăn chúng ta tìm thấy một lối thoát không ?

Thế nhưng, trong nỗi đau không thể dung nạp được ấy, có những tia vui tự giải thoát trong tôi khiến tôi rất kinh ngạc. Cuộc sống không phải là một cái gì bền vững và thường hằng, điều đó là một phát hiện đau đớn, nhưng lại đem tới cho tôi một cảm giác nhẹ nhõm. Thừa nhận rằng chúng ta không phải là tù binh mãi mãi giữa những bức tường dày của cuộc sống hằng ngày - đó là một ý nghĩ chiếm phần ưu thế trong tôi một cách vô thức, tạo ra những đợt sóng bằng lòng. Tôi buộc phải để cho tất cả những gì tôi đã có ra đi, đó là cảm giác mát mát khiến tôi khổ sở, nhưng đồng thời, khi tôi nhìn nhận nỗi mát mát ấy theo sự tự do đã giành được, thì một sự bình yên lớn lao xâm chiếm lấy tôi. Trong khi vẻ hấp dẫn của thế giới giảm đi trong tôi, vẻ đẹp của tự nhiên lại hiện lên trước mắt tôi với một ý nghĩa sâu xa hơn. Cái chết đã đem lại cho tôi cách nhìn đúng để nhìn ngắm thế giới trong vẻ đẹp sung mãn của nó, và khi tôi nhìn cảnh tượng Vũ trụ trên nền cái chết ấy, tôi cảm thấy nó xứng đáng để ta ngây ngất.

Sau khi đã đôi lát bước vào những độ cao siêu việt chói lòa ánh sáng tinh thần ấy, ta hãy trở về lại thung lũng tối

tâm. Bây giờ chúng ta đã hiểu rõ hơn ý nghĩa và chức năng của thời kỳ khó nhọc và đau khổ trước khi tâm hồn thức tỉnh. Chúng ta đã có thể hiểu rằng chỉ tới gần sự thức tỉnh thôi cũng có thể lâm vào một cuộc khủng hoảng nội tâm rồi.

Một câu hỏi tự động nảy sinh khi xem xét cường độ và chiều dài của những đau khổ ấy : có thể tránh được chúng không, ít ra là một phần nào ? Liệu người ta có thể rút ngắn và tạo dễ dàng hơn cho con đường đi tới ánh sáng không ? Chắc chắn là có thể ! Một số thể nghiệm căn bản là cần thiết và không thể lẫn tránh bằng một sự thuyết giảng nào, cũng như không thể lẫn tránh bằng cách nhờ sự giúp đỡ của người khác, nhưng nhiều sự lệch lạc và sụp đổ có thể tránh được bằng cách hiểu những bí ẩn của cuộc sống nội tâm và nhất là nhờ sự giúp đỡ riêng của một người hướng dẫn sáng suốt đã từng đi theo con đường ấy và đã trải qua những thể nghiệm thuộc loại ấy.

Cũng cần phải trả lời một câu hỏi khác khá tự nhiên : cái gì sẽ xảy tới cho người nào đã mở rộng mắt mình cho cái nhìn tâm linh ? Những cuộc phiêu lưu sau đó của người này sẽ còn khác nhau, sẽ phức tạp và đáng kinh ngạc hơn. Sau sự thể nghiệm trang trọng và quyết định với tâm hồn của người đã được thức tỉnh, anh ta thật sự bắt đầu một cuộc sống mới : anh ta được một ý chí làm điều thiện nhiệt thành hướng dẫn, cảm thấy cần phải sống hết sức hài hòa với cuộc sống phổ biến bằng cách hoàn toàn tuân theo ý chí thần thánh. Trước tiên, khi anh ta vẫn còn chịu tác động

của ấn tượng và của sự kích thích thống nhất với tinh thần, anh ta tưởng mình có thể làm điều đó một cách dễ dàng và trực tiếp bằng một hành vi đơn giản của ý chí, nhưng khi phải chuyển sang hành động thì anh ta nhanh chóng thấy mình bị làm một cách nặng nề. Bản chất con người thấp kém của anh ta trỗi lên với những thói quen, những xu hướng, những đam mê của mình, và người đó hiểu rằng mình phải làm một công việc lâu dài, kiên nhẫn và phức tạp để thanh lọc mình. Anh ta phải làm một cuộc hành hương xuyên qua những dấy trũng bản chất thấp kém của mình để hiểu chúng, để chế ngự và biến đổi chúng. Những trái quả của công việc lâu dài và khó nhọc ấy sẽ thật quý giá và tuyệt diệu : nhiều sự lóe sáng mới và mạnh, nhiều sự phát hiện lớn hơn sẽ đến để mở rộng trái tim đã thanh lọc của anh ta.

Tuy nhiên, trước khi chiến thắng hoàn toàn và dứt khoát, tâm hồn còn phải trải qua một thử thách khác : nó phải xuyên qua "đêm tối" bí ẩn, mà đó là một thể nghiệm mới và sâu hơn về hủy diệt, về cái lò luyện trong đó tất cả các yếu tố con người của anh ta bị nấu chảy ra. Nhưng tiếp theo những đêm tối tăm nhất là những bình minh rạng rỡ nhất, và tâm hồn cuối cùng đã trở thành hoàn hảo sẽ thống nhất hoàn toàn, bền vững mà gắn bó với tâm linh, đến mức anh ta dường như "thấy mình là Thượng đế và có những thuộc tính giống với Thượng đế", theo cách nói của Thánh Jean de la Croix.

Đó là những giai đoạn hành hương lớn của tâm hồn. Con đường thật dài và ít người đi được hết con đường ấy

trong cuộc đời này. Nhưng chỉ một việc hiểu được những khả năng phát triển và chiếm lĩnh tuyệt vời mà một số người có thể thực hiện được ấy, cũng đủ để làm cho tất cả chúng ta vững tâm, nhưng đồng thời, đó cũng là một sự cảnh cáo nghiêm khắc và một sự khuyến khích nghiêm chỉnh để chúng ta lay chuyển sự chìm đắm của mình và để chúng ta thức tỉnh.

13. SỰ THANH LỘC TÂM HỒN

Bây giờ chúng ta nói tới công việc thanh lọc mà chúng ta phải làm để biến đổi những yếu tố thấp kém của mình và để thống nhất con người mình. Tôi sẽ để cho Dante Alighieri hướng dẫn sự nghiên cứu này.

Nhiều người đã biết *Hài kịch thần thánh* nhưng ít người hiểu được ý nghĩa thâm kín nhất và sâu xa nhất của nó. Nhiều người nghiên cứu nó như một trong những tác phẩm cao cả nhất của văn học Italia, nhưng ít người có thể đánh giá nó như một "trường ca thiêng liêng" thật sự, như một sự mô tả tuyệt vời hướng dẫn cuộc sống nội tâm và sự phát triển tâm linh.

Giống như tất cả các trước tác và những lời lẽ cổ điển đạt cái không thể diễn đạt được, tác phẩm này mang tính phúng dụ và tượng trưng. Mà mọi tượng trưng đều là phức hợp và nhiều mặt, tức là có những ý nghĩa khác nhau trên những bình diện khác nhau, và để khám phá ra mỗi ý nghĩa đó, cần phải nắm được "chìa khóa" thích hợp.

Như người ta đã biết, *Hài kịch thần thánh* có một ý nghĩa lịch sử và chính trị ; để hiểu được ý nghĩa này cần phải có chìa khóa, tức là hiểu được bối cảnh chính trị của Italia và

châu Âu vào thời Dante, phải hiểu những ý kiến và những lý tưởng chính trị của cá nhân ông, cũng như những sự kiện đã xảy ra trong cuộc đời ông.

Đối với ý nghĩa tâm linh và bí truyền của những tượng trưng được ông sử dụng, cũng phải như vậy. Cần phải nắm được "chìa khóa" để đi xa hơn những bề mặt và những hình thức, cũng như để khám phá ra những sự thật lớn được diễn đạt theo lối tượng trưng. Đó là điều chúng tôi định làm về những gì có liên quan với chủ đề của chúng ta. Phần chúng tôi quan tâm chính là phần mở đầu tác phẩm này.

"Vào giữa con đường đời của ông", Dante không hiểu sao thấy trong tim mình có một "khu rừng rậm rạp, hoang dã và thô thiển", nhưng ông lại thấy ở điều đó một điều tốt. Đây là lẽ tại sao : khi lang thang trong khu rừng này, ông đi tới chân một ngọn đồi, ngược mắt lên và thấy ra những tầm cao sáng chói ánh nắng.

Trong ẩn dụ đơn giản ấy, có tất cả những gì thuộc về những giai đoạn phát triển tâm linh đầu tiên, được tượng trưng hóa thành một sự tổng hợp nhanh chóng.

Khu rừng hoang không chỉ thể hiện cuộc sống bê tha của con người tầm thường, như những người bình giải thường khẳng định, và còn là và nhất là trạng thái khó chịu đặc biệt, đau khổ dữ dội, tối tăm nội tâm thường có trước sự thức tỉnh của tâm hồn. Điều mà Dante nói về khu rừng rất giống với trạng thái cuộc sống ấy của con người thông thường : "Chỉ nhớ lại khu rừng ấy cũng làm cho tôi đầy lo sợ... nó thật cay đắng mà cái chết chưa hẳn đã hơn thế".

Đoạn tiếp theo của bản trường ca còn xác nhận cách lý giải đó hơn nữa. Thật vậy, việc phát hiện ra ngọn đèn sáng tỏa ánh nắng cũng như việc nhìn ngược lên rõ ràng chỉ ra thời điểm quyết định sự thức tỉnh tâm linh của ông. Trong những làn nước xao động của trái tim, nỗi lo sợ của ông dịu đi và, sau một chút nghỉ ngơi, ông lại bắt đầu leo lên sườn đồi. Điều đó tượng trưng hiển nhiên cho giai đoạn đoạn tiếp theo sự thức tỉnh mà chúng ta sắp nói tới.

Ai đã cảm thấy luồng sáng chói chang đầu tiên của tinh thần, kẻ đó cũng cảm thấy, dù chỉ trong khoảnh khắc, sự an bình lớn và niềm hạnh phúc hoàn hảo của sự "thức tỉnh", và tự nhiên cảm thấy nảy sinh trong tâm hồn mình một mong muốn mạnh mẽ được tiếp nhận ngày càng nhiều ánh sáng hơn, được sống mãi mãi trong những vùng yên lặng và sung sướng ấy. Vì thế, người đó muốn leo lên, không chậm trễ, tới những đỉnh chói lòa ánh sáng. Trong cơn nhiệt tình của sự phát hiện đầu tiên, người đó tưởng mình có thể tiến thẳng tới một cách an toàn. Than ôi, những khó khăn và nguy hiểm lại bắt đầu hiện ra ngay. "Ngay khi tôi bắt đầu leo lên", Dante nói với chúng ta, "tôi đụng phải một con vật hung bạo cú chắn ngang con đường của tôi mãi".

Tôi không thể đi khi nó còn đứng đó

Như để ngăn cản con đường của tôi

Khiến tôi, nhiều lần như vậy, phải quay trở lại.

Ồ con vật đầu tiên ấy, ở "con báo lệ làng và rất nhanh ấy", những hấp dẫn và cám dỗ của các dục vọng đã được tượng trưng trước hết.

Vào thời điểm lóe sáng, hứng khởi vui vẻ, con người không còn cảm thấy những hấp dẫn ấy nữa ; nó thấy đường như tất cả các ảo ảnh đã tan biến, đường như tất cả những sợi dây trần thế đều bị cắt đứt. Nhưng không phải như vậy : với một nỗi đau đáng kinh ngạc, nó thấy ra rằng bản chất thấp kém của mình chỉ mới ngu thiếp đi và bị tê liệt đi, mà chưa phải đã bị xóa bỏ. Bản chất này sẽ nhanh chóng thức tỉnh và nổi lên chống lại dữ dội, đứng trước nó và chặn ngang con đường của nó.

Thế nhưng, con người đã thức tỉnh để không cho những hấp dẫn của các dục vọng chiến thắng mình, mà được những khát vọng nâng lên, được lôi cuốn và khích lệ bởi những dấu hiệu và chỉ dẫn khác nhau, bởi những sự giúp đỡ bên trong và bên ngoài, và hy vọng chiến thắng.

Đó là điều đã được Dante diễn đạt bằng những câu thơ này :

Thời gian và mùa dịu dàng
Giúp cho tôi hy vọng chiến thắng
Con vật có lông sáng ngồi này.

Nhưng chẳng bao lâu, những trở ngại mới và nghiêm trọng hơn lại xuất hiện trước con người và đem lại cho nó những e sợ mới và mạnh mẽ hơn.

Nỗi sợ của tôi vừa mới biến mất
Một con su tử đã hiện ra trước mắt tôi.

Con su tử tượng trưng cho một trong những kẻ thù nội tâm tệ hại nhất của chúng ta : niềm kiêu căng tâm linh để

dàng chiếm lấy con người, khi khám phá thấy ở bản thân mình những sức mạnh mới, những quyền năng mới và thoáng thấy những khả năng phát triển kỳ diệu được mang lại cho mình. Khi điều đó xảy tới, thì một cảm giác xa cách phát triển ở con người, hoàn toàn ngược lại sự phát triển tâm linh và, do đó, dựng lên một vật chướng ngại con đường của nó.

Nhưng chưa hết. Một con sói cái liền đến với sư tử, "với tất cả mọi thềm muốn". Nó cũng thể hiện nguyên lý xa cách, vị kỷ mà tất cả mọi dục vọng đều bắt nguồn từ đó. Đó chính là cái mà người phương Đông gọi là "ngôi mộ", là nỗi khát khao được sống, là gốc rễ các dục vọng của cá nhân.

Vì thế, chúng ta không được ngạc nhiên khi thấy rằng con "sói cái" không chỉ có đặc điểm là ngăn cản con đường đi lên của Dante như những con vật khác, mà còn buộc ông phải đi xuống lại "nơi mặt trời tắt ngấm". Trong khi ông gặp tai họa lớn này, Virgile xuất hiện trước mặt ông và ông liền tự hạ mình cầu xin sự giúp đỡ.

Sau khi nhận thấy những khó khăn của cuộc sống bằng một sự thể nghiệm đau đớn, sau khi chịu sự thất bại đầu tiên và cay đắng, con người mất đi niềm kiêu hãnh và tính tự phụ của mình, thừa nhận sự yếu ớt, bất lực của mình, và cuối cùng nhận lấy nỗi sỉ nhục thật sự ; lúc đó nó có thể được giúp đỡ. Và nó làm hầu như đủ cách để có sự giúp đỡ ấy.

Đó là một qui luật khốc liệt lớn của cuộc sống tinh thần, qui luật thường bị quên đi vào những lúc nghi ngờ và chán

nản, nhưng chúng ta lại phải luôn luôn nhắc lại nó : sự giúp đỡ từ bên trên bao giờ cũng mau lẹ, nó không bao giờ bị từ chối cả. Chính là ở trong bản thân ta mà những trở ngại làm cho sự giúp đỡ ấy cách xa chúng ta. Chúng ta không biết, không muốn tìm kiếm nó một cách đúng đắn.

Nhưng sự giúp đỡ ấy nói đúng ra là thế nào ? Và nó từ đâu đến ?

Ta hãy xem Virgile là ai.

Người ta thường nói Virgile nhân cách hóa lý trí. Ý nghĩa đó không sai, nhưng nếu không nói rõ ra thì nó không đủ để soi sáng bản chất thật và chức năng thật của nguyên lý do Virgile tượng trưng. Nguyên lý này có thể được định nghĩa chính xác như "sự suy xét tâm linh", người Ấn Độ gọi là *viveka* : đó là khả năng có lý trí con người - khi nó không bị những đam mê và những tình cảm cá nhân làm cho tối tăm hoặc lệch lạc đi - để nhận ra con đường phải đi và để hướng dẫn cá nhân theo con đường đó bằng cách khích lệ nó và làm cho nó tránh được mọi nguy hiểm.

Nhưng, ai thực hiện và gọi ra khả năng đó ? Câu trả lời của Dante sâu sắc đến mức nó đáng được bình giải thật dài. Sáng kiến đầu tiên về sự giúp đỡ này có từ những linh vực cao nhất của thiên đường, từ một Nữ thần hào hiệp đã thương xót Dante. Nữ thần này tượng trưng cho nguyên lý thần thánh huyền bí của sự đồng cảm, nó ban ân huệ, ban ánh sáng tâm hồn, và ở Dante nó được nhân cách hóa bằng Lucia ; đến lượt nó, ân huệ gây ra sự sáng suốt thần thánh do Béatrice đại diện :

Béatrice, vật trang sức đẹp đẽ của Thượng đế
đích thực,

Tại sao không cứu giúp kẻ yêu thương người
rất mực

và từ đám đông tầm thường thoát ra vì người ?

Ở đây, chúng ta biết rằng Dante hết sức mong muốn có được sự sáng suốt thần thánh, nghĩa là ông kiên quyết và nghiêm túc muốn đi theo con đường tâm linh và, vì thế, có thể nhận được sự giúp đỡ từ trên cao. Nhưng sự sáng suốt thần thánh chưa trực tiếp hiện ra với ông : con người còn nhờ bản, chưa được tái tạo, vẫn còn bị bao bọc những tấm màn dày kín của vật chất, chưa thể trực tiếp suy ngẫm về chân lý tối cao. Chính vì thế mà Béatrice phái Virgile xuống, gây ra khả năng nhận thức bẩm sinh của con người : khả năng nhận thức, suy xét ấy về sau sẽ hướng dẫn Dante trong phần đầu cuộc du hành của mình, con đường lâu dài và đau đớn của sự thanh lọc và chuộc tội xuyên qua vương quốc của bản chất thấp kém.

Nhưng trước khi mô tả những giai đoạn khác nhau của cuộc hành hương này, trước khi vạch rõ những phương pháp thanh lọc tinh thần, chúng ta hãy dừng lại để nghiên cứu và làm sáng tỏ một vấn đề tiên quyết quan trọng.

Nhiều trường phái khác nhau khẳng định - trường phái này thì công khai, trường phái khác thì ít hay nhiều che đậy và có tính thực hành hơn là tính lý thuyết - rằng sự thanh

lộc tinh thần là không cần thiết, rằng người ta rất có thể có những sự khái thị lớn mà không cần phải làm công việc nặng nề và bạc bẽo ấy. Học thuyết này đúng là rất tiện lợi đối với thói vị kỷ và lười biếng của chúng ta, nhưng cũng thật sai lầm và nguy hiểm dưới những bề mặt hấp dẫn của nó. Vì thế, cần phải làm sáng tỏ những quan niệm về điểm này, nhất là khi những luận cứ được các trường phái có thể gọi là "vô luân" noi theo chính là những luận cứ đánh lừa và có thể đánh lừa những đầu óc vô học và khinh suất.

Cái thiện và cái ác là tương đối, những người theo thuyết phi đạo đức nói. Cùng một hành vi có thể là tốt trong trường hợp này và là xấu trong trường hợp khác. Tinh thần đứng lên trên những sự phân biệt ấy của con người ; đối với nó, mọi cái đều giống nhau ; nó biện minh tất cả.

Họ nói còn công nhiên hơn rằng đạo đức là một sản phẩm xã hội ; nó được tạo nên bằng một loạt những chuẩn mực truyền thống mà những người thông thường chấp nhận không có phê phán. Nhưng, người am hiểu, siêu nhân thì có thể tự giải thoát ra khỏi những xiềng xích này. Hạng người đó đã thực hiện được những điều to lớn đến mức được phép làm những gì mà những người khác không thể hay không dám làm ; họ có thể dùng cả những phương tiện bị cấm đối với những người bình thường.

Nhưng những ai không mù quáng tin theo những lời quyết đoán đầy cảm dỗ ấy có thể dễ dàng thấy ra tính sai lầm căn bản của chúng.

Những lối nguy biến này trước hết dựa trên một sự lẫn lộn giữa những nguyên lý đạo đức lớn có tính chất phổ biến và những sự áp dụng thiếu sót mà người ta rút ra theo từng lúc và từng nơi. Những chuẩn mực đạo đức cụ thể, những luật lệ và những sách giáo khoa về hành vi chắc chắn là có tính tương đối và đôi khi mâu thuẫn, những điều đó không làm giảm đi giá trị của những qui luật đạo đức lớn, cũng vững chắc và chặt chẽ như những qui luật có bản chất vật lý. Thật vậy, trong trường hợp này cũng như trường hợp kia, về căn bản đó là biểu hiện của những Luật Nhân quả lớn, của Karma. Mọi hậu quả không chỉ đến nguyên nhân của nó một cách tất yếu, mà đã ngầm ẩn ngay ở trong nguyên nhân rồi.

Như vậy, một người phạm vào một hành động xấu không bị trừng phạt vì đã vi phạm một qui luật của con người hay vì nó xúc phạm tới cá nhân Thượng đế ; anh ta bị trừng phạt không vì hành động xấu mà là *trong* hành động xấu. Hậu quả đầu tiên và quan trọng nhất của một hành vi là hậu quả trực tiếp đụng tới người đã phạm phải hành vi đó ; một hành vi của người học trò tốt làm cao quý thêm tác giả của nó một cách có thể nói là tự động, còn một hành vi xấu làm giảm giá tác giả của nó. Đó là một qui luật khắc nghiệt mà công lý và tính tất yếu của nó là hiển nhiên và mọi nguy biến hay mọi sự uốn vặn không thể làm thay đổi qui luật này.

Còn về một luận cú khác do những người theo thuyết phi đạo đức đưa ra, thì nó chỉ đơn giản dựa trên một sự lẫn lộn về ý niệm. Đúng là Tinh thần thuần túy, hay nói đúng hơn, cái Tuyệt đối, cái không biểu hiện, về thực chất của nó là không có các thuộc tính và, vì thế, nó nằm bên trên cái thiện và cái ác. Nhưng, ngay từ cái run rẩy đầu tiên của sự biểu hiện vũ trụ, thì Một vĩnh hằng đã trở thành tính lưỡng nguyên, tức là đã xuất hiện sự phân cực, xuất hiện một loạt những đối lập vô tận và trong đó có sự đối lập giữa cái thiện và cái ác rồi. Ai có thể nói thật đúng Tinh thần thuần túy là gì và cái gì đứng lên trên cái thiện và cái ác ? Bất cứ ai cũng đều có thể thấy đó là một tham vọng quá lớn.

Dù những thuyết giảng mà tất cả các trường phái Đông và Tây đưa ra một cách khớp nhau nhưng cũng khác nhau như thế nào đi nữa, thì tất cả các trường phái này đều hướng tới sự phát triển đời sống tâm linh đích thực và thuần túy. Các trường phái này đều dạy ta rằng mọi đam mê, mọi ham muốn vị kỷ đều là một tảng đá cột vào chân kẻ nào đang muốn trèo lên cao, khiến cho người đó trở thành nô lệ cho những sức mạnh và những yếu tố thấp kém. Họ nói với chúng ta rằng mọi biểu hiện của thói vị kỷ, ngay cả khi nó nhẹ nhất và được che đậy nhất, do bản chất của nó, cũng gây xa cách, trong khi trái lại, sự phát triển tâm linh làm cho người ta vượt qua dần dần và liên tục tất cả những sự cách xa, bằng cách làm cho những yếu tố phản đề khác nhau

được hài hòa thành những hợp đề cao cả, như là sự chuẩn bị cần thiết cho sự kết hợp có ý thức với Nguyên lý phổ biến, với việc thực hiện sự thống nhất về tất cả mọi mặt và trong tất cả mọi lĩnh vực.

Người ta cũng đi tới kết luận như vậy khi xem xét vấn đề theo độ góc của những quyền năng do các giai đoạn tiến bộ tâm linh khác nhau đem lại. Những khó khăn, trách nhiệm và nguy hiểm gắn liền với việc đạt tới và sử dụng những quyền năng đó là vô tận. Chúng ta cần phải học cách chế ngự và sử dụng một cách khôn ngoan và có lợi những sức mạnh to lớn của vũ trụ, của vũ trụ vi mô. Làm thế nào để có thể đạt tới chỗ đó, nếu chúng ta vẫn cứ làm nô lệ cho những sức mạnh nhỏ bé của vũ trụ vi mô của chúng ta, cho những đam mê tầm thường của cá nhân nhỏ bé chúng ta được ?

Xin nói để kết luận rằng sự tôn trọng những nguyên lý đạo đức không những không hạn chế và làm chậm lại những bước tiến của chúng ta một cách vô ích, mà đó chính là điều duy nhất làm cho chúng ta được thật sự tự do, và mọi điều vô luân, phi đạo đức hay cả siêu đạo đức, tuy mang những vẻ bề ngoài của tự do, nhưng trên thực tế lại làm cho chúng ta càng trở thành nô lệ hơn nếu chúng ta không biết tới những xiềng xích của mình hay có ảo tưởng về vấn đề này.

Chúng ta có vô số những cảnh cáo nghiêm khắc theo hướng này từ những người đã thật sự hiểu biết cách đạt tới

những đỉnh cao, mà từ dưới đáy thung lũng, chúng ta nhìn lên đầy tiếc nuối và đầy khát vọng mãnh liệt. Từ Phật đến Jésus, từ những nhà hiền triết vô danh của các Upanishad đến những nhà thần bí lớn của Kitô giáo, tất cả những người thức tỉnh đều xác nhận rằng họ đã giành được chiến thắng bằng sự thanh lọc nhân cách và loại bỏ thói vị kỷ.

Tất cả những điều đó cho chúng ta thấy rằng người nào tiến bước trên con đường tâm linh không những phải tuân theo những nguyên lý đạo đức lớn của loài người, mà còn phải có một đạo đức thuần khiết hơn, có ý thức hơn, đòi hỏi cao hơn so với ở một người bình thường.

Nhận thức về các qui luật điều tiết những bình diện cao cả ngày càng tăng lên, thì con người càng nhận nhiều hơn những trách nhiệm và bốn phận mới. Khi nó thấy ra rằng những ý nghĩ, tình cảm và hành vi ý chí không phải là những sự trừu tượng mà là những sức mạnh sống động, những hiện thực mạnh mẽ tác động tới những bình diện cao cả, rằng những sức mạnh và hiện thực đó đúng là những sáng tạo của chúng ta, thì nó sử dụng những thứ đó có trách nhiệm hơn. Đối với người đã trở thành có ý thức như thế, những sai lầm chỉ mới phạm phải trong ý nghĩ và những ý đồ xấu xa sẽ trở nên nghiêm trọng hơn nhiều so với những sai lầm do hành vi thuần túy vật chất đem lại.

Rất đúng khi tác giả của *Sự bất chúc Jésus Christ* nói bằng một câu ngắn gọn rằng : "*Quanto plus et melius, tanto gravius judicaverit nisi sanctius vixeris*", "Nếu người không

sống thánh thiện, người sẽ bị phán xét càng nghiêm khắc hơn nếu sự hiểu biết của người càng lớn hơn và đúng hơn".

Tôi nghĩ rằng điểm này đã đủ rõ. Tôi chỉ xin thêm rằng vấn đề đạo đức này là viên đá thử vàng chắc chắn nhất để phán xét những phong trào khác nhau, những trường phái khác nhau, những xu hướng khác nhau và để đánh giá không chỉ những sự khẳng định lý thuyết đôi khi có vẻ rất mầu mực, mà cả - và trước hết là - những sự ứng dụng thực tiễn và những kết quả thực sự của chúng, theo chân lý lớn lao này : "Người ta xét cây theo quả của nó".

Sự cần thiết tuyệt đối của sự thanh lọc đạo đức là chìa khóa để hiểu được lý do thật sự của cuộc hành hương lâu dài trong các thế giới bên trong, mà đó là cái nền của trường ca của Dante.

Virgile, hiện thân của lý trí và quyền năng suy xét tâm linh ở bên trong con người, đã thừa nhận rằng một tâm hồn còn nhỏ bé sẽ không thể nào đương đầu và chiến thắng được những con thú hoang dã và trực tiếp đi lên tới đỉnh cao rạng rỡ ; chính vì thế, khi Dante yêu cầu giúp đỡ, Virgile nói :

Người phải đi theo một con đường khác...

Nếu người muốn rời khỏi nơi hoang dã này.

Rồi Virgile khuyên ông cùng đi với mình xuyên qua vực thẳm tối tăm và chuộc tội để sau đó trèo lên ngọn núi thanh lọc. Virgile hứa hẹn với ông rằng sau đó, ông sẽ được phép

trèo lên cùng với một người hướng dẫn cao hơn tới những vùng Ánh sáng mong muốn.

Thế là Dante đi theo người hướng dẫn sáng suốt này, kiên quyết và không do dự nữa.

Giống như những bông hoa rũ xuống và khép lại
vì giá lạnh ban đêm, rồi vươn thẳng lên
và nở tung ra với mặt trời sáng chói,
Thế là, tôi lấy lại được lòng dũng cảm đang
chao đảo

Và trái tim tôi lại trở nên hăng hái
Tôi lại bắt đầu như một kẻ được tự do :
Ôi, người đến cứu tôi thông cảm lạ thường,
Người nhã nhặn và đến với tôi nhanh chóng,
muốn tôi vâng theo những lời nói của người.
Với những lời của mình, người đã đặt
vào trái tim tôi một nỗi ước mong,
và tôi như tìm lại được ý chí ban đầu.
Và bây giờ, một ý chí chung như vừa xuất hiện,
Người là chúa tể và thầy dạy của tôi !
Tôi nói với người như thế, và khi người rời khỏi,
Tôi lại bước theo con đường rừng cao cả ấy.

Trong hai Khúc ca đầu của Trường ca thần thánh này, Dante thể hiện một người khởi đầu đời sống tâm linh của mình - tức là mỗi người chúng ta. Nếu thật sự mong muốn,

mỗi người có thể đi theo con đường mà chính ông đã đi, theo bước ông suốt những chặng đường hành hương khác nhau của ông và cùng với ông trèo lên tới những vùng Ánh sáng và Tình yêu cao cả.

14. KHOA HỌC ỨNG DỤNG VỀ SỰ THANH LỘC

Sự thanh lọc được coi một cách thật đúng đắn là một khoa học. Thật vậy, đây là một lĩnh vực rất rộng, mang những mặt khác nhau, những trường ứng dụng khác nhau, cũng như nhiều thủ kỹ thuật thích hợp với mỗi trường ứng dụng ấy. Để nói về nó một cách đúng đắn, phải có một luận văn dài. Nhưng dù chỉ một cái nhìn thoáng qua, một cái nhìn sơ lược thôi, cũng có thể giúp ích cho việc chuẩn bị và gọi lên thái độ nội tâm cần thiết cho một sự suy ngẫm năng động.

Trên thực tế, ngay khi chúng ta hướng cái nhìn nội tâm của mình tới ánh sáng, chúng ta đã bắt đầu bước lên con đường dẫn tới chỗ phục tùng sự giải thoát, nói cách khác, chúng ta đã sử dụng khoa học về sự thanh lọc ở một mức độ nào đó, có ý thức ít hơn hay nhiều hơn. Chính vì thế, việc nhìn lướt nhanh có tính tổng thể dưới đây có thể cho thấy nhiều ý tưởng quen thuộc đối với nhiều người trong các bạn, nhưng sẽ giúp cho các bạn nhớ lại nhiều nhiệm vụ nằm trong sự thanh lọc. Nó sẽ khuyến khích các bạn sử dụng những phương tiện ấy để cùng hợp tác với nhau thực hiện dự án tiến hóa lớn lao. Sự thanh lọc có thể và phải được áp dụng ở tất cả các trình độ triển khai của nó.

1. Thanh lọc thân thể

Bước đầu tiên là thanh lọc thân thể. Những phương tiện để làm điều đó đã được biết rõ : tắm rửa, thở khí trời, phơi nắng, giữ một chế độ ăn giản dị và lành mạnh, hợp với con người mình, tránh uống rượu, hút thuốc lá và dùng các chất ma túy, v.v... Trình độ thanh lọc này chỉ là một tiền đề để làm dễ dàng hơn và vững chắc hơn việc thực hiện những nhiệm vụ thanh lọc khác nhau. Nhưng nếu lại gán cho nó một tầm quan trọng quá mức thì lại có thể gây trở ngại cho việc thực hiện những chiều khác của sự thanh lọc, mà những chiều này mới quan trọng hơn nhiều.

2. Thanh lọc tình cảm

Chính ở trình độ này, cách thanh lọc theo chiều rộng là cần thiết nhất và cấp thiết nhất. Có thể nói rằng những đau khổ, những bệnh tật và những vấn đề quấy nhiễu loài người đều có nguồn gốc chính ở những ham muốn vị kỷ, ở việc đi tìm khoái lạc cá nhân. Điều này đã được nêu rõ trong Bốn chân lý cao cả (Tứ diệu đế) mà Phật nói lên để chỉ rõ nguyên nhân của đau khổ và con đường giải thoát.

Tất cả mọi người đều bị thúc đẩy - có thể nói là bị chiếm lĩnh - bởi một ham muốn thuộc loại nào đó, và thậm chí bởi những ham muốn thuộc nhiều loại, từ khao khát những khoái lạc nhục dục cho tới những khát vọng duy lý tưởng nhất. Ham muốn là gốc rễ chung của ba nguyên nhân gắn bó và lệ thuộc : sự hấp dẫn của những của cải vật chất, những sự lẫn lộn khác nhau về tình cảm và những ảo giác của tinh thần. Tất cả đều kết tinh hoặc kết hợp lại trong

sự hình thành mối gắn bó căn bản với cá nhân mình, trong sự đồng nhất với những gì có vẻ là cái tôi thật của mình.

3. Thanh lọc sự tưởng tượng

Khả năng tưởng tượng ra việc quyết định đời sống nội tâm cũng như ứng xử bên ngoài của con người luôn luôn được thừa nhận ở phương đông cũng như phương Tây. Nhưng ở thời hiện đại, người ta gán cho nó một tầm quan trọng ngày càng lớn : người ta nghiên cứu nó, sử dụng nó và, khôn thay, khai thác nó ngày càng nhiều hơn và trên một qui mô rộng lớn. Cơ sở của nó là yếu tố động cơ nằm trong mọi ý tưởng và mọi hình ảnh. Hình ảnh tác động như một sức mạnh kích thích tinh hoạt động tinh thần và gây ra những xúc cảm và tình cảm. Trong trị liệu tâm lý, hình ảnh ngày càng được sử dụng nhiều hơn như một phương tiện chữa trị có hiệu quả. Trong lĩnh vực giáo dục, người ta cũng bắt đầu dùng nó, nhưng ít hơn mức có thể làm được nhiều.

Về phần mình, các nhà kinh doanh hiểu rất rõ tầm quan trọng to lớn của sự tưởng tượng và họ khai thác nó trên một qui mô rộng lớn để đạt tới những mục tiêu của mình, bằng cách dùng nó để khêu gợi những nhu cầu và những bản năng căn bản mà thông thường nhất đó là những thú thấp kém nhất. Thật vậy, các nhà quảng cáo đã phát triển thú nghệ thuật và các kỹ thuật của họ nhiều hơn những người theo đuổi những mục tiêu cao quý. Điều đó dẫn tới chỗ tăng thêm giả tạo sự kích thích khoái lạc và tìm kiếm sự chiếm hữu nhiều đồ vật vô ích. Những vấn đề của xã hội tiêu dùng bắt nguồn từ đó và, như để phản ứng lại, sự nổi

dây ngày càng tăng chống lại nó, đặc biệt ở lớp trẻ, cũng bắt nguồn từ đó.

Ngoài cách sử dụng sự tưởng tượng ấy, có một cách khác tai hại hơn, thể hiện ở văn học, sân khấu và điện ảnh, những thứ này khai thác sự hấp dẫn bệnh hoạn đối với bạo lực, sự kinh hãi, sự tàn bạo và những hình ảnh nhục dục, nhất là theo kiểu đồi bại.

Khả năng kêu gọi bản thiêu của loại tưởng tượng này thật lớn, thậm chí có thể nói là rất lớn ; thế nhưng, không những công chúng đông đảo mà cả những người có uy quyền, ở bất cứ cấp nào, cũng đều tỏ ra thiếu ý thức đáng kinh ngạc về những kết quả độc hại do những ảnh hưởng này đem lại. Không có gì quá đáng khi nói đó là một thứ thuốc độc tập thể, một "*smog* tâm thần" tai hại hơn chất độc do ô nhiễm.

Thói lãnh đạm này, sự chấp nhận chung này, tạo ra khả năng cho sự khai thác có hệ thống và trâng tráo loại hình ảnh ấy vì mục đích vụ lợi từ phía những kẻ đang góp phần sản xuất và truyền bá thứ thuốc độc này. Các nhà xuất bản, các giám đốc nhà hát, các nhà sản xuất phim đã tỏ ra khinh suất khi bảo vệ và biện minh cho kiểu "giải trí" này, lấy có "giá trị nghệ thuật" của chúng và nhân danh tự do ngôn luận. Một ví dụ rõ nhất cho tình hình đáng phàn nàn này là bộ phim *Thầy phù thủy*, bộ phim đã từng gây ra một chứng nhiễu tâm tập thể thật sự. Thật khó tin được rằng người ta đã cho phép tiếp tục chiếu nó, bất chấp những hậu quả bệnh hoạn do nó tạo ra.

Các phương pháp và các kỹ thuật thực hiện sự thanh lọc có nhiều. Một số có thể được dùng chung, một số khác có tính đặc thù và có liên quan với những kiểu nhô bản đặc biệt.

Việc loại bỏ những ảo giác tinh thần đòi hỏi phải có một sự hiểu biết rõ ràng về bản chất hai mặt của tinh thần :

- Tinh thần phân tích.

Trong bản chất của tinh thần phân tích, nhất là khi nó được kích thích bởi những ấn tượng, những xung lực, những ham muốn và những xúc cảm, có khả năng tạo ra một sự nhảy múa phóng đảng, thường xuyên và thường là vội vã của những tư tưởng và những ý tưởng sai lầm, thường mang tính chất lấy cái tôi làm trung tâm.

- Tinh thần tổng hợp cao.

Ở trình độ này, người ta có một cái nhìn đúng đắn và rõ ràng về những gì người ta hướng tới. Ngoài năng lực tri giác trực tiếp ấy, tinh thần tổng hợp cao có chức năng nhận ra và lý giải đúng đắn những trực giác khi chúng xuất hiện trong trường ý thức. Đó chính là ý nghĩa thật sự và nhiệm vụ của sự suy xét. Nhưng để có thể thực hiện chức năng này, trường ý thức phải được thanh lọc, tức là xua hết những nội dung thường chiếm lấy nó và ngăn cản sự tự do đi tới tinh thần cao và những trực giác của nó. Do đó mà có sự cần thiết tiên quyết của sự suy ngẫm về chính bản thân mình, chỉ cho phép những hoạt động tinh thần hướng tới nhận thức được mong muốn. Sau đó, phải đạt tới và thực

hành "sự im lặng tinh thần", loại bỏ tất cả những trở ngại chần chừ kênh nối liền tinh thần và những chức năng nhận thức cao của trực giác và của sự lóe sáng. Ở một trình độ rộng lớn hơn, thanh lọc có nghĩa là loại bỏ mọi nhơ bẩn trong kênh nối liền cái tôi cá nhân và cái Ngã siêu cá nhân. Điều đó có nghĩa là cần phải thanh lọc toàn bộ nhân cách, tách khỏi nó một cách có ý thức bằng cách tập luyện một "sự dùng dụng thần thánh" đối với những tham vọng của nó và bằng cách đó mà tự đồng nhất với Ngã.

Việc đạt tới một trình độ thanh lọc cá nhân nào đó cho phép chúng ta cộng tác với sự nghiệp thanh lọc lớn lao của nhóm xã hội chúng ta và, qua đó, với sự nghiệp thanh lọc toàn bộ hành tinh. Điều đó phải được thực hiện ở mọi bình diện.

- Về mặt vật chất, nhiệm vụ đầu tiên là phải thanh lọc vật chất khỏi sự ô nhiễm do loài người gây ra khi sử dụng vật chất vì những mục đích vị kỷ.

Hiện nay các vấn đề sinh thái đang được chú trọng, điều đó cho thấy một sự thừa nhận ngày càng tăng tầm quan trọng của nhiệm vụ ấy ; nhưng chúng ta chỉ mới ở sự khởi đầu ; vẫn còn nhiều việc phải làm để cho sự tàn phá tự nhiên mà con người phạm phải được bù lại.

Nhiệm vụ tiếp theo đó có thể được gọi là sự chuộc lại vật chất, tức là tinh luyện và biến đổi nó. Điều đó có nghĩa là loài người phải chuộc lại vô số thực thể tạo thành ba loại thấp kém : động vật, thực vật và khoáng vật.

- Về mặt tình cảm, sự thanh lọc đòi hỏi phải loại bỏ những thứ chướng khí và những chất độc hiện đang tạo thành nội dung chủ yếu của nó. Điều đó có thể làm, trước tiên, bằng cách loại bỏ những "sương mù" đang che lấp cái nhìn của nhóm trong đó có chúng ta và đang đưa tới những sự lẫn lộn.

- Về mặt thể giới tinh thần, sự thanh lọc đòi hỏi phải làm tiêu tan và phá hủy những ý tưởng cũ, những giáo điều, những hệ tư tưởng cuồng tín, sai lạc hoặc phiến diện, mà tinh thần con người đã từng tạo ra trong quá khứ và vẫn đang tiếp tục tạo ra. Đó là sự làm tiêu tan các ảo tưởng.

Sơ đồ về sự suy ngẫm thanh lọc

Chuẩn bị

1. Thu giản thể chất.
2. Làm dịu tình cảm.
3. Im lặng tinh thần.

Dâng hiến

"Xin ban cho tôi được khá thuần khiết để ôm trùm thế giới nhưng không có ham muốn giữ nó".

Nâng cao

"Được đôi cánh ham muốn của tôi nâng lên, tôi xin hứa sẽ hướng trung tâm ý thức cá nhân của tôi tới những tầng cao, tới Ngã".

Khẳng định

Khẳng định căn tính cốt yếu của mình với Ngã "trắng ngần như tuyết".

Tuyên xưng

Tuyên xưng ý chí tinh khiết của mình bằng cá nhân đã được Ngã xâm chiếm.

Suy ngẫm về những cách thanh lọc

1. Thanh lọc bằng nước :

Tư tưởng gốc : nước là tượng trưng của sự tinh khiết, của sự chữa bệnh và của tính vạn năng.

Hình dung ra một thác nước chảy từ trên cao xuống và mang theo đủ thứ nhơ bẩn hoặc trở ngại (bùn, đá, v.v...). Nghĩ tới một dòng chảy mạnh mẽ của sự sống và ánh sáng từ vương quốc siêu cá nhân chảy xuống và làm thanh lọc toàn bộ con người mình khỏi tất cả mọi nhơ bẩn của nó.

2. Thanh lọc bằng lửa :

Suy ngẫm về ngọn lửa đang thiêu hủy tất cả mọi nhơ bẩn và mọi trở ngại.

a. Hình dung ra một ngọn lửa lớn đang đốt cháy một đống rác rưởi.

b. Hình dung ra một cảnh lửa cháy trong đó những cây con bị thiêu cháy.

c. Hình dung ra một dòng thác lửa từ Ngã chảy xuống và làm thanh lọc tất cả các mặt nhân cách.

15. NHỮNG TRỞ NGẠI ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN TÂM LINH : SỰ SỢ HÃI

Ai sửa soạn đi theo con đường phát triển tâm linh, hoặc ai đã bước đi trên con đường đó rồi, đều phải vượt qua những trở ngại về ba mặt : tinh thần, tình cảm và ý chí. Chúng tôi sẽ bàn tới những ai đang ở vào bình diện tình cảm, vì đó là những người thường thấy nhất, và bởi vì những trở ngại mang bản chất trí tuệ, như những hoài nghi hay thói hoài nghi, thường được tạo ra và tăng thêm bởi những trở ngại bắt nguồn từ tình cảm hay ý chí. Những trở ngại trí tuệ ấy là những bức bình phong và những cái cớ nhằm che đậy những nỗi sợ và những sự chống đối mà chúng ta không biết.

Trong số những trở ngại thuộc kiểu tình cảm ấy, chúng tôi chọn cách bắt đầu bằng sự sợ hãi. Thật vậy, sợ hãi là cảm xúc phổ biến nhất. Tất cả chúng ta đều là nạn nhân của nó ở mức độ này hay mức độ khác. Nó thường đạt tới một cường độ mạnh mẽ và có những hậu quả độc hại.

Tôi cho rằng người ta có thể khẳng định rằng : phần lớn những cái xấu và những đau khổ làm cho loài người sầu não là bắt nguồn từ sự sợ hãi. Sợ hãi không có mức độ, cũng không có giới hạn. Người ta có thể sợ tất cả ! Giống

như Protée, nó có thể khoác vô số hình thức. Những cái xấu làm loài người đau khổ thì có nhiều, nhưng những bất hạnh, những bất trắc và những tai biến đáng ngại không xảy tới và sẽ không bao giờ xảy tới còn vô cùng nhiều hơn nữa ! Thế nhưng, những thứ này thường làm đau khổ cho những ai sợ chúng ngang với, thậm chí nhiều hơn, những cái xấu có thật, vì họ đã trải qua vô số lần những điều này trong sự tưởng tượng kinh hãi của họ.

Nhưng sự sợ hãi không chỉ gây ra những đau khổ nội tâm mà thôi đâu ; nó là cố vấn tệ hại nhất và thường xui khiến làm những hành vi nguy hiểm cho chúng ta cũng như cho người khác ; nó đẩy người ta tới chỗ phạm vào những hành vi tàn bạo và bạo lực. Ai có thể tính được có bao nhiêu cuộc đấu tranh, bao nhiêu cuộc chiến tranh do nỗi sợ gây ra ? Lời nói của Montaige, vì thế, nghiêm túc hơn người ta tưởng : "Chỉ có một điều chúng ta phải sợ, đó là ... sự sợ hãi !". Thậm chí một số người sợ cả nỗi sợ !

Nếu sự sợ hãi đúng là một chất độc đầu độc đời sống con người - mà nếu không có nó, cuộc sống sẽ đẹp đẽ, vui vẻ và sáng tạo bao nhiêu -, chỉ riêng điều đó thôi cũng đủ để phải huy động những sức mạnh của bản thân mình giúp ta chiến thắng sự sợ hãi ấy, để ta giải thoát khỏi những gì mà theo cách diễn đạt của thánh Paul, có thể gọi là "cái gai đâm sâu vào da thịt ta".

Có thể nói rằng có năm hình thức sợ hãi chính, làm cơ sở cho năm bản năng căn bản của chúng ta :

1. Bản năng bảo tồn, mà cái gốc của nó là sợ chết.

2. Xung lực tính dục, mà cơ sở của nó là cảm giác thiếu hụt và nỗi sợ bị cô đơn.

3. Bản năng hợp quần, cũng do sự sợ hãi gây ra, khiến cá nhân cảm thấy mình bị xa cách, bị yếu đi, không an toàn, điều đó dẫn tới chỗ đi tìm chỗ dựa và sự an toàn trong sự liên kết với người khác.

4. Xu hướng tự khẳng định mình. Xu hướng này dường như là cực đối lập với sự sợ hãi, nhưng một sự phân tích sâu hơn cho thấy ít nhất một trong những gốc rễ của nó là sợ không được đánh giá đúng, không được thừa nhận và tôn trọng một cách xứng đáng (mà chúng ta thì vẫn cứ tưởng là xứng đáng được như thế !) và, do đó, không có quyền năng đối với người khác mà chúng ta hằng khao khát.

5. Xu hướng tìm tòi, khát vọng nhận thức dựa trên nỗi sợ đối với cái chưa biết, cái bí ẩn.

Cần phải thừa nhận rằng các xu hướng này đã thúc đẩy và hướng con người tới những hoạt động có ích và thậm chí cần thiết nữa, và vì thế, sự sợ hãi - nguồn gốc của chúng - đã có và có thể có một chức năng tốt lành. Nhưng, đối lại với điều đó, có cái xấu nào mà nó không đưa tới ! Có thể nói về nó điều mà Alessandro Manzoni nói về tình yêu : "Ít ra nó nhiều gấp 600 lần so với mức cần thiết !"

Tôi sẽ chỉ nêu ra ở đây - vì điều này cần suy nghĩ lấy một mình - những hình thức bệnh hoạn của sự sợ hãi : lo lắng, kinh hoàng, các chứng sợ và những sợ hãi tập thể.

Làm thế nào để thoát ra khỏi sự sợ hãi ? Có thể sử dụng hai loại phương tiện : những phương tiện tâm lý và những phương tiện tâm linh.

Những phương tiện ấy tác động ở những trình độ khác nhau và cần phải kết hợp chúng với nhau. Có hiệu quả nhất đương nhiên là những phương tiện thứ hai, nhưng những phương tiện thứ nhất cũng có ích và được sử dụng để dằn hơn ; vì thế chúng được khuyến khích dùng nhiều hơn trong một số trường hợp trong khi chờ đợi có năng lực sử dụng tốt những phương tiện khác.

Những phương pháp tâm lý

1. Dùng tinh thần : Suy nghĩ - Thuyết phục.

Những quan hệ giữa tinh thần và tình cảm là khác nhau tùy theo các giai đoạn phát triển tâm lý :

Giai đoạn thứ nhất : tinh thần lệ thuộc vào các xúc cảm.

Giai đoạn thứ hai : tinh thần được giải thoát nhưng chưa thể làm thay đổi các xúc cảm một cách có hiệu quả.

Giai đoạn thứ ba : tinh thần có thể chế ngự và làm biến đổi các xúc cảm.

2. Phân tâm học. Khám phá cái vô thức.

Điều này cho phép khám phá ra gốc rễ của những sự sợ hãi và đưa chúng tới ánh sáng của ý thức.

3. Chuyển hướng và thay thế bằng :

a) Hoạt động thể chất và thể thao.

b) Hướng sự tưởng tượng sang những hướng khác.

c) Dùng hài hước.

Hài hước có thể rất có hiệu quả. Nhà tiểu thuyết Talbor Mundy, khi đụng phải một tình huống nguy hiểm, đã cứu sống mình bằng cách nhớ lại một cảnh hài và do đó đã thoát được khỏi nỗi sợ hãi.

d) Phát triển những xúc cảm tích cực, năng động : dũng cảm, vui vẻ, v.v...

4. Những bài tập hướng dẫn tâm hồn (psychagogiques).

a) Khêu gọi và khẳng định.

b) Tập tưởng tượng.

Cần phải tập sống trước đi những sự kiện đáng lo ngại (thi cử, hòa nhạc trước công chúng, v.v...) và làm như thế nhiều lần cho tới khi sự sợ hãi mất đi.

Phương pháp tâm linh

Mọi sự sợ hãi đều dựa vào sự ngu dốt hay sai lầm, và nó bị đánh bại triệt để bởi ánh sáng chân lý, bởi sự phát triển tâm linh.

Ta hãy xem xét những xu hướng hay bản năng khác nhau và sự đáp ứng tâm linh đối với chúng mà người ta có thể có :

1. Bản năng bảo tồn, sợ chết.

Theo quan điểm tâm linh, cái chết không tồn tại. Khi chúng ta từ bỏ thân thể xác thịt của mình, chúng ta chuyển sang một cuộc sống đẹp hơn, tự do hơn.

2 và 3. Sợ cô đơn và sợ bị cô lập.

Nó được khắc phục bằng :

a) Sự thống nhất với Thượng đế, với sự sống, với Ngã bất tử của chính mình.

b) Tình yêu tâm linh, tình bạn và đời sống thành nhóm. Thật nghịch lý, càng ít sợ bị cô lập, người ta càng ít đòi hỏi tình yêu và tình bạn của kẻ khác, và càng được yêu và tìm kiếm nhiều hơn.

- Bằng cách cố gắng để hiểu và để nhận ra rằng sự cô lập là một ảo giác. Chúng ta luôn luôn tham gia vào sự Sống phổ biến, với sự hiện hữu của Thực thể tối cao và sự thống nhất với Thực thể đó.

4. Sợ thất bại, cảm giác tự ti, do đó mà có xu hướng tự khẳng định mình theo lối tách biệt và quá mức.

Nó được loại bỏ bằng việc hiểu ra những quyền năng tiềm tàng của chúng ta, bản chất tâm linh của chúng ta.

5. Sợ cái bí ẩn và sợ tương lai.

Nó được khắc phục :

a) Bằng cách nghĩ rằng những cái xấu đáng sợ thường không xảy tới ; dù cho những cái xấu khác có xảy tới đi nữa !

b) Với niềm tin rằng chúng ta sẽ không bị áp đặt những thử thách lớn hơn khả năng chống lại của chúng ta. Khó khăn sẽ kích thích những năng lượng cần thiết để vượt qua nó.

c) Với sự phát triển nhận thức và trí năng. Khoa học đã loại bỏ đi nhiều sự khiếp sợ mê tín : càng biết ít thì càng sợ nhiều hơn ; nhưng sự hiểu biết tâm linh đích thực là trực giác thâm kín và trực tiếp, là sự lóe sáng, sự nhận biết chân lý và sự sống, mà những thứ đó về thực chất là một hiện thực duy nhất.

Những giới hạn của ý thức tách biệt được vượt qua trong sự nhận biết ấy. Mọi hiểu biết về các chân lý mới đều có tác dụng mở rộng ý thức, đem lại một cảm giác mở rộng và giải thoát vui vẻ.

16. SỢ ĐAU KHỔ SUY NGHĨ VỀ ĐAU KHỔ

Một trong những trở ngại lớn nhất đối với sự phát triển tâm linh của chúng ta là sợ đau khổ.

Nó làm cho chúng ta dừng lại trước những trở ngại và những cuộc đấu tranh không thể tránh khỏi, cắt xén đôi cánh của chúng ta, làm tê liệt những nhiệt tình hào hiệp nhất của chúng ta. Nhưng đó vẫn chưa phải là điều tệ hại nhất : không hiếm khi nó đưa chúng ta tới chỗ chệnh mảng với những bốn phận của chúng ta, không thực hiện được những cam kết bên trong và bên ngoài của chúng ta, khiến cho chúng ta phạm vào những tội lỗi vì quên đi, mà đôi khi những tội lỗi ấy không kém nghiêm trọng hơn những tội lỗi mắc phải vì đã hành động.

Vì thế, bất cứ ai nghiêm chỉnh khao khát bước lên con đường tâm linh cũng đều phải sẵn sàng vượt qua trở ngại đó, phải chiến thắng hay ít ra cũng giảm bớt nỗi đau khổ ở bản thân mình.

Nhưng để chiến thắng nỗi sợ căn bản bám rễ sâu trong chúng ta này, cần phải hiểu bản chất thật, ý nghĩa và chức năng của đau khổ. Cần phải tìm ra cách ứng xử tốt nhất

đối với nó, và nhất là phải học cách làm thế nào để biến nó thành một nguồn tâm linh tốt lành.

Bài học thứ nhất mà chúng ta phải học về vấn đề đau khổ là thuộc loại trí năng, nhận thức. Thật vậy, chừng nào chúng ta còn nhìn đau khổ như một điều xấu, như một cái gì bất công và tàn bạo, hay chỉ như một cái gì khó hiểu, chừng đó chúng ta không thể nắm được nghệ thuật đón nhận nó, biến đổi nó và làm cho nó thành điều tốt.

Trong quá khứ, nhiều người tự bằng lòng với những sự giải thích giáo điều đã từ chối tìm hiểu nó, giành nó cho Thượng đế. Đối với một số người, cả hiện nay nữa, thế là đủ. Nhưng ngày nay, phần đông người không thế mà cũng không muốn tự giới hạn vào thái độ ấy. Họ muốn biết và hiểu, ít ra ở mức độ lý trí con người và trực giác tâm linh có thể đi tới được.

Đối với yêu cầu không thể dập tắt ấy của con người hiện đại, đối với cơn đói nội tâm ấy, những khái niệm tâm linh lớn có thể đem lại một sự đáp ứng lành mạnh và cốt tử ; những khái niệm ấy có thể làm cho người ta hoàn toàn thỏa mãn, như được chứng tỏ ở sự thể nghiệm đã được những ai tìm thấy được ánh sáng, sức mạnh và sự an bình trải qua.

Những khái niệm ấy đã được biết rõ ; vì thế tôi chỉ nêu chúng ra để góp phần soi sáng vấn đề đau khổ.

Loài người hiện đang ở trong một giai đoạn đi lên trong sự tiến hóa của nó. Sau khi đã xuống tới nơi sâu nhất của

vật chất, nó đang từ từ đi lên lại một cách khó nhọc tới tâm linh, tới quê hương vĩnh hằng ấy.

Sau khi đã đạt tới cực điểm của sự tách biệt, của sự tự giới hạn, của lối coi cái tôi là trung tâm, bây giờ con người đang phải dần dần mở rộng những ranh giới của cái tôi cá nhân của mình, đi vào sự thống nhất hài hòa với đồng loại, với vũ trụ, với Thực thể tối cao.

Khi con người bắt đầu cảm nhận được nhu cầu thầm kín ấy, bốn phận ấy, một cuộc đấu tranh mãnh liệt và gay go đã khởi đầu trong bản thân nó. Xung lực, nhiệt tình hướng tới sự mở rộng, bành trướng đang vấp phải những vật chướng ngại khắc nghiệt và cứng nhắc của thói tách biệt và vị kỷ.

Tâm hồn tự cảm thấy mình giống như một con chim bị nhốt trong lồng, như một tù binh bị giam vào một xà-lim chật hẹp ; nó giãy giụa và đau đớn.

Đó là giai đoạn gay go và đau đớn không thể không diễn ra trước sự giải thoát của tâm hồn, hay nói đúng hơn, trước sự giải thoát đầu tiên của nó.

Nhiều người chính là đang ở giai đoạn này, ở thời kỳ thức tỉnh tâm linh hiện thời này. Dưới ánh sáng của cái nhìn tổng thể ấy, cái nhìn cho chúng ta thấy rõ sự đau khổ là cần thiết và tất yếu tới mức nào, mà chúng ta có thể hiểu được sâu hơn và chấp nhận dễ hơn những ý nghĩa riêng biệt khác nhau và những chức năng đặc thù của sự đau khổ.

Trước tiên, chúng ta có thể thấy tại sao đau khổ là một sự chuộc lại gắn liền với luật nhân quả không thể tránh khỏi.

Nhưng sự chuộc lại ấy không phải là chức năng duy nhất của đau khổ ; nó cũng không phải là chức năng quan trọng nhất hay cốt yếu nhất. Đau khổ giúp cho sự đi lên, cho sự giải thoát của con người một cách trực tiếp và mạnh mẽ. Bằng ngọn lửa tốt lành thiêu cháy các thú xi trần thế, nó làm cho người ta được thanh lọc ; nó khắc con người bằng cách, từ một khối vật chất không hình dáng, giải thoát vị thần bị nhốt trong đó như giải thoát một ý tưởng, theo cách nói rất hay : "Thần thánh được rèn đúc bằng những nhất búa".

Đau khổ có thể tôi luyện chúng ta, làm chúng ta mạnh lên, phát triển ở chúng ta khả năng chống chọi nội tâm tuyệt vời và khó khăn, mà ở đó là điều kiện cần thiết cho sự phát triển tâm linh. Nhiều người không hiểu rằng tinh thần mang một cái gì thật khủng khiếp trong sức mạnh của nó, và hiện nay chúng ta chưa có sức mạnh để chịu đựng và đón nhận ; thế mà sức mạnh ấy, sức chống cự ấy lại chủ yếu phát triển bằng đau khổ.

Ngoài ra, sự đau khổ làm phát triển và chín muồi tất cả các mặt của ý thức chúng ta, nhất là những mặt sâu kín nhất và ít hiển nhiên nhất. Nỗi đau buộc chúng ta quay sự chú ý của mình khỏi những huyền hoặc của thế giới bên ngoài, giải thoát chúng ta khỏi sự ràng buộc với nó, làm cho chúng ta trở lại với chính bản thân mình, làm cho chúng ta

có ý thức hơn, thúc đẩy chúng ta tìm kiếm ánh sáng và phương hướng ngay trong chúng ta, trong tinh thần ở chúng ta. Tóm lại, nó đánh thức chúng ta và soi rõ chúng ta cho chính chúng ta.

Cuối cùng, đau khổ giúp chúng ta hiểu rõ hơn đau khổ của người khác và thông cảm với họ ; nó làm chúng ta sáng suốt hơn và sẵn sàng giúp người khác hơn. Theo câu thơ đẹp đẽ của Virgile, *Non ignara mali, miseris succurrere disco*, "Hiểu được những cái xấu, tôi học được cách cứu giúp những kẻ bất hạnh".

Nhưng ở đây người ta có thể nêu lên sự phản bác sau đây : thế thì, tại sao đau khổ thường tạo ra hậu quả ngược lại ? Tại sao đôi khi nó gây cáu kỉnh, đẩy tới giận dữ, tới cái ác, tới thù hận, tới bạo lực ?

Điều đó thường xảy tới, thậm chí rất thường xảy tới, và không thể phủ nhận được, nhưng không thể xem đó là một hậu quả tất yếu, định mệnh của đau khổ. Nếu xem xét kỹ lưỡng mọi việc về mặt tâm lý, thì rõ ràng là những hậu quả của đau khổ phụ thuộc vào những phản ứng mà chúng ta thường đem đối lập với chính sự kiện đau khổ.

Vậy ta hãy khám phá sự kiện cực kỳ quan trọng đáng để chúng ta hết sức quan tâm này : chất lượng và hậu quả của đau khổ phụ thuộc trước hết vào thái độ của chúng ta đối với nó, vào sự tiếp nhận nội tâm và phản ứng bên ngoài của chúng ta. Thánh Paul đã từng nói lên chân lý này bằng một lời ngắn ngủi : "Có đau khổ nâng người ta lên và có đau khổ làm người ta gục xuống".

Vậy, ta hãy xem xét những thái độ khác nhau mà chúng ta có thể có khi đứng trước đau khổ và những hậu quả do mỗi loại đau khổ gây ra.

Nếu chúng ta tự cảm thấy bất lực - mà thường là thế - chúng ta sẽ nổi tức lên và kết quả là đau khổ càng nặng nề ; đau khổ cộng thêm đau khổ, đó là một vòng luẩn quẩn của những sai lầm, những lỗi, của sự mù quáng, tuyệt vọng và của những hành vi bạo lực.

Nếu chúng ta chịu đựng đau khổ một cách thụ động, chúng ta sẽ ít đau khổ hơn, tránh được một số hậu quả bên ngoài xấu xa, nhưng lại không tránh được những hậu quả bên trong : những cảm giác rã rời, suy sụp, khô cằn ; chúng ta sẽ không học được những bài học tốt nếu đó không phải là bài học chịu đựng.

Thái độ chấp nhận đau khổ đòi hỏi sự hiểu biết mà chúng tôi đã nói đến hoặc một hành vi theo lòng tin : tin vào sự tốt lành của cuộc đời, và để cho có hiệu quả, lòng tin ấy phải sống động, phải tích cực.

Sự chấp nhận thông minh đối với đau khổ đem lại tất cả những bài học nó dạy cho ta, làm cho chúng ta hợp tác lại, và qua đó, đem lại an ủi cho chúng ta và làm cho nó giảm đi rõ rệt. Và chẳng, một sự kiện đang ngạc nhiên không hiếm khi xảy tới : chỉ vừa mới học được bài học này, thì nguyên nhân của đau khổ liền biến mất.

Trong tất cả các trường hợp, sự chấp nhận đem lại một sự thanh thản tuyệt vời, một sức mạnh tinh thần lớn lao, một sự an bình sâu lắng.

Trong một số trường hợp, chúng ta có thể đi tới chỗ hoàn toàn hiểu được chức năng và giá trị của đau khổ, tới một sự chấp nhận tự nguyện mà chúng ta cảm thấy như vui mừng ngay trong khi đau khổ.

Nữ thánh Thérèse d'Avila, khi nói tới kinh nghiệm đó trong tự truyện của mình, đã coi đó là điều bí ẩn.

Dưới ánh sáng quan niệm của chúng ta, điều bí ẩn bề ngoài ấy được sáng tỏ.

Trên thực tế, chúng ta biết rằng con người không đơn giản về mặt tâm lý, mà là rất nhiều mặt ; nó cũng bao gồm nhiều trình độ khác nhau. Vì thế, có thể là khi đau khổ ở trình độ xúc cảm, thì lại thấy hoan hỉ ở một trình độ cao hơn.

Đôi khi, niềm vui, niềm hoan hỉ của sự chấp nhận tâm linh đối với đau khổ có thể vượt trội lên đến mức vượt qua được nỗi đau và thậm chí làm cho nó hoàn toàn biến mất khỏi ý thức.

Bản phác thảo về vấn đề rộng lớn và phức tạp này, tuy quá vắn tắt và không đầy đủ, có thể có ích để giúp ta hiểu được, hay ít ra cũng cảm thấy được, sự biện minh sâu sắc cho sự đau khổ trong đời sống con người, cho chức năng cần thiết của nó trong sự tiến hóa của chúng ta, cho vai trò quý giá và thiêng liêng mà chúng ta có thể đem lại cho nó.

17. NHỮNG TRỞ NGẠI ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN TÂM LINH : NHỮNG TÌNH CẢM CỨNG NHẮC

Trong sự phân tích của chúng tôi về những khó khăn và trở ngại khiến cho sự đi lên của con người tới những đỉnh cao của ý thức tâm linh trở nên khó khăn và nặng nề, chúng tôi đã nhắc tới sự sợ hãi là cái có thể so sánh được với việc buộc chân một người đang đi khiến anh ta bị tê liệt, làm mất sức mạnh và sự dũng cảm đi tới của anh ta.

Bây giờ chúng tôi nói tới rất nhiều sự cứng nhắc khác nhau về tình cảm, tới những ràng buộc với những người, những đồ vật, những cách sống, có thể ví như những tảng chì nặng nề buộc vào chân người ta và ngăn cản người ta đi tới hoặc như những tấm lưới ngăn cản bước đi và thậm chí buộc người ta phải lùi lại.

Một người "tự để cho mình sống" như thể trôi theo dòng nước, không dừng lại để suy nghĩ về bản thân mình, sẽ không biết được, ít ra là khi chưa xảy ra những sự kiện nghiêm trọng, rằng mình bị ràng buộc và ở trong trạng thái lệ thuộc tới mức nào. Nhưng kẻ nào cố gắng từ bỏ những thói quen, những con đường nhiều người qua lại ở đồng

bằng và bắt đầu leo lên, kẻ đó sẽ nhanh chóng nhận ra nhiều mối ràng buộc dai dẳng mà mình là tù binh.

Những sự cứng nhắc ấy thuộc hai loại :

1. Những sự cứng nhắc tích cực : những bản năng, những đam mê, những tình cảm gắn chúng ta với những người và những vật có trong tay, thu hút hết năng lượng, đòi hỏi nhiều thời gian, nhiều chú ý, nhiều chăm sóc, và thường làm cho chúng ta quay lưng lại với mục đích cao cả từng được khao khát, bằng những cách khác nhau.

2. Những sự cứng nhắc thụ động. Đó là những trở ngại ít rõ ràng hơn, nhưng không kém phần hiện thực hơn. Đó là súc ỷ, thói luôi biếng thể chất và tinh thần, là "trọng lực" đóng đinh người ta xuống đất, là tất cả mọi hình thức của lề thói, của truyền thống, của những thói quen và đường mòn mà người ta không muốn ra khỏi đó.

Về mặt tâm linh, về mặt những giá trị thật, thì mọi mối ràng buộc say mê hay đặc biệt là mọi súc ỷ tinh thần đều dựa vào những sự đánh giá sai lạc, vào một cách nhìn sai lầm. Chúng cho thấy thiếu cái nhìn xa, một quan niệm cục bộ và méo mó về hiện thực, một sự vi phạm qui luật hài hòa và nguyên lý thứ bậc lớn, theo đó Tinh thần thánh, Tinh hiện thực, cái Thiện - tức là Giá trị tối cao - phải chiếm vị trí thứ nhất trong tinh thần và trái tim chúng ta, phải là mục đích cao nhất của ý chí chúng ta.

Xét về một mặt khác, có thể nói rằng mọi ràng buộc là một sai lầm, ngược lại với qui luật sự sống, vì việc làm cho

một yếu tố tách biệt khỏi toàn bộ sự sống bị ngưng đọng lại, cố định lại và trở thành cứng nhắc là một mưu toan vô ích và tuyệt vọng, khi mà chính sự sống là một tổng thể gắn kết và là một dòng chảy vô tận mãi mãi sinh thành, một biểu hiện năng động thường xuyên biến đổi. Do đó, những gì từng là một sự giúp đỡ, một sự kích thích, một nhân tố thuận lợi cho sự mở rộng vào một lúc nào đó lại có thể trở thành một trở ngại, một sợi dây ràng buộc, một sự kìm hãm sau đó.

Tấn kích tình yêu của người mẹ là một ví dụ, khi người mẹ không sáng suốt để biến đổi phẩm chất và những biểu hiện yêu thương của mình theo sự phát triển của những đứa con.

Do đó, có một qui tắc quan trọng : những sự ràng buộc là những trở ngại đối với sự phát triển tâm linh, không phải chỉ khi chúng có bản chất thấp kém hoặc "xấu xa" mà cả khi chúng rất tốt. Mà những ràng buộc "tốt" này thường nham hiểm hơn và dai dẳng hơn, chính vì chúng được biện minh về bề ngoài.

Hiểu thật đúng tất cả những điều đó và tự giải thoát khỏi những ảo tưởng và mù quáng sẽ giúp cho người ta nhiều : đó là bước đầu tiên cần thiết, nhưng cũng chưa đủ. Nó chỉ là dấu hiệu khởi đầu đấu tranh, làm việc vì sự giải thoát nội tâm.

Những ràng buộc ấy, ngay cả khi chúng ta cảm thấy rõ ràng và muốn giải thoát khỏi chúng, vẫn ngoan cố chống lại trong chúng ta. Rabindranath Tagore đã diễn đạt điều đó rất hay trong trường ca *Gitanjali* của ông :

Những xiềng xích của tôi dai dẳng lắm,
Nhưng tim tôi đau khi tôi định phá chúng đi.
Chỉ có tự do là điều tôi mong ước,
Nhưng tôi xấu hổ khi hy vọng tự do.
Tôi tin chắc ở Người có những nguồn
của cải vô tận
Người là bạn tốt nhất của tôi, nhưng tôi không
đủ dũng cảm
Để vất đi những vật hào nhoáng ngập đầy phòng.
Tôi như bị phủ bằng tấm vải liệm và cái chết,
Tôi ghét nó nhưng lại xiết nó vào tim.
Nợ nần tôi quá nhiều, tôi lại quá nhiều thiếu thốn
Nỗi xấu hổ của tôi thật thâm kín và đè nặng lên tôi,
Nhưng khi tôi đến để hỏi tài sản của tôi,
Tôi run lên vì sợ hãi, lời nguyện cầu của tôi
không được chấp thuận.

Bây giờ, ta hãy xem xét bốn phương pháp để đạt tới sự
giải thoát :

Phương pháp "xé toang"

Thường cuộc sống buộc chúng ta phải giải thoát bằng
cách lấy đi những người và những đồ vật mà chúng ta hằng
gắn bó, theo những cách khác nhau. Đó là phương pháp
triệt để nhất và nhanh chóng nhất, nhưng lại rất đau đớn
và có thể gây ra những phản ứng nặng nề. Tuy nhiên, sau

một thời kỳ xáo động tình cảm, trong đó người bị đưng tới có thể được giúp đỡ một cách khó khăn, người đó thường sẽ thoát ra khỏi thời kỳ đó chín chắn hơn và khỏe mạnh hơn.

Phương pháp biến đổi

Phương pháp này làm biến đổi những sự ràng buộc của chúng ta bằng cách thăng hoa những năng lượng tình cảm đã tạo ra những ràng buộc đó, cũng như bằng cách mở rộng những đối tượng ràng buộc, hoặc bằng cách thay thế những đối tượng khác vào.

Phương pháp này có tính tuần tự hơn và êm thấm hơn, nhưng dần dần sẽ đưa tới kết quả giống thế.

Phương pháp này thành công nhiều hơn hay ít hơn tùy theo những tâm tính cá nhân mà trong lĩnh vực này là rất khác nhau. Ở một số người, những năng lượng tình cảm rất uyển chuyển, dễ chuyển dịch, đôi khi còn quá linh động nữa ; ở những người khác, trái lại, nói theo lối ẩn dụ, chúng cô đặc, nhót dính, dai dẳng và, do đó, rất khó có thể chuyển dịch và biến đổi.

Ta hãy xem phương pháp này có thể được áp dụng như thế nào trong trường hợp có sự ràng buộc điển hình và chính yếu thường gọi là tình yêu.

Từ "tình yêu" là chỉ những điều rất khác nhau : tình yêu nhục cảm, bản năng, tình yêu - đam mê mang nhiều dạng khác nhau, và cuối cùng là tình yêu tâm linh và thần bí.

Vấn đề này phải được phát triển rộng, nhưng tôi chỉ giới hạn vào một vài nhận xét, vì ở chương 20 sẽ bàn rộng

hơn : đó là chương Biến đổi và thăng hoa những năng lượng tình cảm và tính dục.

Sự thăng hoa quan trọng nhất và thường thấy nhất được thực hiện khi chuyển từ tình yêu - đam mê hay tình yêu tình cảm sang tình yêu tâm linh. Đây là những sự khác nhau giữa các thứ tình yêu ấy.

Tình yêu - đam mê có tính chiếm hữu, đòi hỏi, chiếm đoạt, độc quyền và ghen tuông. Tình yêu tâm linh thì hào hiệp và tỏa chiếu. Ai có tình yêu tâm linh, người đó sẽ được tự do và đem lại tự do.

Sự mở rộng lĩnh vực các quan hệ tình cảm của chúng ta, mà hậu quả là giảm bớt sự ràng buộc chặt hẹp và độc tôn chỉ với một mối liên hệ, một đối tượng, được những đặc trưng của cuộc sống hiện đại làm cho dễ dàng hơn nhiều. Sự mở rộng và tăng cường những mối liên hệ con người do những truyền thống được đẩy nhanh hơn và dễ dàng hơn - nhờ những phương tiện hiện đại cũng như những hình thức mới của cuộc sống liên kết với nhau - đang tạo thuận lợi cho những hình thức hữu ái và hợp tác. Những điều này đang sửa lại đúng lúc xu hướng độc tôn và ràng buộc quá mức.

Cũng có thể nói như thế về sự thay thế các đối tượng đang được trút đổ vào tất cả những năng lượng tình cảm, nhưng kho tàng tình cảm đã trở thành một sự *bối rối vì giàu có* (embarras de richesses) của nhiều người, nhất là của phụ nữ. Do số lượng lớn và ngày càng tăng lên, các hoạt động xã hội đa dạng hóa hiện nay đem lại nhiều cơ hội để biểu

hiện những tình cảm mà cuộc sống không cho phép nói lên một cách trực tiếp và có tính cá nhân.

Còn có một sự thay thế khác nữa, những đối tượng tâm linh thay cho những đối tượng con người, đã được R.W, Emerson chỉ ra trong câu nói ngắn ngủi nhưng đầy hàm ý : "Khi các á thần biến đi, thì thần thánh sẽ tới".

Phương pháp phi bi kịch hóa và hài hước

Nhiều người bị ràng buộc quá mức, vì họ thường coi cuộc sống, các hoàn cảnh và các cá nhân một cách quá nghiêm túc ; họ có xu hướng coi mọi cái đều mang tính bi kịch. Để tự giải thoát, họ phải trau dồi một ứng xử hào hứng hơn, thanh thản hơn, phi cá nhân hơn.

Đây là cách học quan sát tấn hài kịch của con người từ trên cao, mà không tham dự vào đó về mặt tình cảm quá mạnh, coi cuộc sống của thế giới như là một sự trình diễn trong đó mỗi người sắm một vai. Mỗi người phải đóng vai một cách tốt nhất nhưng không tự đồng nhất hoàn toàn với nhân vật mình đóng.

Một trong những quan niệm sâu sắc nhất và thiên tài nhất của Ấn Độ là quan niệm về "cuộc nhảy múa vũ trụ" của Shiva, một trong những bộ mặt của Thực thể tối cao. Quan niệm này được mô tả vắn tắt trong đoạn trích sau đây :

Cuộc nhảy múa của Shiva mang ba ý nghĩa cốt yếu. Trước hết đó là hình ảnh trò chơi nhịp điệu của ngài với tư cách là một bộ phận của toàn bộ

vận động vũ trụ ; sau nữa, nó nhằm mục đích giải thoát vô số người khỏi sự lệ thuộc vào ảo ảnh ; cuối cùng, nó lấy Trung tâm Vũ trụ làm sân khấu : đó chính là bên trong trái tim tạ.

Quan niệm ấy cũng được trình bày rất hay và rất khéo gọi bởi Hermann Keyserling trong chương cũng mang nhan đề "Hài kịch thần thánh" trong cuốn *Những suy ngẫm ở Nam Mỹ* của ông.

Bằng cách quan sát và sống theo cách mở rộng và nâng cao này, chúng ta nhìn thấy được những mặt nghiêm trọng, gay go, đau đớn, nhưng cũng nhìn thấy được những mặt vui vẻ, nhẹ nhàng, sáng chói và cả những mặt hài và buồn cười của nó. Những mặt này là sự đối trọng vừa vận và cần thiết với những mặt kia. Nghệ thuật sống nằm ở chỗ lần lượt, điều đó chúng ta có nhiều khả năng làm được hơn mình tưởng.

Theo cách nhìn này, hài hước là một vũ khí quý giá. Ở những mặt tốt nhất và khác nhau nhất của nó, rất khác với cái hài hời hợt và tầm thường, sự hài hước thấm đượm tình cảm. Có thể nói rằng nó bao hàm sự hiểu biết, thiện cảm, thông cảm và đồng thời cả sự dũng dung nữa.

Phương pháp độc lập nội tâm, tự chủ tâm linh

Nhiều ràng buộc bắt nguồn từ ý thức lệ thuộc đối với người khác, vào nhu cầu được ủng hộ và giúp đỡ, đôi khi tưởng là thế. Nhiều người nghĩ rằng họ không biết ứng xử

như thế nào và sẽ bị lạc hướng nếu không dựa được vào người khác hoặc bám lấy họ, hoặc chỉ vì sợ làm như vậy.

Để tự giải thoát khỏi loại ràng buộc thật ra là những sự giới hạn và lệ thuộc này, cần phải tin vào những năng lượng tiềm ẩn mạnh mẽ của con người ở bên trong mỗi chúng ta. Cần khẳng định lại bản chất tâm linh đích thực của chúng ta, dựa vào thực thể đích thực của chúng ta, vào cái Tôi cao cả, tâm linh của chúng ta. Chúng ta có thể tìm thấy ở đó tất cả ánh sáng, sức mạnh và sự giúp đỡ mà chúng ta cần có.

Để kết luận, hãy hiểu rõ rằng tự giải thoát khỏi những ràng buộc không có nghĩa là sống tiêu cực, không chịu một sự cắt bỏ, một tổn thất nào.

Như một hiền triết phương Đông nói :

"Càng học được cách tách ra, bạn càng phát hiện ra rằng bạn có thể yêu thương những người thân thiết của mình sâu hơn và sáng tạo hơn".

Tách ra có nghĩa là chiếm lĩnh được sự tự do cao nhất trong tất cả các tự do và thậm chí đó là sự tự do đích thực duy nhất, "sự tự do của những đứa con Thượng đế".

18. NHỮNG TRỞ NGẠI TÌNH CẢM VÀ TÌNH THẦN : TÍNH GÂY HẤN VÀ TÌNH THẦN PHÊ PHÁN

Bây giờ chúng ta hãy xem xét một trở ngại lớn khác đối với sự thực hiện tâm linh : xu hướng khẳng định bản thân và những biểu hiện gây hấn của nó. Những biểu hiện này rất khác nhau, một số mang tính chất xung động hơn, một số khác thì mang tính chất tinh thần hơn. Chúng ta sẽ bàn chung những biểu hiện ấy vì những yếu tố tình cảm và tinh thần thường liên kết nhau và giao nhau một cách phức tạp.

Trong số những biểu hiện có tính chất gây hấn, có thể ghi nhận sự đối kháng dưới những hình thức khác nhau của nó : bực bội, giận dữ, oán hận, xu hướng phê phán, phán xét và chê trách.

Giận dữ và sự phản ứng do bất cứ trở ngại hay đe dọa nào đối với sự tồn tại và sự tự khẳng định của chúng ta gây ra, ở bất cứ lĩnh vực nào. Việc coi nó là một phản ứng "tự nhiên" không có nghĩa là bao giờ nó cũng hợp thời, hoặc nó có thể đạt tới những mục tiêu tự khẳng định vị kỷ. Không hiếm khi nó còn gây ra một tổn thất hiển nhiên : giận dữ là cố vấn tồi và, nếu nó không bị chế ngự, nó đẩy tới bạo lực và những sự quá lạm, và tới chỗ "gây ông đập lưng ông".

Điều đó rõ ràng đến mức không cần phải nhấn mạnh ở đây nữa ; tiếc thay, trong ngọn lửa hành động, chúng ta thường quên đi những điều thật sơ đẳng !

Giận dữ có một hậu quả nguy hiểm khác : nó gây ra trong cơ thể chúng ta những chất độc thực sự. Những chất độc này cũng là sản phẩm của sự oán hận, mà sự oán hận thì có thể được coi như một sự bực bội kinh niên.

Tôi cho là có ích khi dừng lại chủ yếu ở một mặt của xu hướng gây hấn là xu hướng có bản chất tinh vi và xảo quyệt, có sức lan tỏa ghê gớm và những hậu quả xấu xa đáng được chú ý. Đó là tinh thần phê phán, là xu hướng - hay có thể nói, tật sinh chung - muốn phán xét, trách cứ người thân của mình vào bất cứ dịp nào.

Ta hãy tìm hiểu xem tại sao xu hướng này lại phổ biến và mạnh mẽ đến thế, tại sao nhiều người tuy có những phẩm chất đạo đức về những mặt khác, nhưng lại hăng hái lao vào việc phê phán những người khác và khi làm điều đó, họ cảm thấy hết sức thích thú, một niềm thích thú tỏa ra từ cả thân thể họ : từ những cách chuyển giọng đến những cử chỉ sôi nổi và cả những cái nháy mắt của họ.

Một sự phân tích tâm lý vẫn tất để làm cho chúng ta hiểu được lý do của nó. Thật ra, nhu chúng ta có thể nhìn thấy, nhiều xu hướng căn bản của con người tìm thấy sự thỏa mãn của chúng ở tinh thần phê phán. Trước hết, sự phê phán thỏa mãn bản năng tự khẳng định của chúng ta : nhận xét và nêu bật lên những thiếu sót và nhược điểm của người khác đem lại cho chúng ta một cảm giác trội hơn thật

để chịu, dần dần gây ra tính tự phụ ở chúng ta. Thứ hai, nó đem lại một lối thoát trực tiếp cho năng lượng gây hấn của chúng ta : sự phê phán đem lại tất cả những sự thỏa mãn về một chiến thắng dễ dàng, không nguy hiểm, vì kẻ thù của chúng ta vắng mặt, nó có vẻ như một trò chơi vô tội, thậm chí như một bốn phần và, bằng cách lừa phỉnh ý thức đạo đức của chúng ta, nó thoát khỏi mọi kìm hãm và mọi sự kiểm duyệt nội tâm.

Một yếu tố khác cũng gây tác động : nhiều người buộc phải chịu sự thống trị của người khác mà không phản ứng, hoặc phải chịu những tình huống và những điều kiện khó chịu mà họ không thể nổi lên chống lại được ; đối với họ, phê phán là cách duy nhất để thể hiện một cách thoải mái sự thù địch và sự oán hận được họ nén xuống, là nắp an toàn duy nhất để giảm bớt sự căng thẳng nội tâm của họ. Lý do ấy cũng cho phép giải thích tại sao ở đàn bà tinh thần phê phán phát triển hơn ở đàn ông - nhận xét này không phải của tôi. Thật ra, người đàn ông có những phương tiện kém cao cả hơn để thể hiện xu hướng gây hấn của mình và rất thường dùng tới những phương tiện ấy.

Cuối cùng, điều này có vẻ thật lạ lùng, sự phê phán cũng thỏa mãn xu hướng kết hợp với những người khác, dù cho đó là một cách cục bộ và thiếu xây dựng. Nghịch lý bề ngoài ấy không làm chúng ta phải ngạc nhiên nhiều ; thật vậy, có một kẻ thù chung, thực tế hay giả định, là điều có thể hòa giải và thống nhất các cá nhân hay các nhóm một cách dễ dàng nhất. Chính vì thế, dùng ngạc nhiên khi thấy người ta

dễ dàng tìm được sự thích thú tự khẳng định và đồng ý với nhau để nói điều xấu về những đồng loại ! Nhưng, tất nhiên, đó không phải là những sự thống nhất thật sự, mà là những sự kết bạn tạm thời và hời hợt vì dựa vào thói chia rẽ mà không phải vào sự thống nhất ; chính vì thế, mối liên hệ tiêu cực này rất thường dễ tan vỡ. Do đó, chẳng phải là hiếm khi nghe Mít và Xoài nói xấu về Bưởi, rồi Mít và Bưởi nói xấu về Xoài, và cũng không loại trừ việc Xoài và Bưởi lại cùng nhau nói xấu về Mít !

Thái độ tâm lý của sự phê phán thường xuyên ấy, với tất cả sự ngạo nghễ buồn cười của nó, đã được một giai thoại Anh nói rõ : hai ông già Écosse thích thú đến điên lên khi làm quen với nhau. Sau khi đông dài đủ thú, một người nói để kết luận : "Tóm lại, ông bạn thân mến ạ, đúng là mọi người đều điên cả, chỉ trừ ông với tôi ra mà thôi... Nhưng, ông cũng thế, ông đã hơi ảm đầu rồi đấy..."

Chế nhạo và trêu chọc là một biểu hiện riêng biệt của tinh thần phê phán. Tất cả những người cách tân và những người tiên phong đều bị chế nhạo và bị coi là những người mất cân bằng.

Cần thấy rằng, giữa chế nhạo và hài hước có một sự khác nhau căn bản mà thường không được nhận ra. Chế nhạo mang tính thù địch, không hiểu biết, thường là tàn bạo, trong khi hài hước lại đầy độ lượng, đầy thiện ý, đầy thông cảm. Đó là nhìn thấy những nhược điểm của con người từ trên cao, dưới ánh sáng thật, và đúng mức độ. Và kẻ hài hước thật sự là kẻ trước hết cười... chính mình.

Làm thế nào để từ bỏ xu hướng phê phán ấy ?

Có nhiều phương tiện hữu hiệu :

1. Biến đổi và thăng hoa.

Xu hướng phê phán có thể được biến đổi thành một năng lực suy xét sáng suốt và sắc bén, "tinh thần phê phán" biến thành "tinh thần tự phê phán". Suy xét không chỉ là cần thiết, mà còn là chính đáng. Không phán xét người khác không có nghĩa là - như một số người nghĩ - không nhận ra những thiếu sót của họ, hoặc tự nhắm mắt lại trước những thiếu sót đó và càng không phải là nhượng bộ cho những đòi hỏi không đúng của họ.

Điều phân biệt tinh thần phê phán và sự suy xét là thái độ nội tâm khi phát hiện thấy những khuyết điểm của người khác : trong khi người hay phán xét cảm thấy thích thú về việc đó, có ý thức nhiều hay ít, thì người suy xét lại thấy khổ sở về những thiếu sót ấy, không muốn nhấn mạnh và lan truyền đi, mà cảm thấy mình như bị thúc đẩy tới chỗ thông cảm và giúp đỡ người có khuyết điểm ; không những không thích thú về tính trội hơn của mình, mà muốn người khác ngang với mình hoặc cao hơn mình ; người suy xét làm việc và cầu mong cho sự hoàn thiện của mình. Nếu có khi, vì tôn trọng sự thật, vì trung thành với những nguyên tắc của mình hay vì lợi ích của người khác, người suy xét theo lối tâm linh phải công khai tuyên bố sự bất đồng của mình, phải ngăn ngừa hay đề phòng một điều xấu xảy ra, phải bảo vệ một sự nghiệp, một cơ quan hay một cá nhân bị công kích không đúng, thì người đó làm điều đó một cách đúng

cảm và kiên định, nhưng bao giờ cũng theo lối bình thản và vô tư.

2. Phát triển những phẩm chất trái ngược nhau.

Những phẩm chất này có thể chia thành hai nhóm. Nhóm thứ nhất gồm lòng nhân từ, sự dịu hiền, sự hào hiệp, tình yêu thương.

Tôi không nói đến một lòng tốt giả hiệu, thụ động, yếu ớt, đa cảm, mà là một lòng tốt tâm linh thật sự, mạnh mẽ, năng động, tỏa chiếu. Đó là lòng tốt của một François d'Assise khi có thể làm nguôi cơn chó sói Gubbio và nhiều "con sói người" ; đó là lòng tốt của người trùng họ, François ở Sales, từng giúp nhiều người cải đạo bằng tính dịu hiền và sự tử tế không lay chuyển của mình. Khả năng của tính dịu hiền cũng đã được một câu tục ngữ Toscan tinh tế nhấn mạnh : "Bắt được nhiều ruồi bằng một giọt mật mà không phải bằng một thùng cay chua !" Tất cả những điều đó đã rõ ràng đến mức thật vô ích khi phải nhấn mạnh thêm. Trong trường hợp này cũng như trong những trường hợp khác, "chỉ cần"... thực hành những ý tưởng ấy !

Một nhóm phẩm chất cần phát triển khác gồm có sự đánh giá cao, sự ca ngợi, sự biết ơn, sự nhấn mạnh tới mặt tốt của các sự vật, các cá nhân, các hoàn cảnh. Cách nhìn này thường được gọi là sự lạc quan, nhưng đây không phải là sự lạc quan mù quáng, hời hợt. Người ta có thể nhìn thấy rõ tất cả các mặt của cuộc sống, kể cả mặt đen tối, tiêu cực, trong khi vẫn chủ tâm hướng sự chú ý, sự đánh giá của mình tới cái tích cực.

Theo lời nói của Alphonse Karr : "Kẻ bi quan nhìn thấy gai dưới bông hồng, kẻ lạc quan thì nhìn thấy bông hồng dưới gai". Để dùng một hình ảnh khác : một cái cốc đựng nước một nửa có thể được nhìn thành một nửa không hay một nửa đầy.

Thái độ ấy được Vittoria Aganoor Pompili mô tả bằng thơ trong đoạn đối thoại sau đây giữa thánh François d'Assise và một trong những người anh em của ngài :

"Thưa thanh François, hình như tôi nghe thấy tiếng rần huyết dưới những bụi cây.

- Ta chỉ nghe thấy tiếng rừng thông lao xao và tiếng chim hót.

- Thưa thánh François, có mùi hôi thối xông lên từ khu rừng và cái hồ.

- Ta ngửi thấy mùi húng tây và đậu kim và ta hít thở thật vui, thật khỏe khoắn.

- Thưa thánh François, chiều tối đã đến, chúng ta đang lún sâu vào vũng lầy chúng ta đã đi cách nơi ở quá xa.

- Hãy ngược mắt lên khỏi vũng lầy đi, mà người sẽ thấy các vì sao lại nở trong các khu vườn thiên giới".

Sự đánh giá thân thiết về mặt tốt và sáng láng ấy của mọi vật và mọi người làm cho cuộc sống trở nên dễ dàng hơn và nhẹ nhàng hơn. Nó đem lại ánh sáng và sức mạnh để tự giải thoát khỏi sự bất mãn, bực mình, oán giận, nổi

loạn chống lại các hoàn cảnh, chống lại cuộc sống, chống lại chính Thượng đế, mà đó là mặt cay đắng nhất, khổ sở nhất, mù quáng nhất và, có thể nói, tầm thường nhất của sự đau khổ về những nỗi bất hạnh của chúng ta.

Chúng ta dám phê phán Thượng đế, lên án ngài, có ý thức nhiều hơn hay ít hơn, về tính vô cảm, tính khắc nghiệt, tính tàn bạo đối với chúng ta hay đối với người khác, mà không hiểu sự kiêu ngạo của những phản ứng ấy là to lớn và đáng buồn cười đến mức nào. Trong khi lẽ ra không cần phải nhắc đi nhắc lại nhiều lần rằng, với một độ lùi nào đó, chúng ta phải thấy ra được chức năng tốt lành về mặt tâm linh của sự đau khổ.

Cần phải biết ơn tác động của Thượng đế, ngay cả khi tác động ấy có vẻ khắc nghiệt và đối địch. Victor Hugô đã viết một truyện ngụ ngôn luân lý rất tinh tế về vấn đề này :

... con ngựa bị giằng xé giữa thiện và ác.

Arimane làm điều ác cho nó, Crmuz lại làm
điều thiện,

Ngày ngày, nó cảm thấy bị tan vỡ dưới
những ngọn roi,

Như ở đằng sau nó, ông chủ nghiệt ngã đang
giấu mình,

Con quỷ bí ẩn ra đòn vào cả thân mình nó ;

Chiều tối, nó lại thấy một người bạn tử tế
và dịu hiền,

Cho nó ăn và cho nó uống,

Rải rơm mát lên nền chuồng đen xin của nó,
Tìm cách xóa nổi nhọc nhàn của nó bằng một thứ
đầu bôi,
Và xóa sự mệt mỏi của nó bằng một buổi nghỉ
ngơi tử tế
Ôi, có kẻ hành hạ nó, nhưng có kẻ yêu thương nó,
Và con ngựa tự nhủ : "Có cả hai". Cũng thế cả thôi !

Nhiều người xác nhận rằng sự quý trọng, ca ngợi và biết ơn có một quyền năng có thể nói là "kỳ diệu" đối với chính các hoàn cảnh khác nhau : mở ra những con đường, phá tan những trở ngại, thu hút điều thiện. Dù sao, sự biến đổi rõ rệt về nội tâm do những điều đó tạo ra cũng là điều chắc chắn.

Chúng tạo ra trong chúng ta một sự hài hòa, một sự thanh thản, một sự an bình sâu lắng "mà chẳng có gì khuấy động được, trong đó tâm hồn lớn lên như bông hoa thiêng mọc lên trên những mặt nước yên tĩnh".

III - TÍNH TÂM LINH TRONG ĐỜI SỐNG HÀNG NGÀY

19. TÍNH TÂM LINH Ở THẾ KỶ XX

Nhan đề chương này có vẻ nghịch lý. Tôi nghĩ rằng ngay cả những người bi quan, những người chê bai cuộc sống hiện đại, những nhà tiên tri báo trước sự suy đồi, theo kiểu Spengler, cũng coi đó như một điều mỉa mai đáng buồn. Tôi phải thừa nhận rằng những mặt bề ngoài và ồn ào nhất của cái nửa đã được vượt qua của thế kỷ này⁽¹⁾ dường như cho thấy họ có lý. Bức tranh toàn cảnh bên ngoài để lộ ra những tính chất duy vật, thậm chí chống tâm linh một cách rõ rệt.

Thật vậy, người ta có thể thấy rõ, vào đầu thế kỷ này, những xu hướng sau đây : kỹ thuật phát triển nhanh chóng ; phúc lợi vật chất được ngày càng coi trọng và tìm kiếm ; tiền bạc được coi là thiêng liêng và không ngừng đem lại uy tín cũng như quyền lực ; thành công vật chất được coi như dấu hiệu và bằng chứng của giá trị cá nhân.

(1) Bài này dựa vào bản gốc viết năm 1931, được công bố lại năm 1962. Lần tái bản ấy là cơ sở của chương này. (Ghi chú của người chịu trách nhiệm công bố).

Sự khao khát kiếm tiền, ý muốn có sức mạnh, những tham vọng cá nhân và tập thể, những ước mơ về sức mạnh vật chất, những sự tranh đua, những sự hiểu sai, những nỗi sợ lẫn nhau giữa các quốc gia đã đạt tới đỉnh cao nhất ở hai cuộc chiến tranh thế giới khủng khiếp.

Tiếp theo các cuộc chiến tranh này là những xáo động sau chiến tranh : bạo lực trở thành phổ biến, lòng tham tiền không bị kìm hãm, sự phóng túng về tính dục, lòng khao khát hưởng lạc, sự lãng phí đồng tiền để kiếm, và những xung đột kịch liệt ở tất cả các nước và giữa các nước.

Trong lĩnh vực văn hóa, người ta nhận thấy có tình trạng không quan tâm tới những giá trị và những lý tưởng truyền thống, ngày càng coi trọng khoa học hơn và gần như chỉ hướng sự quan tâm sống còn tới thế giới bên ngoài, một thứ triết lý công khai hoặc ngầm ngầm theo kiểu chủ nghĩa thực tế, thực chứng và duy vật chất. Trong đời sống cá nhân và xã hội, người ta coi trọng quá đáng thể thao, sùng bái thân thể, sức mạnh và tài khéo léo của nó. Ngày nay một võ sĩ quyền Anh có thể kiếm được hàng triệu chỉ trong một trận đấu, và một trận đấu bóng đá có thể thu hút tới mười vạn khán giả.

Ngay cả những phong trào khởi nghĩa nhằm khởi xướng một sự xây dựng lại quốc gia và xã hội, tuy thường được cổ vũ bằng một lý tưởng, cũng đã mang một tính chất và những biểu hiện rất vật chất ; những phong trào này đã mang tính gây hấn và bạo lực, mang tính quần chúng rộng rãi do khẳng định lại những giá trị có tính chất trần tục rõ rệt, như bám

lấy mảnh đất và chủng tộc của mình ; những phong trào này đã đặt lên hàng đầu những vấn đề có tính chất chính trị, kinh tế và tổ chức.

Chỉ lướt qua như vậy cũng đủ cho thấy tôi không hề có ảo tưởng và chắc chắn là tôi không lý tưởng hóa thế kỷ XX. Nhưng không thể chỉ bằng lòng với việc nhận xét các hiện tượng, càng không thể như thế đối với sự phê phán và phản nản về những hiện tượng đó.

Bất cứ ai quan sát và nghiên cứu cuộc sống đều phải hiểu được những sự kiện mình cảm nhận và, để hiểu được chúng, thì không được dừng lại ở những biểu hiện mang tính bên ngoài, không thể xem xét chúng một cách tách rời và nhất là không được có định kiến ngay lập tức để tán thành hay chống lại chúng. Không được có định kiến mà, trái lại, phải gác bỏ sang một bên những phản ứng và ưa thích cá nhân.

Nếu chúng ta có thái độ như vậy đối với thế kỷ XX, thì thế kỷ này mang một bộ mặt rất khác : thật vậy, chúng ta có thể nhận ra một tinh thần mới, một ánh sáng mới trong những đường nét gồ ghề và rắc rối của nó.

Trước tiên, chúng ta phải xem xét thế kỷ XX theo thế kỷ XIX mà nó đã bắt nguồn từ đó. Cần phải nhớ lại rằng, thế kỷ ấy, nhất là những thập kỷ cuối cùng của nó, đang sau lớp sơn phết nhân văn chủ nghĩa của nó, đang sau chủ nghĩa lý tưởng trên lời lẽ của nó, có đủ là tất cả, chỉ trừ tính tâm linh ra. Trong đời sống xã hội, một quan niệm tu sản đã chiếm ưu thế. Về mặt triết học, nó là thực chứng,

hay hoài nghi nữa. Về mặt văn học, nó là hiện thực chủ nghĩa, xác thịt, lãng mạn, suy đồi. Nói chung, văn hóa của nó mang tính duy trí tuệ, mà chủ nghĩa duy trí tuệ thì không có tính tâm linh, thậm chí còn là một trong những trở ngại âm ỉ nhất đối với tính tâm linh. Tóm lại, thế kỷ XIX đã mất đi sự tiếp xúc với những sức mạnh sống động, tự nhiên cũng như tâm linh, và đã bước vào một con đường không có lối thoát.

Vì thế, cuộc "nổi dậy của các sức mạnh trần tục", như Keyserling nói thật hùng hồn, tức là sự thức tỉnh của những sức mạnh bản năng, nguyên thủy, phi lý nhưng lành mạnh và sống động, đã trở thành một phản ứng, một sự quay về với nguồn gốc, cần thiết để ra khỏi ngõ cụt này và cứu nền văn minh khỏi những nguy cơ suy đồi và tan rã.

Nhưng sự biện minh cho thế kỷ XX như vậy cũng không đủ để xác định đặc trưng của nó và để khai thác nó. Cần phải đặt ra vài câu hỏi cụ thể nữa : trong những hiện tượng nhắc tới trên đây, nó có mang những dấu hiệu rõ ràng của tính tâm linh không ? Nó có thể tâm linh hóa những sức mạnh trần tục được thả lỏng không ? Và bằng cách nào ?

Trước khi trả lời những câu hỏi đó, cần phải làm sáng tỏ cách hiểu của chúng ta về *tâm linh*. Vì, như các hiền triết cổ của Trung Quốc đã nói rất đúng và như khoa học ngũ nghĩa mới lại khẳng định, trong mọi nghiên cứu nghiêm túc, trong mọi trao đổi tư tưởng, trong mọi tranh luận có hiệu quả, cần phải làm cho các thuật ngữ trở nên chuẩn xác, phải làm rõ nghĩa của các từ. Chẳng phải là đã bao nhiêu

lần người ta long trọng lên đường đi đánh nhau với những cái cối xay gió, trong tay cần một mũi lao sắc nhọn đó sao ! Và đã bao nhiêu lần, chẳng phải người ta không vẽ ra một cách vô thức một biếm họa, một hình ảnh phi thực tế về một đối thủ, một lý thuyết, một quan niệm và giành được một chiến thắng dễ dàng đến vô ích đó sao !

Nếu có một từ nào dễ bị lầm lẫn, khó hiểu và hiểu sai nhất, thì đó chính là từ *tâm linh*. Chẳng có gì đáng ngạc nhiên cả : nếu đã có những sự mập mờ hay những sai lầm nảy sinh từ những thuật ngữ khác dùng để chỉ những sự kiện hay những khái niệm đã được xác định rõ hơn và nói chung để hiểu hơn, thì tại sao lại không xảy ra như vậy, hoặc còn nghiêm trọng hơn nữa - đó chính là điều đang xảy ra - từ một từ chỉ một hiện thực cao cả, khó lĩnh hội và khó thực nghiệm, hầu như không thể diễn đạt theo lối duy lý ? Do đó, chúng ta có một lý do quan trọng để dồn những nỗ lực của mình vào việc làm sáng tỏ và chuân xác hóa nó. Trước hết, hãy xem những gì không phải là tâm linh đã.

Người ta thường lầm lẫn tâm linh và trí tuệ, một sự lầm lẫn dễ xảy ra hơn trong tiếng Pháp với từ *esprit* và trong tiếng Đức với từ *Geist*, những từ này được dùng trong những thú tiếng ấy để chỉ hai hiện thực rất khác nhau. Hơn nữa, từ *esprit* còn được dùng theo nghĩa psyché (tâm thần), mang tính tâm lý, chẳng hạn trong từ ngữ "tinh thần thời đại", ngay cả khi nói tới những thời đại chẳng có tính tâm linh nào cả !

Trong khi tìm cách nói rõ một cách chính xác những gì được từ "tâm linh" (*esprit*) muốn chỉ, trước hết phải phân

biệt rõ thực chất của đối tượng này, trong tính hiện thực cuối cùng của nó, với những biểu hiện của nó, tức là những đặc trưng mà nó bộc lộ cho chúng ta thấy, những dạng thức giúp cho chúng ta cảm thấy và nhận ra nó ở chính chúng ta và ở những cái khác, trong tự nhiên cũng như trong lịch sử.

Tâm linh tự bản thân nó là Tính hiện thực tối cao dưới dạng siêu việt, tức là tuyệt đối, của nó, không có một giới hạn hay qui định cụ thể nào. Như vậy, Tâm linh tự nó vượt qua mọi giới hạn thời gian hay không gian, mọi liên hệ với vật chất. Theo bản chất của nó, Tâm linh là vĩnh hằng, vô hạn, tự do, phổ biến. Tính hiện thực cao nhất và tuyệt đối ấy không thể nào được biết tới về mặt trí tuệ vì nó vượt qua trí tuệ con người, nhưng nó lại có thể được nêu thành định đề về mặt lý trí, được phát triển về mặt trực giác và, ở một mức độ nào đó, được thể nghiệm về mặt thần bí.

Bây giờ, ta hãy xem xét tới những biểu hiện của Tâm linh được chúng ta hiểu được để hơn và có liên quan trực tiếp hơn với chúng ta.

Tâm linh là yếu tố siêu việt, ưu việt, thường hằng, tự do, nội tâm, sáng tạo, hài hòa và tổng hợp ở trong tất cả những gì biểu hiện ra về mặt cá nhân cũng như tập thể. Chẳng hạn, trong con người, tất cả những gì thúc đẩy con người vượt qua sự độc tôn vị kỷ, những nỗi sợ hãi, súc ý, chủ nghĩa hoan lạc của nó, tất cả những gì đưa tới chỗ nó phải sắp xếp, chế ngự, hướng dẫn những sức mạnh hỗn loạn về bản năng cũng như về tình cảm đang tác động trong bản

thân nó, tất cả những gì thúc đẩy nó tới chỗ thừa nhận một hiện thực rộng hơn và cao hơn, mang tính xã hội hay mang tính lý tưởng, tới chỗ tự đặt mình vào hiện thực đó bằng cách đẩy lùi những giới hạn của cá nhân mình, tất cả những cái đó đều mang tính tâm linh ở một mức nào đó.

Hiểu từ tâm linh theo nghĩa này, thì những biểu hiện tâm linh chủ yếu là như sau :

- *dũng cảm*, khiến cho người ta vượt qua bản năng bảo tồn thể chất ;

- *yêu thương* và *tận tụy* đối với một người khác, đối với gia đình, tổ quốc của mình, đối với loài người khi vượt qua được thói vị kỷ ;

- *ý thức trách nhiệm* ;

- *ý thức hợp tác, tính xã hội, tình đoàn kết* ;

- *không vụ lợi* (vô tu) và, hơn nữa, *tận tụy* và *hy sinh bản thân mình* ;

- *ý chí*, hiểu theo nghĩa chân chính của nó, như nguyên tắc và khả năng tự quyết định, lựa chọn, tự chủ, tổng hợp ;

- *hiểu biết*, tức là mở rộng lĩnh vực ý thức của chúng ta, tự đồng nhất với những thực thể khác, với những biểu hiện khác của sự sống phổ biến - và nhất là hiểu biết sự sống phổ biến này, lĩnh hội được ý nghĩa và mục đích của nó, thừa nhận một Ý chí, một *sức mạnh* thông minh, sáng suốt, yêu thương từ Vũ trụ đến, hướng dẫn sự tiến hóa của sự sống phổ biến và đưa nó tới một mục đích vinh quang.

Tất cả những biểu hiện ấy của tâm linh không có giá trị giống nhau. Chúng có liên quan với cá nhân và nhóm xã hội trong đó chúng được bộc lộ. Chính vì thế, những biểu hiện nói lên một sự siêu việt, một sự vượt lên, một sự giải thoát đối với một cá nhân hay một nhóm lại có thể, ngược lại, là một sự giới hạn, một vật chướng ngại, một ứng xử thụ động đối với một cá nhân hay một nhóm khác, và do đó, là một cái gì không phải tâm linh hoặc hoàn toàn phản tâm linh đối với nó. Ở đây, không thể dán những nhãn hiệu hay đưa ra những xét đoán tuyệt đối, tĩnh. Chúng ta đang ở trong lĩnh vực của sự sống khác nhau một cách cụ thể, sự sống nằm trong vật chất, trong thời gian và không gian và, vì thế, trong một trường của những liên hệ, những triển vọng, những thang giá trị, những hệ thức bậc, những sự phát triển.

Chẳng hạn, sự dũng cảm thể chất khi đương đầu với các nguy cơ là một biểu hiện tâm linh đích thực, nhưng nó là thô sơ và sơ đẳng so với sự dũng cảm tinh thần. Hoặc như tình yêu đối với gia đình làm cho người ta thoát khỏi thói vị kỷ, khỏi sự cô lập cá nhân, chấp nhận các bốn phận và trách nhiệm, là một hình thức đáng quý của tính tâm linh thật, nhưng nó lại hạn chế hơn tình yêu đối với một cộng đồng đồng loại hoặc hạn chế hơn tình yêu, tình đoàn kết và sự tận tâm đối với toàn thể một dân tộc và hàng triệu người của nó, hoặc càng hạn chế hơn nữa so với tình yêu toàn thể loài người.

Về mặt này, để tránh những hiểu lầm, cần nhớ rằng những lĩnh vực ngày càng rộng lớn của đời sống tâm linh

không thủ tiêu hoặc loại bỏ những lĩnh vực trước đó, thậm chí còn bắt buộc phải có những lĩnh vực này. Chỉ có đi qua những mức độ kế tiếp nhau, con người mới nhận ra và thực hiện được những hình thức khác nhau của tính tâm linh.

Với những mặt chính của đời sống tâm linh đã được mô tả lúc qua và theo lối chỉ dẫn thuần túy trên đây, bây giờ chúng ta có thể nghiên cứu những mặt đó, hay những phẩm chất tồn tại của nó, qua những biểu hiện ở thế kỷ XX.

Theo cách nhìn rộng hơn và sâu hơn này, cách nhìn thế kỷ này cũng thay đổi sâu sắc. Người ta có thể thấy ra rằng sự thả lỏng những sức mạnh trần tục trong các cuộc chiến tranh và trong các cuộc cách mạng khác nhau tiếp theo đó đã cho phép thực hiện vô số hành vi dũng cảm cá nhân và tập thể, hy sinh, đoàn kết, vị tha.

Đối với hàng triệu cá nhân bình thường, sự dũng cảm thể chất, thái độ coi khinh nguy hiểm, sự chịu đựng nỗi đau, sự chấp nhận những ràng buộc, tình đoàn kết, sự tận tụy đều là những hình thức của tính tâm linh thích hợp với trình độ đã có cũng như với trình độ có thể vươn tới của họ.

Thật không đúng - vì điều này cho thấy một sự thiếu hiểu biết và, do đó, thiếu tính tâm linh - khi đòi hỏi người khác phải có những kiểu và những hình thức của tính tâm linh chưa chín muồi đối với họ và họ cũng không có những phương tiện cần thiết hay những cơ quan tâm lý - thể chất để biểu hiện ra.

Đối với hàng triệu con người, những kinh nghiệm ấy, những hành vi sơ đẳng ấy đã tạo nên một sự phát triển gia tốc mạnh mẽ của cá nhân. Hãy nghĩ tới một người nông dân năm 1914, khép kín vào những giới hạn chật hẹp ở góc núi và vào cuộc sống yên lành của mình, sống như cây cỏ hơn là con người, bị hạn chế vào sự thỏa mãn một vài bản năng và lợi ích sơ đẳng, chỉ được soi sáng bằng sự gắn bó với gia đình mình. Hãy tưởng tượng người nông dân này bị cuốn vào cơn lốc chiến tranh, bị đưa tới những hoạt động quân sự khác nhau, bị ném vào những mặt trận khác nhau, tiếp xúc với bạn bè và cấp trên, với kẻ thù và đồng minh, phơi mình cho bom đạn, cho cuộc sống khắc nghiệt dưới chiến hào, tham dự những chiến thắng và những thất bại, bị buộc tuân theo kỷ luật, phải tự làm chủ bản thân mình, bị ốm hay bị thương, gặp phải hàng nghìn khuôn mặt của cuộc sống... Khác nhau biết bao ! Kinh nghiệm sống của người đó sâu sắc làm sao ! Tinh thần anh ta mở ra biết bao !

Bây giờ ta hãy xem xét những sự phát triển cơ giới và kỹ thuật của nền văn minh chúng ta. Chúng mang một vẻ bề ngoài duy vật, như chúng ta đã nhận thấy. Nhưng trước hết chúng ta phải nhìn tới những kho tàng trí tuệ, nhẫn nại và ý chí bao hàm những khó khăn, nguy hiểm và hy sinh mà sự chinh phục và chế ngự vật chất mang lại cho con người. Sau nữa, phải tính đến sự nâng cao mức sống tập thể và, cuối cùng, những lợi ích do sự chế ngự vật chất ấy mang lại : giải phóng con người khỏi những công việc nặng nhọc nhất và làm người ta mù mẫn nhất, giảm giờ lao động

và, nhờ đó, mọi người đều có thời gian và năng lượng có thể dùng vào những hoạt động văn hóa, nghệ thuật và tâm linh.

Một mặt đặc trưng khác của thế kỷ XX - thoát nhìn có vẻ chống tâm linh, nhưng ngược lại, chứa đựng những mầm mống và đã có những trái quả hứa hẹn về phát triển tâm linh - là ưu thế của đời sống xã hội, tập thể đối với đời sống cá nhân.

Ở đây nữa, về bên ngoài cho thấy mặt xấu nhất của các sự vật. Những đám đông người được đặt lên hàng đầu. Ưu thế của chúng dường như đe dọa những giá trị tâm linh cao cả. Nhưng cần phải gạt bỏ một tấm màn mờ hồ quan trọng để phân biệt một bên là quần chúng không có hình thù, đám đông, và một bên khác là đời sống tập thể có tổ chức, những hình thức mới của đời sống xã hội tăng lên trong những tổ chức khác nhau. Đó là hai hiện thực khác nhau và đối lập nhau phần nào.

Đám đông thường tàn mạn, bàng quan, đi lùi, lai tạp : cá nhân bị mất đi hay tan đi trong đó ; nó có thể có ảo tưởng về tự do, nhưng trên thực tế hoàn toàn trái lại, nó bị những kẻ mị dân chi phối.

Tính tập thể có tổ chức mang tính hữu cơ, gồm những nhóm ngày càng lớn hơn, có thứ bậc, khiến cho trong đó các cá nhân vừa bị lãnh đạo vừa lãnh đạo, vừa dưới vừa trên, vừa nhận vừa phát các mệnh lệnh ; họ có những bốn

phận, những trách nhiệm và những quyền hạn cụ thể và có hiệu quả trong đó.

Trong cuộc sống xã hội mới này lại có những mặt tròn lẫn nhau. Nhiều cá nhân kém tiến hóa và kém phân hóa đem thái độ thụ động cũ của họ vào những nhóm xã hội mới. Nhưng điều đó không thể tránh khỏi : họ vẫn sẽ ứng xử như vậy.

Cần phải thừa nhận công khai nguy cơ chiếm ưu thế quá mức của mặt xã hội và tập thể đối với mặt cá nhân. Giữa hai mặt đó, phải có một sự cân bằng, hay như Keyserling nói đúng hơn, một sự "căng thẳng sáng tạo".

Hãy trở lại vấn đề những đám đông : cần phải chuyển càng nhanh càng tốt những người của đám đông, của "bầy đàn" thành nhóm. Chủ yếu đó là vấn đề giáo dục cá nhân và tập thể, và đó là một trách nhiệm, một bốn phận cụ thể của những người và những nhóm có văn hóa nhất và những người thức tỉnh nhất về mặt tâm linh. Làm như vậy, họ sẽ nâng được những đám đông lên một trình độ cao hơn và khác nhau hơn về đời sống tâm linh.

Ở đây đặt ra vấn đề về nhiệm vụ và chức năng của giới tinh hoa, của "giới quý phái tâm linh" với những trách nhiệm quan trọng hơn và cấp bách hơn bao giờ hết.

Cần phải kìm giữ, khống chế, áp đặt kỷ luật đối với những sức mạnh trần tục để chúng không đổ dồn thành những dòng thác phá hoại ; phải nâng cao và điều khiển một cách kiên quyết tính tâm linh sơ đẳng của quần chúng,

tính tâm linh nửa ý thức và pha trộn những yếu tố trần thế, bằng cách đưa chúng tới một sự biểu hiện ngày càng có ý thức, cao hơn, thuần khiết hơn, xây dựng hơn.

Đây là sáng tạo ra một thứ nghệ thuật mới cho dân chúng, nhưng không phải là một thứ nghệ thuật "bình dân" theo nghĩa xấu của từ này.

Nhiệm vụ này có vẻ rất khó tiến hành được tốt đẹp, nhưng chúng ta phải nhớ sức mạnh tạo dựng và sáng tạo của tâm linh là vĩ đại đến mức nào. Mặt khác, những đám đông do chính tính thụ động của họ cũng rất dễ tiếp nhận và rất dễ chịu ảnh hưởng. Carlyle và những tác giả khác đã chứng minh các vị anh hùng và thiên tài đã thấm nhuần tâm linh như thế nào và đã làm biến đổi cả một dân tộc, một nền văn hóa và một thời đại bằng ảnh hưởng của họ như thế nào.

Thế nhưng hiện nay, những phương tiện truyền bá và truyền thông mới lại đang hướng tới một ảnh hưởng nhanh hơn, dễ dàng hơn và rộng khắp hơn. Sự hiếm hoi của những nhân vật cao siêu ấy, ở một mức độ lớn, có thể được bù đắp bằng sự cộng tác hài hòa và có tổ chức tốt của các nhóm người có thiện chí, thức tỉnh và tích cực về mặt tâm linh.

Hơn nữa, đúng là các vị anh hùng, các nhà hiền triết, các thiên tài không thể được chế tạo ra hàng loạt, mà ngược lại, sự tìm kiếm những người có tài năng vượt bậc, sự giáo dục thích hợp với họ và, nói một cách chung hơn, việc sử dụng những phương pháp giáo dục dựa vào tâm lý học hợp

nhất mới (noiwelli psychologie integrale) và vào những kỹ thuật tổng hợp tâm lý của nó, sẽ cho phép đánh thức mạnh mẽ những tiềm năng quan trọng của cái siêu thức và của Ngã tâm linh.

Vì thế, cần phải xây dựng sự thông cảm, sự hợp tác giữa những người làm công việc tâm linh càng nhanh càng tốt và càng có hiệu quả càng tốt.

Nhưng trước khi nói tới sự đào tạo các giới tinh hoa này, phải nghiên cứu những tính chất khác của tính tâm linh ở thế kỷ XX.

Ngay từ đầu thế kỷ này, đã xuất hiện những phản ứng mạnh mẽ chống lại các xu hướng duy vật chất và thực chứng chủ nghĩa từng ngự trị ở thế kỷ XIX, trong tất cả các lĩnh vực văn hóa. Trong các khoa sinh học, việc lý giải máy móc về sự tiến hóa theo kiểu Darwin đã bị những quan niệm rộng lớn hơn vượt qua. Trong y học, một biến đổi nhanh chóng đã được thực hiện : cách tiếp cận thuần túy về mặt giải phẫu, bệnh lý, trong đó người ta gán tầm quan trọng lớn nhất cho những tác nhân gây bệnh bên ngoài (vi khuẩn, v. v...) và những thương tổn cục bộ, đã dần dần nhường chỗ cho một quan niệm năng động về sự sống có tổ chức, có tính tới tính khí cá nhân và tác động của những nhân tố và tâm linh đối với thân thể.

Tác động ấy, đôi khi ưu thế ấy, của những năng lượng tâm thần và tâm linh đã được nghiên cứu, và trong một số trường hợp, đã được chứng minh không thể bác bỏ được bởi một khoa học mới : ngoại tâm lý học (parapsychologie).

Nhiều nghiên cứu nghiêm túc và chặt chẽ đã chứng minh sự tồn tại của những hiện tượng và quyền năng ngoài (para) hay siêu bình thường (supranormaux).

Trong trường triết học, các nhà siêu hình thực chứng đã bị những phong trào duy tâm khác nhau, những nhà đối mới tâm linh và những trào lưu phản trí tuệ mạnh mẽ chống lại một cách có hiệu quả, chính họ nói lên thái độ chung nhất và tiêu biểu nhất của thế hệ mới.

Giữa các khoa học tự nhiên và triết học, một bộ môn đặc biệt - tâm lý học - đã trải qua một sự phát triển mạnh mẽ và đều đặn trong thế kỷ XX. Lúc đầu phục vụ cho chủ nghĩa thực chứng, nó nhanh chóng thoát khỏi điều đó và hướng theo một phương hướng rộng lớn hơn và có tính tâm linh hơn.

Trong trường đặc thù của tính tâm linh và tôn giáo, thế kỷ XX đã mang lại những sự phát triển không thể bác bỏ được và những bước tiến hiển nhiên. Ở đây, có thể ghi nhận ba xu hướng chính đang lan rộng và củng cố không ngừng :

1. Xu hướng đi tới sự mở rộng, tới tính phổ biến, tới sự tổng hợp. Thuyết phản trí tuệ (anti-intellectulisme) cũng biểu hiện trong lĩnh vực này, dưới hình thức thuyết phản giáo điều (anti-dogmatisme) và thuyết phản hình thức (anti-formalisme). Người ta ngày càng chấp nhận tính tương đối của mọi sự trình bày học thuyết và mọi sự hệ thống hóa hình thức mà người ta ngày càng hiểu rõ tính chất chỉ dẫn và tượng trưng của chúng. Nhưng sự trình bày ấy không phải

bị phủ nhận hoặc xóa bỏ vì vốn là thế, mà là được đặt lại đúng chỗ.

Một sự giúp đỡ mạnh mẽ theo hướng này là do sự hiểu biết ngày càng lớn, cả chiều sâu cũng như chiều rộng, về những quan niệm tâm linh của các dân tộc khác, nhất là của phương Đông, mà đúng hàng đầu là của người Ấn Độ. Có thể nói rằng một sự tổng hợp văn hóa và tâm linh thật sự giữa phương Đông và phương Tây đã bắt đầu được thực hiện, mà tầm quan trọng và những hệ quả của điều đó là vô tận : nó có thể dẫn tới sự thống nhất không phải có tính hình thức và bên ngoài, mà là bên trong và sâu sắc của loài người.

2. Xu hướng thứ hai thúc đẩy tới tính bên trong, tới thể nghiệm tâm linh trực tiếp. Nó biểu hiện ra ở mối quan tâm ngày càng tăng đối với thần bí học và những phương pháp cũng như những kỷ luật chiếm lĩnh nội tâm : tập trung, suy ngẫm, lóa sáng, yoga v.v...

3. Xu hướng thứ ba nhằm sống theo tính tâm linh trong cái cụ thể của cuộc sống, trong cái hằng ngày cá nhân cũng như trong đời sống xã hội.

Ở đây, có hai sự kiện có tầm quan trọng căn bản.

- Người ta đi tới một tính tâm linh toàn vẹn bao hàm toàn bộ con người - không trừ một yếu tố nào, không đối lập giữa trái tim và đầu óc, giữa tâm hồn và thân thể, giữa đời sống nội tâm và đời sống thực tiễn - và mở rộng ra đời

sống xã hội. Có thể gọi đó là sự tổng hợp tâm lý tâm linh (psychosynthese spirituelle).

- Chúng ta đang chứng kiến một sự mở rộng nhanh chóng của sự tìm kiếm và thức tỉnh tâm linh, biểu hiện ngày càng tăng ở nhiều người. Người ta không ghi nhận được nhiều biểu hiện có thể nhìn thấy được, vì đây là những sự kiện nội tâm và nhiều người thích che giấu chúng đi. Nhưng tôi có thể đưa ra một bằng chứng có ý nghĩa của nhà tâm lý học và tâm bệnh học C.G. Jung. Trong cuốn sách có nhan đề đặc trưng là *Con người trong sự khám phá tâm hồn của nó*, ông đưa ra nhận xét sau đây :

Trong ba mươi năm gần đây, nhiều người ở tất cả các nước trên trái đất đã đến khám bệnh ở chỗ tôi. Tôi đã chăm sóc cho hàng trăm bệnh nhân... Trong tất cả những người đang sống nửa thứ hai của đời mình, tức là trên 35 tuổi, tôi không thấy một người nào mà phân tích đến cùng, lại không có vấn đề tìm một cách nhìn tôn giáo về cuộc đời cả.

Có thể nói rằng, toàn thể loài người đang sống không phải chỉ giữa một cuộc khủng hoảng kinh tế, xã hội và chính trị, mà còn trải qua một công việc tâm linh sâu sắc, dù nhiều người không có ý thức về điều này. Thật ra, nhiều người lo lắng hoặc mắc bệnh không biết tới nguyên nhân sâu xa của chứng bệnh của mình, cũng như người ta chưa giúp họ hiểu được nguyên nhân ấy.

Công việc ấy là dấu hiệu chủ yếu của thời đại cao quý hiện nay, đồng thời cũng là niềm hy vọng lớn nhất, sự hứa hẹn lớn nhất về tương lai.

Theo các nhà quan sát sáng suốt nhất, đây đúng là công việc sinh đẻ ra một kiểu văn minh mới, một Kỷ nguyên mới trong lịch sử loài người.

Với cách nhìn chung này, chúng ta có thể hiểu được những nhiệm vụ cấp bách hiện nay là những gì, và chúng ta phải bắt tay thực hiện chúng như thế nào. Hãy nhìn thẳng vào tình hình. Thời điểm hiện tại là rất khó khăn. Đó là một thời kỳ chuyển tiếp.

Dưới đây, xin trình bày vắn tắt một vài vấn đề và bốn phạm vi hiện thời :

1. *Hiểu* những gì đang tới. Đó là cơ sở cần thiết.
2. *Giữ vững*, tức là dũng cảm và vui vẻ chịu đựng những khó khăn, những phản ứng chống lại và những bất lợi đủ mọi loại, có sẵn trong hoàn cảnh.
3. *Xây dựng*, hay nói đúng hơn, cộng tác tích cực với việc xây dựng nền văn minh mới.

Việc xây dựng này, giống như tất cả những việc xây dựng khác, không thể là sự nghiệp của những cá nhân riêng rẽ. Do đó mà có sự cần thiết đã nhắc tới trên đây về sự đào tạo các giới tinh hoa, các nhóm "làm công việc tâm linh". Những nhóm này phải có những đặc trưng mới : họ phải là tự do, có tinh tiến hóa và phổ biến.

Trong những nhóm này, sự thống nhất sẽ mang một tính chất hoàn toàn bên trong, sẽ được xây dựng trên một sự thông cảm chung, trên một nhiệt tình chung, trên một mong muốn phục vụ loài người chung. Nhưng lại phải bảo tồn một sự tự do hoàn toàn về những quan niệm riêng, những phương pháp và những lĩnh vực hành động. Sự thống nhất sẽ mang tính chất một tình hữu ái sâu sắc, một tình anh em tâm linh mà không phải là một sự bó buộc bên ngoài. Sự nghiệp của các giới tinh hoa ấy chủ yếu là đưa ra những chỉ dẫn, gọi ra những sáng kiến, giáo dục, soi sáng, nâng trình độ lên trong tất cả các lĩnh vực đời sống và tất cả các hoạt động của con người. Những gì người ta có thể làm được không thể nào tính hết. Vì thế, Hermann Keyserling nói :

Toàn bộ cơ thể di truyền đã bị tháo rời và đảo lộn. Tâm hồn đang mở ra một cách tự nhiên ; đang xảy ra một cuộc cải cách chung chỉ chờ đợi một dấu ấn tâm linh để đem lại cho nó một hình thức mới. Khả năng vô tận ấy được hé thấy, được cảm nhận bởi hàng triệu người, và rồi cuộc nó sẽ nuôi dưỡng toàn bộ nhiệt tình, toàn bộ tinh thần hy sinh mà chúng ta nhìn thấy ở những nước đang có cách mạng. Lý do của tất cả những điều đó là, xét tận gốc, con người là Tâm linh, ngay cả khi trong ý thức nó chỉ tin vào những sự kiện và những giá trị trần thế...

Ở giai đoạn lịch sử này, khả năng tiến một bước khổng lồ của Tâm linh trong quá trình đột nhập của nó vào trật tự trần tục là có tính quyết định và độc nhất. Từ nay mọi cái sẽ phụ thuộc tính chủ động của tâm linh, do đó vào tính chủ động cá nhân của con người.

Nếu đúng là như thế - và chúng ta hết sức tin chắc vào điều đó - thì hãy nồng nhiệt cầu mong rằng tất cả các tâm hồn thức tỉnh, các đầu óc sáng suốt, các trái tim hào hiệp sẽ xứng đáng có được cơ hội tuyệt vời hiện nay để có thể mở ra Kỷ nguyên vinh quang mới của Tâm linh. Và hãy có ý chí thật kiên định để hành động theo hướng đó.

20. BIẾN ĐỔI VÀ THĂNG HOA NHỮNG NĂNG LƯỢNG TÌNH CẢM VÀ TÍNH DỤC

Thật có ích và cũng rất cần thiết để bàn tới những vấn đề gay go gắn liền với tình yêu của con người và xem người ta có thể giải quyết nhiều khó khăn nghiêm trọng gặp phải trong lĩnh vực này như thế nào, người ta có thể cố gắng hòa hợp những bất hòa thường nảy sinh về điểm này trong trái tim con người và thậm chí gây ra nhiều bi kịch như thế nào.

Trong lĩnh vực tình yêu, các xung đột nảy sinh có những bản chất khác nhau : các xung đột giữa những xung lực bản năng và cả nghìn hoàn cảnh và lý do ngăn cản sự thỏa mãn ; những sự trái ngược nhau giữa sức thu hút nhục dục và khát vọng tình cảm ; những tương phản giữa những ham muốn do đam mê và xúc động gây ra và ý thức bốn phận, trách nhiệm, phẩm giá ; trạng thái không hòa hợp giữa sự ràng buộc tình cảm với một người nào đó và những yêu cầu cũng như đòi hỏi về một tình yêu cao hơn và rộng hơn.

Tất cả những xung đột ấy thường là nguyên nhân sống khó khăn và đau khổ dữ dội, là cơ hội của những sự đấu tranh dũng cảm và những chiến thắng diệu kỳ và là nguồn thanh lọc và nâng cao : trên thực tế, chúng đánh dấu những giai đoạn lớn của tâm hồn đi lên.

Vì thế, những sự đấu tranh nội tâm này là một phần trong kinh nghiệm sống của con người và thật vô ích khi muốn chạy trốn chúng. Người nào, vì nguỵng ngùng không đáng có, vì sợ hay vì dốt, mà không chịu giữ một lập trường rõ rệt đối với những vấn đề này, người đó sẽ phạm phải những sai lầm và dễ bị yếu đuối hơn những người khác. Trái lại, kẻ nào có dũng cảm để đương đầu một cách kiên quyết với những vấn đề và những tình huống do cuộc sống đặt ra, ở bên trong cũng như ở bên ngoài, và bình tĩnh xem xét chúng dưới ánh sáng tâm linh, người đó có thể xua tan nhiều lầm lẫn và ảo tưởng, tránh được những sai lầm và khuyết điểm, tránh được cho mình và cho người khác những đau khổ không cần thiết, tìm thấy những cách thức chắc chắn và tập trung để hòa hợp các năng lượng không ăn khớp nhau và giải quyết những vấn đề về cuộc sống của mình một cách hạnh phúc và có phẩm giá.

Ta hãy xem xét những thái độ khác nhau mà người ta có thể có và, trên thực tế, đã có khi đứng trước các xung đột ấy.

Đồn nén những yếu tố thấp kém

Những ai có một quan niệm nhị nguyên và phân chia chặt chẽ, coi các bản năng và các đam mê là một cái gì về căn bản là xấu xa và nhơ bẩn, thường đi tới chỗ xem xét chúng với sự khùng khiếp, chán chường và dùng tất cả mọi cố gắng của mình để dồn nén và xóa bỏ chúng.

Nhưng lối ứng xử ấy có những bất lợi nghiêm trọng. Sự quan sát tâm lý học cho thấy những sức mạnh sống động ở

trong bản thân chúng ta không thể bị xóa bỏ hoặc thủ tiêu. Với một phương pháp đè nén, người ta chỉ có thể ngăn cản chúng biểu hiện ra bên ngoài, làm cho chúng bị tê liệt bằng cách dùng một sức mạnh ngược lại, có cường độ ngang nhau để cân bằng với chúng. Nhưng sự dồn nén miễn cưỡng ấy không phải là một giải pháp thích hợp và đầy đủ : nó đòi hỏi một sự hao phí lớn về năng lượng khiến cho những hoạt động khác bị suy kiệt hoặc yếu đi, gây ra một sự căng thẳng nội tâm mạnh mẽ do những khủng hoảng hay những rối loạn thần kinh hoặc tâm thần có thể dẫn tới.

Chính là từ nhận xét ấy mà nhiều người cho rằng sự tiết dục là nguy hiểm cho sức khỏe. Nhưng, trên thực tế, không hẳn sự tiết dục tự nó phải được coi là nguyên nhân của những rối loạn ấy, mà là do phương pháp sai lầm được dùng để giữ nó.

Để mặc cho những bản năng và đam mê của mình tha hồ bộc lộ

Lối ứng xử này đang ngày càng lan rộng trong thời đại chúng ta, hoặc để phản ứng với những dồn nén bị bắt buộc quá mức, hoặc do sự suy yếu về ý thức tôn giáo và đạo đức và nhấn mạnh tới những quyền của cá nhân hơn là những bổn phận của nó.

Việt trở về với tự nhiên, được Rousseau và những người kế tục ông bảo vệ, sự phục hưng những lý tưởng mỹ học và hoan lạc thời Hy Lạp, chủ nghĩa duy vật chất và chủ nghĩa thực chứng trên lý thuyết và trong thực tiễn, chủ nghĩa cá nhân cứng nhắc Bắc Âu theo kiểu Ibsen, tóm lại tất cả

những trào lưu tư tưởng chính của thế kỷ trước đã góp phần tạo ra một sự sùng bái cái tôi cá nhân bằng những cách khác nhau, biến mình cho sự hoành hành của các bản năng và cho việc lao vào tất cả mọi đam mê và mọi ý thích thất thường.

Kết quả của lối sống ấy thật tai hại, như mọi người đều biết, ở trình độ cá nhân cũng như ở trình độ tập thể.

Những ai đã bán đi quyền trưởng thành về tâm linh của mình không thể có được niềm vui thích và hạnh phúc mà họ từng mơ ước. Những sự quá mức chắc chắn dẫn tới sự chán chường và suy kiệt. Các đam mê thường không được thỏa mãn vì thiếu sự đáp lại của bạn tình hoặc vì vấp phải những đam mê trái ngược. Việc thiếu mọi chỗ dựa nội tâm làm cho con người lo lắng, không thể tự thỏa mãn về bản thân mình, trở thành nô lệ cho mọi biến đổi nội tâm và mọi thăng trầm bên ngoài. Sự khuất phục bản chất thấp kém khi đó sẽ gây ra ở những người tự coi mình đã thoát khỏi mọi định kiến một sự bất mãn âm ỉ, một sự phản kháng liên tục của yếu tố tâm linh - có ở mọi con người - vì nó cảm thấy bị xâm phạm. Tiếng nói của lương tâm không để họ yên ổn, và thật vô ích khi những người đó không muốn nghe nó bằng cách tự huyễn hoặc mình trong một trạng thái sôi nổi thường xuyên, muốn bóp nghẹt nó bằng cách lao vào những sự thái quá ngày càng lớn.

Tóm lại, phương pháp phó mình cho các bản năng và các đam mê không những trái với những nguyên tắc đạo đức mà cũng không thể đem lại một sự thỏa mãn lâu bền.

May thay, có một con đường thứ ba không mang những bất lợi của hai con đường kia và có thể dẫn tới sự giải thoát, sự thỏa mãn và sự an bình.

Biến đổi và thắng hoa những năng lượng bản năng và tình cảm

Phương pháp này đã được biết tới từ lâu. Hơn nữa, đây không phải là một phương pháp tốt và "tự nhiên" theo nghĩa đúng nhất của từ này, tức là phù hợp với bản chất thật của con người và với con đường đi lên mà con người phải đi theo, nên nó được nhiều người dùng thành công theo lối trực giác. Họ thực hiện phương pháp này mà không biết rõ, không hiểu hoặc không muốn làm như vậy một cách có ý thức, chỉ bằng cách theo những lời khuyên mà những chỉ dẫn của Vị Hướng dẫn nội tâm không bao giờ làm hại cho những ai chân thành tìm cách sống tốt lành.

Phương pháp ấy là cơ sở của thuật luyện đan - thuật luyện đan đích thực, tâm linh - sử dụng những tượng trưng vật chất để diễn đạt hiện thực nội tâm và các quá trình của nó.

Diêm sinh, muối và thủy ngân mà những nhà luyện đan nói tới là những yếu tố khác nhau của tâm hồn con người. *Athantor*, bình chứa những yếu tố ấy, chính là con người. Ngọn lửa trên đó nó được đặt lên được gọi một cách rất có ý nghĩa là *incendium amoris*, ngọn lửa tình yêu. Những chất được đưa vào xử lý đi qua ba lần biến đổi. Trong giai đoạn đầu, gọi là thối rữa (*putréfaction*), chúng biến thành đen : giai đoạn này tương ứng với sự tẩy rửa hay thanh lọc mà

những nhà thần bí nói tới. Trong giai đoạn thứ hai, chúng trở thành trắng, biến thành bạc : điều đó tương ứng với sự lóe sáng của tâm hồn. Cuối cùng, trong giai đoạn thứ ba, chúng trở thành đỏ, biến thành vàng, thứ vàng tâm linh do hoàn thành *Magnum Opus*, *Sự nghiệp Lớn*, và tương ứng với giai đoạn hợp nhất vinh quang của các nhà thần bí.

Trong số những nhà thần bí Ki tô giáo lớn nhất và cân bằng nhất, có một vài người đã có trực giác về phương pháp thăng hoa và đã nói tới một cách ít hay nhiều rõ ràng. Thánh Jean de la Croix, chẳng hạn, đã nói : "Chỉ có tình yêu cao cả mới chiến thắng được cái thấp hèn", hoặc : "Từ những đam mê và những thèm khát nảy sinh ra đức hạnh, khi chúng được chế ngự và sắp xếp..." Nhưng để phù hợp với thời hiện đại và để trình bày cụ thể và chính xác hơn, tôi chủ yếu dẫn ra một bằng chứng chắc chắn của một nhà khoa học thực chứng : Sigmund Freud. Khi nghiên cứu đời sống tính dục và tình cảm của các bệnh nhân, ông đã có thể ghi nhận một cách chắc chắn sự tồn tại của khả năng biến đổi và thăng hoa tuyệt diệu ấy. Đây là nhận xét của ông trên cơ sở những quan sát của ông :

Những yếu tố của bản năng tính dục đúng là được đặc trưng bởi khả năng thăng hoa của chúng, nhằm đổi mục đích tính dục của chúng để lấy một mục đích xa hơn và có giá trị xã hội lớn hơn. Chính nhờ tổng số những năng lượng đạt được bằng những sự sản xuất tâm thần của chúng ta mà chúng ta có lẽ là những thành tựu cao nhất của văn hóa.

Nhà văn Anh Edward Carpenter cũng đã nghiên cứu những sự kiện và những qui luật của đời sống tính dục, và đã nói một cách còn rõ hơn nữa :

Chúng ta có thể nói rằng, có thể có một sự biến đổi đang được thực hiện và có thể được thực hiện vĩnh hằng trong con người không ? Aphrodite Pandemos và Aphrodite Ouranios - nhục cảm và tình yêu - có thể chuyển đổi vị trí lẫn nhau một cách tinh tế. Đó là một sự kiện thuộc kinh nghiệm thường ngày ; khi người ta phó mặc cho ham muốn thuần túy thể chất thì người ta cũng làm mất đi bản chất con người của những năng lượng tình yêu cao cả hơn của nó ; khi đó, nếu sự thỏa mãn thể chất bị từ chối, thì thân thể bị những đợt sóng xúc cảm xâm chiếm, đôi khi đến mức quá đáng và nguy hiểm. Nhưng ngay cả tình cảm xúc cảm ấy cũng có thể được biến đổi bằng cách kìm hãm hay ngăn cản sự biểu hiện của nó, dưới ảnh hưởng tinh tế của tình yêu tâm linh xâm chiếm tất cả.

Cuối cùng, tôi xin dẫn ra bằng chứng quan trọng của nhà triết học lớn người Đức, Schopenhauer :

Những ngày và những giờ mà xu hướng khoái lạc trở thành mạnh nhất... chính đó là những lúc mà những năng lượng tâm linh cao nhất... sẵn sàng hoạt động mạnh nhất, và chúng lại ở trạng thái tiềm ẩn lúc ý thức bị tuân theo những ham muốn ;

nhưng chỉ cần một nỗ lực lớn là đủ để thay đổi phương hướng và khi đó, thay cho những ham muốn dày vò, khốn khổ, tuyệt vọng, ý thức lại thấy những hoạt động cao nhất, những năng lượng tâm linh cao nhất của nó phát triển lên.

Từ những bằng chứng này và nhiều sự quan sát khác, người ta có thể xác định hai giai đoạn của quá trình này :

Giai đoạn 1 : Biến đổi những biểu hiện khác nhau của tình yêu theo lối đối lẫn nhau, tức là trước tiên *biến đổi những năng lượng tính dục bản năng thành những xúc cảm và tình cảm*. Theo lối đó, một tình yêu cao cả sẽ giúp chế ngự, đưa vào khuôn phép và làm lắng dịu những xung lực bản năng.

Giai đoạn 2 : Thăng hoa những xúc cảm và tình cảm cá nhân thành tình yêu tâm linh đối với mọi tâm hồn.

Nhưng ở đây, cần phải đề phòng những sự thăng hoa giả, mà đó chỉ là những mặt nạ đối với tình yêu con người và là những cái thay thế nó. Nhưng có nhiều trường hợp trung gian, trong đó người ta mở đầu bằng một sự thay thế và đạt tới một sự thăng hoa ít hay nhiều đầy đủ.

Những đặc trưng nào cho phép phân biệt những sự thăng hoa thật và những sự thăng hoa giả ? Trước tiên, trong sự thăng hoa thật, tình yêu mang một tính chất ngày càng phi cá nhân, phổ biến và vô tư. Nó mang tính hào hiệp mà không mang tính chiếm hữu, nó tỏa sáng mà không đa cảm. Nói chung, kiểu thăng hoa này liên kết với sự *biến đổi*

và thăng hoa những năng lượng tình cảm và tính dục thành những sự nghiệp sáng tạo và từ thiện.

Ở nhiều nghệ sĩ và nhà văn, điều đó xảy ra một cách hiển nhiên. Hãy nghĩ tới Dante, Wagner và, trong số những người hiện đại, Fogazzaro.

Cũng có thể nói như vậy về nhiều nhà từ thiện, nhà giáo dục và những người làm công việc xã hội. Ở họ, các thầy thuốc, các nữ tu sĩ, các nữ y tá, các thầy giáo, các trợ tá xã hội, các hiệu trưởng trường đạo, người ta thường thấy một sự thăng hoa của tình yêu kiểu bố mẹ thành tình cha con hay mẹ con có tính tâm linh, thể hiện ở những chăm sóc thân thể hay tinh thần.

Dùng tưởng rằng cứ phải là một thiên tài hay một cá nhân đặc biệt mới có thể thực hiện được sự thăng hoa ấy. Mỗi người chúng ta có thể đạt tới điều đó ở một mức độ nhất định. Chủ yếu là phải có ý định làm như vậy, tự chuẩn bị một cách nghiêm túc, quyết định thực hiện, muốn thực hiện điều đó và giữ vững ý định của mình. Chỉ cần thế thôi và thế là đã có được một sự kích thích tốt lành, một mệnh lệnh thật sự đối với những năng lượng tâm thần để cho những năng lượng này tuân theo.

Sau đó phải kiên quyết chuyển sang hành động bên ngoài, ném mình vào những hoạt động mới nhằm thu hút các năng lượng để biến đổi chúng và thực hiện những hoạt động ấy một cách nhiệt tình ; thế là các năng lượng của chúng ta dồn vào đó. Điều quan trọng là đừng có ý định dồn nén, xóa bỏ những năng lượng thấp kém theo lối phân

chia chúng, làm cho chúng đối địch nhau, mà là phải chế ngự chúng với một sự kiên định bình thản, trong khi đem lại tất cả các khả năng biểu hiện cho các năng lượng cao cả. *Không phải là yếu ít hơn mà là yếu đúng hơn.*

Con người hiện đại thường phạm sai lầm làm khô cạn những tình cảm của mình bằng thói duy trí tuệ, thói tích cực vô ích, tham vọng, thói vị kỷ. Làm như vậy, nó cắt đứt những chiếc cầu giữa những mặt khác nhau của tình yêu.

Trái lại, phải yêu mà không sợ hãi, yêu các cá nhân, các lý tưởng, các sự nghiệp đáng quan tâm trên bình diện nhóm, đất nước hay loài người, yêu cái đẹp, yêu cái gì lớn hơn. Sức mạnh tỏa chiếu và đi lên của một tình yêu như vậy sẽ thu hút và nuốt hết những năng lượng tính dục, những năng lượng đam mê và tình cảm.

Trong khi yêu như vậy, cần phải biết cho và biết sáng tạo. Cho và sáng tạo theo những cách khác nhau, tùy từng trường hợp và tùy theo những khả năng riêng của mình, nhưng bao giờ cũng tỏa rộng, hiến dâng, tỏa chiếu và tiêu phí những năng lượng riêng của mình.

Cách đặt vấn đề yêu như vậy có hơi khác với lối thông thường, nhưng tôi hy vọng là đã chứng minh được rằng nó dựa vào các sự kiện và các qui luật làm nền tảng cho cuộc sống, rằng đó là cách đặt vấn đề rộng nhất, toàn vẹn nhất, cao nhất, đồng thời cũng là thực tiễn nhất và nó sẽ mang lại giải pháp thật sự, một giải pháp duy nhất có thể thống nhất những bất hòa nội tâm thành một sự tổng hợp hài hòa và sáng tạo.

21. TIỀN BẠC VÀ ĐỜI SỐNG TÂM LINH

Nhiều định kiến và thành kiến hiện vẫn còn lan rộng về vấn đề đời sống tâm linh, khiến tôi không lấy làm ngạc nhiên nếu một số bạn đọc lấy làm... ngạc nhiên về đầu đề chương này. Vì thế, không phải là vô ích khi khẳng định lại rằng tinh tâm linh không nằm trong các lý thuyết và các sự trừu tượng hóa. Nó không phải là một thứ chủ nghĩa duy lý tưởng cắt đứt với đời sống :

Tinh tâm linh trước hết là ở chỗ xem xét các vấn đề về sự tồn tại theo một quan điểm cao cả, toàn vẹn, tổng thể ; suy xét mọi sự vật dưới ánh sáng những giá trị thật ; cố hiểu được thực chất của tất cả mọi sự kiện mà không dừng lại ở những vẻ bề ngoài, không để mình bị lừa phỉnh bởi những ý kiến truyền thống, bởi những ảnh hưởng tập thể hay bởi những xu hướng, xúc cảm hoặc định kiến cá nhân của mình.

Làm như vậy hoàn toàn không dễ chút nào, và sẽ là đầy tham vọng nếu nghĩ rằng có thể hoàn toàn đạt tới điều đó. Tuy nhiên, muốn làm như vậy không những là có thể được mà còn là một bổn phận, vì ánh sáng tâm linh được phóng vào những vấn đề cá nhân và tập thể phức tạp nhất sẽ làm bộc lộ các giải pháp và chỉ ra những con đường có thể tránh được nhiều nguy hiểm và sai lầm, tránh được nhiều đau khổ

và, do đó, mang lại những lợi thế không thể nào đánh giá được.

Quan niệm tâm linh về cuộc sống và về những biểu hiện của nó không phải mang tính lý thuyết, xa cách với thực tiễn, mà là có tính cách mạng, năng động và sáng tạo một cách nổi bật.

Nó có tính cách mạng vì dưới ánh sáng tâm linh, những sự đánh giá thông thường và những ứng xử thực tiễn bắt nguồn từ đó tỏ ra là sai lầm về căn bản. Điều đó thật tự nhiên và không thể tránh khỏi, vì những đánh giá và ứng xử ấy đều lấy cái tôi làm trung tâm và đều có tác dụng phân chia, và do cách nhìn sai lạc làm cơ sở cho chúng những đánh giá và ứng xử ấy làm biến dạng hiện thực đi và tạo ra những vật chướng ngại giả tạo ở cái mà thật ra chỉ là một cuộc sống duy nhất. Như vậy, cách nhìn tâm linh gây ra một loạt những "cuộc cách mạng kiểu Copernic", bằng cách thay thế một "thuyết lấy mặt trời tâm linh làm trung tâm" (héliocentrisme) cho những quan niệm lấy con người làm trung tâm và cá nhân chủ nghĩa, để đặt các sự kiện, các vấn đề và nhất là... chính chúng ta vào đúng vị trí.

Tính tâm linh là năng động và sáng tạo, vì những sự thay đổi cách nhìn, những sự đảo ngược các giá trị, sự xua tan các ảo ảnh, sự biến đổi bộ mặt của thế giới và cuộc sống đều đang diễn ra dưới ánh sáng mới, gây ra những biến đổi sâu sắc trong chúng ta, thức tỉnh những năng lượng mới và mạnh mẽ, mở rộng trường tác động của chúng ta

đến người khác và làm thay đổi sâu sắc chất lượng của tác động ấy.

Sự xét lại đau đớn mà những người thức tỉnh nhất và nhiệt thành nhất muốn thực hiện trong tất cả mọi lĩnh vực đời sống con người như vậy là một công việc cực kỳ có ích.

Những sự xét lại theo cách nhìn tâm linh ấy bao gồm hai giai đoạn : trước hết, phải đạt tới chỗ hiểu thật rõ những nguyên lý và những giá trị vĩnh hằng của tâm linh và khẳng định lại chúng một cách có cân nhắc ; rồi lại cần phải áp dụng những nguyên lý và những giá trị ấy vào các vấn đề cụ thể hiện thời, về mặt cá nhân cũng như về mặt tập thể.

Thật ra, ở mọi thời đại và ở mọi cá nhân, những vấn đề ấy thường xuyên mang những bộ mặt mới. Vì, không phải chỉ có những hiện tượng mới, những điều kiện mới, những năng lượng mới xuất hiện trên sân khấu lịch sử, như đang đặc biệt xảy ra hiện nay, mà còn có vô số sự kiện đã đến kết tụ vào những hóa hợp ngày càng mới, làm cho cái hiện có biến hóa đi. Do đó, những giải pháp tâm linh, tuy luôn luôn xuất phát từ những điểm xuất phát giống nhau, phải thích nghi, và ở một ý nghĩa nào đó, phải luôn luôn mới mẻ và độc đáo để gắn với hiện thực luôn luôn thay đổi này và đạt tới một hiệu quả cụ thể.

Trong nhiều vấn đề đang dày vò loài người hiện nay, có hai vấn đề có liên quan với những lợi ích cốt yếu nhất của đời sống các cá nhân và các nhóm, và với những xung lực mạnh nhất thúc đẩy họ tới hành động : vì thế, hơn tất cả

những vấn đề khác, hai vấn đề này phải được nghiên cứu và soi sáng bằng ánh sáng tâm linh.

Đó là những ứng xử của chúng ta đối với tình yêu (hiểu theo nghĩa rộng nhất của nó, bao hàm cả tính dục nhưng không giới hạn vào đó) và đối với tiền bạc. Bây giờ, tôi xin đề cập vấn đề thứ hai, với sự giúp đỡ của những người đã dẫn mình vào nhiệm vụ đó.

Nếu chúng ta tự xem xét mình với một sự thành khẩn đúng cảm, một điều kiện của cuộc sống tâm linh xứng đáng với tên gọi ấy, thì chúng ta sẽ nhận ra rằng chỉ nghĩ tới tiền bạc cũng đủ gây ra ở chúng ta những âm vang sâu sắc và mạnh mẽ rồi. Điều đó cho thấy chỉ một "ý nghĩ về thứ kim loại này" cũng đã đụng vào những điểm rất nhạy cảm trong chúng ta.

Cần phải làm sáng tỏ sự hỗn loạn ấy. Muốn thế, ta hãy bắt đầu bằng cách để cho ý thức chúng ta hiểu rõ - loại bỏ mọi kiểm duyệt đi - tất cả những gì nảy sinh từ những nền tảng vô thức của chúng ta. Chúng ta sẽ nhìn thấy một cơn sóng hỗn loạn, pha trộn những dòng sợ hãi, ham muốn, tham lam và ràng buộc, ý thức tội lỗi và thèm muốn và cả những đau xót nữa.

Ta hãy đi ngược lên cội nguồn của những sức mạnh ấy với sự giúp đỡ của Hermann Keyserling, người mà tôi tin rằng, hơn bất cứ ai khác, ông đã tìm kiếm những gốc rễ trần tục đen tối của những gì phát triển từ dưới đáy lên trong nhân cách con người, chứa đựng trong đó đủ các yếu tố khoáng vật, thực vật và động vật - nhưng đã không rơi

vào sai lầm mà những người thăm dò các đáy sâu mắc phải, họ không hiểu những yếu tố ấy cũng có một nguồn gốc cao cả và hoàn toàn độc lập, điều mà Keyserling gọi theo cách nói thông thường là sự "đột nhập của tâm linh".

Trong *Những suy ngẫm về Nam Mỹ*, một tác phẩm có thể coi là sâu sắc nhất của ông, rồi trong cuốn *Cuộc sống thầm kín* của ông, Keyserling đã nêu rõ hai xu hướng hàng đầu cùng có gốc rễ chung từ cuộc sống.

Thứ nhất là Nỗi sợ tổ tông, mà ông đã nêu ra một sự kiện quan trọng về nó, tức là "nỗi sợ tổ tông ấy không bắt nguồn từ cái chết mà là từ cái đói", tức là sợ thiếu thức ăn cần thiết, sợ đói. Ông nói như sau :

Có lẽ trong nỗi sợ ấy có một ký ức di truyền tăm tối nhưng mãnh liệt về việc tìm kiếm thức ăn luôn luôn ám ảnh, gây ra một nỗi lo lắng thường xuyên của người nguyên thủy. Như cái bảo vệ chống lại nỗi Sợ tổ tông ấy, bản năng an toàn là xung lực tích cực đầu tiên của mọi sinh vật.

Đối với Keyserling, chính bản năng sở hữu đã phát triển lên từ bản năng an toàn này.

Xu hướng căn bản thứ hai, theo ông, nảy sinh từ những đáy sâu vô thức, nó đối lập với tính năng động của xu hướng thứ nhất và được gọi là Cái đói tổ tông, nhưng để tránh mọi hiểu lầm, ông muốn gọi đó là "Lòng tham tổ tông" (*Avidité originaire*). Theo Keyserling, đó là :

... nguyên lý động cơ của mọi sự tăng trưởng. Về thực chất, sự tăng trưởng hướng tới cái vô hạn và ngay từ đầu đã không thừa nhận một giới hạn cuối cùng nào cả. Do đó, cái Đói ban đầu mang tính gây hấn và không bao giờ no. Về bản chất, nó đối lập với mọi bản năng an toàn ; sự rủi ro là một yếu tố của nó ; cái vô hạn bao giờ cũng là mục đích của nó. Do đó nảy sinh một sự xung đột ban đầu với tất cả những gì thuộc về Sở hữu và Luật pháp. Ở tận đáy sâu, một cuộc chiến đấu vĩnh hằng xảy ra giữa Đói và Sợ ; hai cái đó không thể tìm được một sự cân bằng có tính thường xuyên hoặc hài hòa nào với nhau cả.

Thật dễ dàng thấy được tại sao trong nền văn minh duy vật chất của chúng ta, hai xu hướng ấy đều biểu hiện thành sự ham muốn giành được và cất giữ càng nhiều tiền và càng nhiều của cải vật chất khác càng hay. Sức mạnh của những xung lực ấy vẫn còn ghê gớm và, mặc dầu đời sống con người đã trải qua hàng nghìn năm và đã trở thành tinh tế đến một mức nào đó, những xung lực ấy nói chung vẫn chiếm ưu thế - hoặc trong những biểu hiện bạo lực, hoặc bằng những con đường tinh vi và gián tiếp được che đậy bằng những biện minh giả dối - đối với tất cả mọi động cơ khác hoặc đối với mọi sự kìm hãm cao cả và thậm chí - điều này khá nhiều khi xảy ra - cả đối với bản năng bảo tồn nữa.

Nếu chúng ta có thể tính được tổng số những tội phạm, những sự phản bội, những sự trộm cắp, những sự ức hiếp,

những sự mai dâm thể chất và tinh thần, những sự ti tiện dù mọi loại, ít hay nhiều che giấu, mà con người phạm phải hằng ngày vì *auri sacra fames*, nạn đói vàng thiêng liêng ấy, vì lòng tham tiền bạc bĩ ối ấy, thì chúng ta sẽ bị hoang mang một cách sâu sắc, thậm chí bị rụng rời. Và nếu chúng ta xem xét lương tâm một cách chân thành về chuyện này, tôi sợ rằng có lẽ chúng ta sẽ có những sự kinh ngạc thật khó chịu.

Chính vì có ý thức về điều đó mà những gương mặt cao cả của loài người đã gánh lấy nhiệm vụ khó khăn là nâng cao con người về mặt đạo đức và thúc tỉnh nó về mặt tâm linh bằng cách giải thoát nó khỏi sự lệ thuộc vào những đam mê của nó.

Chính vì thế mà Phật đã từ bỏ giàu sang và mọi chiếm hữu trần thế để đạt tới Chân lý, rồi sau khi đã đại giác, để giúp mọi người tự giải thoát khỏi sự đau khổ vì ham muốn. Hơn nữa, ở Ấn Độ, ngay cả trước khi Phật xuất hiện, những người đã đạt tới một trình độ tâm linh nào đó nói chung đều từ bỏ của cải trần thế và trở thành những *sannyasin* (khất sĩ), sống bằng cách ăn mày.

Jésus thường nêu lên những cảnh cáo nghiêm khắc về mối trở ngại nghiêm trọng mà của cải gây ra cho đời sống tâm linh ; và hành vi kiên quyết nhất và khắc nghiệt nhất của ngài, như người ta còn nhớ, là dùng roi đuổi những kẻ tham lam tiền bạc đã làm uế tạp tinh thánh thiện của Ngôi đền bằng những việc mua bán bất chính của họ.

Thái độ đối lập với tiền bạc ấy đã tồn tại mãi qua nhiều thế kỷ của Kitô giáo, kết tinh ở cử chỉ ly kỳ và cao cả của thánh François d'Assise, khi ngài từ bỏ mọi tài sản và cả áo quần mang mặc để vui vẻ kết hôn với Bà phước Nghèo khổ. Có hai câu hỏi nảy ra trong chúng ta một cách tự phát khi đứng trước những thái độ và lối sống ấy :

1. Những thái độ ấy có đúng và có cần thiết về mặt tâm linh không ? Để sống bằng tâm linh, có cần phải lên án tiền bạc không ?

2. Nếu là cần thiết, lối sống ấy có thể được thực hành trong thời đại chúng ta không ?

Câu trả lời cho câu hỏi thứ hai thật dễ dàng. Vài chục năm sau cái chết của thánh François, cộng đồng Thánh François đã hiểu ra rằng trên thực tế không thể sống một cuộc sống thông thường mà không dùng tiền bạc, không có đất đai và nhà cửa. Điều đó đã dẫn tới những bất đồng mạnh mẽ giữa những người tuân theo chặt chẽ Qui tắc ban đầu và những người làm cho Qui tắc đó thích nghi với những đòi hỏi của cuộc sống thực tiễn. Những người này đã giành được ưu thế và hiện nay các tu sĩ dòng Thánh François đang sử dụng tất cả những phương tiện do cuộc sống hiện đại mang lại, từ nhà in đến bưu điện, từ xe lửa và ô-tô đến máy bay, và trả tiền một cách bình thường khi sử dụng. Nếu những người con của thánh François đã làm như vậy, thì chúng ta, những người kế tục, sống giữa vô số mạng lưới của đời sống kinh tế, gia đình và xã hội và tham gia mật thiết vào đời sống hiện đại, lại càng phải làm như vậy.

Chúng ta phải làm như vậy không chỉ vì cần thiết, mà còn bằng sự lựa chọn có suy nghĩ. Thật vậy, chúng ta thấy rất rõ ràng mọi biến đổi của cuộc sống này theo hướng tâm linh không thể thực hiện được từ bên ngoài, bằng cách rút lui khỏi thế giới này, mà trái lại, cần phải hành động từ bên trong theo lối ừ men.

Bây giờ, hãy trở lại với câu hỏi thứ nhất, tế nhị hơn.

Trước hết, cần phải đề phòng những sự chệch bai để dãi và những sự giả dối do sự khinh thường tiền bạc đưa lại. Thái độ này có thể trở thành một thứ mặt nạ thuận tiện cho sự lười biếng, yếu ớt, hèn kém và có thể dẫn tới thói ăn bám cá nhân hoặc tập thể. Trên thực tế, điều đó đã xảy ra, nhất là trong quá khứ, ở Ấn Độ chẳng hạn, nơi mà khí hậu, những điều kiện sống và tâm thức tập thể đã làm cho việc ăn mày dễ thực hiện hơn.

Nhưng có một sự phản bác căn bản hơn đối với thái độ khinh thường tiền bạc ấy, dựa vào một quan niệm hoàn toàn ngược lại, nhưng vẫn noi theo những nguyên lý tôn giáo. Theo cách nhìn xuyên suốt Cựu Ước này, của cải và phồn vinh là những dấu hiệu rõ rệt của sự ân sủng của Thượng đế, là phần thưởng cho một ứng xử đúng đắn và ngay thẳng. Ngược lại, cũng theo cách nhìn này, nghèo khổ và những nỗi bất hạnh là hậu quả một sự trừng phạt của thần thánh, hay ít ra cũng là kết quả của những sai lầm cá nhân hoặc tập thể về tư duy, tình cảm và hành vi.

Quan niệm này được một số trào lưu tôn giáo và tâm linh hiện đại lấy lại và chính nó thấm sâu vào tâm thức

người Mỹ, dù có ý thức hay không. Theo quan niệm này, thành công cụ thể là bằng chứng và dấu hiệu của giá trị cá nhân, đến mức hai thứ đó đi tới chỗ hòa lẫn nhau.

Hãy xem trong cách nhìn này, có những yếu tố nào có thể là thật. Nếu Thượng đế là tốt, những người tán thành cách nhìn này nói, nếu Thượng đế là tình yêu, nếu ngài mong muốn điều tốt lành cho con người và muốn con người có một cuộc sống đầy đủ, vui vẻ, "giàu sang", thì ngài không thể không muốn con người sử dụng được nhiều nhất những của cải trần thế mà tự nhiên mang lại thật dồi dào cho con người.

Nếu có một hệ thứ bậc giữa các giới của tự nhiên - rõ ràng là có một hệ thứ bậc như thế - thì việc các giới thấp kém phải phục vụ cho các giới cao hơn là thuận với tự nhiên và thần thánh. Giữa các giới thấp hơn con người, điều đó diễn ra một cách tự phát : giới khoáng vật phục vụ cho giới thực vật ; và sự cống hiến, sự "hy sinh", của hai giới này là cần thiết cho sự xuất hiện của đời sống động vật.

Giữa các giới thấp hơn con người và giới con người cũng có một mối quan hệ tương tự. Cuộc sống của giới con người, ở một mức độ lớn, đòi hỏi sự cống hiến của ba giới kia. Những sự quá mức mà con người phạm phải không biện minh cho sự lên án về mặt tâm linh và sự khuốc tử trong thực tiễn đối với việc *sử dụng đúng đắn* các sự vật.

Hơn thế nữa : bằng cách sử dụng đúng đắn, con người không những lợi dụng được các giới khác - hay để dùng một cách nói thực tế hơn, bóc lột chúng - mà để đổi lại

còn đem lại cho chúng nhiều thú, bằng cách nâng chúng lên và làm cho chúng trở thành tinh vi theo nhiều cách khác nhau. Theo một nghĩa nào đó, chẳng phải con người đang đem lại vinh quang cho khoáng vật và đang tôn nó lên bằng cách lấy từ chốn tối tăm trong lòng đất những thứ đá quý bị cầm tù trong quặng đất đá và biến chúng thành những viên kim cương long lanh, những viên bích ngọc, hồng ngọc, ngọc lam óng ánh, đó sao ? Chẳng phải con người bắt chước, theo một lối nào đó, quyền năng của Thượng đế khi biến những khối kim loại thô ì nặng nề thành những hợp chất rất tinh vi, sống động nhưng khuôn phép, cũng như thu được và biến đổi những năng lượng tinh tế nhất của ête đó sao ?

Nhưng sự nghiệp tốt lành của con người đối với các giới thực vật và động vật còn quan trọng hơn nữa. Con người đã làm cho cây cối có những bước tiến lớn và làm cho chúng trở thành có giá trị nhiều hơn, chẳng hạn, khi biến những cây con hoang dã với những quả nhỏ và đắng thành những cây to với những quả ngon mang lại niềm vui và sức khỏe :

Tác động của một phần loài người - tiếc thay, chưa phải của toàn thể loài người - có lợi cho giới động vật còn hiển nhiên hơn. Việc thuần hóa động vật, tức là việc con người nuôi chúng, dù được thực hiện theo những mục đích vị lợi, chỉ riêng điều đó thôi cũng đã không ngừng tạo ra những loài động vật tinh tế hơn. Và những mầm mống trí tuệ phát triển lên từ những bản năng của chúng cũng đã biểu hiện.

Hãy nghĩ thêm tới những quan hệ thông cảm và gắn bó giữa một kỵ sĩ và con ngựa của anh ta, giữa một người và

con voi hay con chó của anh ta, những quan hệ gần như có thể nói là "người hóa" những động vật ấy ở một trình độ nhất định. Đó là chưa nói tới một số điều kỳ diệu - tuy còn bàn cãi, nhưng ít ra có phần nào không thể phủ nhận được - được một số động vật thực hiện một cách khôn khéo và kiên nhẫn đặc biệt khi đã được huấn luyện.

Tất cả những điều đó cho thấy rõ mặt tích cực của việc sử dụng những của cải vật chất từ phía con người, mà việc sử dụng này đòi hỏi một hình thức nào đó của sự chiếm hữu và trao đổi những của cải ấy, và đến lượt nó, sự trao đổi đòi hỏi phải có những phương tiện để dàng hơn và nhanh chóng hơn. Mà tiền bạc, tuy không phải là phương tiện duy nhất, nhưng chắc chắn là dễ thực hiện nhất, ít nhất cũng là cần thiết trong những điều kiện hiện thời.

Ta hãy ghi nhận một ý tưởng đúng khác trong quan niệm ủng hộ những sự chiếm hữu : trong nhiều trường hợp, việc đó có được của cải thật sự là kết quả của nhiệt tình lao động, của sự lo xa, tiết kiệm, kỷ luật và những phẩm chất đạo đức khác. Ngược lại, sự nghèo khổ và thất bại thường khi có thể làm nảy sinh những thiếu sót hoặc thói hư : luôi biếng, thiếu lo xa, phung phí, lộn xộn.

Khốn thay, rõ ràng không phải bao giờ cũng như vậy và ngay cả sự tích lũy của cải cũng thường là kết quả của lòng tham, của trái tim chai sạn, của sự thiếu chu đáo với người khác, thậm chí đôi khi của những sự gian lận khôn khéo hay những sự chiếm đoạt không chính đáng nhưng hợp pháp.

Chính vì thế, rõ ràng là phiến diện và xa sự thật khi đồng nhất thành công vật chất với ân sủng thần thánh hay với phẩm chất đạo đức, mà biểu hiện điển hình, có thể nói là mĩ mai, của cách nhìn đó là câu nói: "That man is worth one million dollars" (Con người đó đáng giá một triệu đôla).

Tất nhiên, việc xem xét được tiến hành cho đến đây về những quan hệ giữa tiền bạc và tính tâm linh không đưa chúng ta tới một kết luận chắc chắn nào cả, thậm chí có thể làm cho chúng ta bối rối hơn trước. Nhưng không thể khác thế được, vì câu hỏi như đã được nêu ra - và thường được nêu ra như thế - là không đúng.

Nói cách khác, người ta muốn có một sự đánh giá khách quan về tiền bạc, và tìm cách dán cái nhãn "xấu" đáng trách hay cái nhãn "tốt" quý giá lên tiền bạc ; nhưng sự đánh giá khách quan và bên ngoài ấy, giống như mọi sự đánh giá thuộc loại đó (chẳng hạn, những sự đánh giá về một số luân lý hình thức chủ nghĩa) về căn bản là sai lầm, vì nó dựa vào một điều mơ hồ và, do đó, phi thực tế⁽¹⁾. Do đó, hãy kiên

(1) Rõ ràng chúng tôi không muốn qua đó để phê phán hoặc làm giảm giá trị của hành vi cao cả của thánh François. Đó là một cử chỉ anh hùng, có hiệu quả tốt lành không thể đánh giá hết được như một mẫu mực. Thánh François đã đưa ra một bài học sống động về sự giải thoát và đó là một trong những đòn nghiêm khắc nhất giáng vào Mammon, đồng tiền được tôn sùng. Việc từ bỏ mọi sự chiếm hữu trần thế, do đó, phải được đánh giá theo đúng giá trị của nó như một con đường đặc biệt. Ở đây, chúng tôi chỉ có ý định chỉ ra rằng con đường ấy không thể là một giải pháp chung có thể thực hiện trong đời sống hiện đại.

quyết từ bỏ cách đặt vấn đề theo kiểu đó và hãy lấy lại lập luận của chúng ta bằng cách mượn một con đường hoàn toàn khác. Ta hãy bắt đầu bằng việc chỉ ra đối tượng của mình một cách đúng đắn.

Thật ra, tiền bạc là gì ? Nó là một phương tiện qui ước do con người tạo ra để trao đổi của cải dễ dàng hơn, làm cho việc trao đổi có thể được thực hiện trên qui mô rộng lớn, theo những cách thức phức tạp và nhanh chóng như đời sống hiện nay đòi hỏi. Như vậy, tiền bạc chỉ là một công cụ, một tượng trưng cho của cải vật chất. Vì thế, bản thân nó không đáng có *"vinh dự thái quá cũng như tính xấu xa ấy"*⁽¹⁾.

Như vậy, những lời lên án kịch liệt đối với nó là không đúng hướng, và một "văn phòng am hiểu", tức là đạo đức học chân chính, được lập ra là để "gửi trả lại những sự lên án ấy cho người gửi", tức là cho con người. Trái tim con người là nơi ngụ của chân lý và sai lầm, của cái thiện và cái ác, của ưu điểm và khuyết điểm. Và nếu chúng ta xem xét vấn đề này theo cách nhìn đúng hơn và sâu hơn ấy, chúng ta có thể nhận thấy rằng sai lầm và khuyết điểm của con người đối với tiền bạc về căn bản gồm hai loại : một loại riêng đối với tiền bạc, loại kia có liên quan với nó, đồng thời với tất cả mọi của cải vật chất.

Việc hiểu sai thứ nhất và những sai lầm về hành vi bắt nguồn từ đó là do con người có xu hướng đảo lộn thứ tự

(1) Tiếng Pháp trong nguyên bản : *"ni cet excès d'honneur, ni cette indignité"*.

của mục đích và phương tiện, lẫn lộn công cụ và sản phẩm của nó, và nói một cách chung hơn, lẫn lộn cái tượng trưng và hiện thực phô bày ra, lẫn lộn hình thức với cuộc sống.

Đó là một sai lầm mà chúng ta có thể liên tục thấy những ví dụ thường là khô hời của nó. Nó biểu hiện ở tất cả các hình thức sinh thu nhất, trong đó việc thu nhất trở thành một mục đích tự thân. Chẳng hạn, một trường hợp điển hình là thói sinh sưu tập Kinh Thánh, thích tìm kiếm những lần xuất bản hầu như không thể đọc được, chỉ cần là cổ xưa hay hiếm hoi, hơn là những lần tái bản hoàn hảo hiện nay. Chẳng hạn, trong chòm chọc của Pons de Verdun, một người sinh sưu tập Kinh Thánh không ngần ngại thốt lên :

Dúng là nó rồi ! Hồi Thượng đế, con rất
vui sướng !

Dúng, đây là lần xuất bản tốt nhất rồi

Đây này, ở trang mười hai và trang mười sáu,

Có hai lỗi in sai

Mà trong bản xấu không thấy có.

Nhưng trong trường hợp tiền bạc, thì đó không phải là thói sinh sưu tập ngây thơ và ít nhiều buồn cười ; ở đây chúng ta thấy có những biểu hiện như bản của kẻ keo kiệt, và để nói một cách tượng trưng, những biểu hiện "đánh mất linh hồn". Chúng ta đứng trước những thói tham lam dữ dội không dừng lại trước một lỗi lầm, một tội ác nào, từ việc giết người cướp của đến những tội ác tinh vi nhất, nguy

hiểm nhất, dễ tiện nhất : chẳng hạn, những tội ác của một số người chế tạo hay buôn bán vũ khí, để có thể tiêu thụ hàng hoá của họ, đã xúi giục gây ra những xung đột trong dân chúng ; những tội ác của những kẻ sản xuất và phân phối các thú ma túy một cách bất hợp pháp ; những tội ác của những kẻ tổ chức mại dâm hoặc khai thác hứng thú tính dục bằng cách công bố và truyền bá những hình ảnh "khêu gợi" và những sách báo khiêu dâm - hay nửa khiêu dâm theo lối có dụng ý hơn - dưới vỏ ngoài văn học hay nghệ thuật.

Chính vì thế, hành vi tâm linh đầu tiên mà chúng ta phải thực hiện là tự giải thoát khỏi sự đánh giá quá cao phương tiện, công cụ chiếm hữu và trao đổi những của cải trên hết là tiền bạc. Hãy kiên quyết từ bỏ những lễ hiến dâng trên bàn thờ của vị thần giả này, hãy tự giải thoát khỏi sự hấp dẫn của thần tượng ấy và, với óc sáng suốt và sự quyết định lạnh lùng, hãy đưa thần tượng đó trở về với hiện thực của nó : đó chỉ là một công cụ, một phương tiện thuận tiện, một quĩ ước có ích.

Khi đã loại bỏ trở ngại đầu tiên ấy rồi, chúng ta có thể đi tới việc giải quyết vấn đề chủ yếu : vấn đề những quan hệ của chúng ta với toàn bộ những của cải vật chất, mà tiền bạc chỉ là một tượng trưng, một vật thay thế tạm thời.

Chúng ta đã thấy của cải vật chất - thức ăn, đồ mặc, nhà ở, công cụ lao động hay các đồ mỹ thuật - được tạo nên từ những vật chất lấy từ ba giới tự nhiên và được sử dụng trong trạng thái tự nhiên của chúng, hoặc thường thấy

nhất là sau khi chúng đã được biến đổi và thích nghi để con người sử dụng. Như vậy, trong những của cải vật chất ấy không thể có một điều xấu nội tại nào cả. Theo quan điểm tự nhiên chủ nghĩa, đó là các vật ; theo quan điểm tôn giáo, đó là những tặng phẩm của Thượng đế.

Như vậy, ý nghĩa của chúng đối với chúng ta và những hậu quả tốt hay xấu của chúng phụ thuộc vào thái độ nội tâm của chúng ta đối với chúng và vào việc sử dụng có cân nhắc mà chúng ta có thể và muốn làm.

Việc thừa nhận có tính chất căn bản này mang lại nhiều sự sáng tỏ có tầm quan trọng to lớn về tâm linh và thực tiễn. Trước hết, rõ ràng là việc không có những chiếm hữu bên ngoài chẳng giải quyết được vấn đề chút nào cả. Gác tất cả những giới hạn và những lệ thuộc mà sự nghèo khổ trong cuộc sống hiện đại áp đặt cho người ta sang một bên, thì khi một "người nghèo" khao khát của cải vật chất một cách say mê, khi anh ta không nghĩ gì hết ngoài việc kiếm cho được những của cải ấy, khi anh ta bực tức và bị hao mòn vì oán hận những người có của, thì người đó bị lệ thuộc vào những của cải vật chất ấy về mặt tâm lý.

Điều đó không có nghĩa là anh ta không được phép tích cực tìm cách cải thiện những điều kiện sống của mình ; thậm chí anh ta phải làm như vậy. Nhưng anh ta có thể làm như vậy mà không để mình bị hút mất hoàn toàn, bị ám ảnh, và vẫn giữ được sự tự do nội tâm và phẩm giá của mình. Ngược lại, khi một người giàu có tách khỏi của cải của mình về mặt tinh thần, khi anh ta cảm thấy mình không

bị ràng buộc bởi những chiếm hữu về mặt nội tâm, thì người đó không bị suy giảm đi về mặt tinh thần chút nào. Nhưng về mặt tâm lý, anh ta vẫn nghèo tâm linh".

Chắc chắn rằng, để chế ngự những của cải vật chất như vậy, để chống lại những cám dỗ thường xuyên của của cải vật chất - những cám dỗ về nhục dục, sự yếu đuối, sự lười biếng, thói vị kỷ đủ mọi loại - thì cần phải có một sự dũng cảm được tôi luyện đặc biệt, cần phải biết sống trong không khí tâm linh của tự do nội tâm, của sự dũng dung, của "tinh thần nghèo khổ", mà không khí tâm linh ấy là sự thử lửa thật sự.

Nhưng ngay cả sự "nghèo khổ nội tâm" ấy cũng không giải quyết được vấn đề một cách đầy đủ. Khi một người sống hoà hợp với lương tâm mình, và qua đó, ở một mức nào đó với Thượng đế, thì còn cần phải làm như vậy với các đồng loại của mình, những người gắn với mình trong một mạng lưới quan hệ xã hội cụ thể và tinh thần, thân thiết và gắn bó. Chính vì thế sự giải thoát nội tâm phải đi đôi với việc sử dụng cụ thể những của cải có được, trong đó chúng ta cần phân biệt đúng đắn hai mặt : chiều cá nhân và chiều tập thể.

Nền tảng của việc sử dụng cá nhân đúng đắn nằm ngay ở sự từ bỏ ý tưởng coi sở hữu như quyền cá nhân. Sở hữu pháp lý là cái mang tính con người thuần túy, được biện minh về tâm lý và thực tiễn, theo trình độ phát triển tinh thần trung bình của loài người. Mong muốn chiếm hữu là một sức mạnh hàng đầu cần được tính đến đúng mức :

không thể xoá bỏ mong muốn ấy hoặc dồn nén nó theo lối cưỡng ép. Nhưng, trên bình diện tâm linh, sở hữu có một ý nghĩa và một bộ mặt khác. Đây không còn là một quyền cá nhân nữa, mà là một *trách nhiệm* đối với Thượng đế và con người.

Nếu người ta tán thành một quan niệm tôn giáo về cuộc sống, thì phải thừa nhận rằng mọi cái đều đến từ Thượng đế, mọi cái đều do Thượng đế ban cho và, do đó, trên thực tế, mọi cái là của Thượng đế. Thượng đế là "chủ sở hữu" duy nhất và phổ biến.

Ai tán thành một quan niệm siêu hình, người đó sẽ thấy hiện thực là "một" không thể tách rời được, sẽ thấy chỉ có thực thể tối cao, cái Tuyệt đối mới có sự tồn tại hiện thực, và coi tất cả những biểu hiện cá nhân như những bề ngoài thoáng qua ; triết học Vedanta ủng hộ quan niệm đó, chẳng hạn. Người đó sẽ không thể chấp nhận rằng sở hữu cá nhân có thể có một nền tảng tâm linh.

Như vậy, xét về mặt tâm linh, con người chỉ có thể tự coi mình như một người được uỷ thác, một người nhận bán đồ gửi, một viên quản lý những của cải vật chất mà mình giành được quyền sở hữu pháp lý bằng cách này hay cách khác. Của cải của người đó là một thử thách thật sự mà anh ta phải chịu, một trách nhiệm tâm linh, đạo đức và xã hội, rất khó đảm nhận đúng đắn.

Cách nói này có phần nào khác thường trong thời đại chúng ta và có vẻ như một cách nói theo chủ nghĩa duy lý tưởng hồ đồ. Nhưng tôi, ngược lại, có thể chứng minh rằng

cách nói ấy có một giá trị trực tiếp, lớn hơn nhiều so với khi mới thoạt nghe.

Trước hết, những ai có một sự nhạy cảm đạo đức tinh tế phần nào sẽ tán thành kết luận của chúng tôi một cách tự nhiên. Chẳng hạn, có thể nhớ lại những sự ngại ngùng cao quý của Antonio Fogazzaro khi ông nắm được những của cải kế thừa. Điều đó đã được Gallarati mô tả trong *Cuộc đời của Antonio Fogazzaro*. Người ta còn có thể nhớ tới sự chịu đựng nội tâm đau khổ mà Tolstoi đã trải qua trong một phần lớn đời mình.

Nhưng trong số những người thực tiến nhất, thực tế nhất, trong những người thành đạt nhất của thế giới hiện đại, có thể tìm thấy những người tán thành quan niệm tự coi mình chỉ như những người nhận bán đồ gửi, những "người phục vụ xã hội", họ kiếm của cải vì mục đích tạo ra những điều có ích cho tập thể, hoặc phân phát của cải về sau dưới hình thức những tặng phẩm nhằm mục đích nhân đạo ; và điều còn quan trọng hơn nữa, là thực hiện quan niệm đó. Người ta biết tới nhiều tấm gương bất vụ lợi, sống khắc khổ và làm việc cần mẫn vì lý tưởng phục vụ xã hội, như những tấm gương của Edison hay Ford.

Ngay cả trong những người mà trong phần đầu của đời mình chỉ là những nhà kinh doanh chăm lo tích lũy của cải, đôi khi còn đấu tranh kịch liệt chống lại những kẻ cạnh tranh với mình, cũng có một số người, vào một lúc nào đó, cảm thấy mình bị thúc đẩy tới chỗ sử dụng hay dành một phần lớn của cải của mình vào những mục đích nhân đạo

hay văn hoá, vì những lý do khác nhau và trộn lẫn nhau thật khó chỉ rõ ra, hoặc có thái độ xoi mói khi chỉ rõ ra.

Tám gương tiêu biểu nhất thuộc loại này là của John Rockefeller. Sau khi đã trở thành "vua dầu mỏ", người có lẽ giàu nhất thế giới, ông lập ra Quỹ Rockefeller và trao cho nó một vốn khổng lồ (hàng trăm triệu đô la). Quỹ này đề xướng những nghiên cứu và tìm tòi khoa học, nhất là trong lĩnh vực y học, và sử dụng những phát hiện khoa học vào những ứng dụng có qui mô lớn tại chỗ. Ngoài những thành tựu khác, phải biết ơn Quỹ này về việc loại trừ bệnh sốt vàng da với hàng nghìn nạn nhân của nó, trong đó có những công nhân làm kênh đào Panama và việc tài trợ cho một chiến dịch chống bệnh sốt rét trên toàn thế giới.

Một tám gương khác cũng được biết tới nhiều, đó là của "vua thép" Carnegie, người đã lập ra một mạng lưới thư viện bình dân rất rộng, trước tiên ở châu Mỹ và sau đó ở các phần khác của Thế giới. Ai có thể đánh giá được những lợi ích trí tuệ và đạo đức đã, đang và sẽ được những thư viện ấy mang lại ? Cũng có thể nhắc tới việc người cháu của Ford, Henry Ford II, lập ra Quỹ Ford, cấp cho nó hàng trăm triệu đô la để theo đuổi những mục tiêu nhân đạo, văn hoá và giáo dục. Có những mục đích mang tính tâm linh riêng biệt hơn đã thúc đẩy Eli Lilly thực hiện dự án của Bác sĩ Pitirim A. Sorolon, được cụ thể hoá bằng *Harvard Research Centen in Creative Altruism* (Trung tâm nghiên cứu Harvard về tính vị tha sáng tạo) được lập cạnh Trường Đại học Harvard, cơ quan từng công bố nhiều sách của Bác sĩ Sorokin và các cộng sự của ông.

Không thiếu những tấm gương thuộc loại đó ở châu Âu, trong đó có Italia. Xin nhắc tới những sáng kiến văn hoá và xã hội của Olivetti, Quí Cini, các giải thưởng văn hoá Marzono, các giải thưởng từ thiện Motta, v.v...

Có một lý do quan trọng để cho những tấm gương ấy không phải là ngoại lệ hay hiếm hoi, mà tăng lên rộng rãi và nhanh chóng. Một chất men mạnh đang làm sôi động rất nhiều người, làm cho họ không chịu được và nổi lên chống lại quan niệm cá nhân chủ nghĩa về sở hữu như là một quyền tuyệt đối, không đi đôi với một trách nhiệm nào đối với tập thể, và biến Nhà nước thành kẻ bảo hộ cho quyền đó. Chính vì thế, dân chúng không còn bằng lòng nữa với những sự giúp đỡ được coi như một sự "từ thiện", như một "sự ban phát gia trưởng", coi người cho là cao thượng và hào hiệp, còn người nhận thì phải qui trọng và biết ơn.

Thế nhưng, cho đến khi nào thực hiện được những biến đổi xã hội sẽ được nói dưới đây, và khi những biến đổi ấy đang được thực hiện, thì để kìm hãm sự sốt ruột của quần chúng, cần phải làm sao cho những người nắm của cải vật chất không được tự phong cho mình một quyền tuyệt đối đối với quần chúng, cần phải làm sao cho những người nắm của cải vật chất không được tự phong cho mình một quyền tuyệt đối đối với quần chúng, mà phải tỏ ra là mình muốn cũng như biết dùng những của cải đó vì lợi ích của tất cả mọi người. Việc sử dụng đúng đắn này phải mang hai cách.

Một cách, có thể coi là tiêu cực theo một nghĩa nào đó, là hạn chế, hoặc tốt hơn, loại bỏ những sự lãng phí vĩ kỷ,

cuộc sống xa hoa, sự phô trương những đồ vật đắt tiền, làm bức mình hoặc làm phần nộ những người không có những thứ cần thiết, hoặc đơn giản là thiếu những thứ ngày càng được coi là cần thiết đối với một mức sống đồ khốn khổ hơn, phù hợp hơn với phẩm giá con người.

Ở đây, chắc không đến nỗi vô ích khi vạch trần một thứ nguy hiểm và một cái cớ mà nhiều người dùng để biện minh cho sự xa hoa của mình, mà đôi khi họ cũng tin là thật. Họ nói, bằng cách chi tiêu như vậy, chúng tôi làm cho tiền bạc lưu thông và cho phép nhiều công nhân kiếm sống. Có thể và phải phản bác sự nguy hiểm ấy bằng những điều sau đây : trước hết một sự lưu thông tiền bạc quá nhanh làm trở ngại cho những sự đầu tư sản xuất dài hạn, cần thiết cho phúc lợi tập thể ; sau nữa, với thứ tiền bạc được chi ra để mua những đồ vật xa xỉ ấy, họ có thể cung cấp một cách nhân đạo hơn cho những nhu cầu của những người thiếu thốn ở mức cần thiết.

Nếu đến một lúc nào đó - điều này có thể hình dung được nhưng khó có thể xảy ra - sự "cải đạo" về đạo đức và xã hội của những người giàu nhất đạt tới chỗ xảy ra những sự sa thải công nhân ở các xí nghiệp chế tạo đồ xa xỉ, thì điều đó sẽ đưa những sự chuyển dịch về nhân sự vào khuôn khổ bình thường như vẫn thường xảy ra do những biến đổi kỹ thuật hay những thay đổi về sở thích của khách hàng. Sẽ không khó khăn gì khi đưa ra những kích thích làm cho công nhân chuyển đổi công việc của họ một cách dễ dàng hơn.

Cách sử dụng đúng thứ hai đối với của cải của mình là đầu tư vào những xí nghiệp sản xuất và gia tăng thật nhiều những đồ vật có ích cho mọi người và sau đó rút phần lợi nhuận càng lớn càng tốt vào những công việc nhân đạo.

Về vấn đề này, tuy không coi nhẹ những người đã hoặc đang góp phần vào việc cải thiện mức sống của mọi người và sức khoẻ của loài người, chúng ta cũng phải khẳng định rằng việc sử dụng của cải có ích nhất là nhằm để nâng cao đạo đức và tâm linh của con người.

Cách sử dụng này thật ra có giá trị về hai mặt. Mặt thứ nhất có tính chất phòng ngừa nằm ở chỗ đấu tranh khắc phục những nguyên nhân sâu xa, những gốc rễ của đủ mọi loại điều xấu tác động tới loài người. Bất cứ người nào tái sinh về mặt tinh thần cũng làm bớt đi một tai hoạ và làm tăng thêm một yếu tố tích cực vì điều tốt cho loài người. Một giá trị khác, trực tiếp hơn, nằm ở chỗ làm lan toả những của cải cao quý hơn và lâu bền hơn, đem lại một niềm vững tâm lớn hơn và căn bản hơn, những niềm vui thuần khiết hơn và mạnh mẽ hơn.

Đối với một người giàu có thiện chí, thật dễ dàng khi sử dụng những tài sản của mình vì lợi ích tinh thần và tâm linh của con người. Người đó có thể làm như thế bằng nhiều cách. Dưới đây là một vài cách.

Công bố và truyền bá những cuốn sách tốt. Những cuốn sách ấy thật sự là vật tích lũy năng lượng tâm linh ; chúng có quyền năng có thể nói là "thần diệu" để kết hợp với những người vĩ đại nhất của loài người, bất kể những khoảng

cách về không gian và thời gian như thế nào, và để thông báo những thông điệp cốt yếu của họ. Một số cuốn có ảnh hưởng thực tế tới tiến trình lịch sử. Chỉ cần nhớ tới những tác phẩm của phái Bách khoa đã chuẩn bị cho cuộc Cách mạng Pháp. Ở Italia, có cuốn sách của Silvio Pellico *Lemie prigioni* (Những nhà tù của tôi) mà G. Pallavicino nói trong một báo cáo gửi cho Chính phủ Áo năm 1837 rằng "nó nguy hiểm cho Chính phủ của Ngài hơn là đánh thua mười trận".

Ái có thể ước lượng được tác động tâm linh tới tiến trình nhiều thế kỷ và tới nhiều nước của những cuốn sách nhỏ như *Những Fioretti của thánh François* và *Sự bất chước Jésus Christ* ? Đây là một ví dụ trong nhiều ví dụ khác : việc đọc một cuốn sách nhỏ của Gandhi đã đưa một người con gái Anh, con một đồ đốc, tới chỗ bỏ nhà và gia đình để đến với Gandhi ở Ấn Độ, lúc đầu trở thành môn đồ của ông, rồi trở thành người cộng tác tích cực với ông. Từ ít lâu nay, tác dụng chữa bệnh của những cuốn sách tốt đã được thừa nhận và coi trọng, và chúng bắt đầu được sử dụng trong một phương pháp trị liệu tâm lý là trị liệu bằng Kinh Thánh, trong đó thầy thuốc "trao cho một người nào đó cuốn sách này đúng vào thời điểm thích hợp".

Nhưng thường thì những cuốn sách hay nhất, tốt lành nhất lại khó kiếm ; sách được xuất bản thường bán hết và không được tái bản ; và thường những cuốn sách đó không được dịch ra những thứ tiếng khác nhau. Trong lĩnh vực này, những người giàu đã thức tỉnh về tâm linh có thể làm một điều tốt vô giá mà không phải bỏ ra những số tiền khổng lồ. Với giá trị một vi-la, một chiếc thuyền buồm dạo

chơi, vài đồ trang sức, họ có thể lập ra một nhà xuất bản để công bố những tập sách "bổ ích" với giá rẻ. Với giá trị một chiếc ô-tô, một cái áo choàng lông, một bộ đồ gỗ cổ, có thể công bố một cuốn sách mang lại ánh sáng, niềm an ủi và sự khích lệ cho hàng nghìn con người. Với một giá trị ít hơn nhiều, có thể tặng cho các cá nhân hay các thư viện vài chục bản của một cuốn sách tốt cho bản thân mình và cho người khác⁽¹⁾.

Cũng có thể nói như thế về việc xuất bản những tờ báo định kỳ. Trong lĩnh vực này, cần dẫn ra một tấm gương cần bắt chước là tờ *Christian Science Monitor*, tờ tạp chí hiện đại chứa những thông tin đầy đủ về các sự kiện trên thế giới, nhưng loại bỏ sự mô tả về những tội ác và những vụ tự sát, những tường thuật các vụ án và đủ mọi loại khai thác những mặt tiêu cực và xấu xa của đời sống.

Nhưng không phải chỉ bằng việc xuất bản người ta mới có thể truyền bá những thông điệp có giá trị tinh thần và tâm linh lớn. Cũng có thể làm điều này bằng những phương tiện hiện đại hơn như điện ảnh, truyền thanh hoặc truyền hình. Ngoài những loại phim có mục đích chuyên về giáo dục ra, có những phim tốt khác nữa. Nhưng tiếc thay, còn quá ít ! Hãy nghĩ xem một người sản xuất phim có thể làm được một điều thật tốt lành như thế nào khi được thúc đẩy bởi những động cơ cao cả để tài trợ cho một cuốn phim tốt, có đủ ý thức quan tâm tới con người và có đủ giá trị nghệ

(1) Thay cho một đồ vật, mỗi người có thể tặng một cuốn sách thật hay có để tặng riêng, và nếu đem đóng thật đẹp thì càng làm tăng giá trị của nó.

thuật cần thiết để bảo đảm cho nó một thành công thương mại xứng đáng và sẽ truyền đi những thông điệp tâm linh mà loài người rất cần tới và đang khao khát một cách vô thức.

Cũng cần phải phát triển những tổ chức - hay lập ra những tổ chức - để cai quản các trung tâm giúp đỡ tâm lý và tâm linh : những trung tâm tư vấn về giáo dục cho các bậc bố mẹ, những trung tâm chuẩn bị kết hôn, những trung tâm tư vấn về đời sống vợ chồng, những trung tâm phòng bệnh và trị liệu tâm lý, những công việc ngăn ngừa tự sát, những cơ quan giúp trẻ em và thanh niên sớm trưởng thành và có tài năng đặc biệt, v.v... Một số tổ chức thuộc loại đó đã có và đang làm việc có hiệu quả, nhưng con số và phạm vi tác động của chúng vẫn chưa đủ so với những nhu cầu vô tận và cấp bách⁽¹⁾.

(1) Về điểm này, có thể chú ý tới sự nghiệp của các Giáo hội và những cơ quan tôn giáo chuyên biệt. Tôi không làm điều này, vì như vậy phải phát triển rộng ra mà khuôn khổ cuốn sách này không cho phép. Hơn nữa, những người có tinh thần tôn giáo chân thành không cần tới những sự khích lệ ; họ tự mình cảm thấy cần làm những gì họ mong muốn và sẵn sàng đáp ứng những lời kêu gọi họ. Tôi chỉ nhấn mạnh rằng, ngay cả đối với các Giáo hội và các Cơ quan tôn giáo, cũng đặt ra vấn đề phân phối và sử dụng tiền bạc như thế nào cho có ích nhất và làm phong phú nhiều nhất cho những người nhận tiền : cấp cho những nhu cầu thờ cúng bao nhiêu (nhà thờ, đồ đạc bày biện, v.v...), cho sự giúp đỡ vật chất bao nhiêu và, cuối cùng, cho sự giúp đỡ tinh thần và tâm linh bao nhiêu ? Nhưng vấn đề không giản đơn ấy đụng tới các thủ lĩnh và các bậc chức sắc giáo hội.

Cuối cùng, là đào tạo và sử dụng những người "phục vụ" hay làm những công việc tâm linh. Họ phải có một thiên hướng đặc biệt, một phẩm chất riêng mà ít khi người ta gặp thấy. Chính vì thế, những người có thiên hướng này phải được tìm kiếm và quý trọng như những công cụ quý giá của cái thiện và phải cho họ có được những phương tiện cần thiết để họ có thể làm việc có hiệu quả tốt nhất, để họ có thể thực hiện được sứ mệnh của mình càng rộng rãi và càng có hiệu quả càng hay. Nghĩa là để cho những "chuyên gia về tính người và tính tâm linh" trong lĩnh vực này làm được những gì mà các chuyên gia làm được trong những lĩnh vực khác nhau, như một điều tự nhiên.

Bây giờ chúng ta hãy xem xét vấn đề những mặt tập thể - xã hội, quốc gia và thế giới - của việc sử dụng tiền bạc và của cải vật chất nói chung.

Ngay cả khi đa số những người giàu quyết định ứng xử như chúng tôi đã nói, tự coi mình chỉ như những người quản lý bình thường, như những người cai quản có trách nhiệm về những của cải được Thượng đế tặng cho - điều mà không có ai ngây thơ để hy vọng như vậy ! - thì vấn đề vẫn chưa được hoàn toàn giải quyết.

Trong tình trạng phức tạp của đời sống hiện đại, hành động cá nhân không đủ. Có những vấn đề lớn về sản xuất và phân phối, về lao động và tổ chức, về kinh tế và tài chính, chỉ có thể giải quyết được trên qui mô lớn bằng các tổ chức quốc gia, quốc tế và thế giới.

Những nguyên tắc căn bản của việc sử dụng tiền bạc và của cải theo lối tâm linh mà con người có thể làm được là công bằng xã hội thật sự và phân phối công bằng những tài nguyên thiên nhiên giữa tất cả các dân tộc trên thế giới. Những nguyên tắc này ngày nay đang ngày càng được thừa nhận và khẳng định. Và trước mắt chúng ta đang diễn ra ở khắp nơi và dưới mọi hình thức một cuộc đấu tranh quyết liệt và đầy kịch tính giữa những người đòi phải áp dụng những nguyên tắc ấy - có khi dưới những hình thức dữ dội và cuồng tín, không tính đến một mức độ tiến bộ nào đó - và những người ngăn cản điều đó một công khai hoặc che giấu, do thiếu nhìn xa thấy rộng, do ràng buộc với những tài sản và những đặc quyền mà họ đang nắm giữ, hoặc do thiếu tính nhạy cảm của con người.

Chắc chắn là tôi không thể bàn về chủ đề rộng lớn, phức tạp... và gai góc này, với những ảnh hưởng chính trị không thể tránh khỏi của nó. Tôi chỉ ghi nhận những tổ chức quốc tế quan trọng nhất, dưới sự bảo trợ của Liên Hiệp quốc, đang đảm nhận trách nhiệm thực hiện những nguyên tắc ấy trên phạm vi thế giới, như FAO, OMS, Ngân hàng thế giới, v.v... Sẽ không đúng nếu bỏ qua những sự giúp đỡ quan trọng của các nước giàu cho các nước nghèo. Ngay cả trong trường hợp này, cần phải xem xét động cơ nhưng cũng cần phải quý trọng đúng mức món quà tặng đã nhận được.

Như vậy, và chỉ có như vậy, mới có thể loại bỏ được những nguy cơ nghiêm trọng đang đe dọa loài người :

Các cuộc xung đột đẫm máu và chiến tranh thế giới có thể huỷ hoại phần lớn loài người.

Nhưng nghĩa vụ, tầm quan trọng và tính cấp bách của công việc rộng lớn này trong lĩnh vực vật chất không thể làm cho người ta bỏ qua bình diện thứ hai của công việc, cũng hết sức cần thiết và cấp bách, mà người ta phải làm trong lĩnh vực đạo đức và tâm linh.

Những ai mù quáng vì tư tưởng của chủ nghĩa duy vật chất coi con người chỉ là "*homo economicus* (con người kinh tế)", đều coi nhẹ chân lý sâu sắc - mang tính tâm lý trước khi mang tính đạo đức và tôn giáo - được chứa đựng trong lời cảnh cáo này : "Con người không chỉ sống bằng bánh mì". Nó còn cần tới những của cải văn hoá và tâm linh, do đó, nó có quyền có những thứ đó.

Nhưng còn hơn thế nữa : phúc lợi kinh tế không những không đủ, mà còn có thể có những bất lợi và những nguy hiểm, có thể tạo ra những hậu quả độc hại ở những ai không có sức mạnh đạo đức cần thiết để sử dụng nó. Đã có nhiều ví dụ được biết tới thuộc loại này, nhưng vì tuyệt đại đa số người, nếu không nói là hầu hết mọi người, coi thường hoặc quên đi lòng tham lam mù quáng của mình trong cuộc chạy đua quyết liệt để chiếm lĩnh của cải, nên không phải là vô ích khi lưu ý điểm này.

Hãy nhớ tới con cái của những nhà tỉ phú, không tiếp tục được sự nghiệp của bố mình trong doanh nghiệp đã được lập ra, đã công nhiên sống cuộc sống đồi trụy : hãy

nhớ tới những vụ bê bối thường xảy ra ở cái gọi là "xã hội thượng lưu". Ngay cả trong số những người rất giàu nhưng có hành vi xấu, cũng có những trường hợp tự sát. Hơn nữa, các cuộc điều tra do những nhà báo khác nhau tiến hành đã cho phép thấy rõ rằng, trong nhiều trường hợp, hàng triệu đồng vô được trong cờ bạc, cá cược về đua ngựa hay thể thao, v.v... đã không mang lại hạnh phúc, mà thường bị lãng phí và thậm chí có khi còn gây ra những khủng hoảng gia đình trầm trọng nữa.

Một điều ít được biết tới hơn và ít rõ rệt hơn, nhưng lại có ý nghĩa hơn, là ngay cả một mức phúc lợi vừa phải và hoàn toàn chính đáng, sự an toàn kinh tế, sự giải thoát khỏi nỗi sợ thiếu thốn cũng có thể và trong thực tế đã mang theo nhiều bất lợi.

Các nước Scandinaves, đặc biệt là Thụy Điển, đang nêu tấm gương về mặt này. Phạm vi trợ cấp xã hội rộng rãi ở đó bảo đảm cho mọi công dân những sự trợ giúp khi cần thiết. Thế nhưng người ta thấy rằng, ở những nước đó, tình trạng thiếu những kích thích và những rủi ro lại đẻ ra một sự đơn điệu và buồn chán, và các thống kê cho thấy ở đó số vụ tự sát nhiều hơn ở những nước khác. Bộ trưởng nội vụ Thụy Điển, khi đùng tới các *Teddy Boys* đã nói rằng những chàng trai này cho thấy một "mức độ tội phạm vì phúc lợi"⁽¹⁾.

(1) Được dẫn ra trong bài của C.Savonuzzi "Những thanh niên có quá nhiều tiền đang trở thành những kẻ hư hỏng" (*La Nazione*, 25 tháng Chín 1959).

Tất nhiên, tình hình đó còn có những nguyên nhân khác, nhưng nó đã chứng minh rằng phúc lợi vật chất không giải quyết được các vấn đề, cũng không đem lại sự thanh thản, chưa nói tới hạnh phúc. Chắc chắn phương thuốc chưa không nằm ở việc xoá bỏ những trợ cấp xã hội mang tính nhân đạo sâu sắc đã loại trừ được nhiều điều xấu và nhiều đau khổ. Phương thuốc đúng là cung cấp những trợ cấp thích hợp mang bản chất tâm lý và tâm linh.

Ngày nay, những trợ cấp thuộc loại này là cần thiết và cấp bách còn vì một lý do khác nữa. Những sự phát triển nhanh chóng về kỹ thuật, cuộc cách mạng công nghiệp bắt nguồn từ sự tự động hoá và phát triển điện năng hạt nhân trên qui mô lớn, một khi đã vượt qua được những khủng hoảng điều chỉnh, sẽ đưa tới một sự giảm bớt quan trọng về nỗi mệt nhọc của con người và về giờ làm việc, cũng như một phúc lợi kinh tế lớn hơn. Thế là người ta sẽ có nhiều thời gian hơn, nhiều năng lượng hơn và nhiều tiền bạc hơn. Nhưng nếu như con người không được đào tạo để sử dụng những thứ đó thật tốt và thật có ích, để tự trau dồi và tự nâng cao, thì việc có những thứ đó sẽ trở thành một cái bẫy và một mối nguy hiểm.

Về vấn đề này, chúng ta phải bày tỏ sự khâm phục lớn nhất và ủng hộ hoàn toàn về tinh thần và vật chất cho UNESCO (tổ chức của Liên Hợp quốc phụ trách giáo dục, văn hoá và khoa học) với mục đích được qui định của nó là thực hiện một chương trình trên qui mô rộng lớn về giáo dục và nâng cao con người. Một mặt, nó thực hiện một chiến

dịch lớn chống nạn mù chữ, mặt khác, nó giúp đỡ bằng nhiều cách cho sự phát triển một nền văn hoá cao, nhất là giúp lớp trẻ xứng đáng nhất phát huy tài năng của mình.

Cuối cùng, còn một mặt khác nữa của vấn đề này cần được làm sáng rõ. Để tránh mọi tâm lý tự ti hay hăng hựt cao cả ở những người không có khả năng đóng góp bằng tiền, cần nhắc lại rằng cách làm điều thiện theo lối đó chắc chắn không phải là cách duy nhất và cao nhất. Còn có những cách khác để giúp loài người. Thậm chí những cách khiêm nhường nhất và giản dị nhất, như sao chép, viết địa chỉ v.v..., cũng có giá trị và phẩm chất tâm linh một khi chúng được thực hiện vì mục đích nhân đạo hay để phục vụ một sự nghiệp tâm linh.

Một kiểu phục vụ kết hợp giúp đỡ vật chất và giúp đỡ tinh thần rất hay là tham gia tổ chức Phục vụ dân sự quốc tế (Service Civil International). Thật khích lệ khi thấy ngày càng có nhiều thanh niên nhiệt tình tham gia nó và vui vẻ chịu đựng những sự mệt nhọc và những bó buộc do sự phục vụ ấy mang lại. Nhưng chính họ tuyên bố rằng họ đã được thưởng đầy đủ bằng những bài học thú vị và bằng những thể nghiệm, những sự mở rộng tâm linh và những quan hệ anh em từ công việc đó.

Trên thực tế, những cách thức và phương tiện khác nhau đang xen lẫn nhau và thống nhất với nhau trong đời sống hiện thực. Công việc của những người hiến thời gian và nghị lực của mình cũng đòi hỏi phải có những tài trợ và những phương tiện vật chất. Ngược lại, những người hiến càng

nhieu và càng hào hiệp, thì những người biết sử dụng những thứ đó một cách có hiệu quả hơn và cao cả hơn cũng ngày càng nhiều thêm. Chính vì thế, về mặt này, nhiệm vụ cốt yếu và quyết định là đào tạo những giới tinh hoa mới, tạo thành những đội tiên phong của Kỷ nguyên mới, những người xây dựng một nền văn minh mới, một nền văn hoá cao hơn.

Từ tất cả những gì đã trình bày trên đây, có thể thấy rõ rằng vấn đề tiền bạc hay của cải trần thế là một vấn đề chủ yếu có tính tâm linh, chỉ có thể được giải quyết dưới ánh sáng tâm linh. Thật ra, tinh thần và vật chất có vẻ như "thù địch nhau" có thể và phải được thống nhất lại một cách hài hoà thành một sự tổng hợp năng động trong sự thống nhất của cuộc sống.

22. MARTHE VÀ MARIE : SỐNG HOẠT ĐỘNG VÀ SỐNG SUY NGẪM

Thế rồi, trên đường đi, Jésus vào một làng và một người đàn bà tên là Marthe đã đón tiếp ngài ở nhà mình. Người đàn bà này có một cô em tên là Marie, cô quì xuống cạnh chân Chúa để nghe lời nói của ngài. Còn Marthe thì bận rộn với bao nhiêu công việc phục vụ. Marthe nói xen vào : "Thưa Chúa, ngài chẳng hề động lòng khi em gái của con để cho con phục vụ một mình sao ? Xin ngài hãy nói với nó giúp con một tay !" Nhưng Chúa đáp lại : "Marthe, Marthe, con quá lo lắng và làm quá nhiều việc ; thế nhưng chẳng phải làm gì nhiều, chỉ một việc là đủ. Chính Marie đã chọn được phần việc tốt nhất, Marie sẽ không để bị lấy mất phần việc ấy đâu". **Lúc 10, 38- 42, (Kính Thánh Jérusalem).**

Sách Phúc âm đã được gọi là "cuốn sách không được đọc". Chắc chắn đó là một cuốn sách nói chung là khó hiểu và nhất là ít được làm theo. Nếu những lời dạy cao cả trong đó được hiểu và làm theo thật sự, thì đời sống con người chắc chắn có một bộ mặt khác hẳn.

Với sự thức tỉnh những khát vọng tâm linh hiện nay - những khát vọng nồng nhiệt và chân thành, nhưng vẫn phần nào mơ hồ, dao động, bấp bênh về những gì có liên quan với những con đường đúng nhất phải theo và những mục tiêu cụ thể phải tự xác định - người ta thường đặt ra câu hỏi : Phúc âm liệu có thể thoả mãn được đầy đủ những yêu cầu của tinh thần hiện đại không, hay tinh thần này cần có những thức ăn khác. Trong khi một số người đề xướng phải hoàn toàn "quay về với Phúc âm" như phương thuốc duy nhất chữa những bệnh tật tôn giáo, đạo đức và xã hội gây đau khổ cho chúng ta, thì những người khác đang thẳng thắn tự hỏi phải chăng Phúc âm đã "lỗi thời" rồi, nói theo một từ mà một số nhà triết học hiện nay thường dùng và lạm dụng.

Những giá trị tinh thần và tâm linh đã được Phúc âm khẳng định và minh hoạ mang một tính chất phổ biến và vĩnh hằng, và những giá trị đó đáp ứng với những yêu cầu nội tâm thường xuyên của trái tim về con người và, do đó, chúng không thể nào bị "lỗi thời" - những điều đó, theo tôi, là hiển nhiên và không đòi hỏi phải được chứng minh. Nhưng vấn đề sách Phúc âm liệu có thể đáp ứng tất cả những yêu cầu của con người hiện đại không, liệu nó có làm dịu được cơn đói tâm linh của con người hiện đại không, vấn đề này đáng được xem xét kỹ hơn và rộng hơn.

Nhiều người coi là hợp lý, thậm chí cần thiết, khi thống nhất Phúc âm với những yếu tố tâm linh khác của nhận thức và hành động : một mặt, đó là những kinh nghiệm của các

nền văn minh xa xôi và cổ xưa và những bài học lấy từ những chân trời triết học và tôn giáo khác, và mặt khác, đó là sự góp phần của những sự chiếm lĩnh mới của tinh thần hiện đại vào những sự phát triển gần đây nhất của nó. Với một sự thống nhất như vậy, có lẽ người ta sẽ thành công trong việc thực hiện một sự tổng hợp lớn, một sự phong phú và một tính phổ biến duy nhất trong lịch sử.

Tôi không có ý định bàn về vấn đề này. Mà tôi gọi nó ra như một trong những vấn đề căn bản nhất và thời sự nhất để mời tất cả những ai nghiên cứu những vấn đề tâm linh suy ngẫm. Vấn đề này cũng đem lại cơ hội để tôi đưa ra nhận xét sau đây : ngay cả những người nghĩ rằng sự thống nhất ấy là cần thiết cũng cảm thấy sâu sắc sự ích lợi của việc quay về với Phúc âm, với một tinh thần cởi mở, bằng cách lý giải nó dưới ánh sáng những nhận thức mới của chúng ta, để khám phá ra ở đó những giải pháp cho các vấn đề trước mắt và nhất là để áp dụng vào đời sống hằng ngày những nguyên lý rất cao cả của nó ngày càng hoàn thiện hơn.

Đoạn trích dẫn ở đầu chương này mang một lời khuyên mà trong tất cả những lời khuyên trong Phúc âm, có lẽ đó là lời khuyên ít được hiểu nhất, ít được coi trọng và noi theo nhất trong đời sống hiện đại, và chính vì thế, nó là lời khuyên đáng được tìm hiểu chăm chú nhất, vì nó có thể là một trong những lời khuyên bổ ích nhất.

Để hiểu đúng hơn lời khuyên của J  sus, ta hãy dừng lại một chút ở việc mô tả cảnh tượng đã diễn ra trong nhà của

Béthanie. Việc Jésus đến bất ngờ chắc chắn gây ấn tượng mạnh mẽ cho hai chị em, nhưng cách phản ứng về mặt tâm lý đối với sự kiện này thì hai người lại rất khác nhau. Cả hai đều hết sức mong muốn tôn vinh vị khách, nhưng mỗi người chọn cách phù hợp với mình và vì thế rất khác nhau !

Với tâm thức thị dân, Marthe chỉ cốt làm sao để bày tỏ thái độ ân cần và tận tâm của mình bằng việc sửa soạn một bữa ăn tráng lệ và dọn lên bàn những thú tốt nhất mình có. Marthe tôn vinh thân thể Jésus, về bên ngoài của Chúa như vậy đó.

Còn Marie, trái lại, bằng một hành vi nội tâm tự phát, tôn vinh Chúa của mình và cô thấy rằng không làm gì cả, không hiến dâng cái gì cả mà chỉ lắng nghe những lời lẽ sáng láng của Jésus thì đó là dâng cho ngài điều ngài thích nhất, quý giá nhất, có lẽ là điều duy nhất ngài hết sức mong muốn và ngài chỉ có thể nhận được từ con người : việc hiểu được thông điệp thần thánh của ngài, sự tận tâm hoàn toàn đối với lý tưởng mà ngài là hiện thân.

Đã bao nhiêu lần trái tim nồng cháy của ngài bị tổn thương khi vấp phải những đầu óc khép kín và chai sạn của người ta ! Đã bao nhiêu lần ngài phải đau lòng vì thái độ bi quan của họ, vì trái tim khô khan của họ, vì sự uể oải của họ, vì ác ý của họ - không phải chỉ là từ những thầy giảng và những người sùng nghi thức, mà thậm chí - điều này làm cho lòng ngài càng nặng nề hơn - cả từ những người gần gũi, những người thân thiết nhất, những người tự tuyên bố là học trò của ngài !

Việc họ luôn luôn không hiểu những lời của ngài, việc họ ngủ yên khi ngài hấp hối ở Gethsémani, việc Pierre ba lần từ bỏ ngài, chưa kể tới sự phản bội của Judas, là những bằng chứng cho chúng ta thấy rõ khoảng cách lớn giữa Jésus và những người khác, một khoảng cách mà ý thức sắc bén có lẽ đã tạo nên mặt say mê thâm kín nhất, bí ẩn nhất nhưng cũng có thể là nặng nề nhất của ngài.

Vì thế, tại sao lại không phải là một niềm vui khi ngài cảm thấy sự dịu dàng vì thông cảm, vì sự kết hợp tâm linh thân thiết mà Marie đã dâng cho ngài trong thái độ bất động và tĩnh tâm, im lặng và bị thu hút. Chắc chắn Jésus cũng nhìn thấy Marthe tốt bụng đã tôn vinh mình đến mức cao nhất mà cô có thể làm được, đến mức cao nhất mà cô có thể biết được. Ngài quý trọng sự tôn vinh theo lối thông thường của cô và ngài sẵn sàng thưởng thức bữa ăn thịnh soạn mà người đàn bà nhiệt tâm kia đang chuẩn bị. Ngài để cho cô chuẩn bị bữa ăn ấy ; ngài không buộc cô phải theo dõi những lời nói của mình, phải nghe những thuyết giảng mà cô có thể không hiểu.

Nhưng Marthe lại không có sự tế nhị mà Jésus đã tỏ ra đối với cô. Cô chưa bằng lòng với việc hành động theo lối của mình, cô muốn bắt người em gái phải làm giống cô - và cô đã dám gián tiếp trách móc Jésus vì ngài không gọi cho Marie làm theo tấm gương của cô : "Thưa Chúa, ngài không động lòng khi em gái của con để cho con phục vụ một mình sao ? Xin chúa bảo nó giúp con đi !"

Hành động gây hấn của người phụ nữ nội trợ quá nhiệt thành và bận rộn ấy buộc Jésus phải từ bỏ sự dè dặt khoan dung của mình để cảnh cáo cô bằng những lời lẽ cân nhắc, nhưng nghiêm khắc và rõ ràng, giàu ý nghĩa sâu sắc và phổ biến : "Marthe, Marthe, con lo lắng và con bận mình vì làm nhiều việc ; nhưng không cần phải làm nhiều việc đến thế, chỉ một việc là đủ. Chính Marie đã chọn phần tốt nhất của mình ; Marie sẽ không để bị lấy mất phần việc ấy đâu".

Câu trả lời của Jésus ngày nay có ý nghĩa gì đối với chúng ta ? Tôi cho rằng nó có thể có những sự áp dụng căn bản khác nhau ; nhưng để làm như vậy, trước hết chúng ta phải hiểu rõ những cách thức khác nhau của cái mà chúng ta gọi là hành động.

Marthe và Marie nói chung được coi như những tượng trưng của hành động và không hành động. Cách lý giải ấy có thể là đúng nếu chúng ta hiểu hành động theo nghĩa thông thường và hạn chế của nó như hành động bên ngoài. Nhưng, nói thật đúng, cách lý giải ấy không làm nổi bật lên thực chất của hai chức năng đối lập nhau, và do đó có thể đưa tới những sự hồ đồ và những kết luận thực tiễn sai lạc.

Thật ra, vấn đề hành động khó hơn và phức tạp hơn mới thoát nhìn. Những nhà hiền triết cổ của Ấn Độ đã biết rõ điều đó, mà họ là những người đã nghiên cứu sâu sắc vấn đề cốt yếu này. Đây là lời của tác giả vô danh của *Baghavat-Gita*, bản trường ca triết học - tôn giáo lớn trong *Mahabharata* :

Hành động là gì và không hành động là gì ? Về điểm này, ngay cả các nhà hiền triết cũng lúng túng... Bản chất của hành động thật khó hiểu. Hiền triết là người nào biết nhìn thấy không hành động trong hành động và hành động trong không hành động, và sẵn sàng thực hiện mọi hành động.

Vậy thì, ý nghĩa của nghịch lý rõ ràng ấy là gì ? Những tiêu chuẩn mà một người thông thường noi theo để xét đoán những gì dựa vào hành động là hoàn toàn ở bên ngoài, về mặt số lượng, máy móc. Theo đó, con người hành động là kẻ nào tạo ra những hậu quả hữu hình và sờ thấy được, kiếm nhiều tiền, xây nhiều nhà cửa to lớn, có quyền hành đối với nhiều người.

Ngược lại, đối với con người thông thường ấy, thiên định và suy ngẫm là đồng nghĩa với những giấc mộng trống rỗng, với súc ỳ, với tính vô sinh. Anh ta coi người suy ngẫm và nhà thần bí ngang với nhà thơ, mà theo những câu thơ của Carducci đó là :

... một kẻ ăn không ngồi rồi đi lang thang,
cái gì cũng quan tâm một chút,
bao giờ cũng héch mui lên, mắt lơ lảo,
đôi theo những thiên thần và những con chim én.

Điều tin tưởng ấy lan rất rộng ; chính vì thế phải nhấn rất mạnh rằng nó là sai lầm về căn bản. Kẻ nào, không để mình bị lừa phỉnh vì những vẻ bên ngoài, thường chăm chú xem xét bản chất thật của cái được coi là "hoạt động", một

khái niệm chủ đạo hiện nay, kẻ đó sẽ dễ dàng đồng ý rằng nó là trang kim mà không phải là vàng, nó là sự bận rộn, là tiếng ồn ào, là lời tán gẫu, là sự khuấy động, là lối làm ra vẻ tích cực, mà không phải là hành động đích thực. Những tính chất căn bản của hành động đích thực - như tự nhiên dạy cho chúng ta biết - là sự hài hoà, tính hữu cơ, nhịp điệu và nhất là tính hiệu quả.

Than ôi, có biết bao hoạt động của chúng ta không có những tính chất ấy : Những hoạt động ấy thường chỉ là một điều loè loẹt vô bổ, một sự hao tổn sức lực vô ích : Biết bao nhiêu lần những hoạt động ấy đã giống như những đám đông, theo lời Tagore, "đẩy bụi lên nhưng không làm cho đất thêm màu mỡ".

Hãy nghĩ tới một nhà kinh doanh đã giàu có rồi vẫn sống tất bật để tích lũy nhiều của cải hơn nữa, nhưng không những anh ta không dùng của cải vào một mục đích cao cả và có hiệu quả, mà thậm chí cũng không có thời gian để hưởng thụ ích kỷ nữa kia. Hãy nghĩ tới một chính khách bị dày vò bởi tham vọng, không ngừng cố sức đạt tới niềm vinh quang thoáng chốc để nổi lên trước mắt mọi người, bằng cách bày đặt ra hàng nghìn mưu kế và không từ chối một sự hèn hạ nào. Hãy nghĩ tới một người phụ nữ quyền quí chạy hết hơi từ một buổi tiếp khách đến một bữa uống trà, từ một bữa ăn tối đến một buổi trình diễn, luôn luôn bận bịu với son phấn và những đồ trang sức để có những chiến thắng vô ích của sự hợm hĩnh. Tất cả những người đó có thật là những người hành động không ? Sự bận rộn không

ngót và vô ích của họ trên một cái sân đua chập hẹp của những mối quan tâm nhỏ nhen chẳng phải là giống với cảnh những con chó quay vòng tròn để cắn cho được đuôi của chúng với một sự nhất quyết đáng buồn cười đó sao ?

Nhưng còn có điều tệ hơn nữa : một số hoạt động nói thẳng ra là có hại, thậm chí mang tính phá hoại, như những hành vi xâm phạm tới tính chất thiêng liêng của cuộc sống, hoặc bằng cách cắt xẻo thân thể, hoặc làm thương tổn và làm hư hỏng trái tim : cả một gam đáng buồn đi từ những hành vi lỗi lầm đến những tội ác, dù bị luật hình sự lên án hay thoát khỏi những trừng phạt nhưng không thể thoát khỏi sự xét xử chắc chắn của luật đạo đức.

Tôi xin nhắc lại, trong tất cả những biểu hiện ấy, con người không *hành động* thật sự. Trong những trường hợp đó, nó thụ động để cho những bản năng và những đam mê dẫn mình đi, nuôi những ảo ảnh, bị những sự khêu gợi và thói quen thúc đẩy.

Đặc biệt mạnh mẽ và thường xuyên là ảnh hưởng của những sự khêu gợi cá nhân hay tập thể đối với chúng ta. Rất thường khi chúng ta bị lôi cuốn bởi một trào lưu bên ngoài mà không tự biết và vẫn có ảo tưởng là mình hành động một cách độc lập. Về vấn đề này, xin dẫn ra một chuyện có thật, như một ví dụ rõ ràng về sức mạnh cưỡng ép của sự bất chước vô thức.

Một người bạn của tôi vừa đến New York và không có việc gì để làm cả, ra khỏi khách sạn chỉ cốt để dạo chơi yên tĩnh trong thành phố. Vài phút sau, anh ta nhận thấy

mình bước đi vội vã và thở đứt hơi. Ngạc nhiên, anh ta bước chậm lại ; nhưng một lát sau anh ta lại nhận thấy mình lại bước nhanh lên ! Mọi người xung quanh anh ta đều đi rất vội vã và anh ta đã chịu ảnh hưởng tấm gương kêu gọi của mọi người, không thể cưỡng được.

Bây giờ ta hãy nói tới mặt ngược lại. Dưới bề ngoài không hành động, giữa thình vãng, thường che đậy một hoạt động thật sự của con người từ trong chiều sâu. Trong cuộc sống con người, cũng như trong đời sống của tự nhiên, mọi hành vi sáng tạo, mọi sự khởi đầu, mọi xung lực ban đầu, mọi đà nhiệt tình trọng yếu đều diễn ra trong sự tăm tối, trong an bình, trong sự bất động bề ngoài. Hạt giống mọc trong sự tăm tối, bị che phủ hai lớp đất nâu và tuyết trắng, rất dày. Con suối phun ra càng mạnh và càng trong hơn khi nước chảy lên từ chỗ đất sâu nhất. Con người cũng vậy. Công việc nội tâm giúp cho nó tự trau dồi mình và phát triển những năng lực của mình, sự đồng hoá và chế biến khó nhọc những vật liệu và kinh nghiệm đã thu được trong cuộc sống bên ngoài, công việc gay go diễn ra trước mọi cảm hứng sâu sắc, tóm lại, tất cả những hành vi có hiệu quả và sáng tạo thật sự đều diễn ra trong sự tĩnh tâm, thình lặng, trong những chiều sâu của tâm thần.

Con người hiện đại luôn luôn hướng sự chú ý của mình ra bên ngoài, luôn luôn bị những vẻ ngoài huyền hoặc làm lơ đãng, không hề có một ý niệm nào về tính hiện thực, về tính chất cụ thể, về sự phong phú của thế giới nội tâm, cũng như về những sức mạnh đang khuấy động ở đó hay về tâm

quan trọng của những sự kiện diễn ra ở đó. Thế giới nội tâm không phải là thế giới của súc ý hay của những giấc mộng, đó là thế giới của những nguyên nhân giàu hàm chứa mà mọi biểu hiện bên ngoài và có thể nhìn thấy chỉ là hậu quả và kết quả.

Trong thế giới nội tâm có hẳn một vùng của những giấc mộng trống rỗng, những nỗi buồn tiếc làm kiệt sức, những sự than khóc ai oán, thói đa cảm bệnh hoạn, một vùng phê phán vô bổ, sự hoài nghi sợ sệt, sự lười biếng mềm yếu, súc ý đáng xấu hổ. Nhưng đó không phải là thế giới nội tâm thật sự ; đó là một vùng trung gian, nơi ẩn náu của những kẻ yếu đuối, bất lực, hèn nhát, tất cả những ai không biết và cũng không muốn đương đầu dũng cảm với những khó khăn của cuộc sống hiện đại cũng như những khó khăn nhỏ hơn của đời sống nội tâm thật sự. Vì đời sống nội tâm đòi hỏi phải có kỷ luật khắc nghiệt, phải có nỗ lực và sự dấn thân không kém gì hành động bên ngoài.

Trong thế giới nội tâm rộng lớn ấy, có những đỉnh cao rực rỡ của sự suy ngẫm tâm linh, ở đó mọi nỗ lực đều biến mất và con người hiến mình cho hành động của tâm linh. Nhưng muốn đạt tới những độ cao ấy, cần phải trải qua một con đường lâu dài và khó nhọc. Để đạt tới trạng thái trong đó có thể suy ngẫm thuần túy, cần phải làm một công việc thanh lọc, khổ hạnh và nâng cao nhân nại và có phương pháp.

Để làm rõ và xác định rõ những quan hệ khác nhau giữa những hoạt động bên ngoài và nội tâm, tôi sẽ đưa ra một

ví dụ về hai kiểu dị thường và thói quen thường xảy ra trong lĩnh vực hành động : tính xung động (impulsivité) và sự mất ý chí (aboulie) hay thiếu ý chí, và sẽ gợi ra cách chữa đối với mỗi thứ.

Những người xung động, dữ dội, sốt ruột có khả năng chủ yếu của họ là ức chế yếu ớt : không thể chế ngự và chi phối một cách thích hợp những sức mạnh bản năng và đam mê hoặc do những sức mạnh này quá lớn, hoặc do sự yếu đuối cố hữu của họ. Những người này, vì thế, bị thúc đẩy tới chỗ làm rất nhiều điều nhưng hiếm khi hoàn tất được, hoặc để cho mình phạm vào những hành vi có tính chất gây hấn và phá hoại. Đó là những kẻ, như đã nói trên đây, đẩy bụi lên mà chẳng tạo ra được cái gì quan trọng cả.

Đối với những người xung động, thì hành động cao nhất và hiện thực nhất là không hành động ; là kiểm soát chặt chẽ và thường xuyên những xung lực của mình bằng một loạt những hành vi ý chí nhằm chế ngự những năng lượng hỗn loạn ; là bắt buộc những năng lượng này phải tập trung lại và hoà hợp nhau ; là thanh lọc, nâng cao chúng và làm cho chúng có thể bộc lộ ra bên ngoài trong những công việc xây dựng. Đó là một ví dụ rõ rệt cho thấy tại sao một sự giảm bớt hoạt động bên ngoài có thể là chỉ dẫn của một sự tăng cường hành động bên trong.

Việc xem xét những người mất ý chí, những người yếu đuối, mệt mỏi, bất lực về hành động, cũng đưa chúng ta tới những kết luận giống thế. Thật vậy, muốn thúc đẩy một kẻ mất ý chí tới hành động là một điều vô ích ; nếu anh ta

biết làm điều đó thì sẽ không phải là người mất ý chí nữa. Để thúc đẩy một người mất ý chí tới chỗ hành động, cần phải chữa sự mất ý chí của anh ta đã, và để làm điều đó thì phải khám phá ra nguyên nhân sâu xa của nó là loại trừ nó. Những nguyên nhân mất ý chí thường phức tạp và đa dạng hơn người ta tưởng và chúng cần được nghiên cứu kỹ, nhưng đối với mục tiêu hiện thời của chúng ta, chỉ cần nêu ra vài nguyên nhân.

Sự mất ý chí thường không phải là do thật sự yếu đuối, mà là do tác động ức chế của những ấn tượng hoặc kinh nghiệm mạnh mẽ, có khi ngược lên tới tuổi thơ ấu, và nói chung, người ta chẳng nhớ gì nữa. Mất ý chí cũng có thể là do sự đối lập giữa hai xu hướng mạnh mẽ, có ý thức hay vô thức, như những dấu hiệu trái ngược nhau và có cường độ gần ngang nhau, phung phí những năng lượng tâm thần vào một cuộc đấu tranh vô bổ và không có kết cục. Trong những trường hợp khác, mất ý chí là do tính nhạy cảm và tính dễ bảo quá mức đưa con người tới chỗ liên tục chịu vô số ảnh hưởng trái ngược nhau của môi trường và phải ứng xử như một cái chong chóng quay theo chiều gió. Cuối cùng, trong những trường hợp khác nữa, mất ý chí là do một hoạt động trí tuệ quá mức theo kiểu phân tích và phê phán, làm phân tán những sức mạnh nảy sinh từ năng lượng sâu xa. Trong tất cả những trường hợp đó, việc giải thoát khỏi sự mất ý chí và đạt tới một năng lực hành động bình thường đòi hỏi một công việc đánh giá, tái tạo, tăng cường nội tâm lâu dài và phức tạp. Chừng nào công việc đó chưa hoàn tất, chừng

đó nó chưa tạo ra những biểu hiện có thể nhìn thấy được, nhưng bản thân nó là một hành động thật sự và tạo nguồn cho mọi hành động bên ngoài sau này.

Điều gì đúng với những trường hợp xung động và mất ý chí cục độ, thì cũng đúng với tất cả mọi trường hợp khác, tức là với mỗi người chúng ta. Rất thường khi chúng ta quên mất rằng không phải số lượng hoạt động mà chất lượng hành động mới đáng kể, và ngay cả đối với người khác cũng như để làm điều tốt đối với họ, thì bốn phận đầu tiên và cấp thiết hơn của chúng ta là tự hoàn thiện mình.

"Mọi linh hồn bay lên đều nâng thế giới lên", một nhà nữ thần bí hiện đại, Elisabeth Leseur nói như vậy. Mọi đam mê bị chế ngự, mọi sai lầm được sửa chữa có nghĩa là bớt đi một tai họa đối với tất cả chúng ta ; mọi ánh sáng trí năng mới cháy rực lên trong chúng ta, mọi sức mạnh đạo đức được phát triển lên, mọi ý thức cao cả được tạo ra, tự chúng đã là một điều tốt lành đối với loài người rồi.

Những kho báu tâm linh ấy tự chúng có xu hướng toả rộng ra bằng muôn nghìn cách, không cần tới nỗ lực có ý thức và thậm chí chúng ta không hay biết, biểu hiện ở mọi lời nói, mọi hành vi, với một sự toả chiếu vô hình nhưng mạnh mẽ. Thế nhưng, chúng ta thường coi nhẹ bốn phận căn bản ấy và, với thói tự phụ, sốt ruột và nhẹ dạ, chúng ta không ngần ngại nhẩy vào nhiệm vụ khó khăn là hoàn thiện... những người khác. Chỉ vừa mới có vài xu lẻ, chúng ta đã hấp tấp đóng vai những nhà hảo tâm và từ thiện, mà không nghĩ tới món quà tặng nhỏ nhoi của mình, tới những

món nợ bên ngoài mà chúng ta phải trả, không nhớ rằng "kẻ nào quá ham làm điều thiện, kẻ đó chưa đủ thời gian để trở thành tốt", như Tagore nói trong một châm ngôn sáng suốt và tế nhị của mình.

Thật vậy, nếu chúng ta xem xét thật chân thành những động cơ thúc đẩy chúng ta hối hả giúp đỡ những người khác, nói chung chúng ta sẽ thấy rằng những động cơ ấy không trong sáng và cao cả như đã tỏ ra ; trong thú hợp kim óng ánh ấy chúng ta sẽ thấy ra rằng vàng trộn lẫn với những thứ kim loại kém sang trọng hơn, như thối hợm hình, kiêu căng, học đòi và, một yếu tố tinh vi hơn và kín đáo hơn, đó là mong muốn xoa dịu lương tâm chúng ta, muốn có một cái cớ để khỏi phải làm nhiệm vụ mệt nhọc là thanh lọc nội tâm chúng ta.

Ngay cả khi không có những động cơ thấp kém ấy, ngay cả khi các động cơ đều trong sáng, người ta vẫn có thể phạm phải sai lầm đã nói tới trên đây, do muốn hạ cố, do ngu dốt, do yếu đuối hay do quan niệm quá chật hẹp và có tính bên ngoài về bốn phận của chúng ta.

Maurice Maerterlinck cảnh cáo chúng ta bằng một hình ảnh kêu gọi :

Hãy tránh hành động như người gác đèn pha kia, như truyền thuyết kể lại, anh ta phân phát dầu thấp đèn cho những người nghèo hàng xóm mà lẽ ra phải dùng để soi sáng đại dương. Mọi tâm hồn, từ chốn sâu xa của nó, đều là người gác một chiếc đèn pha ít hay nhiều cần thiết. Một người

mẹ nghèo khổ nhất, đáng lẽ phải toàn tâm làm những bốn phận người mẹ, lại để cho mình bị náo lòng, bị hút hết tâm trí, tự xoá bỏ bốn phận làm mẹ, đem dầu đi cho những người nghèo : những đứa con của bà sẽ đau khổ suốt đời vì tâm hồn người mẹ không sáng suốt như lẽ ra phải có. Sức mạnh phi vật chất ánh lên trong tim ta phải rực sáng lên với chính nó trước tiên. Chỉ có như thế nó mới rực sáng lên được đối với người khác. Ngọn đèn của bạn dù nhỏ, cũng đừng bao giờ đem cho dầu thấp đèn đi, mà chỉ nên đem cho vầng sáng xung quanh của nó.

Nếu chúng ta xem xét một cách chăm chú cuộc đời của những nhà hảo tâm lớn nhất của loài người đã từng cứu nhiều thân thể cũng như nhiều tâm hồn, chúng ta có thể thấy rằng sự hảo tâm của họ bao giờ cũng có một thời kỳ tĩnh tâm và không hành động bề ngoài trước đó. Trong thời kỳ ấy, trên thực tế, họ đã gọi lên và tập trung mạnh mẽ những năng lượng tâm linh mà sau đó sẽ nảy sinh ra, sẽ lan toả ra một cách không cưỡng được, *ex plenitudine contemplationis* (đi từ sự suy ngẫm đầy đủ), theo cách diễn đạt rất hay của thánh Thomas d'Aquin, và sẽ tạo ra những hậu quả đáng ngạc nhiên.

Cuộc đời của Jésus cho chúng ta một ví dụ tuyệt vời về điều đó. Thật có ý nghĩa khi chẳng có gì truyền lại cho chúng ta về cuộc đời của ngài trong thời kỳ từ mười hai đến ba mươi tuổi cả. Nhiều giả thuyết khác nhau được đưa ra

để lấp khoảng trống ấy : người ta nhắc tới thời kỳ đi học hay nhập môn ở trường bí truyền của phái Esséniens ; người ta nghĩ tới những chuyến chu du sang những miền đất khác và những sự tiếp xúc với những trào lưu trí năng tâm linh khác. Dù những giả thuyết ấy có cơ sở hay không, thì sự thật vẫn là trong 18 năm ấy, Jésus bị đặt ra khỏi cuộc sống chung của mọi người và, bằng cách này hay cách khác, chỉ một mình hay trong cộng đồng, ngài đã làm xong một công việc thầm lặng để chuẩn bị nội tâm với những hệ quả bộc lộ rõ ràng sau đó đối với mọi người, không những trong ba năm, mà còn được mọi người cảm nhận mạnh mẽ trong cả hai mươi thế kỷ về sau. Tất cả những nhà thần bí lớn đều đi theo con đường này. Chẳng hạn, nữ thánh Catherine ở Sienne đã trải qua nhiều năm trong căn phòng chật chội của nhà ông bố mình, nhưng khi bà ra đi khỏi đó, bà liền đi khắp những miền đất của Italia và Pháp không biết mệt mỏi, cảnh cáo các quốc vương và các giáo hoàng, làm cho họ khuất phục thiện chí của mình, gây ra những mối thù ghét dai dẳng nhưng cũng thúc tỉnh được nhiều tâm hồn.

Tinh tâm, tự tra vấn lương tâm, suy ngẫm, cầu nguyện - tóm lại, tất cả những yếu tố cốt yếu của công việc nội tâm - không phải chỉ là một sự chuẩn bị cần thiết cho hành động bên ngoài ; chúng còn là nguồn cảm hứng và đối mới cần thiết và thường xuyên, là thức ăn liên tục nuôi dưỡng những yếu tố đó.

Qui luật lớn này, chúng ta thấy nó được xác nhận trong cuộc đời của chính Jésus. Sách Phúc âm khẳng định điều

đó thật rõ ràng : "Sau khi đã khuyên các đám đông đi về, Mathieu kể lại, Jésus lui về một ngọn núi để cầu nguyện". Và Marc chỉ rõ : "Buổi sáng, khi trời còn tối, Jésus thức dậy và đi đến một nơi hẻo lánh và ngài bắt đầu cầu nguyện ở đó". Lúc xác nhận và nói rõ ràng, trước khi thực hiện những hành vi quan trọng nhất của đời mình, Jésus có thói quen tĩnh tâm và cầu nguyện rất lâu. Lúc cũng nói cho chúng ta biết rằng, trước khi lựa chọn các môn đồ và mười hai tông đồ của mình, hoặc trước khi tuyên bố Tám đức chí phúc, "ngài lên núi để cầu nguyện và trải qua cả một đêm để cầu nguyện Thượng đế". Đêm ngài hấp hối ở Gethsémani, ngài lại cầu nguyện, hoà hợp thân thiết với Cha, sức mạnh siêu nhân giúp ngài đi tới sự hy sinh một cách tự do và có ý thức và đỡ ngài trong những giờ khổ hình. Đó cũng chính là con đường mà tất cả những người vĩ đại "bất chước", ngài, những tông đồ tích cực nhất của ngài, từ thánh Paul đến nữ thánh Thérèse, từ thánh François de Sales đến thánh Vincent de Paul, đã đi theo.

Những quan hệ chặt chẽ về sự và luân phiên giữa cuộc sống bên trong và cuộc sống bên ngoài ấy có một tính chất phổ biến, chúng là những điều kiện cần thiết cho một đời sống con người hài hoà và tốt lành - người ta thấy những điều đó được xác nhận trong việc chúng đã được khám phá và thực hiện ngay cả trong những nền văn minh khác và xa cách với nền văn minh chúng ta. Chỉ cần nhắc tới cách đặt và giải quyết vấn đề đúng đắn về hành động trong *Baghavad-Gita* cũng đủ thấy những nhà hiền triết cổ của

Ấn Độ cũng đi tới những kết luận giống với các thánh Kitô giáo như thế nào. Hơn nữa, người ta có thể tìm thấy một sự xác nhận thực tiễn cho luận điểm của chúng tôi trong cuộc đời con người vĩ đại nhất của Ấn Độ, Gautama Bouddha. Sau sự phát hiện ra nỗi đau khổ phổ biến đã thúc đẩy ngài trốn khỏi nhà bố mẹ để đi tìm chân lý giải thoát, trong nhiều năm liền, ngài hoàn toàn chuyên chú vào đời sống nội tâm. Sau những ý định không có hiệu quả, sau khi đã thử một cách vô ích những phương pháp khổ hạnh khác nhau, ngài tìm thấy Ánh sáng tối cao trong sự đi lên nội tâm thuần túy, trên con đường đạt tới và phát triển những trạng thái thiền định và suy ngẫm ngày càng cao. Trong tiến trình truyền đạo một nửa thế kỷ sau đó của ngài, ngài đi khắp Ấn Độ và cải đạo cho hàng triệu người, thuyết giảng và khuyến cáo thực hành hoạt động nội tâm ấy một cách đặc biệt kiên trì.

Chỉ trong nền văn minh hiện đại của chúng ta, những nguyên lý phổ biến ấy mới bị bỏ quên hoặc coi thường. Chỉ trong thời đại chúng ta, Marthe mới được coi như một tấm gương đáng khâm phục, trong khi Marie thì bị bỏ quên hoặc coi thường. Nhưng tôi hy vọng rằng mình đã chứng minh được thái độ ấy là sai lầm và đã có những hậu quả tai hại như thế nào, và nó gây ra nhiều cái yếu cũng như nhiều điều xấu trong số những điều nghiêm trọng nhất mà chúng ta đang phải gánh chịu hiện nay như thế nào.

Trong tự nhiên bên ngoài cũng như bên trong, mọi cái đều luân phiên nhau. Mùa hè tiếp theo mùa đông, ngày tiếp

theo đêm, thức tiếp theo ngủ và, trong mọi cuộc sống có trật tự và hài hoà, chắc hẳn phải có một sự luân phiên giữa tĩnh tâm và hành động bên ngoài. Không nhất thiết nhịp độ luân phiên ấy phải mang tính cứng nhắc và tất yếu như những hiện tượng tự nhiên buộc phải theo : nó có thể được thích nghi một cách linh hoạt với những điều kiện và những bó buộc thực tiễn khác nhau của một cuộc đời phức tạp. Tất cả những ai muốn thực hành sự luân phiên ấy đều có thể làm. Hãy nhớ lại sự phân bố thời gian thường được áp dụng trong quá khứ : mỗi ngày có hai buổi tĩnh tâm, buổi sáng để thiền định và chuẩn bị hành động cụ thể, còn buổi chiều để tự tra xét lương tâm ; mỗi tuần lễ, sau sáu ngày chủ yếu dành cho César, có một ngày chủ yếu dành cho Thượng đế ; mỗi năm, có ít nhất một thời kỳ rút lui dài ngày, trong đó người ta có thời gian để thực hiện công việc phát triển nội tâm có hiệu quả hơn và sâu xa hơn.

Đến đây, tôi nghĩ rằng sẽ không khó khăn gì khi nhận được sự đồng ý của mọi đầu óc cởi mở, của mọi trái tim đang tìm cách làm điều tốt ; nhưng bây giờ chúng ta lại đụng phải một vấn đề khó giành được sự đồng tình hơn. Đó là về cách xem xét và đánh giá những người chỉ có suy ngẫm, những người đã từ bỏ cuộc sống chung của mọi người, không trở về "với thế gian" nữa mà ở lại trong những cộng đồng bị giam hãm hay những nơi ở ẩn cô quạnh. Đường như những người này đã vi phạm những qui luật cân bằng nhịp độ giữa đời sống nội tâm và đời sống bên ngoài mà chúng ta đã nói tới, và người ta có thể nghĩ ngờ đó là những

sự cường điệu hay những sự lệch lạc của xu hướng thần bí. Đường như những người suy ngẫm kia không biết giữ đúng mực, họ là những người yếu đuối, những kẻ chết chìm hay những kẻ đào ngũ khỏi cuộc sống. Trong một số trường hợp, tôi nghĩ rằng cần phải vô tư chấp nhận điều đó là đúng. Nhưng sau khi đã chừa những trường hợp đó ra rồi, thì có thể khẳng định rằng những nhà thần bí đích thực, những nhà suy ngẫm vĩ đại có một chức năng thực tế và có hiệu quả trong đời sống của loài người. Họ cũng chính là những người hành động, khi họ đạt tới chỗ thực hiện được những mục tiêu cao nhất trong sứ mệnh của họ, khi họ trở nên có khả năng phát triển một kiểu hoạt động cần tới một sự tập trung mạnh mẽ và thường xuyên của những năng lượng tâm thần, khi họ có thể bắt tinh thần thống trị vật chất, điều đó có thể có những hậu quả tốt lành rộng lớn và mạnh mẽ.

Thái độ hướng ngoại và duy vật chất của nền văn minh hiện đại đã bám rễ đến mức ngay cả những người tự coi mình theo thuyết tâm linh cũng thường không quý trọng hoặc không hiểu hình thức hoạt động đặc biệt này của con người. Ngay cả bên trong các Giáo hội, trong thời hiện đại, cuộc sống suy ngẫm đang ngày càng suy giảm đối với cả những người đang hiến mình vào đó. Thế nhưng, có những bằng chứng rõ ràng và chắc chắn về hiệu quả của những sức mạnh tâm linh toả chiếu từ những người mang ngọn lửa suy ngẫm bùng cháy. Những bằng chứng này thoát ra khỏi những con mắt hời hợt và những đầu óc thành kiến, nhưng lại hiển hiện đối với những ai xem xét một cách chú trọng

và vô tu. Trên thực tế, không thể bỏ qua nhiều bằng chứng trùng hợp mà chúng ta đã thấy trong lịch sử mọi dân tộc.

Sự tỏa chiếu của những buổi cầu nguyện lặng lẽ, của những cách chữa bệnh lạ kỳ, của những cuộc trò chuyện cách xa nhau, ảnh hưởng của một người tinh tâm đang cầu nguyện đối với những người được sự cầu nguyện ấy hướng tới và đôi khi cả cảm giác về một sự hiện hữu có thật của chính con người đó, là những điều có thể gây kinh ngạc nhưng không thể bị phủ nhận *a priori* trên cơ sở những định kiến về học thuyết hoặc những sự tuyên bố ngu xuẩn rằng không thể có những điều đó.

Ngày nay, hơn bao giờ hết, người ta càng không được phép có thái độ tiêu cực ấy, khi các khoa học về vật chất với những phát hiện mới của chúng đang tự vượt lên một cách nhanh chóng và cung cấp những bằng chứng có giá trị xác nhận quan điểm tâm linh. Những sự kiện về giao cảm từ xa, tạo chuyển động từ xa (*télékinésie*), truyền ghép ý tưởng (*ideoplastie*) mà một số nhà khoa học đã xác định vững chắc, chứng minh rằng các sức mạnh tâm thần có thể tác động vượt quá các ranh giới vật chất của cơ thể con người, có thể làm thay đổi và làm rung động vật chất một cách trực tiếp từ xa. Sau khi sự tồn tại của những khả năng đó đã được chứng minh, thì ai là kẻ có quyền qui định những ranh giới mới ? Người ta có thể phủ nhận hiệu ứng của những hành vi tâm linh ở những người suy ngẫm và những nhà thần bí với những luận cứ gì được ?

Còn một sự chứng minh khác nữa về hiệu ứng ấy có thể được trình bày rõ hơn. Chúng ta hằng ngày nhận thấy hoạt động tinh thần mạnh hơn hoạt động cơ bắp để làm thay đổi thế giới bên ngoài đến mức nào. Sự nỗ lực tạm thời về tinh thần mà việc chế tạo một cái máy và việc chỉ đạo để sản xuất nó đòi hỏi phải có đã đem lại cho chúng ta một phương tiện tiết kiệm vô số nỗ lực cơ bắp, và thậm chí cũng không thể tạo ra những kết quả đó với bất cứ sự kết hợp nào của những nỗ lực cơ bắp. Thế mà, nhiều sự kiện và nhận định đang đưa chúng ta tới chỗ chấp nhận sự giống nhau của các quan hệ giữa một bên là năng lượng thể chất và năng lượng tinh thần và, một bên khác, là năng lượng tinh thần và năng lượng tâm linh. Như vậy, hoàn toàn giống như năng lượng tinh thần mạnh hơn năng lượng thể chất, năng lượng tâm linh cũng vượt trội hơn năng lượng tinh thần nhiều. Vì những lẽ đó và những lẽ khác nữa mà người ta có thể viện dẫn ra, tôi nghĩ rằng không còn hoài nghi gì nữa về sự toả chiếu tâm linh trực tiếp và, hơn nữa, phải thừa nhận cường độ không thể đo được của nó. Đó là một phát hiện thật sự đang mở ra những triển vọng vô giới hạn cho những năng lực tiềm ẩn của con người trong việc làm điều tốt. Điều đó cũng làm cho chúng ta hiểu rõ cách tác động của "thần thánh" và đem lại cho chúng ta một cách nhìn cuộc sống và thế giới khác hẳn với cách nhìn đang thịnh hành hiện nay. Quan niệm đó hiện nay chưa phổ biến lắm và cách sống suy ngẫm hiếm khi được coi là đối tượng của một sự nghiên cứu nghiêm túc ngay cả từ phía những

người theo thuyết tâm linh hiện đại. Thế nhưng, không thiếu những tiếng nói, cả của những người hiện đại, nói lên giá trị và tính ưu tú của hành động kín đáo của những người suy ngẫm.

Như vậy, sự toả chiếu mạnh mẽ về tâm linh của những người suy ngẫm là hình thức hành động thuần khiết nhất và cao cả nhất, gần gũi nhất với *modus operandi* (cách hành động của thần thánh). Tóm lại, đó là sự phong thần đối với Marie. Nhưng chính vì hoạt động ấy là cao siêu và hầu như siêu nhân, nên đó là một hoạt động ngoại lệ làm cho những khả năng của con người bình thường trở nên siêu việt và, vì thế, phải cân nhắc kỹ khi hiến mình cho nó và chỉ làm như thế khi có thiên hướng, khi tự cảm thấy mình có tất cả những nguồn bên trong cần thiết để làm điều đó. Đối với những người khác, những người không được mời gọi đi theo con đường này, thì nên "làm một cuộc du hành khác". Và để cho họ vững lòng, chúng ta có thể - sau khi đã thừa nhận giá trị và tính ưu việt căn bản của Marie - ca ngợi cả Marthe, một Marthe đã hối hận, đã hiểu được sự thuyết giảng của Jésusk, đã hoà giải với Marie và tiếp tục công việc của mình một cách khiêm nhường và tự nguyện.

Hoạt động bên ngoài có rất nhiều lợi thế, khi nó được giữ trong những giới hạn đúng và được ánh sáng tâm linh soi sáng. Ngoài ích lợi trực tiếp của nó ra, nó còn là một phương tiện đem lại lối thoát cho những năng lượng dồi dào, một trường giàu kinh nghiệm, một nơi rèn luyện những đức tính bằng kỷ luật nội tâm, một lò luyện mới và mạnh

hơn về ý chí thép, nhất là đối với lớp trẻ. Nhưng chưa phải đã hết : ý nghĩa tâm linh và những hiệu ứng nội tâm của mọi hành động phụ thuộc chủ yếu vào động cơ sâu xa thúc đẩy người ta có hành động ấy. Thế nhưng, động cơ ấy là nằm trong trái tim. Nguyên lý giản dị và hiển nhiên nhưng thường bị lãng quên ấy chỉ ra một khả năng to lớn cho chúng ta. Nếu chúng ta thực hiện một hành động, dù khiêm nhường nhất và cụ thể nhất, với một tinh thần đã được giải thoát khỏi mọi ràng buộc cá nhân, nếu chúng ta thực hiện nó như một hành vi thuần túy yêu thương, thì như vậy là chúng ta thực hiện một hành vi tâm linh. Đó là phần thưởng quý giá, là niềm an ủi lớn cho những ai khao khát tinh tâm và an bình, nhưng do những đòi hỏi nghiệt ngã của cuộc sống hay những bốn phận không thể tránh khỏi đối với gia đình hay xã hội mà buộc phải sống một cuộc sống cần mẫn, siêng năng và mệt nhọc. Khi họ thấy ra rằng, nhờ thái độ nội tâm của mình, họ có thể đặt vào mọi hành vi một ý nghĩa tâm linh, rằng mọi hoàn cảnh tồn tại bên ngoài có thể được dùng như một cơ hội thực hiện những đức hạnh nội tâm, rằng mọi cử chỉ có thể trở thành một nghi thức, thì khi đó cuộc sống của họ biến đổi và không còn khốn khổ, khô cằn và đáng buồn để trở nên phong phú, hữu hiệu và vui vẻ, như bằng một phép lạ.

Bằng cách sống một cuộc sống như vậy, người ta có thể dần dần đạt tới những đỉnh cao và sáng láng giống như trong cuộc sống suy ngẫm. Người ta có thể đạt tới một giai đoạn trong đó hành động bên ngoài không ngăn cản cuộc sống

nội tâm, trong đó cuộc sống nội tâm không hề làm cho người ta từ bỏ hành động bên ngoài mà còn khẳng định nó, hướng dẫn nó, củng cố nó. Trong trạng thái ấy, con người gần như có hai ý thức nhưng sự thống nhất căn bản về tâm linh lại được thể hiện đầy đủ hơn. Con người vừa là người hành động, vừa là người chứng kiến : nó đồng thời cảm thấy niềm vui vì làm được một công việc có hiệu quả và niềm vui của cái nhìn tâm linh tự do. Sự chiếm lĩnh cao cả ấy đã được thừa nhận, theo đuổi và nói rõ lên ở phương Đông cũng như ở phương Tây.

Lý tưởng cao cả ấy đặc biệt thích hợp với đời sống hiện đại, vì nó không áp đặt giới hạn đối với những hoạt động bên ngoài mà chúng ta buộc phải làm, vì nó không buộc chúng ta phải từ bỏ một nhiệm vụ nào, phải coi thường một bốn phận nào. Sự biến đổi mà nó đòi hỏi là hoàn toàn có tính nội tâm. Tuy kho đạt tới chỗ đó, nhưng những bộ óc vĩ đại trong quá khứ đã thực giục chúng ta đi tới mục tiêu cao cả ấy và xác nhận mục tiêu ấy nằm trong những khả năng của chúng ta. Từ đỉnh cao rực sáng ấy đang toả xuống những làn sóng hài hòa tuyệt vời ; đó là sự ăn nhập của hai nốt nhạc thuần thiết nhất, đó là sự ôm hôn nhau của Marthe và Marie về mặt tâm linh.

23. NHỮNG YẾU TỐ TÂM LINH TRONG NHÂN CÁCH CHÚNG TA : VỀ ĐẸP

Bây giờ chúng ta hãy xem xét những yếu tố tâm linh đi xuống cá nhân con người, giống như những tia ánh sáng, đi xuống ý thức cá nhân chúng ta và tạo thành mối liên hệ giữa nhân cách thông thường của chúng ta và cái Tôi tâm linh, với Hiện thực tâm linh. Chúng tạo thành một luồng ánh sáng với nhiều màu sắc tinh tế bằng muôn nghìn cách, tùy theo độ thẩm thấu và trong suốt của ý thức cá nhân khi bị nó xâm chiếm.

Chúng tôi đã nhắc tới ý nghĩa đạo đức, một trong những mặt bộc lộ của hiện thực tâm linh và ý thức con người cá nhân. Chúng tôi cũng đã nhắc tới nhận thức lý trí và trực giác như là phương tiện tiếp xúc giữa ý thức cá nhân và hiện thực tâm linh trong con người⁽¹⁾.

Ở đây tôi nói tới yếu tố cao siêu thứ ba từ trên cao đi xuống để làm cho cuộc đời con người lóe sáng, phong phú hơn và linh hoạt hơn : ý nghĩa của Về đẹp.

(1) Những phần này không được tác giả phát triển và sẽ được đưa vào cuốn sách như Phụ lục.

Để hiểu bản chất và sức mạnh của vẻ đẹp, chúng ta phải nhớ lại quan niệm tâm linh, theo đó mọi cái tồn tại bên ngoài, cụ thể, đơn nhất đều là biểu hiện, hậu quả, phản ánh của một Hiện thực cao cả, siêu việt, tâm linh. Đó là nguyên lý vĩ đại của sự tiến hoá "trở lùi" (involution) hay sự khởi phát từ bản chất thần thánh (émanation). Từ một hiện thực căn bản ban đầu, tuyệt đối, đã phát ra - bằng những sự phân hoá tuần tự - một loạt những trình độ cuộc sống, trí tuệ, tình cảm, vật chất, cho đến tận vật chất vô cơ. Do đó, mọi phẩm chất hay thuộc tính của thế giới bên ngoài, của vật chất, của vô số sinh vật, chỉ là một phản ánh ít hay nhiều suy yếu và bị che đậy của một phẩm chất hay thuộc tính của Hiện thực tâm linh, của cái Thần thánh. Điều đó đặc biệt đúng với vẻ đẹp.

Vẻ đẹp là một nét căn bản của Thực thể Tối cao, của cái Thần thánh, điều đó đã được những nhà tư tưởng lớn nhất, những nhà thần bí lớn nhất, những nghệ sĩ tài năng nhất của mọi thời đại thừa nhận và nói lên. Trong số những người đã khẳng định đặc biệt mạnh mẽ điều đó, có thể ghi nhận Platon và Plotin ở phương Tây, và trong khu vực Kitô giáo, nhà thần bí vô danh ở thế kỷ V hay VI, mà những tác phẩm của người này đã được gán cho Denys L'Aréopagite. Ông nói : "Cái Vô hạn đã được gọi là Vẻ đẹp" và định nghĩa Thượng đế là : "Người đẹp hết mức".

Vì thế, trong mọi cái đã được sáng tạo ra, người ta phải tìm thấy một tàn tích nào đó, một dấu vết nào đó của thuộc tính căn bản của Nguyên lý Sáng thế ấy. Thật vậy, theo một

Denys được bày đặt ra nào đó, tất cả những gì đang tồn tại, bắt nguồn từ sự tồn tại của chính cái Đẹp hết mức ấy, đều giữ lại trong sự sắp xếp những bộ phận của nó một tàn tích nào đó của vẻ đẹp rõ ràng.

Bây giờ, ta hãy xem xét những hiệu quả của sự cảm nhận vẻ đẹp như nó biểu hiện ra trước loài người nói chung. Chúng ta đứng trước một loại nghịch lý, một mâu thuẫn hiển nhiên. Một mặt, có thể nói rằng trong những thuộc tính của cái Thần thánh, thuộc tính về đẹp là dễ nhận biết nhất vì nó là cái được biểu hiện xưa nhất, được đối tượng hoá rõ nhất, mang những hình thức cụ thể nhất, vật chất nhất, đập vào các giác quan và sự tưởng tượng trực tiếp nhất. Mặt khác, nó là thuộc tính tỏ ra nguy hiểm nhất, tức là thuộc tính gần con người với vật chất, với hình thức hơn bất cứ thuộc tính nào khác, gây ra ở con người lòng ham muốn khoái lạc ở tất cả các giác quan, ham muốn chiếm hữu vị kỷ, tách chia. Đó là thuộc tính, hơn bất cứ thuộc tính nào khác, làm mù quáng và đánh lừa con người, bao bọc con người vào những tấm màn lấp lánh màu sắc của *Maya* - Ảo ảnh Lớn - và làm cho con người cách xa nhất với Thượng đế, với Hiện thực sâu xa của Chân lý.

Giải thích nghịch lý ấy như thế nào đây ? Không khó khăn gì cả. Chính vì Vẻ đẹp là phẩm chất thần thánh cụ thể nhất, nhạy cảm nhất, được biểu hiện rõ nhất trong vật chất nên nó là phẩm chất được con người lạm dụng dễ nhất khi con người không nhìn thấy nguồn gốc cao siêu của nó, khi con người không nối nó với cội nguồn của nó được nữa,

mà lại coi nó như một phẩm chất nằm trong bản thân vật chất và trong những hình thức cụ thể của vật chất. Nghịch lý này do một nguyên nhân thứ hai đưa tới. Đó là chính sức mạnh hấp dẫn của vẻ đẹp đối với con người, gây ra ở nó những ham muốn bất tri, những đam mê hỗn loạn, những ham thích chiếm hữu một mình, khi con người chưa được thanh lọc và làm chủ bản thân mình.

Giải quyết mâu thuẫn ấy như thế nào ? Làm thế nào để cho những thú vui về vẻ đẹp không biến thành những chất độc gây chết người mà vẫn là hay lại trở thành những thú vui vốn có theo bản chất của chúng, như một thứ rượu mùi của cuộc sống, một thứ rượu bất tử ? Có hai con đường có thể noi theo.

Thứ nhất là con đường tiêu cực, tức là con đường thấy được Maya hay ảo ảnh, hoàn toàn dùng dung, xoá bỏ mọi hoạt động của các giác quan. Đó là con đường mà người ta quen gọi - tuy không thích hợp lắm - là con đường khổ hạnh hoặc, nói đúng hơn, chủ nghĩa khổ hạnh. Từ "chủ nghĩa khổ hạnh" mang một ý nghĩa gần như xấu, vì những hành vi quá mức của một số nhà khổ hạnh, nhưng xét về mặt từ nguyên, nó có một ý nghĩa rộng lớn hơn và tốt hơn. Trong tiếng Hy Lạp, từ này chỉ có nghĩa là tập luyện, kỷ luật, theo nghĩa những điều thật gay go mà người ta tự buộc mình phải theo, những sự thiếu thốn. Chủ nghĩa khổ hạnh là con đường được noi theo bởi một số người phương Đông cứng nhắc, đặc biệt là trong các Phật tử, cũng như một số nhà thần bí Kitô giáo, từ những ẩn sĩ ở Thébaïde cho đến

thánh Bernard, theo chỗ tôi hiểu, người đã từng đi khắp nước Thụy Sĩ nhưng nhắm mắt lại để không cho vẻ đẹp của các hồ và các núi ở đó làm cho ông lãng quên sự suy ngẫm, cho tới khi vị thầy tu này cảm thấy hương thơm của một bông hồng.

Đó là một con đường dễ gây ra sự phê phán và sự công phần của chúng ta vì nó có vẻ chia tách, vô nhân và gần như băng bó. Thế nhưng, nếu xem xét nó một cách vô tư, người ta thấy nó giống như một ghềnh thác rút ngắn, một phương tiện dữ dội nhưng mạnh mẽ để đến với Thực thể Cao cả bằng cách cắt hết mọi mối liên hệ một cách tàn bạo. Hơn thế nữa, nó có thể là một giai đoạn dừng dừng cần thiết hay ít ra, đáng mong muốn đối với những ai rơi quá sâu vào những sự thu hút của các giác quan, biến thành nô lệ của chúng, nhưng đang muốn kiên quyết giải thoát khỏi chúng. Nhưng sau khi đã làm một sự nhân nhượng như thế rồi, vẫn có thể nói rằng đó là một con đường mang những mối bất lợi lớn và, vì thế, không tốt đối với bất cứ ai.

Con đường thứ hai dễ dàng hơn, hài hoà hơn và tuần tự hơn, và rốt cuộc nó cũng đưa tới độ cao không kém con đường trước. Con đường này đưa tới chỗ vượt qua những ràng buộc đặc biệt của các giác quan với những sự vật đẹp bằng hai cách : thứ nhất, theo chiều ngang, có tính bao gồm, nhằm tự nâng mình lên tới tất cả các hình thức của vẻ đẹp, không có sự ưa thích đặc biệt hoặc có tính chia tách ; thứ hai, theo chiều dọc, thăng hoa, nhằm tự nâng lên để đi ngược từ kết quả đến nguyên nhân, từ biểu hiện đến thực

chất, từ hữu hình đến vô hình. Nó được Platon nêu lên một cách sáng rõ và súc tích tuyệt vời trong *Buổi tiệc* của ông :

Cần phải chuyển từ tình yêu đối với một hình thức đẹp sang tình yêu đối với tất cả những hình thức đẹp và đối với vẻ đẹp thể chất nói chung ; rồi từ tình yêu đối với những thân thể đẹp sang tình yêu đối với những tâm hồn đẹp, những hành động đẹp và những tư tưởng đẹp. Trong sự đi lên xuyên qua vẻ đẹp tinh thần ấy, bỗng xuất hiện một vẻ đẹp tuyệt vời và vĩnh hằng, một vẻ đẹp tuyệt đối, không hề có một sự biến chất nào. Nó không phải là một khuôn mặt đẹp, cũng không phải là một thân thể, một tư tưởng hay một nhận thức. Nó không nằm ở một thực thể nào khác ngoài bản thân nó, cũng không ở trên trời hay ở mặt đất, mà tồn tại vĩnh hằng trong bản thân nó và vì bản thân nó trong sự thống nhất tuyệt đối và hoàn toàn của nó.

Con đường đi lên ấy đã được những nhà thần bí Kitô giáo khác nhau sử dụng và mô tả, nhất là thánh François d'Assise (chỉ cần nhớ lại *Bài thánh ca của các Sinh linh* của ông, trong đó Mặt trời tượng trưng cho Thượng đế), người đã mô tả con đường đó bằng những chi tiết thú vị, chẳng hạn chỉ tiết ra lệnh cho những bông hoa trong tu viện mọc lên để cho những ai nhìn thấy chúng sẽ nhớ lại sự Hiền dịu vĩnh hằng. Đó là con đường của nữ thánh Rose ở Li-ma : tiếng hót của một con chim hay việc nhìn thấy một bông hoa làm cho tâm hồn mình ngay lập tức hướng lên Thượng đế.

Thánh François ở Sales cũng là một bậc thầy về nghệ thuật biến mọi hiện tượng tự nhiên và đẹp để thành một phương tiện để đến với Thượng đế, một điều giống như một chân lý tâm linh và tượng trưng cho chân lý đó.

Đây là bí quyết : coi những sự vật bên ngoài không có giá trị, không có ý nghĩa và thậm chí không có tính hiện thực ở bản thân chúng, mà chúng chỉ có giá trị chỉ dẫn và tiêu biểu cho những chân lý và những hiện thực nội tâm, cho những phẩm chất tâm linh. Bí quyết này đã được Goethe nói lên vào cuối tác phẩm *Faust* trong một công thức vắn tắt, có thể nói là tóm tắt được ý nghĩa của trường ca tuyệt vời ấy : "Tất cả những gì chuyển tiếp chỉ là một tượng trưng mà thôi".

Ta hãy xem xét cụ thể hơn một chút những bậc khác nhau của thang đo Platon và những cách leo lên những bậc thang ấy, tức là thực hiện chúng một cách cụ thể.

Trước tiên, là chuyển từ tình yêu đối với một hình thức đẹp sang tình yêu đối với tất cả các hình thức đẹp. Với sự mở rộng theo chiều ngang ấy, người ta dần dần chiến thắng sự ham muốn chiếm hữu vật chất, sự ràng buộc độc tôn và quá tha thiết chỉ với một hình thức duy nhất, với một người riêng biệt. Ở một ý nghĩa nào đó, đó là phát hiện ra vẻ đẹp của thế giới. Một lần nữa, có thể đạt tới đó bằng hai cách.

Trước hết là cách trực tiếp trong tự nhiên, bằng việc học phát hiện ra tính khác nhau vô hạn và vẻ đẹp của những cảnh tượng tự nhiên, và chỉ học cách nhìn thấy chúng. Muốn thế, phải có một thái độ vô tu ; phải quên cá nhân mình,

cái tôi tách biệt với những mối quan tâm vị kỷ của mình đi ; phải tự đắm mình vào đối tượng quan sát và thường ngắm, cho tới khi hoà tan với nó, trở thành một với nó. Đó là cách dễ nhất để mở một kẽ nút, một lỗ hổng trong cái vỏ chật hẹp và rắn chắc của cái tôi tách biệt. Đó là một con đường khá dễ dàng vì chỉ cần chúng ta bước một bước đầu tiên tới đối tượng là đủ ; vì vẻ đẹp nội tại của đối tượng đáp ứng với chúng ta, thu hút chúng ta ; và nó càng thu hút chúng ta thì chúng ta lại càng leo lên tới nó, chúng ta càng khám phá ra vẻ đẹp của nó. Như vậy, dần dần, chúng ta sẽ thật sự đi tới chỗ thoát ra khỏi bản thân mình, tìm cách kết hợp giữa chủ thể và đối tượng, và chúng ta đạt tới một sự thường ngắm mỹ học có tác dụng giải thoát chúng ta, như Schopenhauer đã nói, và đó là một niềm an ủi đối với loài người đau khổ.

Trước hết, có những đối tượng tự nhiên với vẻ đẹp hiển nhiên hơn, hấp dẫn hơn hoặc kỳ vĩ hơn của chúng, thu hút chúng ta và giúp đỡ chúng ta. Một trong những đối tượng tự nhiên mang hiệu quả tốt lành nhất là bầu trời. Đây là mấy câu trong số những câu do Ruskin viết ra, ông là một trong những người nhìn thấy được vẻ đẹp của thế giới nhiều nhất hoặc nhiều hơn :

Thật kỳ lạ khi nhận thấy người ta ít biết tới bầu trời như thế nào. Đó là phần sáng tạo trong đó tự nhiên biểu hiện rõ nhất ý định làm cho con người hoan hỉ, nói chuyện với tâm linh của nó, giáo dục nó. Chính khía cạnh giáo dục này, chúng

ta biết tới ít nhất. Bất cứ ở đâu, và dù ở cách xa những nguồn hấp dẫn hay vẻ đẹp đến đâu, ít ra người ta cũng có được cái phương tiện bầu trời ấy, ít ra cũng vào một vài lúc. Những kỳ quan lớn nhất của trái đất chỉ có thể được vài người nhìn thấy hay biết tới, và không có ai được sống thường hằng giữa những kỳ quan ấy ; hơn nữa, người ta sẽ hết xúc động nếu luôn luôn nhìn thấy chúng. Còn bầu trời thì cho tất cả mọi người. Bầu trời thích hợp một cách nổi bật với tất cả những chức năng ấy : làm vững tâm và làm hứng khởi những trái tim, làm cho những trái tim dịu lại và giải thoát khỏi những nhớ bấn. Khi thì hiền lành, khi thì thay đổi thất thường và thậm chí buồn bã, nhưng không lúc nào giống lúc nào, bao giờ cũng mang tính người trong những đam mê của nó, bao giờ cũng mang tính tâm linh trong sự dịu dàng của nó, bao giờ cũng mang tính thần thánh trong trạng thái vô tận và vĩ đại của nó. Sự mời gọi những gì bất tử trong chúng ta cũng trọng yếu như nhiệm vụ của nó nhằm trừng phạt và làm thương tổn những gì tầm thường trong chúng ta.

Như vậy, tôi xin nhắc lại, mức độ thống nhất đầu tiên với tự nhiên là sự thống nhất của chúng ta với những "kỳ quan" thu hút chúng ta hơn cả. Sau đó, chúng ta chuyển sang một sự thống nhất chung, ít có tính tách biệt hơn, để nhìn thấy yếu tố vẻ đẹp ấy trong tất cả mọi sự vật, cho tới

tận những gì khiêm nhường nhất và thường ngày nhất, như một gong cò, một bông hoa giản dị, thậm chí tới cả những gì thoát nhìn không thấy đẹp.

Chính mối quan hệ ấy, sự cố kết ấy, sự thống nhất hiện lên qua tính đa dạng của vô vàn sự vật ấy đem lại cho chúng sự cao quý cũng như chỉ ra nguồn gốc của chúng. Có những người có thiên hướng thần thánh hơn những người khác ở chỗ nhìn thấy được vẻ đẹp ẩn giấu ấy của các sự vật.

Mọi vật trở thành trong suốt, loé sáng từ bên trong, giống như những tấm màn mỏng cho phép chúng ta nhận ra, ở một mức độ nào đó, một cái gì huy hoàng thần thánh mà nếu khác đi, mắt chúng ta sẽ không chịu được.

Ngay trong sự thường ngấm tự nhiên, chúng ta đã ở trong những mức độ khác nhau ấy : ngấm nghĩa một đối tượng đẹp riêng biệt của tự nhiên, và thoát khỏi chính bản thân mình đầu tiên, thống nhất chủ thể và đối tượng, rồi cảm nhận vẻ đẹp của tất cả các đối tượng của tự nhiên, rồi lại cảm nhận sự thống nhất sâu xa của chúng, và cuối cùng, phát hiện ra những hiệu ứng của vẻ đẹp trong tự nhiên.

Một lĩnh vực khác là nghệ thuật. Đây là chức năng đích thực và sứ mệnh của nghệ thuật : phát hiện ra vẻ đẹp bị che giấu, dấu ấn thần thánh trên mọi sự vật. Nghệ sĩ nhấn mạnh, đưa ra bên ngoài, phát hiện vẻ đẹp ấy, khiến cho những người thường không nhận ra nó trong tự nhiên được nghệ thuật giúp đỡ nhận ra. Tâm hồn của nghệ sĩ đã nhìn thấy vẻ đẹp ấy và thể hiện nó thành một vẻ đẹp mới giúp

cho người ta phát hiện ra dấu ấn thần thánh này. Đó là viên đá thử vàng để nhận ra sự khác nhau giữa nghệ thuật nhỏ, thú nghệ thuật giả hiệu về cái đẹp bên ngoài, và nghệ thuật lớn, nghệ thuật đích thực.

Tôi chỉ xin nhắc qua thế thôi, vì không thể phát triển dài dề tài này. Nhưng tôi muốn nêu lên rằng con đường mở rộng theo chiều ngang, con đường phát hiện và biểu hiện vẻ đẹp trong tự nhiên và trong nghệ thuật có những giới hạn và những nguy hiểm. Một trong những nguy hiểm ấy là óc duy mỹ (esthétisme) ; dù tinh tế đến đâu, nó cũng dễ rơi vào một chút khoái lạc, thậm chí nhục cảm, và coi đó như một mục đích tự thân. Người ta dễ rơi vào chỗ quá thích thú và quá ham thích sự thường ngoạn duy mỹ ấy và, do đó, quên mất một cách không đúng những mặt khác, những phẩm chất và thuộc tính khác của cái Thần thánh mà chúng ta phải thấy rõ và phải trải qua để có một sự thông hiểu cũng như một sự nhận thức đầy đủ và toàn vẹn... Và cuối cùng, bao giờ cũng dễ rơi vào chỗ tự giới hạn vào mặt hình thức, bên ngoài của vẻ đẹp.

Vì thế, phải chuyển lên một mức độ cao hơn của vẻ đẹp nội tâm. Như đã thấy trong sự phân tích mà chúng tôi đã làm về vẻ đẹp gợi cảm, mọi cái đều phụ thuộc vào thái độ chúng ta. Cũng một sự vật có thể làm cho chúng ta dừng lại hay đi lên một mức độ nào đó, như một phương tiện và một sự giúp đỡ để vượt qua một trở ngại kìm giữ chúng ta ở dưới thấp. Khuyết điểm và ưu điểm không nằm trong sự vật, mà nằm trong chúng ta, trong tư thế nội tâm đối với nó.

Vẻ đẹp nội tâm, vẻ đẹp tinh thần, vẻ đẹp của những tư tưởng hài hoà cao, những tình cảm cao quý và hào hiệp, những hành vi anh hùng đã được Maurice Maeterlinck mô tả tuyệt vời. Đây là một vài câu rút từ chương nhan đề "Vẻ đẹp nội tâm" trong cuốn sách *Kho báu của những người khiêm nhường*, đó có lẽ là cuốn sách sâu sắc nhất của ông.

Chẳng có gì tham vẻ đẹp, cũng như tự làm đẹp cho bản thân nhiều hơn tâm hồn... Một tư tưởng đẹp bị khép lại trong các bận, không được nói ra được nghĩ ra một cách hoàn hảo, làm bạn sáng rực lên như một ngọn lửa trong một cái bình trong suốt.

Platon, trong tập VIII của Ennéade thứ năm, sau khi nói tới vẻ đẹp để nhận ra, đã kết luận như sau :

Chúng ta đẹp khi chúng ta thuộc về chính bản thân mình, chúng ta không đẹp hơn khi chúng ta hạ thấp xuống trình độ tự nhiên thấp kém. Chúng ta đẹp khi chúng ta hiểu biết, và chúng ta không còn đẹp nữa khi chúng ta ngu dốt.

Thật ra, tôi không tin rằng bản chất, thực chất của vẻ đẹp tinh thần, của những tư tưởng đẹp, của những tình cảm cao cả, của những hành vi hào hiệp lại chỉ có thể được diễn đạt tốt hơn trong lĩnh vực của cái khác biệt cá nhân.

Cuối cùng, Platon đã nói tới mức độ thứ ba, việc chuyển sang vẻ đẹp căn bản nằm trên mọi hình thức. Để vượt được bước này, ý thức về sự cao cả có thể giúp chúng ta.

Công lao phân tích về ý thức này thuộc về Emmanuel Kant. Trong khi đối với vẻ đẹp bình thường, sự tưởng tượng và trí thông minh hoạt động phối hợp với nhau, thì trong cái cao cả chúng lại đối lập nhau. Thật vậy, đối tượng không cao cả vì nó đập vào các giác quan chúng ta, mà bởi vì các giác quan và sự tưởng tượng cảm thấy không thể hiểu được nó. Trước cái cao cả, cái man dã phải chạy trốn, nhưng lại không thể trốn vào cảm giác lo âu, vì cái cao cả buộc nói phải cảm thấy hết sức mạnh vật chất của nó. Cảm xúc do cái cao cả gây ra, do đó, lúc đầu làm người ta cảm thấy như bị đè bẹp, nhưng cảm giác khủng khiếp đầu tiên ấy sẽ được nối tiếp bằng một cảm giác hài lòng thầm kín, vì cái cao cả đánh thức ý thức về sự cao thượng tinh thần trong chúng ta. Chính bằng cách đó mà chúng ta chuyển từ một cảm giác bị đè bẹp sang một cảm giác hứng khởi, từ lo âu sang phấn khởi.

Có hai hình thức cao cả : một hình thức có thể nói là có tính chất toán học, số lượng, do độ lớn, độ mở rộng của kỳ quan đưa lại ; còn hình thức kia thì năng động, do sức mạnh của kỳ quan đưa lại. Nếu đi sâu phân tích cái cao cả, có thể nói rằng mặt uy nghiêm và hùng vĩ, gần như đáng sợ, của cái Thần thánh được biểu hiện ở nó. Mặt này được Rudolf Otto, con người có ý thức tôn giáo sâu sắc ấy, làm nổi bật lên trong *Cái thiêng liêng*. Ông gọi mặt được ông nói rõ và nhấn mạnh ấy là mặt rục rịch.

Tôi đã nêu ra hai mặt lớn của cái Thần thánh : tính tự tại (immanence) và tính siêu việt. Cả hai đều là thật và cần

thiết khi đứng chung với nhau, nhưng nếu tách riêng ra thì chúng sẽ phiền diện : cần phải hợp nhất, hoà lẫn chúng với nhau. Khi mặt tự tại chiếm ưu thế, thì sẽ có nguy cơ làm nhỏ bé, hạ thấp ý niệm Thần thánh vào biểu hiện duy nhất của nó. Chẳng hạn, trong lĩnh vực mỹ học, khi mặt biểu hiện và hình thức vượt trời lên, chúng ta có được cái duyên dáng, cái lý thú, cái trang nhã, sự hoàn thiện lạnh lùng của phái Thi Sơn (Parnassiens) và phái cổ điển mới. Trong lĩnh vực tôn giáo, chúng ta có chủ nghĩa thần bí đa cảm, tình yêu đối với Thượng đế nhân hình, làm cho Thượng đế trở thành người, rất người. Trong lĩnh vực tư tưởng, chúng ta có sự thần thánh hoá con người với tư cách con người, như trong một số trào lưu duy tâm. Trái lại, khi nhấn mạnh một cách đặc biệt mặt siêu việt, người ta rơi vào một thuyết nhị nguyên quá mức, vào một sự đối lập giả tạo giữa tự nhiên và Thượng đế, giữa sự sáng tạo và Đấng sáng thế. Lúc đó sẽ có khoảng cách quá lớn giữa con người và Thượng đế.

Cần phải, tôi xin nhắc lại, thống nhất, tổng hợp hai mặt ấy và, để đạt được điều đó trong thực tiễn, phải nhấn mạnh cái gì chúng ta hay thời đại chúng ta bị thiếu hụt. Hiện nay, trong thế giới bên ngoài, xu hướng tự tại đang chiếm ưu thế. Đó là thời đại khoa học đem lại cho chúng ta cái cao cả theo chiều rộng trước hết.

Nói chung, chúng ta nhận thấy hiện đang có xu hướng ngoại, sự tìm kiếm chân lý và vẻ đẹp, tìm kiếm sức mạnh trong thế giới bên ngoài, trong tự nhiên. Vì thế ngày nay, nên nhấn mạnh vào mặt khác, cần tự nhắc nhở mình và

nhắc nhở loài người về ý nghĩa của tính siêu việt, để cảm thấy và làm mọi người cảm thấy mình run lên vì cái huyền bí, cảm thấy cái vô hạn.

Cũng theo quan điểm này, tôi khuyên các bạn đọc *Kho báu của những người khiêm nhường* của Maeterlinck. Chương nói về sự tĩnh lặng có thể giúp chúng ta trút bỏ, xa lìa cuộc sống cuồng nhiệt và hướng ngoại nhỏ nhen, mà tất cả chúng ta đều rơi vào đó. Một cảm giác được đổi mới và thích hợp về tính siêu việt sẽ trực tiếp nhắc lại. Hiện thực lớn cho chúng ta, làm cho chúng ta thấy ra được vẻ đẹp nằm trên mọi hình thức mà Platon đã nói với chúng ta không ai sánh được, Vẻ đẹp vĩnh hằng tồn tại vĩnh hằng trong bản thân nó, trong sự thống nhất tuyệt đối và hoàn hảo của nó.

24. NHỮNG YẾU TỐ TÂM LINH TRONG NHÂN CÁCH CHÚNG TA : TÌNH YÊU

Khi xem xét những "tia sáng tâm linh" đi xuống nhân cách, chúng tôi đã nói tới vẻ đẹp trong chương trên. Bây giờ hãy xem xét một yếu tố khác rất quan trọng : tình yêu.

Tình yêu là một trong những mặt phổ biến nhất của cuộc sống, một trong những tình cảm, một trong những hoạt động phổ biến nhất. Thế nhưng, có lẽ nó ít được hiểu hơn cả, và đối với nó, có những sự không hiểu và lầm lẫn lớn nhất và những sai lầm lớn nhất mà người ta mắc phải. Vì thế, thật có ích, thậm chí là cần thiết nữa, khi hiểu được tình yêu là gì để yêu cho đúng.

Những lầm lẫn và sai lầm thường phạm phải không có gì làm chúng ta ngạc nhiên lắm. Thật vậy, tình yêu có một nguồn gốc, một bản chất và một chức năng vũ trụ. Đó thường là một hiện thực làm người ta sửng sò. Nó chi phối và khuất phục cá nhân. Nó có những biểu hiện nội tâm và bên ngoài rất khác nhau và có vẻ mâu thuẫn nhau. Có tình yêu thể xác và tình yêu tâm linh ; có tình yêu khao khát, thu hút về nó, nuốt hết, hạn chế và nô dịch người ta, và có tình yêu mở rộng và giải thoát người ta ; có tình yêu trong

đó cá nhân dường như bị mất đi và có tình yêu trong đó cá nhân dường như tìm thấy bản thân mình. Để đem lại đôi chút trật tự và sáng rõ trong sự lẫn lộn ấy, trong những sự đối lập ấy, cần phải đặt tình yêu vào quan niệm tâm linh lớn lao về cuộc sống mà chúng tôi đã nói tới. Bằng cách đó chúng ta mới có thể đi sâu phần nào vào điều bí ẩn này.

Để soi sáng vấn đề này, hãy nhắc lại những nét lớn của quan niệm tâm linh ấy. Có một sự thống nhất ban đầu, chưa phân hoá : cái Tuyệt đối, cái Siêu việt, cái Không biểu hiện. Từ đó đẻ ra sự biểu hiện, sự phân hoá có thể được coi như sự phóng chiếu, sự phát xuất, sự tự đối tượng hoá của thể tối cao. Quá trình Vũ trụ to lớn ấy đi qua một loạt giai đoạn. Giai đoạn thứ nhất là tình phân đôi : Một trở thành hai. Sự phân hoá căn bản đầu tiên đã diễn ra như vậy : tinh thần và vật chất, mặt chủ quan và mặt khách quan, năng lượng và sức chống lại, hoạt động và thụ động, cực dương và cực âm, mặt đực và mặt cái. Cho đến đây, chỉ nói tới mặt khách quan của vật chất, tới một cái gì chưa phân hoá mà chưa nói tới vật chất đã phân hóa như chúng ta đang biết. Đó là giai đoạn đầu tiên có thể coi là quan hệ phân đôi hay giai đoạn phân đôi.

Hai mặt lớn ấy của thực thể không bị cắt rời nhau, như dùng dung với nhau : những trao đổi, những tác động và phản tác động nảy sinh, và hiệu quả của sự hấp dẫn sống còn ấy là sự sáng tạo, sự biểu hiện của vũ trụ như chúng ta biết, của vũ trụ có hình thức, cụ thể hóa. Nó không hình thành một lúc. Trong sự sáng tạo, đã có những sự phân hóa

liên tiếp. Đã có sự đối tượng hoá các đồ án, các mức sống ngày càng cụ thể và vật chất, những trạng thái ý thức ngày càng được giới hạn. Ở mỗi trình độ đó, lại có vô số những sự phân hoá mới cho tới khi đạt tới trạng thái hiện thời của sự phân chia tối đa, sự chia tách và phân tán của con người, hiểu theo nghĩa rộng nhất.

Có thể nói đó là cái khung, cái khuôn mà chúng ta phải đặt tình yêu vào đó để có thể hiểu nó. Bên dưới trạng thái phân chia, chia tách, tách biệt khắc nghiệt hiện có ấy, trong con người có một cái gì giống như một ký ức xa xôi và âm thầm về sự thống nhất ban đầu, theo những cách khác nhau, ở những mức độ khác nhau, đó là một cảm giác mơ hồ về nguồn gốc chung và về nỗi buồn nhớ vô thức nhưng mạnh mẽ tới một sự trở về với nguồn gốc ấy. Mọi con người, mọi thực thể cô lập đều cảm thấy mình không đầy đủ, không thoả mãn. Mọi thực thể đều đi tìm một cái gì đó mà không biết là cái gì. Mọi thực thể đều lang thang và đau khổ về những ảo ảnh kế tiếp nhau, nhưng không thể tự ngăn mình tìm kiếm, như bị một kích thích thúc đẩy khiến cho mình không nghỉ ngơi được và cảm thấy một sự khao khát không biết chán. Mà cũng không thể khác thế được, vì sự thúc đẩy ấy, ham muốn ấy là biểu hiện của qui luật tiến hóa lớn lao.

Bí mật của bản chất và chức năng tình yêu bộc lộ ra như vậy. Sự ham muốn được sung mãn, kết hợp, hoà lẫn với một cái gì đó, với một người nào đó khác với mình, chính là thực chất của tình yêu. Và sự kết hợp, sự hòa lẫn sáng tạo và hữu hiệu này làm nảy sinh một điều khác. Giống

như Một, Tâm linh đẻ ra hai và số hai, vật chất, đẻ ra ba, biểu hiện sự phân hoá ; cũng vậy, cái dương và cái âm bao giờ cũng đẻ ra một cái gì khác, tùy theo những yếu tố hợp nhất lại với nhau. Để diễn đạt điều đó bằng ngôn ngữ khoa học, có thể nói rằng vũ trụ dựa vào nguyên lý đối cực (principe de la polarité), theo một qui luật hấp dẫn, và vào một loạt những hành vi sinh đẻ. Những nguyên lý ấy, những Qui luật căn bản ấy, chúng ta lại thấy có trong tất cả mọi biểu hiện của tình yêu, dù mới thoát nhìn những biểu hiện ấy có vẻ khác nhau và đối lập nhau.

Rõ ràng chúng ta lại thấy có những biểu hiện ấy trong vật chất vô cơ. Trong nguyên tử, chúng ta có điện tích dương của hạt nhân và những điện tích âm của các điện tử, và toàn bộ những thứ đó tạo thành sự sống và phẩm chất riêng biệt của tình yêu. Nói chung, chúng ta cũng lại thấy như vậy trong điện với điện tích dương và âm chập lại để phát ra tia sáng và nhiệt. Trong các nguyên tố hoá học, qui luật hấp dẫn và kết hợp cũng hiện ra như một ái lực hoá học. Chẳng hạn, axit và bazơ kết hợp nhau tạo thành muối.

Trong lĩnh vực sinh học, lĩnh vực sự sống hữu cơ của thực vật và động vật, có sự hấp dẫn và hoà trộn của các tế bào. Trong các cơ thể sơ đẳng, đơn bào, hai cơ thể hoà vào nhau và làm nảy sinh ra một tế bào khác. Trong những cơ thể cao hơn, đa bào, có sự phân hoá giữa các yếu tố đực và cái cho phép sinh sản hữu tính.

Bây giờ ta hãy chuyển sang mặt chủ quan, tâm lý. Chúc năng tính đực đem lại cảm giác hấp dẫn thể xác mạnh mẽ

và sự thúc đẩy bản năng do những ấn tượng của các giác quan gây ra. Theo cách nhìn này, con người nằm trong thế giới các cảm giác nhưng lại có những trình độ biểu hiện khác của tình yêu. Trước hết là trình độ tình cảm, trong đó tình yêu biểu hiện thành mặt hấp dẫn tình cảm, nhu cầu bổ sung tâm thần ở những mức độ khác nhau, từ sự đam mê chiếm hữu sơ đẳng nhất đến những tình cảm tế nhị nhất của các con tim hợp lại. Sau đó là trình độ trí tuệ. Những trao đổi về ý tưởng diễn ra ở đó, làm phong phú lẫn nhau giữa những ai trao đổi và kết quả là có một kiểu hợp nhất trí tuệ với nhau. Cuối cùng là trình độ tâm linh, trong đó có sự hoạt động của những yếu tố khác mà chúng tôi sẽ trở lại sau.

Cho đến đây, chúng ta đã nói tới kiểu tình yêu đơn giản nhất, tức là xu hướng kết hợp, qui luật hấp dẫn, quan hệ bổ sung giữa hai yếu tố, hai thực thể, tính đối cực, giới tính đối lập nhau. Nhưng mối liên hệ này có thể trở nên phức tạp hơn. Trước hết, có những trường hợp trong đó tính đối cực không cố định và bền vững mà là một chức năng lần lượt xen nhau, như đã thấy ở điện và đôi khi ở giới tính. Chẳng hạn, trong lĩnh vực tình cảm và trí tuệ, cùng một cá nhân có thể lần lượt mang tính dương rồi mang tính âm, chủ động rồi thụ động, cho rồi nhận. Nghĩa là có một tính linh hoạt lớn hơn, một sự tự do hành động lớn hơn và, do đó, một sự tự do lựa chọn cũng lớn hơn.

Một biến hoá thứ hai và một sự phát triển thứ hai của tình yêu sẽ xảy ra khi có một sự bổ sung lẫn nhau, hoà lẫn

nhau của hơn hai yếu tố. Chúng ta có thể nhận thấy điều đó trong thế giới vật chất. Chẳng hạn, có những kết hợp hoá học phức tạp, trong đó có tới ba yếu tố hoặc nhiều hơn tham gia. Hầu hết các hợp chất hữu cơ đều thuộc kiểu này : các phân tử phức tạp trong đó có sự tham gia của cacbon, hydrôgen, ôxygen, azot và những nguyên tố khác nữa. Trong sinh học, trước hết thấy có tế bào như yếu tố cơ sở, rồi những tập hợp tế bào tạo thành các mô, rồi các mô liên kết lại với nhau để tạo thành các cơ quan, cuối cùng các cơ quan liên kết với nhau để tạo thành sự thống nhất của một cơ thể, mỗi cơ quan phát triển chức năng của nó trong một quan hệ hài hoà với những cơ quan khác, một quan hệ có kết, yêu thương nếu có thể nói như vậy.

Ở trình độ xã hội, chúng ta cũng thấy tương tự, có những kiểu tập hợp khác nhau được tạo ra, được nhóm lại và được thống nhất bằng những liên hệ tình cảm mạnh mẽ. Kiểu thứ nhất có thể gọi là tế bào con người, gia đình. Rõ ràng, trong nhiều trường hợp, gia đình là một đơn vị tự thân thật sự, nó tạo thành một nhóm nhỏ gần như tách biệt với những nhóm khác và được tập hợp bằng những liên hệ vững chắc của một tình yêu thương, một lý tưởng, một thiên hướng giống nhau. Kiểu thứ hai là cộng đồng người. Từ cộng đồng có nghĩa là sự thống nhất, sự kết hợp những yếu tố khác nhau. Có những tập hợp và cộng đồng chính trị, tôn giáo, xã hội và cả trí tuệ nữa. Chẳng hạn, vài trăm người ở tản mát khắp thế giới, như các nhà thiên văn học, có thể hợp thành một cộng đồng khá riêng biệt, cùng nói một thứ ngôn

ngũ mà những người khác chỉ hiểu được phần nào. Cả ở đó nữa, người ta cũng thấy một hình thức kết hợp, yêu thương.

Trong tất cả các nhóm, chúng ta đều thấy có những tính chất căn bản mà chúng tôi đã nói tới về tình yêu : những tình cảm, ý thức kết hợp và bổ sung, hoạt động và hiệu quả chung của nhóm, mà những điều này còn lớn hơn và có khi còn khác với gì do các cá nhân tách biệt đưa lại. Nhưng thế chưa phải đã hết, vì chúng ta chỉ vừa mới đi được nửa đường trong sự nghiên cứu của chúng ta.

Tất cả các quan hệ đối cực và kết hợp đã được xem xét cho đến đây đều diễn ra trên những bình diện giống nhau, có thể nói là theo chiều ngang ; chúng mở rộng ra trên bề mặt. Những ái lực hoá học khác nhau nằm trong trường hoá học, còn trường của những sự kết hợp tình cảm con người là lĩnh vực tình cảm, các cộng đồng trí tuệ thì được lập ra trên bình diện trí tuệ. Nhưng còn có những quan hệ khác, những sự bổ sung khác có thể gọi là theo chiều dọc và đó là những sự bổ sung căn bản nhất. Thật vậy, những sự bổ sung theo chiều ngang vẫn chưa đủ ; chúng có thể gây ra một lối ứng xử thiên vị và ít bền vững. Con khát sâu nhất không dịu đi và đó chính là bi kịch của tình yêu - đam mê (amour - passion), của tình yêu con người theo nghĩa thông thường của nó. Trong tình yêu thể xác, trong tình yêu - đam mê đơn nhất, có một sự không thoả mãn vô tận. Nhiều nhà thơ và nhà văn đã mô tả những gì nảy sinh ra trong trái tim của hai người yêu nhau : một sự khao khát về tính vĩnh hằng, về cái vô hạn, một khát vọng sâu sắc muốn làm

dừng lại thời gian đang qua nhanh, muốn làm cho tình yêu nhỏ bé của con người trở nên hoàn hảo hơn và đầy đủ hơn. Khát vọng ấy, như vốn là thế, không thể được thoả mãn, mong muốn ấy không thể được thực hiện và sẽ đẻ ra một nỗi đau đớn, một mong muốn huỷ-diệt được coi như phương tiện duy nhất để vĩnh cửu hoá những gì mang bản chất thoáng qua, và mong muốn này đưa tới chỗ tự sát trong một số trường hợp.

Trên đây, chúng tôi đã nói rõ nguyên nhân của tất cả những điều đó : đó là ý thức về sự thống nhất ban đầu mà nguồn gốc của nó nằm ở một bình diện khác với hình diện chiều ngang, ở trong hiện thực cao nhất, siêu việt mà lúc đầu được linh cảm với sự ngạc nhiên và bị lý giải sai, nhưng dần dần bộc lộ rõ hơn. Đó là khát vọng hướng tới Tâm linh, tình yêu Thần thánh như Tính hiện thực tối cao, như sự hợp nhất với tất cả mọi sự vật và tất cả mọi thực thể. Khát vọng ấy, nỗi lo âu ấy là tình yêu, như thánh Augustin đã nói trong một công thức ngắn gọn : "Trái tim con không yên ổn chừng nào nó không được nghỉ ngơi ở Người". Thế nhưng, tôi xin nhắc lại, giống như sự phát hiện ra khát vọng ấy thường chậm chạp và dần dần, những biểu hiện của nó cũng khác nhau và dần dần. Nó diễn ra thành nhiều giai đoạn được xác định một cách rất khác nhau.

Trước khi có thể yêu thương và cảm nhận Tính thần thánh trong thực chất của nó, trong sự lớn lao vô hạn của nó, con người phải dần dần học yêu thương những biểu hiện che đậy, cụ thể, cá nhân hoá của nó ngày càng rộng lớn.

Nó bắt đầu hướng tình yêu theo chiều dọc lên phía cao, lên Tâm linh bằng cách yêu những người cao hơn mình, những con người lý tưởng, biểu hiện tương đối nổi bật một cái gì thần thánh, tâm linh. Đó là những vị anh hùng của loài người, những thiên tài, những vị thánh, những người thần thánh như Phật và Christ. Họ là những cái cầu, những điểm tựa cho con người vẫn chưa thể đạt tới Thực thể tối cao, cái Phổ biến.

Một giai đoạn khác hướng tới tình yêu đối với Thực thể tối cao là tình yêu Tâm linh trong chúng ta, là khát vọng mà cá nhân chúng ta cảm thấy và thu hút nó tới trung tâm tâm linh của nó, Ngã.

Rồi đến tình yêu đối với Thượng đế được cảm nhận như một con người. Tình yêu này tồn tại theo hai cách lớn không loại trừ nhau để cảm nhận Thượng đế. Trong cách thứ nhất, Thượng đế được coi như một con người cao cả, nhưng bao giờ cũng được khu biệt, được biểu hiện ở bên ngoài. Trong cách thứ hai, tức là trong tình yêu thần bí hơn của tâm hồn đối với Thượng đế, khi tâm hồn có một thái độ "tiêu cực" và có những phản chiếu tương tự như những phản chiếu gặp thấy trong tình yêu con người. Các nhà thần bí, về điều này, đã nói tới những lễ cưới thần bí, tới sự hôn phối thần bí. Cả ở đây nữa, chúng ta lại gặp thấy những tính chất của tình yêu : nổi khao khát về sự sung mãn, sự kết hợp, rồi sự phóng chiếu. Thật vậy, các tâm hồn thần bí này không bằng lòng hưởng thụ một cách thụ động tình yêu thần thánh, mà cảm thấy nhu được thúc đẩy hành động trong loài người để mang tình yêu ấy lại cho mọi người.

Sau nữa, người ta thấy có tình yêu đối với mọi người, đối với tự nhiên và mọi sinh linh, đây là một tình yêu mang tính chất tâm linh mà không còn là tình yêu đối với một người riêng biệt nào, một con người cụ thể nào mà là tình yêu phổ biến, dựa vào nguyên lý về sự thống nhất của tất cả mọi con người.

Tôi hy vọng là đã chứng minh được cách nhìn chung có thể giải thích sự thống nhất và tính đa dạng lớn lao của tình yêu trong tất cả các biểu hiện của nó, ở tất cả các thực thể khác nhau và những trình độ tồn tại khác nhau, nhất là ở con người. Thật vậy, con người là một thực thể phức hợp, mang rất nhiều trình độ, từ những phản ứng vật lý - hoá học thân thể đến những khả năng về ý thức tâm linh, về sự kết hợp với Thực thể Tối cao. Điều đó cho thấy rằng, trong con người, những biểu hiện khác nhau của tình yêu cùng tồn tại và trộn lẫn với nhau.

Điều quan trọng - để kết thúc chương này - là phải thấy rằng những trình độ khác nhau ấy không tách rời nhau, mà luôn luôn tác động qua lại với nhau, khiến cho những hoạt động ở một trình độ tác động qua lại với những hoạt động ở một trình độ khác, ảnh hưởng tới chúng, và cứ thế. Người ta sẽ dễ dàng hiểu được sự tác động qua lại ấy có thể đề ra những lẫn lộn, những sự không hiểu và những sai lầm đến mức nào, nhưng đồng thời đó lại là nguồn gốc của những cơ hội biến đổi, tái sinh, thăng hoa to lớn, với những hậu quả thực tiễn tốt lành đối với sự tiến bộ và phát triển của chúng ta.

25. NHỮNG YẾU TỐ TÂM LINH TRONG NHÂN CÁCH CHÚNG TA : NIỀM VUI

Niềm vui là một thứ khác trong những phản chiếu quý giá, trong những tia sáng óng ánh dội xuống từ mặt trời Tâm linh ấy để làm rực sáng và làm sống động nhân cách con người. Niềm vui cho thấy nguồn gốc tâm linh của nó ở điều này : hạnh phúc thanh thân là một trong những đặc trưng cốt yếu của Tâm linh.

Thật vậy, Thực thể Tối cao toàn năng, toàn trí và yêu thương tất cả, với tất cả những sự hoàn thiện ấy, không thể có trong bản thân mình một thiếu hụt nào, một sự vô thức nào, một đau khổ nào, một ham muốn nào. Nó chỉ có thể được cảm nhận như hoàn toàn thoả mãn, hoàn toàn hạnh phúc. Về điểm này, tất cả các quan niệm tâm linh của phương Đông cũng như của phương Tây đều ăn khớp nhau. Đối với người Ấn Độ, ba mặt cốt yếu của Tâm linh là : *Sat* - *Chit* - *Ananda*, nghĩa là Thực thể - Ý thức - Cực lạc.

Những văn bản khác, như *Upanishad*, thì ghi là : *Atman Shivam* - *Advaitam*, nghĩa là : An bình, Cực lạc, Thống nhất.

Trong quan niệm Kitô giáo, thuộc tính của Thượng đế thường được nêu lên và tôn kính nhất là niềm vinh quang của ngài, mà vinh quang bao hàm cả cực lạc. Hạnh phúc có ý thức thấm đượm tình yêu ấy được Dante ngợi ca vào cuối tác phẩm *Thiên đường*.

Ôi, ánh sáng vinh hằng chỉ ngự ở Ngài,
Chỉ có nó mới hiểu ngài và chỉ có ngài hiểu nó
Và vì hiểu, nên yêu thương ngài và mỉm cười
với ngài.

Niềm hạnh phúc thần thánh ấy, khi biểu hiện ra trong cá tính chúng ta, trong cái Tôi cao cả của chúng ta, mang về một niềm vui thuần khiết, rồi khi dần dần đi xuống, xuyên qua những trình độ khác nhau của nhân cách, thì giảm bớt đi, bị khúc xạ đi, trộn lẫn với những yếu tố khác. Vì thế, nó có bộ mặt của những niềm vui và những sự thoả mãn của con người, thuộc những bản chất khác nhau, những giá trị khác nhau, những mức độ khác nhau, cho tới khi nó đi vào thân thể và biểu hiện ra ở đó như một hạnh phúc thể chất và một niềm vui thích do những ấn tượng giác quan và sự thoả mãn những nhu cầu và bản năng tự nhiên tạo ra.

Khốn thay, con người với thói vị kỷ, tham lam và nhu cầu ràng buộc nó đã làm nhiễm bẩn sự thuần khiết tự nhiên ban đầu của niềm vui và khoái cảm, và đã lao vào nhiều cái quá mức, xấu xa và lạc điệu mà đó chính là nguồn gốc của những cái ác và những đau khổ. Nó thường làm khô

kiệt trong bản thân nó những nguồn gốc của niềm vui cao cả, của niềm hoa hỉ trong sáng, đi tìm những sự thỏa mãn và những hạnh phúc, lao vào sự tìm kiếm một cách vô độ và không dừng lại những khoái lạc để dãi nhứt và để đạt tới nhất : hưởng thụ nhục dục, thoả mãn tham vọng, thoả mãn với những sự chinh phục và những chiến thắng vật chất. Nhưng nó không tìm được một sự lắng dịu bền vững : những sự thoả mãn ấy đều tạm bợ, thay đổi, bấp bênh, không hoàn hảo và thường gây ra những phản ứng chán chường hoặc tỏ ra tầm thường và ảo giác.

Nhưng bản chất cao cả hiện thực của con người không thể bị phá huỷ, vì theo bản chất, thực chất của nó, là không thể phá huỷ được, mặc dầu có thể tạm thời bị ru ngủ hay tê liệt. Nó vùng vẫy trong nhà tù của nó. Nó đem lại cho những ai lãng quên hay phủ nhận nó một cảm giác khổ sở, một nỗi lo âu, một sự day dứt tinh tế nhưng dai dẳng, khiến con người muốn đập tắt đi bằng cách lại lao vào một cuộc theo đuổi vô độ những hoạt động bên ngoài cuồng nhiệt. Nhưng vô ích. Lúc đó, bắt đầu một sự trở lui về, một sự đi lên, lúc đầu thật nặng nề và miễn cưỡng, nhưng chẳng bao lâu sẽ cảm thấy thoải mái vì một niềm vui ngày càng cao hơn và mạnh hơn. Lúc đó con người bắt đầu thay thế *niềm hoan hỉ tâm linh* cho những khoái lạc thể chất.

Niềm vui tâm linh có những tính chất riêng của nó và khác rõ rệt với những loại niềm vui khác. Nó thấm đượm sự an bình, sự yên ổn, sự lắng dịu hoàn toàn mà ở những khoái lạc rộn ràng, những cơn say dữ dội không có. Nếu

những khoái lạc và những thoả mãn vị kỷ đem lại một cảm giác mệt mỏi và kiệt sức tiếp theo đó, thì niềm vui tâm linh không những không gây ra những phản ứng như vậy, mà còn làm sống động và bồi bổ cơ thể.

Cuối cùng, nếu những khoái lạc vị kỷ hướng tới chỗ tách chúng ta khỏi người khác, làm cho chúng ta quên hết mọi cái khác, giam chúng ta vào sự hưởng thụ những thoả mãn cá nhân nhỏ bé, hoặc một mình hoặc "hai kẻ vị kỷ", thì niềm vui thật sự, do bản chất của nó, lại mở rộng ra, thông cảm với người khác hơn, và gợi lên ý muốn hằng hái làm cho người khác tham dự vào niềm hoan hỉ riêng của chúng ta.

Một tính chất khác của niềm vui tâm linh, mà thoạt nhìn có vẻ như nghịch lý, là khả năng cùng tồn tại của nó với đau khổ. Điều đó thật dễ hiểu nếu người ta nhớ lại tính phức hợp về cấu tạo bên trong của con người. Tôi đã nói rõ chúng ta là phức hợp đến mức nào vì được cấu tạo bằng rất nhiều yếu tố có bản chất khác nhau. Ngay cả khi chỉ nói tới sự phân chia đơn giản nhất giữa nhân cách và cá tính tâm linh thôi, người ta cũng có thể nhận thấy rằng ở những người nằm trong một giai đoạn phát triển trung gian của họ, ở những người tuy được thức tỉnh về ý thức tâm linh nhưng vẫn còn mang nhiều yếu tố nhân cách thông thường, có một sự phân đôi tương đối mạnh mẽ trong cách cảm nhận và phản ứng của họ. Vì thế, người ta hiểu được tại sao có thể xảy ra tình trạng những người đó bị đau khổ về nhân cách, nhưng cá tính của họ - tức là tâm hồn - lại húng khởi lên trong ánh sáng tâm linh. Sự cùng tồn tại của đau

khổ và niềm vui ấy đã được một nữ tu sĩ lớn, bà xơ Blanche de la Charité, diễn đạt khá hay : "Đau khổ và bất hạnh, không phải là một".

Bây giờ ta hãy nói tới giá trị giáo dục của niềm vui. Một số quan niệm tôn giáo phần nào chật hẹp và tách biệt đã có cái sai là đánh giá quá cao sự đau khổ. Coi niềm vui như một cái gì xấu xa, đáng ngờ, là một sai lầm tâm linh gây ra nhiều tổn hại, vì nó đã gạt nhiều người khỏi tôn giáo và tính tâm linh, khi những thứ này được trình bày dưới một hình thức ít ràng buộc. Cần phải làm ngược lại, tất nhiên không che giấu mặt nghiêm chỉnh, khắc khổ của sự đi lên tâm linh. Cần phải nhấn mạnh mặt vui vẻ, những sự bù đắp lớn trong sự đi lên ấy, chỉ ra tại sao cho chúng ta phải hoặc muốn từ bỏ mọi thoả mãn cá nhân, thì chúng ta lại được ban cho một niềm vui rộng lớn hơn, đẹp hơn, sáng láng hơn như để bù đắp lại một cách dồi dào. Điều đó làm cho tính tâm linh hiện ra dưới một vẻ khác và làm cho nó hấp dẫn hơn đối với những ai mới đi những bước đầu tiên theo con đường đó.

Nhưng niềm vui tâm linh không phải chỉ là tốt lành, chính đáng, cao cả ; nó cũng là một bốn phận thật sự.

Dante viết trong *Il Convivio* :

Trong tất cả mọi hành động của mình, đức hạnh phải là vui chứ không được buồn. Nếu tặng phẩm (của Thượng đế) không được tạo ra cũng như không được nhận lĩnh trong niềm vui, thì nó không chứng tỏ một đức hạnh hoàn hảo và mạnh mẽ.

Thánh François d'Assise khẳng định rằng "kẻ phục vụ Thượng đế không được có bộ mặt buồn và mang một bộ mặt u ám".

Để vui, không phải là dễ. Vì thế, ta hãy xem có những trở ngại chính nào và những phương thuốc tốt nào đối với điều này. Những trở ngại trước hết là nỗi đau khổ, những nỗi bất hạnh nảy sinh trong cuộc sống chúng ta và, đôi khi, còn do một sự thoả mãn vì chúng ta đau khổ. Nếu chúng ta xem xét những khó khăn ấy với một tấm lòng chân thành và khách quan, thì chúng ta có thể nhận ra rằng điều làm chúng ta đau khổ nhất chính là thái độ của chúng ta, là cách phản ứng của chúng ta đối với những hoàn cảnh, những sự kiện ấy, và nguồn gốc đau khổ của chúng ta thường nằm chủ yếu trong sự nổi loạn của chúng ta. Rõ ràng thái độ đó làm cho đau khổ của chúng ta buốt nhói hơn. Hơn nữa, chúng ta thường có một thái độ tầm thường khi đứng trước những bó buộc nhỏ bé, những mũi châm nhỏ của cuộc đời ; chúng ta để cho mình bực bội với những điều đó quá dễ dàng.

Một trở ngại khác đối với niềm vui, phụ thuộc vào chúng ta, là những đòi hỏi quá mức của chúng ta. Chúng ta hay đòi hỏi đối với người khác và các hoàn cảnh. Khi có thái độ như vậy, chúng ta thường phàn nàn, oán thán, dả kích, và tiếc thay, những điều đó thường xảy tới.

Một ứng xử khác đối lập với niềm vui là coi mọi cái quá nghiêm túc, coi cuộc sống là bi kịch.

Cuối cùng, một thái độ gắn liền với thái độ trên đây : chúng ta *tự coi chính bản thân mình* một cách quá nghiêm túc, chúng ta bị ràng buộc vào một kiểu thoả mãn nào đó, thậm chí một sự thoả mãn đặc biệt, khiến cho chúng ta đau khổ một khi không thoả mãn.

Mẫu số chung của tất cả những trở ngại ấy là thói vị kỷ và hậu quả của nó là một sự động lòng không lành mạnh đối với chính chúng ta. Nhưng đó là những trở ngại mà chúng ta có thể chiến thắng được và điều đó không khó khăn khi chúng ta quyết làm như vậy. Sự chấp nhận sẽ thay thế cho sự nổi loạn ; sự hào hiệp, kiên nhẫn và bình thản sẽ thay cho sự ty tiện và đả kích. Chúng ta có bốn phận là không được để mình bực tức vì những mũi kim châm nhỏ.

Chấp nhận và hào hiệp đưa chúng ta tới chỗ ca ngợi và biết ơn đối với tất cả những gì tốt lành trong cuộc sống, bắt chước những bất hạnh và những điều nặng nề. Những đức tính ấy sẽ phát triển lên và sẽ làm nở tung bông hoa niềm vui trong chúng ta.

Coi các sự kiện là quá quan trọng hoặc coi cuộc sống là bị kích, những thái độ đó cũng có thể để bị loại bỏ bằng cách có một thái độ ngược lại, bằng cách tự chế riều bản thân mình. Cần phải nhìn vào nhân cách mình từ một chỗ cao hơn đôi chút, thấy nó thật khôi hài trong những phản ứng cũng như trong những uốn éo của nó, xác lập những cân đối đúng và ý nghĩa của những giá trị đúng ; rồi với lòng khoan dung, làm cho người khác những gì chúng ta đã làm được đối với bản thân mình.

Bây giờ ta hãy bàn tới cách trau dồi niềm vui.

Niềm vui tâm linh là một bằng chứng mới về quan niệm tâm linh của chúng ta về cuộc sống. Nó đòi hỏi chúng ta phải hết sức chú ý tới cứu cánh vinh quang đem lại mục đích và ý nghĩa của chính cuộc sống ấy. Ý thức về mục tiêu vinh quang của cuộc sống cao hơn và hiện thực hơn ấy là nguồn vui lớn nhất và vô tận.

Thánh Paul từng nói rằng :

Tôi coi những đau khổ hiện thời không thể nào sánh được với niềm vinh quang phải được biểu hiện ra ở chúng ta.

Về phần mình, thánh François d'Assise nói : "Điều tốt lành lớn nhất chờ đợi tôi là mọi đau khổ chỉ là một niềm vui".

Còn có những nguồn vui khác nữa : tự nhiên luôn luôn sẵn sàng giúp đỡ ta, mà mọi người luôn luôn có thể tiếp cận nó ; nghệ thuật, theo một nghĩa nào đó, hoàn thiện cho tự nhiên, vì ở đó con người đạt tới một yếu tố tâm linh - tất nhiên tôi nói tới những nghệ sĩ chân chính, những người đã thức tỉnh bản chất tâm linh của mình - và tìm thấy tấm gương của người khác. Tác dụng gợi ý và sáng tạo của một khuôn mẫu sống động là không thể ước lượng được. Nếu chúng ta không có cơ may tiếp xúc với một khuôn mẫu tâm linh và niềm vui, chúng ta có thể nghĩ tới những ai đã biết đưa ra một tấm gương và giúp đỡ chúng ta cả bằng những trước tác.

Một nguồn vui khác là sự kết hợp tâm linh trong tình yêu và tình bạn. Tôi đã nói tới tình yêu, nhưng niềm vui tình bạn, dựa vào một sự kết hợp vô tư, nồng nhiệt, giàu sức sống cũng không kém quan trọng.

Một nguồn vui thường xuyên khác, nếu chúng ta biết phát hiện ra nó, nằm ở công việc, ở hoạt động. Vì, bằng cách này hay cách khác, mỗi người chúng ta thường hoạt động vào những lúc khác nhau trong ngày, nên người ta hiểu rằng làm việc trong sự thanh thản và niềm vui là quan trọng đến mức nào. Ngay cả trong một công việc bạc bẽo, khó nhọc, chúng ta cũng có thể tìm thấy những cơ hội vui vẻ về tâm linh, để vượt qua những điều đó. Còn đối với những ai có cơ may có một hoạt động không quá bạc bẽo và buồn chán, lại thích hợp với tính khí của mình, thì họ càng dễ làm việc hơn nhiều trong niềm vui và, do đó, đối với họ, hoạt động ấy là một bổn phận lớn hơn. Hãy nhớ lấy những lời khuyên này :

Hãy đưa niềm vui vào những
hoạt động của người,
Khi mọi hoạt động của người đều bình thường,
hãy cất lên một bài hát thần thánh trong tâm hồn.
Hãy bắt tay làm mọi cái với nụ cười trên môi,
công việc của người sẽ dường như tự nó
tiến bước và nụ cười của người sẽ được
thưởng bằng một sự hài lòng.

M.B. Eddy chỉ ra cho chúng ta một thái độ tuyệt diệu cần có vào buổi sáng :

Buổi sáng, khi mở mắt ra, hãy nâng những ý nghĩ của bạn lên trên những bất hoà giữa cái tôi và vật chất, cho tới nơi Cha hiện hữu vĩnh hằng.

Hãy chào buổi sớm mai với niềm vui rạng rỡ của lòng biết ơn đối với tất cả những công việc đứng trước bạn, hãy coi mỗi công việc đó như một cơ hội vui thích mới để bạn dựa vào sức mạnh vô tận của Thượng đế và hãy phục vụ những đứa con của Thượng đế với sự vui lòng. Hãy làm việc bằng tình yêu và hãy yêu công việc. Hãy tận tâm, sẵn sàng đón nhận điều tốt lành vô hạn và luôn luôn hiện hữu. Hãy lắng nghe tiếng nói của Cha và, trong một khúc hát về sự ân sủng, hãy đi theo con đường mà Tâm linh thần thánh chỉ cho bạn. Lòng biết ơn sẽ phủ vàng lên mọi cái và bạn sẽ nói : Chúa hắc đã ở nơi này mà con không biết. Đây là ngôi nhà Thượng đế và của Trời.

Ra sức cố gắng vì người khác, phục vụ loài người là một trong những nguồn vui lớn lao. Phục vụ có cái lợi đầu tiên là làm chúng ta tự quên mình đi, đưa chúng ta ra khỏi "nhà tù thép" là Nhân cách chúng ta. Sự hài lòng đứng đắn là to lớn nhường nào khi đó là kết quả của việc làm điều tốt lành cho xung quanh chúng ta, và không có ai tước bỏ được sự hài lòng ấy khỏi chúng ta.

Nhưng phương pháp trực tiếp nhất để đạt tới niềm vui tâm linh và tĩnh tâm và suy ngẫm, đi tới cả sự nhập định, kết hợp và đồng nhất với Thực thể Tối cao, niềm vinh quang và chí phúc.

Tôi sẽ kết thúc chương này tốt hơn bằng cách dẫn ra hai khổ ba câu thơ được biết tới nhiều của Dante mà chúng ta cần lặp đi lặp lại mỗi buổi sớm mai :

Ôi niềm vui, ôi niềm hoan hỉ khó tả ;
Ôi cuộc sống đầy tình yêu và yên lành sâu thẳm ;
Ôi sự giàu có chắc chắn và không hề ham
muốn gì.

Ánh sáng trí tuệ, tình yêu tràn trề ;
Tình yêu cái thiện đích thực, đầy niềm vui
thanh thân ;
Niềm vui làm mọi đau khổ thăng hoa.

26. NHỮNG YẾU TỐ TÂM LINH TRONG NHÂN CÁCH CHÚNG TA : SỨC MẠNH VÀ Ý CHÍ

Bây giờ chúng ta còn phải nói tới một tia chiếu sáng nhân cách chúng ta cuối cùng, một thuộc tính tâm linh cuối cùng, tức là sức mạnh. Thành ngữ tiếng Anh *last but not least* (điểm cuối cùng nhưng không phải kém quan trọng nhất) là hoàn toàn thích hợp ở đây. Thật vậy, cái thuộc tính mà chúng ta nói tới cuối cùng này không kém quan trọng hơn những thuộc tính khác, thậm chí về một số mặt nào đó, còn có thể được coi như thuộc tính thứ nhất, căn bản nhất.

Nếu người ta tìm hiểu xem, lúc ban đầu, cái gì là biểu hiện đầu tiên của cái thần thánh ở con người nguyên thủy, người ta sẽ thấy rằng con người nguyên thủy ấy có ý thức về một sức mạnh khó hiểu, siêu nhiên, đáng sợ, mà đứng trước sức mạnh đó, nó trở thành yếu ớt, lệ thuộc, nô dịch và nhu bị xoá bỏ.

Khía cạnh ấy của cái thần thánh được Rudolf Otto minh họa trong cuốn *Cái thiêng liêng* của ông. Trong đó ông nói tới sự bí ẩn khủng khiếp của cái thần thánh đối với con người nguyên thủy, về sự run sợ cũng như ý thức về sức mạnh toàn năng và oai nghiêm do cái thần thánh mang lại cho nó.

Đây là lời một nhà thần bí Kitô giáo :

Con người tan ra và mất đi trong sự nhỏ nhoi và cái hu vô của nó. Vinh quang của Thượng đế càng rực sáng trước mặt nó, thì nó càng cảm thấy mình khốn khó.

Như vậy, trong sự thể nghiệm đầu tiên về cái thần thánh ấy, người ta có một sự phân đôi tuyệt đối, một sự siêu việt cùng tột. Sức mạnh, Thần thánh được cảm nhận như một cái gì bên ngoài, đối lập với con người.

Nhưng giai đoạn ấy đã bị vượt qua để tới giai đoạn thứ hai : sự thức tỉnh của ý thức quyền năng trong bản thân con người. Dần dần con người phát triển lên ; dần dần nó đạt tới một ý thức ngày càng lớn về những quyền năng trong bản thân nó. Bị những cái cần thiết hàng đầu của sự tồn tại (ăn, mặc, chống lại những sự tiến công của động vật hay của những người khác) thúc đẩy hoặc thậm chí ép buộc, con người dần dần phát triển các quyền năng của mình : trước tiên là sức mạnh thể chất và sự nhanh nhẹn, rồi sự khôn khéo và trí tuệ. Nó học cách dùng khoáng vật : đá, đồng, sắt ; nó bắt đầu dùng lửa ; nó phát triển dần dần sự khéo léo kỹ thuật và qua đó đi tới chỗ ngày càng khống chế được tự nhiên, một sự khống chế, mà như người ta đã biết, còn tăng lên trong thế kỷ này một cách cực kỳ nhanh chóng.

Đi đôi với điều đó, con người phát triển những quyền năng của mình đối với người khác. Tuỳ theo các kiểu văn minh khác nhau, người ta có các thủ lĩnh bộ lạc, các ông vua nguyên thủy, rồi các quốc vương, các thủ lĩnh cộng

đồng, các thù linh đảng phái, các lãnh tụ ngự trị trên những đám đông. Quyền năng tâm lý ấy rất đáng chú ý, nó gồm nhiều yếu tố khác nhau : sự quyến rũ cá nhân, sự tự tin, sự quyết tâm, sự dũng cảm, táo bạo, sức mạnh của lời lẽ.

Như vậy, trong con người, người ta thấy ngày càng tăng lên sự khao khát thống trị, xu hướng tự khẳng định, sử dụng những quyền năng của riêng mình, một xu hướng mạnh mẽ ở một số người đến mức nó trở thành một nỗi đam mê dày vò thật sự, khiến nó đương đầu với những trở ngại và rủi ro cho tới cả việc đặt cuộc sống của nó vào nguy hiểm.

Sự đam mê ấy bắt nguồn từ đâu ? Từ ý thức mơ hồ nhưng mạnh mẽ về những quyền năng lớn hơn, tiềm tàng trong con người mà con người phải thực hiện chúng. Có thể nói đó là một sự "không hài lòng thần thánh".

Lúc đầu, xu hướng khẳng định những quyền năng bên trong được biểu hiện một cách sai lầm, mà sai lầm căn bản là chỉ hướng ra bên ngoài, tức là hướng tới sự thống trị tự nhiên và con người. Nhưng lúc đó, con người khám phá ra rằng để thống trị người khác, nó phải làm chủ được bản thân đến mức nào đó, bắt đầu từ làm chủ thân thể và các giác quan của nó - ở người có tham vọng có một thú khổ hạnh nào đó - rồi làm chủ những đam mê, những xúc cảm và tinh thần của bản thân mình.

Như vậy, nó có thể đi tới một mức độ làm chủ bản thân nhất định. Nhưng nó lại lâm vào nguy cơ là làm phát triển cái tôi cá nhân tách biệt, do đó, cả sự kiêu ngạo, v.v..., trong bản thân nó. Ở giai đoạn này, con người đối lập lại với thế

giới và người khác. Siêu nhân của Nietzsche thuộc về kiểu này.

Rồi, do chú trọng tới sự làm chủ bản thân nhiều hơn, nên sự chú ý đối với thế giới bên ngoài cũng đồng thời giảm đi, và con người bắt đầu coi sự thống trị của nó đối với bản thân là quan trọng. Đó là giai đoạn khắc kỷ, trong đó con người rút lui về một "núi đá nội tâm" không thể đi tới được và thấy có một sự hài lòng về bản thân, nhưng vẫn còn bị những ý thức kiêu ngạo và tách riêng chi phối.

Rồi đến một giai đoạn cũng thú vị và tai họa nữa là giai đoạn khám phá ra ở bản thân mình những quyền năng siêu bình thường hay kỳ diệu. Điểm này đáng được dùng lại một lát.

Trước hết, xin nói rằng không nên nghi ngờ tính hiện thực của những quyền năng ấy : không những vì người ta nói tới chúng trong tất cả các truyền thống tôn giáo, mà còn vì sự tồn tại của chúng đã được chứng minh một cách khoa học trong thế giới hiện đại của chúng ta. Chẳng hạn, bác sĩ Osty đã có thể khẳng định rằng nếu những quyền năng tâm thần khác nhau biểu hiện ra ở những người nổi tiếng là một sự thật chỉ ở một con người, thì người ta có thể coi đó là một siêu nhân, một gương mặt vĩ đại, một người am hiểu thuộc kiểu những người sáng lập tôn giáo.

Do đó, dễ dàng hiểu được sự quan tâm đối với những quyền năng ấy ; nhưng đó là một lĩnh vực cạm bẫy mà người ta phải tiến bước rón rén trong đó.

Trước hết, phải phân biệt "năng khiếu" (don) hay "năng lực" (faculté) với "quyền năng" (pouvoir). Thông thường, người nào có những "năng lực" siêu phàm, người đó không làm chủ được chúng, mà trái lại, bị chúng chi phối, thường là với cái giá của những nguy cơ nghiêm trọng cho sức khỏe và sự cân bằng tâm thần của mình. Nhưng điều đó là rất bình thường. Ta hãy nghĩ tới con người thông thường không làm chủ được những sức mạnh bình thường, có trong cá nhân họ. Khi phải làm chủ những sức mạnh khác, thường là mạnh hơn, ghê gớm hơn, thì chắc chắn là khó hơn. Nói cách khác, khả năng lên đồng (médiurnité) là một cách gì thụ động, không kiểm soát được, còn những "quyền năng" tâm linh thì lại bị chế ngự, có thể được sử dụng khi người ta muốn. Đó là sự khác nhau căn bản.

Nhu vậy, bước đầu tiên để chiếm lĩnh những quyền năng siêu phàm một cách lành mạnh và không nguy hiểm là giành được sự làm chủ đối với những sức mạnh bình thường có trong chúng ta.

Ngoài ra, phải phân biệt những quyền năng ấy theo mục đích sử dụng chúng, do đó, phải phân biệt "ma thuật trắng" (magie blanche) với "ma thuật đen" (magie noire). Cái thứ nhất được dùng để làm điều tốt, trái lại, cái thứ hai được dùng vào những mục đích cá nhân, nói chung có hại cho người khác. Chắc chắn là ma thuật đen chỉ có thể mang lại những phản ứng phá hoại, gây điều xấu cho mọi người, và trước hết cho những kẻ dùng nó vì

đã vi phạm những qui luật cân bằng, nhưng vi phạm không thể không bị trừng phạt.

Vì thế, phải hết sức thận trọng trong lĩnh vực này, đừng khuyến người ta phát triển những quyền năng siêu phàm một khi chưa chuẩn bị đầy đủ về đạo đức và tâm linh.

Chỉ trong trường hợp ngoại lệ thì việc thực hiện những quyền năng ấy mới là chính đáng. Cũng là chính đáng khi những quyền năng ấy được thực hiện bởi người nào đó làm điều tốt lành cho loài người, ví dụ như một thí nghiệm khoa học, vì động cơ này có thể đối trọng với tai họa có thể xảy tới với những người đó do việc làm ấy. Nhưng tôi xin nhắc lại, cần phải rất thận trọng trong lĩnh vực này.

Ngược lại, những quyền năng siêu phàm phát triển tự phát, không cần tìm kiếm, ở những người tự nâng mình lên về mặt tâm linh và phát hiện được Trung tâm của chính bản thân mình. Trong trường hợp này, các quyền năng được ban thêm một cách tự nhiên cho những ai đã làm chủ được bản chất thấp kém của mình. Lúc đó, người ta được bảo đảm về việc sử dụng những quyền năng ấy.

Đặc trưng của sự phát triển tâm linh thật sự lành mạnh và tinh khiết là ý thức về sự thống nhất của cuộc sống, về những quan hệ giữa tâm linh cá nhân và tâm linh phổ biến, và là sự vượt qua cái được gọi là "tà thuyết tách chia". Tâm linh là tính thống nhất và tính phổ biến.

Thực hiện được điều đó, người ta có một thái độ lệ thuộc và tuân theo Thượng đế mới, khác với thái độ của

người nguyên thủy : không còn là sự lệ thuộc tách rời và bên ngoài nữa, mà là sự tuân theo nội tâm. Đó là sự qui phục Thượng đế nội tâm, Tâm linh sâu xa, được thừa nhận như chính bản thân mình, như thực thể đích thực của mình.

Thái độ tâm linh này được thể hiện trong lời cầu nguyện Kitô giáo : "Cầu cho ý muốn của Chúa được thực hiện".

Nhưng thái độ ấy phải được hiểu cho đúng : không phải theo nghĩa phân đôi, không giống như một sự nhần nhục thụ động và buồn rầu, mà theo nghĩa hợp nhất, như sự tham gia vui vẻ, như sự đồng nhất của ý chí cá nhân với ý chí phổ biến.

Và sự thống nhất ấy trước hết mang lại một cảm giác an toàn, vui mừng, hạnh phúc và yên lành to lớn.

Về vấn đề này, nhân thế, xin nhắc tới một cuộc thăm dò ý kiến ở Mỹ về câu thơ được biết tới nhiều nhất của Dante là : "An bình của chúng ta nằm ở Ý chí của Thượng đế".

Trong sự thống nhất này, các quyền năng của tâm linh con người được đổi mới và tăng thêm. Đây là những quyền năng thực tế đối với thế giới và những người khác, nhưng là những quyền năng tốt lành. Nó không bắt người ta tuân phục, mà gợi ý, thu hút, đánh thức các năng lượng và làm điều tốt. Con người cảm thấy mình là một người cộng tác tự nguyện và có ý thức của bản thiết kế thần thánh tuyệt vời mà nó bắt đầu hiểu được vẻ đẹp và sự tốt lành ; và do đó, nó tự đồng nhất với Ý muốn của Thượng đế. Con người đã giữ vững phẩm giá cá nhân của mình ở tầm cao hơn như

vậy, mà không hề có một ý thức kiêu ngạo hay tham vọng nào và hoàn toàn kết hợp với những tâm linh khác thống nhất trong Tâm linh Duy nhất.

Làm thế nào để đi tới giai đoạn này ? Làm thế nào để cho quyền năng tâm linh ấy được kích thích ? Những phương pháp để làm điều đó cũng là những phương pháp được dùng cho mọi sự thực hiện tâm linh : tỉnh lặng, tĩnh tâm, lắng dịu và tuân theo ; khát vọng và hòa nhập nội tâm ; rời khỏi định, tự khẳng định liên tục, khiến ta giải thoát được khỏi nhân cách và thế giới bên ngoài.

Khi đã đi theo con đường này, khi đã khơi dậy quyền năng tâm linh, thì có thể nói rằng người ta đã làm mọi cái, vì sau đó, quyền năng đó tự nó hành động.

Điều đó cho thấy sai lầm của thói "tích cực" hiện đại làm con người mệt mỏi, khô cằn, thiếu hài hòa, và thường gây ra những phản ứng chống lại. Con đường tâm linh thì nằm ở nội tâm. Ở đây, có thể dùng hình ảnh ngọn đèn và ánh sáng : chỉ cần sửa soạn và thắp sáng ngọn đèn lên là đủ, không cần phải làm gì khác nữa : ánh sáng tự nó tỏa chiếu ra.

Vì thế, hãy hiểu một lần cho mãi mãi rằng, sau khi đã tuân phục trước hết đối với bản thân mình rồi, chúng ta có thể thực hiện quyền năng cao cả, phi cá nhân, siêu cá nhân này, và lúc đó không có gì chúng ta không làm được. Đây là kêu gọi "không khi" của sức mạnh và ở lại mãi mãi trong đó : tạo ra và duy trì "trường từ". Lúc đó chúng ta chẳng

làm việc gì bằng nỗ lực cá nhân nữa ; chúng ta chỉ kêu quyền năng lên để tự nó hoạt động một cách tự phát, dễ dàng, không cưỡng được trong chúng ta, vì quyền năng tâm linh là một sự tỏa chiếu tự phát, mà chỉ bằng sự hiện hữu của nó, nó mở được các cánh cửa, khổng chế được các hoàn cảnh. Quyền năng ấy không cần phải "làm", nó tồn tại như vốn có và làm biến đổi tất cả.

Và bây giờ, điểm cuối cùng.

Chúng ta đã nói tới những mặt khác nhau, những phẩm chất khác nhau của tâm linh. Nhưng vì tâm linh là sự tổng hợp, sự thống nhất, nên chúng ta phải thấy rằng không một yếu tố nào của nó có thể phát triển một cách hoàn hảo và hài hòa mà không có những yếu tố khác. Những quan hệ giữa các yếu tố đó là hiển nhiên : ý thức đạo đức bao hàm nhận thức và tình yêu, và cũng là nguồn vui, nguồn sức mạnh, v.v... Như vậy mỗi một mặt cũng bao hàm tất cả các mặt khác. Tóm lại, tâm linh là sự tổng hợp tất cả các "nốt" tập hợp thành một giai điệu tuyệt vời trong bản thân nó.

Các "nốt" của tâm linh cũng giống như những tia nắng : chúng dọi xuống dần dần, mang nhiều màu sắc, để cuối cùng trở thành mờ đục và bị giới hạn, tản ra như thế đối lập với nhau (quyền năng dường như đối lập với tình yêu, lòng tốt đối lập với vẻ đẹp, v.v..) Nhưng, ở nơi nguồn gốc, ở tâm linh, những nốt khác nhau ấy không đối lập mà bổ sung lẫn nhau, hòa hợp với nhau.

Tâm linh là tất cả những cái đó, và còn hơn thế nữa, vì chúng ta chưa biết hết được vinh quang của nó. Chúng ta vẫn còn giống như những đứa trẻ trong thế giới tâm linh ; chúng ta chưa biết những sự kỳ diệu của nó, nhưng chúng ta có dự cảm về chúng, và thế đã là nhiều rồi, vì điều đó đang thúc đẩy chúng ta đi lên "từ ánh sáng đến ánh sáng", từ "vinh quang đến vinh quang".

27. NHỮNG SUY NGHĨ VỀ AN BÌNH

Có lẽ chưa bao giờ loài người lại không có an bình như hiện nay. Để thấy rõ điều đó, chỉ cần nhìn vào những gì đang diễn ra quanh ta : những cuộc đấu tranh công khai hoặc che đậy, những hậu quả của chiến tranh và những mối đe dọa đối với tương lai, những cuộc đấu tranh giữa các quốc gia, các chủng tộc, các giai cấp xã hội, giữa các phe phái. Chúng ta cũng nhận thấy những hiện tượng không kém phần nghiêm trọng : đấu tranh, khuấy động và bão táp ở nơi sâu nhất trong những trái tim, biểu hiện ra bằng nhiều lối, thành những khủng hoảng tình cảm, đạo đức, tôn giáo, thành những sự bất mãn đối với bản thân mình hay đối với người khác, thành những cuộc nổi dậy chống lại xã hội, chống lại gia đình, chống lại sự sống và chống lại cả Thượng đế nữa.

Trong một thế giới như vậy, kiến tạo hòa bình không phải là một sự xa xỉ tâm linh, mà là một sự cần thiết hằng ngày đối với những ai muốn duy trì tính toàn vẹn nội tâm, không muốn mình bị đảo lộn bởi những làn sóng khuấy động tập thể, hoảng hốt và bạo lực. Là bốn phận đối với chính mình, sự kiến tạo hòa bình cũng là bốn phận đối với những người khác. Ai biết biến mình thành một nơi ẩn náu

an bình hiện nay, ai biết tỏa chiếu sự an bình ấy một cách mạnh mẽ ra xung quanh mình, kẻ đó mang lại cho loài người khôn khổ điều tốt lành mà có lẽ nó đã bị tước đi nhiều nhất và, do đó, nó cần đến nhiều nhất.

Bây giờ ta hãy xem nó có thể làm điều đó một cách có hiệu quả nhất như thế nào.

Trước hết, để cảnh cáo và khích lệ, hãy nhớ rằng các Thầy tâm linh vĩ đại đã nhấn mạnh đặc biệt tới hòa bình. Các văn bản tôn giáo Ấn Độ bắt đầu và kết thúc bằng công thức :

Om - shanti- shanti- shanti (om - an bình - an bình - an bình), hay bằng một công thức khác : "An bình cho tất cả mọi thực thể". Phật đã dạy bằng lời nói và bằng tấm gương về sự an bình cao cả của tâm linh. Chính Ngài đã đưa ra công thức : "Ngộ là sự an bình trong bản thân mình và mang lại sự an bình nội tâm". Trong những mô tả về các mức độ suy ngẫm khác nhau theo Phật giáo, một trong những điểm được nhấn mạnh nhất là sự thanh thản của tinh thần đang suy ngẫm.

Trong Kitô giáo nguyên thủy và sau đó trong những biểu hiện cao cả nhất và tinh khiết nhất của nó qua nhiều thế kỷ, người ta thường nghe thấy cung nhạc hòa bình. Gương mặt của Christ được bao quanh một không khí an bình : "An bình trên trái đất cho những người có thiện chí". Ngài thường làm công việc trấn yên, làm dịu bão táp, thường xuyên làm yên lòng các tín đồ của mình, những người từng lo sợ hoặc từng cãi nhau xem ai là kẻ đầu tiên trong bọn

họ, hay chính Pierre, là kẻ gây ra những phản ứng quyết liệt. Cuối cùng, ngài để lại cho họ một thông điệp về sự an bình tâm linh có ý nghĩa sâu sắc : "Ta đem lại cho các người sự An bình của ta. Ta đem nó lại cho các người không giống như thế giới đem nó lại" (Jean 14, 27).

Trong thần bí học Kitô giáo, sự an bình nội tâm tuyệt đối là một giai đoạn cao cả và-được xác định rõ trong sự đi lên của tâm hồn tới Thượng đế. Sự an bình này, sự im lặng nội tâm này - trong đó tất cả các ý nghĩ, tất cả các tình cảm của cá nhân đều lặng im - được coi như một sự chuẩn bị cho sự thống nhất huyền bí, cho sự giao hòa đầy đủ với Thượng đế.

Ta hãy nhớ lại sự mô tả rất hay về sự an bình trong *Sự bất chúc J sus Christ* : "Sự an bình đã thiết lập, sự an bình không thể lay chuyển và vững chắc, sự an bình bên trong và bên ngoài, sự an bình ổn định khắp mọi phía".

Ta hãy tìm hiểu xem ý nghĩa tâm linh của sự an bình là gì.

Về vấn đề này, người ta thấy có những sự hiểu lầm và những sai lầm khác nhau. Trên thực tế, có an bình thật và có an bình giả. Sự an bình mà người ta thường cùng nói tới nhiều nhất là an bình giả. Đó là một trạng thái thụ động, tĩnh tại, trong đó người ta từ chối những khó khăn, quay lưng lại với mọi sự đấu tranh, mọi nhọc nhằn, mọi phiền não. Ở đó, an bình đồng nghĩa với lười biếng (*tamas*). Đó là một sự an bình ảo tưởng, không thể nào thực hiện được.

Sự an bình thật, trái lại, có tính tích cực, tâm linh.

Chúng ta đã nói tới sự gắn bó không thể tách ra được giữa những đặc trưng tâm linh khác nhau. Thật vậy, nếu chúng tách riêng nhau, chúng sẽ suy yếu đi ; chúng không còn được coi như những mặt của cùng một lăng kính nữa. Nếu chúng ta suy ngẫm sâu sắc về chúng, chúng ta sẽ thấy rằng, ở một điểm nào đó, chúng gặp nhau, hòa vào nhau và tất cả đều thống nhất lại trong Tâm linh.

Có thể nói như thế này : an bình là ý chí - an bình là sức mạnh - an bình là trí năng- an bình là tự do - an bình là niềm vui - an bình là hài hòa - an bình là chân lý - an bình là thông hiểu - an bình là ánh sáng...

Thật có ích khi suy ngẫm về sự gắn bó của những phẩm chất tâm linh, bằng cách lần lượt lấy từng phẩm chất làm điểm xuất phát. Đó là một phương pháp để chuyển từ tính muôn hình muôn vẻ sang tính thống nhất, sang sự tổng hợp.

Chúng ta thấy Christ đã khẳng định rõ sự khác biệt giữa sự an bình thật và sự an bình giả khi nói rằng : "Ta đem lại cho các người sự An bình của ta không giống như thế giới đem nó lại".

Vậy thì, sự an bình thật là gì và làm thế nào để có nó ?

Trong một lời khẩn cầu, chúng ta thấy có một câu soi sáng :

Có một sự an bình vượt lên mọi sự thông hiểu.

Nó nằm trong trái tim của những ai sống trong
cái vĩnh hằng.

Điều đó có nghĩa là an bình là một thể nghiệm tâm linh mà cái tôi cá nhân không thể hiểu được. Nó nằm ở một bình diện khác, ở một lĩnh vực khác của hiện thực : cái vĩnh hằng.

Vì thế, thật vô ích khi đi tìm nó trong thế giới hàng ngày, trong cuộc sống cá nhân chúng ta, trong đó không có gì ổn định hay an toàn cả ; sẽ là một ảo tưởng vô ích khi đi tìm nó với một sự lo âu. An bình chỉ được tìm thấy khi người ta tự nâng lên một cách dứt khoát tới thế giới tâm linh và khi người ta ở lại đó một cách bền vững.

Một sự an bình như vậy, không những không dẫn tới sự yên, không khuyến khích chịu đựng một cách thụ động, mà trái lại, nó đưa tới một năng lượng mới. Đó là một sự an bình năng động và sáng tạo. Từ chốn an bình nội tâm ấy, chúng ta làm cho chúng trở nên mạnh mẽ, có hiệu quả và xây dựng, vì chúng thoát khỏi những tham vọng, những sợ hãi, những ràng buộc. Tóm lại, với sự an bình ấy, chúng ta sống như những ông chủ mà không phải như những nô lệ.

Hòn đá thử vàng của sự an bình ấy là cuộc sống hàng ngày của chúng ta, cách phản ứng của chúng ta đối với những sự đương đầu không ngừng, đối với những oán thán, những mũi kim châm, đối với vô số những cọ xát mà cuộc sống hàng ngày buộc chúng ta phải làm. An bình tâm linh phải chống chọi và phải ở vào nơi nào động bên ngoài hàng ngày.

Sự An bình thật, sự An bình của mình, phải thật ổn định khi chịu đựng tai hoạ, nỗi đau ở giữa nơi có đủ mọi loại

tiến công. Nó có thể cùng tồn tại với hoạt động nội tâm. Nó không phải là một trạng thái hoàn toàn vui vẻ và hoan hỉ chừng nào chúng ta chưa làm cho nhân cách chúng ta hoàn toàn tái sinh, chừng nào sự an bình nội tâm của chúng ta chưa "hóa thân" và chừng nào toàn bộ con người chúng ta chưa thấm đượm sự an bình, chưa trở thành an bình.

Đó là mục đích, nhưng chúng ta có thể coi mình đã làm được nhiều khi một "trung tâm" an bình vững chắc đã được ổn định trong chúng ta để có thể chống lại mọi thử thách, tạo thành một thành trì nội tâm từ đó mà chúng ta điều khiển cuộc sống của mình.

Sự an bình ấy, chúng ta có nó với tư cách Kẻ chứng kiến. Một Thầy đã nói : "Hãy học cách tự quan sát bản thân mình với sự bình thản của một người ngoài".

Trong giai đoạn đầu tiên, trước khi nhân cách được tái sinh, trung tâm an bình nội tâm cho phép mình vững vàng khi những "trận đánh nhau" của nhân cách được thả lỏng ra, khi bùng cháy những ngọn lửa thanh lọc, khi những đau khổ làm công việc thanh lọc và chuộc tội của chúng. Trong trung tâm nội tâm ấy, chúng ta hiểu rõ giá trị và ý nghĩa của tất cả mọi thử thách. Trong bản thân chúng ta, nảy sinh những sự chua xót hữu thức và vô thức, những mối oán giận, những sự nổi loạn, những sự phiền não ngăn cản niềm vui và sự thanh thản ; nhưng trong sự an bình của trái tim, tất cả những điều đó lắng dịu lại, hòa hợp với nhau, loé sáng lên ; trong sự an bình ấy bộc lộ ra ý nghĩa và giá trị của cuộc

sống hữu hình và vô hình, cũng như của nỗi đau khổ, nhưng lúc đó, cả nỗi đau khổ ấy cũng biến đổi và tràn ngập niềm vui. Lúc đó, "cây thánh giá trở thành ánh sáng". Chính lúc đó, như Tagore nói trong một bài thơ của mình, "Ánh sáng của Người sáng chói lên giữa những giọt nước mắt của con".

Bây giờ hãy xem chúng ta có thể suy ngẫm để thực hiện sự an bình trong chúng ta bằng cách nào.

Thật có ích khi bắt đầu làm việc này bằng cách mở rộng đến mức cao nhất chân trời nội tâm của chúng ta, hướng ý nghĩ của chúng ta tới sự xem xét, suy ngẫm về cái vô hạn và cái vĩnh hằng. Hãy nhớ lại hay hiểu rõ rằng chúng ta là những thực thể tâm linh và thực chất tâm linh của chúng ta là không thể phá hủy được.

Sự mở rộng những tầm nhìn ấy sẽ giúp chúng ta đặt lại các sự vật vào đúng những tỷ lệ của chúng, thấy được sự vô nghĩa tương đối của bao nhiêu điều ngẫu nhiên không quan trọng mà thông thường chúng ta để mình bị khuấy động và nhiễu loạn. Cứ thế, dần dần chúng ta sẽ bắt đầu thật sự cảm thấy sự an bình của cái vĩnh hằng, sự an bình của tâm linh, sự an bình mà Christ gọi là "sự an bình của ta".

Đối với những ai thấy suy ngẫm như vậy thật khó khăn, chúng tôi có thể gợi ý một phương pháp khác dựa vào việc dùng trí tưởng tượng ; nhưng hai phương pháp này có thể liên kết nhau một cách hợp lý và tạo thành hai giai đoạn của cùng một sự suy ngẫm. Những hình ảnh khác nhau có thể được dùng vào mục đích này và, tùy theo tính khí và

kiểu tâm lý của mình, mỗi người có thể dùng hình ảnh nào có sức kêu gọi nhất đối với mình.

Chúng ta có thể hình dung ra một mặt nước bao la, một bầu trời xanh thẳm, một mặt trời chói lòa và, trên mặt nước êm đềm ấy, vô số bông sen nở ra dưới ánh nắng.

Một hình ảnh kêu gọi khác là cảnh Jésum làm dịu lắg con bão táp, như đã được thánh Marc kể lại trong Phúc âm của ngài :

Ngày hôm đó, khi chiều tối đến, Jésum nói với họ :
"Ta hãy sang bờ bên kia đi". Và để đám đông ở lại, ngài đưa những người này xuống thuyền như ngài vẫn làm, và có những chiếc thuyền khác đi theo ngài. Bỗng một cơn lốc mạnh nổi lên, sóng chồm vào chiếc thuyền đến mức thuyền đầy cả nước. Nhưng ngài vẫn ngủ trên tấm đệm ở đuôi thuyền. Họ đánh thức ngài dậy và nói với ngài :
"Thưa Thầy, thầy không lo chúng ta sẽ chết hết sao ? " Vừa thức dậy, ngài dọa cơn gió và nói với biển cả : "Lặng đi : Êm lại đi !" Cơn gió biến mất và trời đất trở nên yên lắg. Marc 4, 35 - 39.
(Kính Thánh Jérusalem).

Hình ảnh thứ ba có thể thích hợp là cảnh trái đất chúng ta nằm giữa những bầu trời bao la vô hạn. Hình ảnh này được gọi lên trong những vần thơ tuyệt diệu của Amiel với nhịp độ êm đềm và trang trọng, tạo thành phương tiện tốt nhất để gọi lên sự An bình :

Trong cái vĩnh hằng của không gian vô tận
Trái đất náo động của chúng ta được bao bọc sự
An bình.

Con người, hãy bao bọc những tháng ngày của
người, một giấc mộng thoáng qua,

Bằng bầu trời vĩnh hằng yên tĩnh của người
như vậy.

Nhờ những hình ảnh nâng trái tim chúng ta tới Hiện
thực tối cao và rạng rỡ ấy, chúng ta sẽ cảm thấy sự an bình
và thực hiện nó trong chúng ta.

Hãy học sống an bình và, qua đó, đem lại an bình xung
quanh ta, tỏa nó ra ở khắp những nơi chúng ta đi tới. Tất
cả chúng ta đều muốn đem lại an bình, nhưng để thật sự
làm được điều đó chúng ta trước hết phải được an bình,
sống trong sự an bình lớn, trở thành an bình.

Để giúp chúng ta đạt tới mục đích này, một điều chính
đáng là phải tìm chỗ dựa ở những ai tìm kiếm trước chúng
ta và chính họ đã trở thành những người sống an bình.

Một sự an bình như vậy sẽ tạo ra một sự biến đổi không
chỉ trong chúng ta mà cả trong tất cả những liên hệ con
người và xã hội của chúng ta. Bằng cách đó và chỉ bằng
cách đó, đi từ cao xuống thấp, từ trong ra ngoài, chúng ta
sẽ có thể thực hiện được những biến đổi sâu sắc, loại trừ
các cuộc chiến tranh, tránh được những nguy cơ và những

mối đe dọa hiện đang làm cho cuộc sống của loài người bị tối tăm đi. Hãy luôn luôn nhớ rằng những vấn đề này không thể được giải quyết bằng các hiệp ước hay bằng những sự phối hợp khôn khéo, cũng không thể giải quyết được bằng những cuộc đấu tranh quyết liệt ở trên cùng một bình diện. Những vấn đề đó phải được đặt ở tầm cao, nơi chúng tự giải quyết lấy, "tự thủ tiêu" và có thể nói đi tới chỗ biến mất.

PHỤ LỤC I

Những yếu tố tâm linh trong nhân cách chúng ta :

ý thức đạo đức

(những điểm ghi chưa được xem lại)

Ý thức của những người ngay thẳng, đúng đắn và tốt biểu hiện ra dưới hình thức này : Tiếng nói lương tâm. Ý thức về các trách nhiệm. Ý thức công lý (đã có ở trẻ con và ở các dân nguyên thủy).

Sự phát triển dần dần, từ nền tảng. Thức tỉnh bằng một hành động bên ngoài ; những liên hệ với người khác, uy quyền ; những chuẩn mực bên ngoài, những qui tắc đạo đức, sự thừa nhận các quyền của người khác, công lý, cố kết, sự vi phạm và những trừng phạt, sai lầm và trừng phạt ; những sự trừng phạt, sự chấp nhận chúng, thừa nhận rằng chúng là đúng. Hướng luật pháp vào bên trong, tự chủ, sự tế nhị và sự phát triển của ý thức đạo đức.

"Ôi, lương tâm trong sáng và đúng mực

Mỗi lỗi lầm nhỏ bé đối với mi giống như một vết
cắn xót xa"

Những yếu tố đã có trong nhân cách (di truyền, tự di truyền, đến từ môi trường) và những tia sáng đi xuống.

Những mặt cao nhất : sự cố kết của các nhóm ngày càng rộng lớn. Sự thống nhất (theo chiều ngang) của cuộc sống ; quan niệm ngày càng có tính tâm linh, ngày càng có tính nội tâm, ngày càng năng động. Sự thống nhất (theo chiều dọc) với sự hoàn thiện, với cái Tôi tâm linh.

Bệnh học về ý thức đạo đức

Sự duy trì ở các giai đoạn nguyên thủy : ngưng lại, thoái hoá, biếm họa, cường điệu, suy đồi, dồn nén.

Sợ cái ác quá mức : thuyết duy luân lý chật hẹp ; những đạo đức tiêu cực, cưỡng ép, đàn áp, tĩnh tại.

Thối giả đạo đức : kiêu ngạo về tính đạo đức của mình.

Kích thích, giả dối, chủ nghĩa hình thức.

Vô luân, phỉ luân (vượt quá cái thiện và cái ác).

Chuyển từ một quan niệm đạo đức chật hẹp, xơ cứng, chết, sang một quan niệm rộng lớn hơn. Từ qui luật công lí chật chội sang qui luật tình yêu. Những tinh thần theo lối Prométhée, rõ ràng là vô luân.

Jésus và người Do thái sùng nghi thức. Spinoza, v.v... : Phá huỷ để xây dựng lại.

Những khủng hoảng chuyển tiếp, nguy hiểm ; những khả năng lệch hướng, rơi vào tính vô luân trở lại. Những Prométhées giả hiệu. Nietzsche và những người theo ông. Xem bài thơ của Luigi Valli : *Pitecantropo* (biếm họa về siêu nhân).

Nhưng những khủng hoảng phát triển ấy là tất yếu. Phải hiểu chúng trong bản thân và ở những người khác, và phải hướng dẫn chúng thật đúng.

Ăn năn. Sự bất lực về việc vượt qua sai lầm. Lady Macbeth : "Tất cả hương thơm Arabie không thể làm dịu (thanh lọc) bàn tay nhỏ này".

"Căn bệnh thường trở thành nằm trong bàn tay của Siêu - tôi, thành phương tiện trừng phạt cái tôi, cái ngã, và làm nó đau khổ. Lúc đó người bệnh phải ứng xử như một tên tội phạm cần có bệnh tật để chuộc lỗi" (Freud).

Những tội chúng tự trừng phạt hoặc che đậy.

Những biểu hiện khác nhau : Sợ bị bắt, bị kết án. Sự ám ảnh buộc phải tự tắm rửa. Những người bệnh mất nhiều giờ để tắm rửa.

Cắt bỏ một cơ quan bị coi là thù phạm. Châm ngôn thời cổ ; nếu con mất người có tội, hãy móc nó đi ; nếu bàn tay người có tội, hãy chặt nó đi. Những sự tê liệt. Sự tự trừng phạt cực đoan : tự sát.

Tất cả các vụ tự sát không phải là do nguyên nhân ấy, nhưng một số vụ thì chắc chắn như thế, dù người đó có ý thức hay không .

Xác nhận : người bệnh cảm thấy nhẹ nhõm sau "nghĩ thức chuộc tội" (chẳng hạn, sau khi tắm rửa).

... những triệu chứng dai dẳng nhất, thường xuyên nhất có thể hết ngày một ngày hai, khi người bệnh là nạn nhân

ngẫu nhiên của một sự đau đớn thể chất, hữu cơ lớn nào đó (sốt, đau, mố) và cả của một đau khổ tinh thần (mất đi một vị trí hay mất tiền, va chạm). Xem cuốn sách của Allendy ; *Công lý nội tâm* (La justice intérieure), một cuốn sách nói rõ những điểm này.

Làm thế nào để chữa sự tự trừng phạt. Thay thế sự tự trừng phạt, như sự lên án và trả thù của Nguyên lí được coi như sự phán xét nghiêm khắc, cũng nhắc, thích trừng phạt, bằng sự chuộc tội (mà kẻ có tội đang sửa đổi và đang sống !), bằng catharsis, thanh lọc. Sự xá tội có tác dụng giải thoát, sự chuộc tội. Thay thế sự hối hận không có hiệu quả bằng sự sám hối giải thoát, thay thế sự trừng phạt bằng sự bù đắp. Ý thức về sai lầm, về sự thiếu hoàn thiện trở thành một kích thích để làm việc tích cực nhằm tự nâng cao, đem lại sức mạnh cho những sự từ bỏ và hy sinh cần thiết, vì một cuộc sống đạo đức và tâm linh cao hơn, trong sáng hơn, cao cả hơn.

Điều đó - được tượng trưng hoá và được thực hiện về mặt xã hội bởi Kitô giáo, với những nghi thức sám hối của nó - có thể và phải trở thành một quá trình nội tâm cá nhân.

Chính các khoa chữa bệnh tâm lý (phân tâm học, tổng hợp tâm lý) nhắm tới điều đó, với những cách hoà giải, loại bỏ những xung đột tính và làm hao tổn, thống nhất cái bên dưới và cái bên trên. Sử dụng phương pháp ấy và làm cho nó thăng hoa. Chuyển từng giai đoạn tới ánh sáng, sự hoàn

thiện, mặt trời bên trong ; thống nhất giữa nhân cách và cá tính tâm linh.

(Điều chỉnh, phối hợp giữa nhân cách và Ego (cái tôi) qua cái tôi cao cả, siêu thức).

PHỤ LỤC 2

Những yếu tố tâm linh trong nhân cách chúng ta : ham muốn hiểu biết và năng lực nhận thức.

(những điểm ghi chưa phát triển)

Sự khao khát nhận thức là một trong những khác biệt rõ nét nhất giữa con người và động vật. Động vật không tỏ ra muốn nhận thức, trừ những gì có liên quan trực tiếp với những nhu cầu và bản năng của nó : tìm thức ăn, tự vệ... Chỉ có con người có ham muốn nhận thức để nhận thức. Xu hướng này đã biểu lộ ở trẻ em. Câu hỏi "Tại sao ?" nổi tiếng của trẻ em phải được các nhà giáo dục sử dụng một cách thông minh. Trẻ em không được bị từ chối, bị trừng trị hay bị chế nhạo. Người ta không được đem lại cho chúng những câu trả lời hồ đồ, vì chúng bao giờ cũng đoán ra được hơn là người ta tưởng. Không bao giờ được nói với chúng bằng những từ ngữ trừu tượng, vì đầu óc của chúng có tính cụ thể nhưng lại không có trở ngại nào, định kiến nào. Phải trả lời cho trẻ em bằng những tượng trưng, những loại suy, những ngụ ngôn.

Ham muốn hiểu biết

1. Trên bề mặt.

a/ Hiểu biết thế giới bên ngoài. Đó là giai đoạn đầu (Ulysse) : trẻ em, thanh niên ; những người thăm dò bề mặt trái đất, chiều sâu của biển, không trung, quyển bình lưu.

b/ Hiểu biết sâu về tự nhiên, về những hiện tượng tự nhiên ; các qui luật, các nhà khoa học (đam mê cao quý) ; các nhà khổ hạnh và các anh hùng của khoa học (Pasteur).

2. Ở chiều sâu.

Ham muốn hiểu ý nghĩa huyền bí của sự sống. Tại sao ? Chúng ta là ai ? Chúng ta từ đâu tới ? Tại sao chúng ta ở đây ? Chúng ta đi đâu ? Vấn đề đau khổ. Vấn đề cái ác. Vấn đề sáng tạo. Sự tìm kiếm triết học (triết học nghĩa là yêu Chân lý hoặc tìm kiếm nó).

Ham muốn hiểu biết, nhận thức, trước hết là thế giới bên ngoài, rồi các qui luật chi phối nó, rồi nguồn gốc của nó. Từ đó tìm kiếm nguyên nhân đầu tiên, Hiện thực vô hình nằm đằng sau mọi cái, Quyền năng đã sáng tạo tất cả : Tâm linh, Thượng đế.

Tất cả mọi người, cho tới nông dân, công dân, người phụ nữ bình dị, đều có một quan niệm nào đó về cuộc sống, dù nó là vô thức, không được nêu rõ, thô sơ.

Tâm quan trọng của quan niệm ấy ; tầm quan trọng của việc thừa nhận nó thật rõ trong bản thân chúng ta : nó quyết định những hành động và quyết định quan trọng nhất của chúng ta ; nó đem lại lòng tin và sự dũng cảm, hoặc ngược lại, sự hoài nghi và chán nản. Một số quan niệm bị quan đưa tới chỗ tự sát.

Tâm lý học về nhận thức

Tính hiếu kỳ vô bờ, cá nhân, hời hợt về những chuyện của người khác. Phù định. Nghi ngờ quá đáng ; trốn bỏ sự tìm kiếm. Những nghiền ngẫm siêu hình không có kết quả. Cuồng tín. Khắt khe. Hành hạ. Tìm kiếm sự an toàn một cách quá mức.

Chủ nghĩa giáo điều thần học, triết học, khoa học. Điều đó dẫn tới sự phê phán nhận thức (khoa học luận).

Các cơ quan, các trạng thái và các bình diện nhận thức. Lĩnh vực và những giới hạn của chúng.

1. Nhận thức cảm tính, bản chất và những giới hạn của nó.

Năm cửa sổ nhìn ra thế giới (5 giác quan). Kích thích (những dao động). Những cảm giác. Tri giác, Tổng giác (aperception). Cấu tạo lại những dữ kiện cảm tính về mặt tinh thần.

Giới hạn và tính tương đối của những dữ kiện cảm tính:

1. Chúng ta chỉ tri giác được một phần nhỏ của những dao động hiện có (từ 16 - 20 một giây (âm) tới một tỉ dao động).

2. Tính tương đối về mặt chất lượng của những tri giác cảm tính. Các giác quan của chúng ta được chuyên môn hoá theo một cách nào đó, nhưng đó chỉ là một trong những cách cảm nhận của chúng ta. Chúng ta có thể nhìn thấy âm thanh, nghe thấy ánh sáng. Những công cụ để biến ánh sáng thành âm thanh.

II. Nhận thức lý tính, trí tuệ, bản chất và những giới hạn của nó.

Các khái niệm

1. Xây dựng trình độ thứ hai của những dữ kiện kinh nghiệm.

2. Hoạt động lý tính tự chủ.

Các phạm trù và các hình thức *a priori* (tiên thiên), trong đó chúng ta xếp vào các thể nghiệm : thời gian, không gian, chất lượng, số lượng, tính nhân quả, liên hệ.

III. Tính chủ quan và tính tương đối của nhận thức lý tính.

Những hiện tượng và những noumènes (vật tự nó). Thực chất, "Vật tự nó". Điều đó thoát khỏi nhận thức lý tính... Nhưng có một lối thoát, đó là :

VI. Nhận thức tâm linh cao siêu.

Sự nhận biết có ý thức. Trực giác. Lóe sáng. Ý thức "vũ trụ". Hiểu ra. Người phương Đông : Plotin ; Bergson ; Carpentier ; Bucke ; Oupensky.

V. Nhận thức giải thoát.

Ngay cả trong trường khoa học. Việc hiểu lực hấp dẫn và các qui luật của nó cho phép bay lên. Nhận thức đem lại tự do, quyền năng, sự làm chủ, sự thoả mãn (Keyserling). Ý thức về sự giải thoát cuối cùng khỏi Maya (ảo giác) : phương Đông. Védanta. Phật giáo. Jnana Yoga, Vivekananda, Ramacharaka.

Phi đồng nhất hoá : Hiểu ra được Ngã đích thực (Védanta). Hiểu ra được sự thống nhất của tâm linh cá nhân với Tâm linh phổ biến. Thinh lặng. Suy ngẫm. Khát vọng. Tận tâm. Raja Yoga. Xem : Vivekananda, Patanjali, A. Bailey *From Intellect to Intuition* (Từ trí tuệ đến trực giác), v.v...

Đây là một năng lực, giống như tất cả những năng lực khác, phát triển bằng tập luyện, nhưng đòi hỏi kỷ luật, tự chủ, phát triển, nâng cao toàn bộ nhân cách. Cũng đáng công. Chúng ta không làm điều đó chỉ với nỗ lực "từ dưới lên" của mình. Nếu chúng ta tạo ra được những điều kiện cần thiết (loại bỏ các trở ngại, xem *Những châm ngôn của Pantanjali*) phù hợp với sự Toả chiếu của Tâm linh, thì Chân lý có một sức mạnh không cưỡng được ; nó xua đuổi những bóng tối của sự ngu dốt, những đám mây mù và những ảo ảnh. Đó là một thứ mặt trời làm sống động, sinh sôi nảy nở, tạo dựng. Trong ánh sáng của nó, chúng ta tự biến đổi, chúng ta nhận ra mình ở tâm linh và chân lý : con của Thượng đế, bộ phận của Thực thể Tối cao.

MỤC LỤC

	Trang
Lời giới thiệu sơ lược	3
Tựa	9
Lời nói đầu của người chịu trách nhiệm công bố	16

I. CÁI SIÊU THỨC

1. Sự thức tỉnh và sự phát triển của ý thức tâm linh	23
2. Cái siêu thức	30
3. Sự đi lên nội tâm	43
4. Sự bành trướng của ý thức : thăm dò và chiếm lĩnh những thế giới nội tâm	58
5. Cái siêu thức và sự sáng tạo nghệ thuật	75
6. Ngẫu hứng siêu cá nhân	92
7. Sự giao cảm từ xa theo chiều dọc	117
8. Các tượng trưng của những thể nghiệm siêu cá nhân	124

II. SỰ THỨC TỈNH TÂM LINH

9. Các giai đoạn và các khủng hoảng của sự phát triển tâm linh	155
10. Sự phát triển tâm linh và những rối loạn thần kinh - tâm thần	170
11. Thần bí và y học	198
12. Sự thức tỉnh của tâm hồn	208
13. Sự thanh lọc tâm hồn	233
14. Khoa học ứng dụng về sự thanh lọc	248
15. Những trở ngại đối với sự phát triển tâm linh : sự sợ hãi	256
16. Sợ đau khổ. Suy nghĩ về đau khổ	263
17. Những trở ngại đối với sự phát triển tâm linh : những tình cảm cứng nhắc	270
18. Những trở ngại tình cảm và tinh thần : tình gây hấn và tinh thần phê phán	279

III. TÍNH TÂM LINH TRONG ĐỜI SỐNG HÀNG NGÀY

19. Tính tâm linh ở thế kỷ XX	291
20. Biến đổi và thăng hoa những năng lượng tình cảm và tính dục	311
21. Tiền bạc và đời sống tâm linh	321
22. Marthe và Marie : sống hoạt động và sống suy ngẫm	355

23. Những yếu tố tâm linh trong nhân cách chúng ta : vẻ đẹp	381
24. Những yếu tố tâm linh trong nhân cách chúng ta : tình yêu	396
25. Những yếu tố tâm linh trong nhân cách chúng ta : niềm vui	406
26. Những yếu tố tâm linh trong nhân cách chúng ta : sức mạnh và ý chí	417
27. Những suy nghĩ về An bình	427

PHỤ LỤC

1. Những yếu tố tâm linh trong nhân cách chúng ta : ý thức đạo đức	437
2. Những yếu tố tâm linh trong nhân cách chúng ta : ham muốn hiểu biết và năng lực nhận thức	442

SỰ PHÁT TRIỂN SIÊU CÁ NHÂN

Chịu trách nhiệm xuất bản

NGUYỄN ĐỨC DIỆU

Biên tập : **VI QUANG THỌ**

Sửa bản in : **NGUYỄN BẠCH VY**

Bìa : **ĐỖ DUY NGỌC**

In 1000 cuốn khổ 14 x 20cm tại nhà in Thanh Niên, 62 Trần
Huy Liệu, Phú Nhuận TP. Hồ Chí Minh. Số đăng ký kế hoạch xuất
bản : 30/145/CXB của Cục xuất bản ký ngày 19 tháng 2 năm 1997. In
xong và nộp lưu chiểu tháng 9 năm 1997.

33000